



Lịch sử

LỚP **12**
PHỔ THÔNG

Tập II



Nhà xuất bản Giáo dục
•1988

LỊCH SỬ

LỚP MUỖI HAI PHỔ THÔNG

Học 12 năm
(In lần thứ mười)

Tập II



Nhà xuất bản Giáo dục

•1988

LỊCH SỬ VIỆT NAM
TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1975

THỜI KÌ ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC PHÁP
XÂM LƯỢC ĐỂ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN
NHỮNG THÀNH QUẢ CỦA CÁCH MẠNG
THÁNG TÁM (1945 – 1954)

BÀI 17

NĂM ĐẦU TIÊN SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

I

TÌNH HÌNH SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ
VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ BỨC THIẾT TRƯỚC MẮT

1. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời thừa hưởng của chế độ cũ một di sản mục nát và lạc hậu về mọi mặt: gần 90% dân số là nông dân, nhưng tuyệt đại đa số nông dân không có ruộng hoặc không đủ ruộng cày, bị đế quốc và phong kiến bóc lột đến tận xương tủy bằng tô, tức, thuế má, sưu dịch, chính sách thu thóc, nhổ lúa trồng đay v.v... làm cho kiệt quệ. Nạn đói khủng khiếp cuối năm 1944 đầu năm 1945 đã giết hại gần hai triệu đồng bào miền Bắc, trong đó phần lớn là nông dân. Vụ mùa năm 1945 vì lụt lội, hạn hán, không có triển vọng tốt. Lúa gạo Nam Bộ chưa đưa ra được vì thực dân Pháp đã gây chiến tranh xâm lược trở lại ở trong Nam. Nạn đói vẫn đe dọa nghiêm trọng.

Ngân quỹ Nhà nước hầu như trống rỗng, chỉ còn không đầy một triệu đồng bạc rách. Một triệu bạc tiền giấy sụt giá để xây dựng chính quyền mới, cuộc sống mới! Ta lại chưa

phát hành được đồng bạc Việt Nam. Ngân hàng Đông Dương của bọn Pháp luôn luôn gây khó khăn cho ta. Thêm vào đó, lúc này quân đội Tưởng Giới Thạch tung ra bừa bãi trên thị trường các loại tiền Quốc tệ, Quan kim đã mất giá trị của chúng, càng làm cho nền tài chính của ta thêm rối loạn.

Về văn hóa, 95% số dân mù chữ, sự nghiệp giáo dục không phát triển. Các tàn dư văn hóa lãng mạn đồi trụy và tệ nạn xã hội (trộm cắp, mê tín dị đoan, gái điếm, bệnh tật...) nhất là ở các thành phố, phải một thời gian lâu mới gột rửa được.

Nhưng, khó khăn lớn nhất là phải đối phó với những âm mưu, thủ đoạn nham hiểm và những hành động phá hoại nghiêm trọng của bọn đế quốc và tay sai đối với nền độc lập mới giành được và chính quyền nhân dân còn non trẻ của ta.

Chiến tranh thế giới thứ hai vừa kết thúc. Uy tín của Liên Xô trên trường quốc tế và của các Đảng Cộng sản trong các nước lên cao. Phong trào giải phóng dân tộc lên mạnh, nhất là ở khu vực Đông Nam Á. Bọn đế quốc hoảng sợ trước sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng trên thế giới và tìm mọi cách chống lại.

Ở nước ta, theo sự thỏa thuận giữa các nước Đồng minh trong hội nghị Pôt-xdam (7-1945), quân đội Anh được vào giải giáp quân Nhật từ vĩ tuyến 16 (Đà Nẵng) trở vào, và quân đội Tưởng Giới Thạch được vào làm nhiệm vụ đó từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc. Cả hai bọn này tuy mang danh nghĩa Đồng minh vào làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, nhưng chúng rất thù ghét cách mạng Việt Nam và nuôi sẵn âm mưu thủ tiêu thành quả của Cách mạng tháng Tám.

Còn đế quốc Pháp, từ khi chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc, đã tỏ rõ ý đồ khôi phục quyền thống trị thực dân của chúng ở Đông Dương.

Ngày 24-3-1945, Đờ Gôn đã ngang nhiên tuyên bố về «quy chế mới» của Đông Dương như sau: Đông Dương sẽ trở thành một liên bang gồm năm «nước» (Nam kì, Trung kì, Bắc kì, Lào, Cam-pu-chia). Các «nước» này sẽ được hưởng một «chế độ tự trị bên trong». Sẽ có một Chính phủ liên bang đứng đầu là một viên «Cao ủy» Pháp có cả quyền hành pháp lẫn quyền lập pháp...

Thực hiện ý đồ ấy, ngay sau khi Nhật đầu hàng, Chính phủ Pháp liền ra lệnh cho đạo quân viễn chinh được tổ chức từ trước do Lơ-cơ-léc (một viên tướng có tên tuổi trong chiến tranh thế giới thứ hai) chỉ huy, lên đường sang Đông Dương. Đắc-giăng-li-ơ, thủy sư đô đốc, một tay chân thân cận của Đờ-gôn, được cử làm «Cao ủy Pháp» ở Đông Dương. Rồi ngày 23-9-1945, được sự giúp sức của quân Anh, bọn Pháp nổ súng ở Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược trở lại đối với nước ta.

Ở miền Bắc, điều gay go nhất cho ta lúc này là 18 vạn quân Tưởng Giới Thạch bắt đầu vượt biên giới Việt—Trung, và ngày 9-9-1945 những đơn vị đầu tiên của chúng đã tới thủ đô Hà Nội. Bọn quân phiệt Quốc dân đảng Trung Hoa, chủ hầu của đế quốc Mĩ, cho rằng đây là một cơ hội rất thuận lợi cho chúng thôn tính miền Bắc Việt Nam, hay ít nhất cũng đặt được từ vĩ tuyến 16 trở ra một chính quyền tay sai, ngoan ngoãn thực hiện mọi ý đồ đen tối của chúng. Chúng đã sắp sẵn những con bài gồm một số tên Việt gian phản quốc thuộc hai tổ chức «Việt Nam Cách mạng đồng minh hội» và «Việt Nam Quốc dân đảng» từ lâu vốn không có liên hệ gì với phong trào cách mạng trong nước, như Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam, v.v... Bọn này lẻo đẻo đi theo quân Tưởng kéo vào nước ta, đến đâu chúng cũng giở trò cướp bóc của cải, dọa nạt nhân dân, thậm chí chúng còn dựa vào lưỡi lê quân Tưởng cướp chính quyền ở một số nơi như Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Vĩnh Yên,...

Ở Hà Nội, Hải Phòng và một vài thành phố, thị trấn khác, quân Tưởng đã gây rất nhiều khó khăn cho ta như: bắt ta cung cấp lương thực, thực phẩm, cho lưu hành đồng bạc «quan kim» mất giá trên thị trường, gieo rắc cháy rận, bệnh tật, cướp đường cướp chợ, đòi chính phủ ta nhân nhượng đối với bọn «Việt Nam Cách mạng đồng minh hội» và «Việt Nam Quốc dân đảng». Bọn này, được quan thầy của chúng che chở, càng lên mặt làm già, đặt trụ sở, ra báo, bắc loa truyền thanh đả kích Việt minh, nói xấu Chính phủ, gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, đòi nhường bộ này bộ khác trong Chính phủ. Chúng không từ một thủ đoạn hèn hạ nào, kể cả bắt cóc, tống tiền, ám sát, làm giầy bạc giả...

Vô vàn khó khăn bày ra trước mắt, song cả dân tộc đã hồi sinh. Mỗi người dân Việt Nam bắt đầu được thở không khí độc lập tự do, càng cảm thấy giá trị thiêng liêng của quyền tự do độc lập. Toàn dân đoàn kết xung quanh Chính phủ Trung ương lâm thời đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, vì lãnh tụ anh minh của dân tộc, và quyết tâm bảo vệ đến cùng quyền tự do và độc lập ấy vừa giành được. Đó là điều kiện cơ bản nhất đảm bảo cho con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua mọi thác ghềnh, đi đến bến bờ vinh quang.

2. Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, giải quyết khó khăn về tài chính

Hồ Chủ tịch nói: «Giặc đói và giặc dốt là bạn đồng minh của giặc ngoại xâm».

Muốn tiến tới diệt giặc ngoại xâm, trước mắt phải lo giải quyết nạn đói là vấn đề «nước sôi lửa bỏng». Để có gạo cứu đói ngay, nghe theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và noi gương Người, đồng bào cả nước nhìn ăn mỗi tháng ba bữa cơm và tuyệt đối không dùng gạo, ngô để nấu rượu. Nhiều nơi có sáng kiến tổ chức «ngày đồng tâm», «hũ gạo tiết kiệm»...

Biện pháp căn bản và lâu dài là tăng gia sản xuất. Hồ Chủ tịch kêu gọi: «Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa! Đó là khẩu hiệu của chúng ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập».

Khắp nơi dấy lên một phong trào tăng gia sản xuất sôi nổi: vỡ hoang, trồng thêm hoa màu ngắn ngày, bón phân, tưới ruộng, củng cố đê điều... Nhờ những biện pháp tích cực đó, nạn đói bị đẩy lùi dần, vụ chiêm năm sau có nhiều triển vọng khá.

Hơn 95% số dân mù chữ, đó là một sự tủi nhục do chế độ thực dân để lại. Nạn dốt gây trở ngại lớn cho việc phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, cho việc huy động lực lượng của nhân dân tham gia xây dựng chế độ mới. Vì vậy, diệt giặc dốt, đặc biệt là xóa nạn mù chữ, cũng là một vấn đề cấp bách. Chỉ một tuần lễ sau ngày tuyên bố Độc lập, ngày

8-9-1945, Hồ Chủ tịch kí sắc lệnh thành lập cơ quan *Bình dân học vụ* và kêu gọi toàn dân tham gia phong trào xóa nạn mù chữ.

Người nói:

«... Muốn giữ vững nền độc lập; muốn làm cho dân mạnh nước giàu; mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc biết viết chữ quốc ngữ».

«Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ, hãy góp sức vào bình dân học vụ».

«Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ chưa biết thì con bảo...»

«Phụ nữ lại càng phải học...».

Bình dân học vụ trở thành một phong trào quần chúng vô cùng sôi nổi từ thành thị đến nông thôn, lời cuốn đủ các hạng người, đủ mọi lứa tuổi. Nhờ vậy mà đến tháng 3-1946, chỉ riêng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, đã có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.

Truyền thống hiếu học lâu đời trong nhân dân ta bị chế độ thực dân kìm hãm, nay có dịp phát huy mạnh mẽ. Song song với bình dân học vụ, các trường tiểu học (cấp I), trung học (cấp II và cấp III) cũng phát triển khá mạnh, đồng thời có một số sửa đổi bước đầu trong nội dung và phương pháp giáo dục theo tinh thần dân tộc dân chủ.

Toàn dân đi học, đó là một trong những nét tiêu biểu nhất cho khí thế của một dân tộc đang vươn lên làm chủ vận mệnh của mình.

Một vấn đề khác không kém phần cấp bách là làm sao bù được lỗ hổng của công quỹ trong khi Nhà nước cần rất nhiều tiền chi vào những nhu cầu to lớn của công cuộc kháng chiến, kiến quốc? Không có cách nào khác là kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân. Hưởng ứng «Tuần lễ vàng» và «Quỹ độc lập» do Chính phủ phát động, đồng bào nô nức đóng góp tiền bạc và cả những kỉ niệm thân thiết

nhất của mình⁽¹⁾. Chỉ trong một thời gian ngắn, đồng bào đã góp được hai mươi triệu đồng bạc và ba trăm bảy mươi ki-lô-gam vàng. Nhờ đó mà tình trạng khó khăn về tài chính tạm thời được vượt qua.

II

CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN NHÂN DÂN — ĐẤU TRANH CHỐNG THÙ TRONG GIẶC NGOÀI

3. Củng cố chính quyền nhân dân

Đứng trước tình hình khó khăn của đất nước, ngày 25-11-1945 Trung ương Đảng ra bản chỉ thị « Kháng chiến, kiến quốc ». Bản chỉ thị viết : « Việc giành chính quyền càng dễ bao nhiêu thì việc giữ chính quyền càng khó bấy nhiêu. Chính phủ dân chủ cộng hòa mới thành lập đã phải đối phó với một tình thế vô cùng phức tạp... Nhiệm vụ của toàn Đảng toàn dân ta là phải *củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân* ».

Bản chỉ thị nêu rõ : « *Kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng* ».

Song, muốn đảm bảo thắng lợi của công cuộc chống thù trong giặc ngoài, trước hết phải *củng cố chính quyền nhân dân* làm cho chính quyền của ta từ trên xuống dưới thật sự là của nhân dân và được toàn dân ủng hộ.)

Sau Cách mạng tháng Tám, bộ máy thống trị cũ của thực dân và phong kiến đã bị đập tan, thay vào đó là hệ thống Ủy ban nhân dân lâm thời các cấp. Từ thượng tuần tháng 9, nhiều sắc lệnh, nghị định của Chính phủ lâm thời đã được ban hành : quy định giảm tô 25%, xóa bỏ những khoản nợ lâu đời của nông dân vay địa chủ, ban hành chế độ ngày làm việc 8 giờ, thực hiện nam nữ bình quyền, lương giáo đoàn kết...

(1) Có bà cụ tặng cả đôi khuyên vàng sẫm từ hồi con gái. Có bà cụ 80 tuổi mang tới một gói lụa điều, bên trong là nệm vàng gia bảo nặng tới 17 lạng. Có gia đình quyên góp toàn bộ tư trang của những người trong nhà.

Đề có một bộ máy chính quyền thật sự là đại diện chân chính của nhân dân, trước tiên phải tiến hành cuộc *Tổng tuyển cử bầu Quốc hội*.

Ngày 6-1-1946, cả nước bừng bừng một khí thế rộn ràng như ngày hội. Thành thị, nông thôn, đâu đâu cũng rực rỡ cờ, biểu ngữ, đèn và hoa. Mọi công dân từ 18 tuổi trở lên không phân biệt gái trai, giàu nghèo, nô nức đi tới các thùng bỏ phiếu. Chẳng phải một sớm một chiều mà có được lá phiếu hôm nay, lá phiếu của tự do, độc lập, giành được từ cuộc đấu tranh lâu dài, bằng bao nhiêu máu và nước mắt : hơn 90% tổng số cử tri trong toàn quốc đã đi bầu. Ở Nam Bộ, địch cho máy bay đến ném bom vào nơi bỏ phiếu, vẫn có gần 90% số cử tri đi bỏ phiếu, Hồ Chủ tịch trúng cử ở Hà Nội với trên 98% số phiếu.

Tiếp đó, ở khắp các địa phương, lại tiến hành cuộc bầu cử *Hội đồng nhân dân* các cấp theo lối phổ thông đầu phiếu.

Ngày 2-3-1946, Quốc hội họp phiên đầu tiên, lập một Ban dự thảo hiến pháp và cử ra Chính phủ chính thức của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đứng đầu là Hồ Chủ tịch. Là đại diện chân chính duy nhất của toàn dân, Quốc hội và Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa sẽ phát huy đầy đủ vai trò của mình trong việc lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp kháng chiến kiến quốc.

4. Kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ

Ngày mồng 2 tháng 9 năm 1945, khi hàng triệu đồng bào Sài Gòn — Chợ Lớn biểu tình chào mừng Ngày Độc lập, bọn kiêu dân Pháp bắt đầu giở trò khiêu khích, nấp trong các nhà bản vào đoàn biểu tình.

Ngày 6-9-1945, khi quân Anh dưới quyền chỉ huy của tướng Gơ-ra-xây, đến Sài Gòn làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, chúng đã tỏ ngay thái độ thù địch và can thiệp vào công việc nội bộ của chúng ta. Chúng không thừa nhận chính quyền ta ở Nam Bộ, đòi giải tán các lực lượng vũ trang của ta... Chúng tới chiếm các trại giam, thả tất cả những tên Pháp nhảy dù xuống Nam Bộ sau ngày Cách mạng tháng Tám và bị ta bắt.

giữ. Một ngàn rưỡi lính lê dương của Pháp đã được bọn Anh đưa ra khỏi trại tù binh Nhật và trang bị lại.

Sáng sớm ngày 23 tháng 9 năm 1945, hàng ngàn lính lê dương của Pháp được quân Anh, Nhật che chở và giúp sức đánh chiếm các đồn cảnh sát của ta ở Sài Gòn và bắn giết đồng bào ta một cách hết sức man rợ.

Cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta chống cuộc xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp đã bùng nổ trên chiến trường Nam Bộ.

Chiều ngày 23 tháng 9, nhân dân Sài Gòn triệt để tổng bãi công, bất hợp tác với giặc. Các công sở, các hãng buôn, các nhà máy đều đóng cửa. Chợ búa không họp, xe cộ ngừng chạy. Chường ngại vật mọc lên khắp các đường phố.

Trong khi thế cầm thù sôi sục, các chiến sĩ tự vệ và đồng bào Sài Gòn với mọi thứ vũ khí có trong tay, gậy tầm vông, súng khai hậu, súng bắn chim, kiên quyết đánh trả bọn xâm lược.



Hình 13 — Nhân dân Nam Bộ vót gậy tầm vông quyết kháng chiến

Từ ngày 24 tháng 9 trở đi, một loạt nhà máy, kho tàng của địch ở Sài Gòn bị đánh phá. Điện, nước bị cắt. Các chiến sĩ lực lượng vũ trang của ta đột nhập sân bay Tân Sơn Nhất, đốt cháy tàu Pháp vừa cập bến, phá Khám lớn, giải thoát đồng bào bị giam bắt.

Ngày 26 tháng 9, đứng ở vị trí chiến đấu của mình giữa thành phố, quân và dân Sài Gòn đã nghe những lời thống thiết của Hồ Chủ tịch do đài phát thanh tiếng nói Việt Nam truyền đi:

«... Tôi tin và đồng bào cả nước đều tin vào lòng ái quốc của đồng bào Nam Bộ.

«... Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ!

«Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và đồng bào toàn quốc sẽ hết sức ủng hộ những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hi sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà...» (1).

Ngày 5 tháng 10, tướng Lơ-cơ-lec tới Sài Gòn cùng với nhiều đơn vị bộ binh và xe bọc thép mới từ Pháp sang tăng viện. Bọn Pháp, có quân Anh và quân Nhật trợ lực, mở cuộc tấn công đại quy mô, phá vòng vây xung quanh Sài Gòn — Chợ Lớn, đánh rộng ra các tỉnh Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ.

Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch quyết định tăng cường lực lượng vào Nam, quyết làm thất bại âm mưu «đánh mau thắng mau» của địch. Những đội quân «Nam tiến» được gấp rút thành lập, nhiều đơn vị quân giải phóng cùng những cán bộ chỉ huy ưu tú nhận lệnh lên đường.

Đồng thời, Đảng và Chính phủ phát động một phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến sôi nổi trong cả nước.

Cả nước hướng về Sài Gòn, hướng về Nam Bộ kiên cường, sẵn sàng gửi những người con thân yêu của mình lên đường ra trận.

Đạo quân viễn chinh của Lơ-cơ-lec, với sự giúp sức của quân Anh, Nhật, tưởng có thể bình định xong Nam Bộ trong vòng

(1) Chính là từ tấm lòng của các chiến sĩ và đồng bào tại mặt trận Sài Gòn — Chợ Lớn trong những ngày chiến đấu quyết liệt này mà thành phố Sài Gòn bắt đầu mang một cái tên mới quang vinh: thành phố Hồ Chí Minh.

ba tuần lễ, và sau đó nhanh chóng mở rộng xâm lược ra vĩ tuyến 16 (Đà Nẵng) trước khi quân Anh rút (1-1946). Nhưng, chúng bị chặn đứng lại ở mặt trận Nha Trang, Tuy Hòa và Buôn Ma Thuột. Trong khi đó, ở các tỉnh Nam Bộ và ngay ở trong thành phố Sài Gòn, các lực lượng vũ trang và đồng bào ta vẫn tiến hành chiến tranh du kích, theo phương châm kháng chiến lâu dài ⁽¹⁾.



Hình 14 — Em Lê Văn Tâm tự đâm đầu làm bó đuốc lao mình vào thiêu hủy kho xăng của giặc ở Thị Nghè (Sài Gòn)

5. Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946

Trong chỉ thị «Kháng chiến kiến quốc» (25-11-1945), Đảng đã nói rõ: «Trước sau Trùng Khánh ⁽²⁾ cũng sẽ bằng lòng

(1) Xem đọc thêm ở cuối bài.

(2) Bấy giờ Chính phủ Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch đang đóng ở Trùng Khánh.

cho Đông Dương trở về tay Pháp miễn là Pháp nhượng cho Tưởng nhiều quyền lợi quan trọng». Và Đảng đề ra chủ trương triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa các kẻ thù, tập trung ngọn lửa đấu tranh vào «Kẻ thù chính lúc này là thực dân Pháp xâm lăng».

Tình hình về sau đã diễn biến đúng như dự đoán.

Sau khi chiếm một số tỉnh ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, bọn tướng tá Pháp ở Sài Gòn chuẩn bị một kế hoạch quân sự để trở lại miền Bắc. Nhưng bộ chỉ huy Pháp tỏ vẻ e ngại trước kế hoạch này vì nó mang tính chất mạo hiểm: ba vạn rưỡi quân Pháp chưa bình định xong Nam Bộ, nếu mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Việt Nam thì chắc chắn sẽ gặp một lực lượng kháng chiến lớn mạnh gấp bội. Đó là chưa kể ở miền Bắc, hiện có 18 vạn quân Tưởng. Pháp đưa quân ra Bắc, rất có khả năng đụng đầu với quân Tưởng...

Bọn tướng tá Pháp ít nhiều thức thời nhận thấy giải pháp thích hợp nhất với tình hình Đông Dương phải là một giải pháp chính trị: điều đình với Trùng Khánh để cho quân Tưởng rút đi, quân Pháp vào thay thế, điều đình với Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa để tránh một cuộc chiến tranh kéo dài...

Về phía Chính phủ Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch thì lúc này cũng đang hết sức bối rối; ngọn lửa cách mạng bùng cháy trên lục địa Trung Hoa. Tưởng phải tính đến chuyện rút mười mấy vạn quân ở Việt Nam về để củng cố lực lượng.

Tình hình chính trị nước Pháp cũng có sự thay đổi sau khi Đờ-gôn đi. Chủ trương tìm giải pháp chính trị do Lơ-cơ-lec đưa ra được Chính phủ Pháp cho là thích hợp.

Thế rồi, ngày 28-2-1946, một hiệp ước Hoa — Pháp được kí kết. Theo hiệp ước này, Pháp đồng ý trả lại cho Tưởng các tô giới ở Thượng Hải, Thiên Tân, Hán Khẩu, Quảng Châu, trả lại đất mướn Quảng Châu Loan, bán lại đường sắt của Pháp ở Vân Nam, việc chuyển vận hàng hóa qua cảng Hải Phòng vào Hoa Nam không phải đóng thuế. Đổi lấy những quyền lợi đó, Trùng Khánh đồng ý cho quân Pháp vào thay thế quân Tưởng tại miền Bắc Việt Nam. Đầu tháng 3-1946, hạm đội Pháp được lệnh lên đường ra Bắc.

Ngay sau khi hiệp ước Hoa — Pháp được công bố, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã nhận định: đây không phải là sự dàn xếp riêng giữa Tưởng và Pháp, đây chính là sự nhân nhượng, thỏa hiệp với nhau giữa Mĩ, Anh, Pháp, Tưởng để cứu vãn quyền lợi giai cấp ích kỉ của chúng đang bị cao trào cách mạng khắp nơi trên thế giới đe dọa.

Một vấn đề cấp bách đặt ra đối với ta lúc này là đánh hay hòa với Pháp?

Câu trả lời đã được Bác và Đảng nêu ra:

«Có thể nói phứt ngay rằng: nếu Pháp giữ chủ trương Đông Dương tự trị theo bản tuyên bố ngày 24-3-1945 thì nhất định đánh và rất có thể đánh lâu dài; nhưng nếu Pháp công nhận Đông Dương tự chủ thì có thể hòa, hòa để phá tan âm mưu của bọn Tưởng, bọn phản động người Việt Nam và bọn thực dân phản động Pháp, chúng định hãm ta vào tình thế cô độc, buộc ta phải đánh với nhiều kẻ thù một lúc... Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những không ngừng một phút công tác sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy, nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta» (Chỉ thị «Tình hình và chủ trương» của Thường vụ Trung ương Đảng ngày 3-3-1946).

Cuộc đàm phán kéo dài giữa Chính phủ ta và người đại diện có thẩm quyền của Chính phủ Pháp là Xanh-tơ-ny đã kết thúc bằng Hiệp định sơ bộ (6-3-1946). Nội dung gồm mấy điều khoản chính như sau: — Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, có nghị viện, có quân đội, có tài chính của mình, ở trong Liên bang Đông Dương và trong khối Liên hiệp Pháp.

— Vấn đề thống nhất nước Việt Nam sẽ được giải quyết bằng một cuộc trưng cầu dân ý.

— Nước Việt Nam thuận để cho 15000 quân Pháp vào miền Bắc làm nhiệm vụ thay thế quân đội Trung Hoa. Số quân này sẽ phải rút hết sau một thời gian quy định.

— Hai bên đình chiến ngay ở Nam Bộ để tạo không khí thuận lợi cho cuộc đàm phán chính thức sẽ mở tại nước Pháp...

Nhưng Hiệp định sơ bộ đã không được bọn thực dân Pháp triệt để tôn trọng. Chúng vẫn tiếp tục gây xung đột vũ trang ở Nam Bộ, chúng thành lập «Chính phủ Nam kì tự trị» do tên Việt gian Nguyễn Văn Thỉnh cầm đầu, ngoan cố thực hiện âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, chúng dấy đưa trong việc mở cuộc đàm phán chính thức ở Pa-ri, bộ phận quân đội Pháp vào đóng ở miền Bắc cũng bắt đầu có những hành động trái trái với những điều đã thỏa thuận.

Mặc dầu vậy, do cuộc đấu tranh kiên quyết và đầy thiện chí của Chính phủ ta, cuộc đàm phán chính thức đã được tiến hành tại Phông-ten-bơ-lô (Pa-ri) giữa đoàn đại biểu Chính phủ Pháp và đoàn đại biểu Chính phủ ta do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu.

Thực dân Pháp vẫn bám lấy lập trường ngoan cố của chúng, cho nên cuộc đàm phán kéo dài hơn 2 tháng mà vẫn bế tắc. Trong khi đó, trên đất nước ta, quân đội Pháp ngày càng tăng cường những hành động khiêu khích và phá hoại đình chiến.)

Cuối cùng, để cứu vãn tình thế, tranh thủ thêm thời gian hòa hoãn, chuẩn bị cuộc chiến đấu lâu dài, Hồ Chủ tịch, bấy giờ với danh nghĩa là Thượng khách của nước Pháp, đã kí với Chính phủ Pháp bản Tạm ước 14-9-1946 (1).

Việc kí Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 cũng như Tạm ước 14-9-1946 là một chủ trương rất sáng suốt của Đảng, Chính phủ ta và Hồ Chủ tịch trong hoàn cảnh đất nước đang đứng trước bao nhiêu khó khăn, phức tạp, chính quyền nhân dân đang trong thời kì «trừng nước», v.v... Với chủ trương đó, ta đã loại trừ được một kẻ thù nguy hiểm do đế quốc Mĩ điều khiển là bọn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch và bè lũ tay sai, để có thể tập trung ngọn lửa đấu tranh vào kẻ thù chính là thực dân Pháp. Đồng thời, ta cũng tranh thủ được một thời gian hòa hoãn vô cùng quý báu để chuẩn bị lực lượng về mọi mặt cho cuộc chiến đấu lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược, mà ta biết trước là không thể nào tránh khỏi.)

(1) Quy định một số quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam, cam kết đình chỉ xung đột vũ trang, cố gắng mở lại cuộc đàm phán chính thức càng sớm càng tốt, v.v...

CÂU HỎI

1. Phân tích âm mưu và hành động của bọn đế quốc Anh, Pháp, Tưởng, Mỹ và bọn tay sai trong việc phá hoại thành quả Cách mạng tháng Tám của Việt Nam.
2. Tại sao lúc bấy giờ, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch xác định kẻ thù chính là thực dân Pháp?
3. Chứng minh bằng tài liệu thực tế nhận định của đồng chí Lê Duẩn về sách lược đấu tranh của ta lúc bấy giờ: «Lúc thì tạm hòa hoãn với Tưởng để rảnh tay đối phó với thực dân Pháp; lúc thì tạm hòa hoãn với Pháp để đuổi cò quân Tưởng và quét sạch bọn phản động tay sai của Tưởng». («Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng...»). Phân tích ý nghĩa thắng lợi của sách lược đấu tranh ấy.
4. Phân tích sự cần thiết và ý nghĩa thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội 6-1-1946, cùng việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể lúc bấy giờ.
5. Những nguyên nhân gì đã khiến dân tộc ta vượt qua được muôn vàn khó khăn và giành thắng lợi trong năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám?

ĐỌC THÊM

I — LỄ KÍ KẾT HIỆP ĐỊNH SƠ BỘ 6-3-1946

Lễ kí kết được cử hành vào 4 giờ chiều tại ngôi nhà số 38 phố Lí Thái Tổ.

Những người thay mặt cho nước Pháp, những người đứng đầu bộ tư lệnh quân đội Tưởng ở miền Bắc Đông Dương, đại diện phái bộ Mỹ, lãnh sự Anh lục tục kéo đến ngôi biệt thự ở cách Bắc bộ phủ một khu vườn hoa.

Gian phòng nhỏ bài trí đơn giản, không có cờ. Chủ khách đều đứng chung quanh một chiếc bàn lớn.

Mọi người đều hướng về phía Hồ Chủ tịch. Người nhìn lướt các điều khoản của Hiệp định. Với cương vị là Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chủ tịch kí đầu tiên.

Sau đó, Người chuyển bản Hiệp định cho Vũ Hồng Khanh đứng gần đấy. Trước áp lực của quan thầy Tưởng, Vũ Hồng Khanh phải ngậm bồ hòn làm ngọt, kí tiếp theo, dưới danh nghĩa người đại diện đặc biệt của Hội đồng Chính phủ.

Xanh-tơ-ny, người được ủy quyền thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa Pháp, kí sau cùng...

Lễ kí kết đã xong.

Đại diện nước Pháp nâng cốc chúc mừng Hồ Chủ tịch, ngỏ ý vui mừng vì đã đẩy lùi được bóng ma của một cuộc xung đột vũ trang. Bằng một giọng điềm đạm mà kiên quyết, Người nói: «Chúng tôi không thỏa mãn vì chưa giành được hoàn toàn độc lập, nhưng rồi chúng tôi sẽ giành được độc lập hoàn toàn». Kẻ thù đã chịu lùi một bước cơ bản. Nhưng với ta thắng lợi này chỉ mới là thắng lợi đầu tiên. Bền bờ thành công hãy còn xa...

(Trích hồi kí «Những năm tháng không thể nào quên» của Võ Nguyên Giáp)

II — THƯ CỦA HỒ CHỦ TỊCH GỬI ĐỒNG BÀO NAM BỘ TRƯỚC KHI SANG PHÁP ĐÀM PHÁN (Trích)

Cùng đồng bào Nam Bộ yêu quý

Được tin tôi cùng đoàn đại biểu qua Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức, đồng bào cả nước, nhất là đồng bào Nam Bộ, đều lấy làm bàng khuâng. Bàng khuâng là vì chưa biết tương lai của Nam Bộ sẽ ra thế nào?

Tôi xin đồng bào cứ bình tĩnh.

Đồng bào Nam Bộ đã hi sinh đấu tranh mấy tháng trường để giữ gìn non sông cho toàn nước Việt Nam. Cho nên đồng bào cả nước đều phải nhớ ơn đồng bào Nam Bộ.

Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí đó không bao giờ thay đổi.

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 1946
HỒ CHÍ MINH

BÀI 18

TỪ KHI KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC BÙNG NỔ ĐẾN CHIẾN THẮNG VIỆT BẮC THU ĐÔNG 1947

I

NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC

1. Thực dân Pháp bội ước, kháng chiến toàn quốc bùng nổ

Bản tạm ước 14-9-1946 được Chính phủ và nhân dân ta tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh: ngừng bắn ở miền Nam,

thả một số tù binh, giao lại Viện Pa-xơ ở Hà Nội cho Pháp... Chúng ta cũng tranh thủ thời gian xây dựng và củng cố lực lượng về mọi mặt, đề phòng tình thế bất trắc có thể xảy ra. Quốc hội họp phiên thứ hai (10-1946), nghe Hồ Chủ tịch báo cáo về kết quả cuộc đấu tranh ngoại giao của đoàn đại biểu Chính phủ ta tại hội nghị Phông-ten- bơ-lô, phần khởi nhận thấy rằng uy tín và địa vị quốc tế của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và của Chính phủ ta do Hồ Chủ tịch đứng đầu, thực tế đã được khẳng định và nâng cao. Cũng trong phiên họp lịch sử này, Quốc hội đã thông qua bản *Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*. Bản Hiến pháp nói lên ý chí của toàn dân đoàn kết xung quanh Hồ Chủ tịch và Chính phủ, kiên quyết đấu tranh cho một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh.

Trong khi đó, bọn thực dân Pháp, vẫn ngoan cố bám lấy âm mưu xâm lược của chúng, đã ngang nhiên phá hoại Hiệp định sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9 với mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn: chúng không thực sự chấp hành lệnh ngừng bắn ở Nam Bộ, vẫn nuôi dưỡng bọn Việt gian vô liêm sỉ trong cái quái thai «Nam kỳ tự trị» (Nguyễn Văn Thỉnh, Lê Văn Hoạch, Nguyễn Văn Sâm...) để thực hiện âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam. Ở miền Bắc, chúng ngang nhiên đòi quyền thu thuế quan ở cảng Hải Phòng; ngày 21 tháng 11 năm 1946, chúng cho tàu chiến, đại bác bắn mấy giờ liền vào các khu phố ở Hải Phòng và ngày 27-11-1946, chúng cho quân đánh chiếm thành phố. *Vụ Hải Phòng thực sự đã mở đầu* cuộc tấn công xâm lược của thực dân Pháp đối với miền Bắc nước ta.

Ở Hà Nội, từ đầu tháng 12, quân đội Pháp cũng liên tiếp gây khiêu khích và xung đột với nhân viên công an và đội viên tự vệ của ta làm nhiệm vụ giữ trật tự trị an trong thành phố. Đặc biệt nghiêm trọng là từ ngày 12-12-1946, chúng bắn đại bác, súng cối vào khu phố Hàng Bún, chiếm trụ sở Bộ tài chính và một số cơ quan của ta. Rồi ngày 18-12-1946, viên chỉ huy quân đội Pháp ở Bắc Việt Nam, Moóc-li-e, đã gửi tới hậu thư cho Chính phủ ta, đòi ta phải giải tán lực lượng công an và tự vệ chiến đấu, và giao việc bảo đảm an ninh ở thủ đô cho quân đội Pháp.



Hình 15. Việt Nam trên đất liền trước ngày toàn quốc kháng chiến 19-12-1946.

Bộ mặt xâm lược, hiếu chiến và bội ước trắng trợn của bọn thực dân Pháp đã lộ rõ.

Tình thế không thể hòa hoãn được nữa. Chúng ta chỉ còn một con đường là cầm vũ khí đứng lên chiến đấu để bảo vệ độc lập tự do.

Ngay trong đêm 19 rạng ngày 20-12-1946, Hồ Chủ tịch kêu gọi nhân dân toàn quốc đứng dậy kháng chiến. Người nói:

...«Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng — thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.

«Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!

«Hỡi đồng bào! chúng ta phải đứng lên!

Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân, cứu nước...».

2. Cuộc chiến đấu trong các thành phố

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch đã lập tức được toàn dân ta từ Bắc chí Nam nhất tề hưởng ứng. Cả một dân tộc cầm vũ khí đứng lên, xóc tới, quyết sống mái với quân thù.

Ngay trong đêm 19-12, ở khắp các thành phố và địa điểm có quân Pháp đóng trên miền Bắc (Hà Nội, Nam Định, Vinh, Huế, Đà Nẵng, Lạng Sơn, Quảng Yên, v.v...) một cuộc chiến đấu quyết liệt đã nổ ra. Mặc dầu quân địch có vũ khí nhiều và tinh xảo hơn ta gấp bội, các chiến sĩ Vệ quốc quân, Tự vệ chiến đấu, công an và nhân dân ta, với mọi thứ vũ khí có trong tay (súng trường, súng kíp, lựu đạn, bom ba càng, gươm, mã tấu, v.v...) đã chiến đấu ngoan cường, bao vây, tấn công, tiêu diệt và tiêu hao một bộ phận quan trọng sinh lực địch. Có nơi, lực lượng địch ít, bị cô lập hoàn toàn và đã đầu hàng ngay lúc ta mới nổ súng (như ở Vinh), có những nơi như Nam Định, Huế... toàn bộ quân địch bị vây hãm trong thành phố hàng tháng trời... Đặc biệt, ở thủ đô Hà Nội, hơn

2500 chiến sĩ Vệ quốc quân và Tự vệ chiến đấu, với khoảng 1500 cây súng, không có đại bác và xe cơ giới, đã nêu cao tinh thần «cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh», chiến đấu quyết liệt với xe tăng, xe thiết giáp, đại bác, súng cối... của địch, ròng rã trong hai tháng liền, bám giữ từng ngôi nhà, từng đường phố... Có những trận nổi tiếng như ở Bắc bộ phủ, nhà bưu điện, chợ Đồng Xuân thuộc Liên khu I, hơn 500 địch bị diệt, 30 xe cơ giới bị phá hủy. Đến ngày 17-2-1947, sau gần 2 tháng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu hao sinh lực và giam chân địch, các chiến sĩ «Trung đoàn Thủ đô» đã vượt qua vòng vây dày đặc của địch, tiến hành một cuộc rút lui thần kì ra khỏi thành phố.

Lúc ấy cũng chính là lúc địch đưa quân tăng viện ồ ạt từ bên Pháp sang, tổ chức những cuộc hành quân giải vây cho bọn bị giam hãm trong các thành phố và mở rộng địa bàn chiếm đóng ra các vùng xung quanh. Các lực lượng vũ trang



Hình 16 — Lực lượng vũ trang Thủ đô anh dũng chiến đấu

của ta tạm thời rút khỏi các thành phố và bước vào một cuộc chiến đấu lâu dài.

3. Bước vào cuộc chiến đấu lâu dài.

Ngay từ khi cuộc kháng chiến toàn quốc vừa bùng nổ, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch (trong Chỉ thị «Toàn dân kháng chiến» ngày 22-12-1946) đã đề ra đường lối kháng chiến «toàn dân, toàn diện, trường kỳ» (1). Đó là đường lối kháng chiến duy nhất đúng, thích hợp với điều kiện cụ thể của một nước như nước ta, đất không rộng, người không đông, kinh tế nghèo nàn lạc hậu, lực lượng quân sự lúc đầu còn non yếu, lại phải đánh nhau với một tên đế quốc tương đối giàu mạnh. Đường lối kháng chiến ấy nhằm phát huy triệt để ưu thế cơ bản về chính trị, tinh thần và khắc phục dần chỗ yếu tạm thời về quân sự của ta, đồng thời khoét sâu dần những mâu thuẫn cơ bản trong nội bộ địch, làm cho tương quan lực lượng giữa ta và địch ngày càng thay đổi theo chiều hướng có lợi cho ta.

Chính là theo đường lối đúng đắn nói trên mà, sau một thời gian làm nhiệm vụ tiêu hao và ghìm chân địch trong các thành phố, chủ lực kháng chiến của ta đã chủ động thực hiện cuộc rút lui chiến lược về các vùng nông thôn và rừng núi để chuẩn bị một cuộc chiến đấu lâu dài. Hàng ngàn tấn máy móc, dụng cụ, vật liệu cần thiết đã được vận chuyển nhanh chóng, bằng sức người là chính, về các khu căn cứ để xây dựng những công xưởng phục vụ nhu cầu kinh tế và quốc phòng. Đồng thời, một phong trào toàn dân tiến hành chiến tranh du kích được phát động: ở các vùng tạm bị chiếm, làm «vườn không nhà trống»; ở các vùng tự do, tiến hành «phá hoại» đường sá, cầu cống, nhà cửa kiên cố mà địch có thể lợi dụng khi chúng hành quân mở rộng địa bàn chiếm đóng của chúng (2).

(1) Toàn dân: do toàn dân tiến hành; toàn diện: kháng chiến về mọi mặt: quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa; trường kỳ: đánh lâu dài (trái ngược với chiến lược «đánh nhanh giải quyết nhanh» của địch). Cuộc kháng chiến lâu dài có thể phát triển qua nhiều giai đoạn, trước khi giành được thắng lợi cuối cùng.

(2) Bài thơ «Pha đường» của Tố Hữu phản ánh khí thế hào hùng của nhân dân trong việc tiến hành công tác «phá hoại» này.

Trong khi một số thành phố, thị trấn và đường giao thông quan trọng tạm thời bị địch chiếm đóng, thì hầu hết các vùng nông thôn, rừng núi bao la ở Bắc Bộ và nhiều tỉnh ở Trung Bộ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định...) vẫn do ta làm chủ; ở đó toàn bộ cuộc sống chuyển dần theo hướng đi vào một cuộc chiến đấu lâu dài. Phong trào tăng gia sản xuất để tự túc về lương thực, thực phẩm được phát động trong các cơ quan, đơn vị bộ đội, trường học, bệnh viện... Nếp sống được quân sự hóa triệt để. Bảo mật phòng gian ngày càng đi sâu vào ý thức của mọi người dân, kể cả các em bé. Toàn quốc chia làm 14 khu quân sự và hành chính, các cấp chính quyền đều chuyển thành những «Ủy ban kháng chiến và hành chính» với nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến ở địa phương. Việt Bắc, căn cứ địa của Cách mạng tháng Tám trước đây, trở thành căn cứ địa thần thánh của cuộc kháng chiến.

II

CHIẾN THẮNG VIỆT BẮC, THU ĐÔNG 1947

4. Giặc Pháp bắt đầu lúng túng về chiến lược

Sau 3 tháng mở rộng chiến tranh xâm lược trên toàn cõi Việt Nam, giặc Pháp đã chiếm thêm một số thành phố, thị trấn, cứ điểm và đường giao thông quan trọng từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, nhưng chúng ngày càng tỏ ra không đủ sức đánh chiếm rộng hơn nữa, nhất là không đủ sức kiểm soát chặt chẽ những vùng chúng đã chiếm được. Trên chiến trường Nam Bộ và Nam Trung Bộ, mặc dầu địch tăng cường càn quét, khủng bố, nhưng công cuộc «bình định» của chúng không bao giờ có thể hoàn thành, chiến tranh du kích của ta phát triển ngay trong lòng địch, làm cho chúng «ăn không ngon, ngủ không yên». Trên chiến trường Bình, Trị, Thiên và đồng bằng Bắc Bộ, bắt đầu có những trận phục kích lớn tiêu diệt từng đoàn xe cơ giới địch trên các đường giao thông quan trọng nhất là đường số 5 nối liền Hà Nội — Hải Dương — Hải Phòng.

Địch bắt đầu lung túng trong những mâu thuẫn không sao giải quyết được : càng mở rộng địa bàn chiếm đóng thì lực lượng càng bị dần mỏng, rất dễ bị ta tiêu diệt ; chiến lược của chúng là « đánh mau giải quyết mau », nhưng tình thế bắt buộc chúng phải kéo dài chiến tranh với ta ; mà càng kéo dài chiến tranh thì tình thế ngày càng bất lợi cho chúng.

Trong khi đó, tình hình kinh tế, tài chính và chính trị của nước Pháp gặp rất nhiều khó khăn. Các lực lượng tiến bộ trong nhân dân Pháp ngày càng lên án mạnh mẽ cuộc chiến tranh « bần thiêu », hao người tốn của ở Việt Nam ⁽¹⁾. Nhưng thực dân Pháp vẫn ngoan cố đeo đuổi dã tâm xâm lược và ảo tưởng khuất phục nhân dân ta bằng vũ lực !

Biết không thể lay chuyển được Chính phủ Hồ Chí Minh, một mặt, chúng cho người mặc cả với Bảo Đại (bấy giờ đang ở Hương Cảng) và tập hợp một bọn Việt gian, âm mưu lập một « Chính phủ quốc gia » bù nhìn do Bảo Đại làm quốc trưởng, mặt khác, chúng tích cực chuẩn bị mở một cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt quân chủ lực và đầu não kháng chiến của ta, và do đó sẽ kết thúc chiến tranh một cách nhanh chóng.

5. Cuộc tấn công quy mô lớn của giặc Pháp lên Việt Bắc và chiến thắng lớn của ta

Kế hoạch của giặc Pháp đánh lên Việt Bắc gồm mấy bước sau đây :

(1) Tháng 3-1947, tên đô đốc hiếu chiến Đác-giăng-li-ơ bị triệu hồi. Bô-la-e được cử sang làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương.

Tháng 5-1947, trong một bài diễn văn đọc tại thị xã Hà Đông, Bô-la-e đưa ra ý kiến muốn thương thuyết với Chính phủ Hồ Chí Minh, và sau đó y đã cử người đại diện là Pôn Muýt tới gặp Hồ Chủ tịch. Trong cuộc gặp gỡ này, Pôn Muýt đưa ra những điều kiện ngừng bắn hết sức ngang ngược, như đòi các lực lượng của ta phải nộp 50% vũ khí cho chúng, quân đội Pháp được tự do đi lại trên toàn cõi Việt Nam, v.v... Hồ Chủ tịch đã cự tuyệt và trả lời Pôn Muýt một cách đanh thép : « Trong Liên hiệp Pháp không có chỗ cho những kẻ hèn nhát. Tôi sẽ là người như thế nếu tôi nhận những điều kiện của ông... ».

— Cho quân nhảy dù xuống chiếm một số vị trí then chốt của Việt Bắc, đồng thời cho hai cánh quân chia làm hai gọng kìm tiến theo đường số 4 và sông Lô.

— Cho một bộ phận quân khác nhảy dù xuống chặn con đường Thái Nguyên, khép vòng vây ở phía Nam.

— Sau khi bao vây Việt Bắc bốn phía, mở những cuộc càn quét để tiêu diệt lực lượng ta và làm tê liệt hoàn toàn cơ quan đầu não kháng chiến của ta.

Lực lượng địch dùng vào cuộc hành binh này gồm hơn 2 vạn quân thủy, bộ, tinh nhuệ nhất và hầu hết máy bay chúng có ở Đông Dương. Ngày 7-10-1947, cuộc tấn công của địch bắt đầu ⁽¹⁾. Sau khi máy bay của chúng giội xuống những trận mưa bom khủng khiếp, trên 1200 quân nhảy dù lần lượt lao xuống các vị trí đã định. Trong lúc đó, đoàn quân bộ gồm trên 300 xe cơ giới, từ Lạng Sơn rầm rộ tiến theo đường số 4 đến Cao Bằng, Bắc Cạn. Đoàn quân thủy gồm nhiều tàu chiến và ca-nô, ngược dòng sông Lô, tiến lên Tuyên Quang. Tuy có bị ta đánh chặn và gây cho một số thiệt hại, nhưng nói chung địch đã thực hiện được bước đầu kế hoạch của chúng. Từ Sài Gòn và Hà Nội, chúng vội reu rao « thắng lợi ».

Nhưng tinh thần lạc quan của địch không duy trì được lâu. Chúng định đánh ta một cách bất ngờ, nhưng chính chúng đã bất ngờ bị ta đánh trả quyết liệt. Bộ đội chủ lực và du kích ta đã bằm sát địch từ giờ phút đầu và chuyển nhanh sang giành chủ động.

Một phần lớn quân nhảy dù của địch xuống đất bị ta bằm riết bao vây, cô lập và đánh tía dần. Trên sông Lô, ngay sau khi cánh quân thủy của chúng đến Tuyên Quang, du kích ta nổ súng sát thị xã và liên tục bằm đánh chúng. Trận lớn đầu tiên xảy ra ở Đoan Hùng (25-10) : 7 tàu chiến và nhiều ca-nô của địch bị đánh đắm và phá hỏng, 250 địch bị chết và bị thương. Ít hôm sau, một trận lớn khác diễn ra ở Chiêm Hóa, thêm 100 địch bị diệt. Trong lúc đó cánh quân bộ của chúng

(1) Kế hoạch này lấy tên là kế hoạch « Clos-clos » (bao vây khép kín) do tên tướng Va-luy, Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương bấy giờ vạch ra và chỉ huy thực hiện.

trên đường Cao Bằng — Bắc Cạn bị ta bóm sát và chặn đánh kịch liệt. Ngày 30-10, một đoàn xe địch chở lính nhảy dù từ Cao Bằng đi Lạng Sơn, qua đèo Bông Lau, bị ta đánh một trận kinh hồn: 27 xe cam nhong và thiết giáp bị hủy, hơn 200 địch bị tiêu diệt.



Hình 17— Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947

Trước Hai gọng kìm đã bị bể gãy, địch phải tính đường rút lui. Nhưng kéo đến đã khó mà rút lui lại càng khó hơn. Cánh quân thủy xuôi dòng sông Gâm, đến Khe Lau bị chặn đánh tới bờ trong suốt 12 tiếng đồng hồ (10-11). Xác chết, tàu cháy suốt một ki-lô-mét đường sông (5 tàu, 350 địch bị diệt). Tàn quân địch chia làm 2 toán theo đường bộ và đường thủy rút

khỏi Tuyên Quang, bị ta truy kích, phục kích khắp nơi. Cánh quân bộ trên đường rút lui cũng bị đánh tới bờ.

Hạ tuần tháng 12-1947, bại binh địch về tới Hà Nội, chấm dứt cuộc hành quân phiêu lưu của chúng.

6. Kết quả và ý nghĩa của chiến thắng Việt Bắc

«Việt Bắc thật là mồ chôn giặc Pháp!» (Trương Chinh).

Hơn 3300 tên giặc bị diệt, hơn 8000 súng các loại bị phá và bị thu, 18 máy bay, 54 tàu thủy và ca-nô, 255 xe các loại bị hủy, uy tín của đoàn quân viễn chinh tiêu tan, tinh thần quân lính giảm sút, dư luận nhân dân Pháp phản nộ. Điều quan trọng nhất là âm mưu chiến lược của địch đã hoàn toàn thất bại. Địch không những không kết thúc được chiến tranh một cách nhanh chóng, trái lại càng sa lầy thêm trong cuộc chiến tranh lâu dài với ta (1).

Về phía ta, căn cứ địa Việt Bắc vẫn được giữ vững, các cơ quan trung ương được an toàn, quân chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích được rèn luyện trong chiến đấu và được trang bị thêm bằng vũ khí của địch, ảnh hưởng của Chính phủ kháng chiến càng lên cao.

Với chiến thắng Việt Bắc, cuộc kháng chiến của ta bắt đầu chuyển sang giai đoạn phát triển mới, lực lượng so sánh giữa ta và địch ngày càng thay đổi theo chiều hướng có lợi cho ta.)

CÂU HỎI

1. Dùng thực tế lịch sử, chứng minh rằng: ngay trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc, nhân dân ta đã thực hiện đúng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: «Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!».
2. Giải thích đường lối kháng chiến của Đảng ta. Tại sao nói đó là đường lối kháng chiến duy nhất đúng, thích hợp với điều kiện cụ thể của nước ta? Đường lối đó thấm nhuần tư tưởng chiến tranh nhân dân ở chỗ nào?

(1) Sau khi rút lui khỏi Việt Bắc, địch vẫn kiểm soát con đường số 4 từ Lạng Sơn đến Cao Bằng, tiếp tục phong tỏa biên giới Việt - Trung và chiếm đóng thị xã Bắc Cạn một thời gian.

3. Đường lối kháng chiến của Đảng được thực hiện trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc như thế nào? Hãy chứng minh.
4. Âm mưu chiến lược của địch trong cuộc tấn công lên Việt Bắc thu đông 1947.
5. Diễn biến, kết quả và ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Việt Bắc.

BÀI 19

TÍCH CỰC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VỀ MỌI MẶT, TIẾN LÊN GIÀNH QUYỀN CHỦ ĐỘNG CHIẾN LƯỢC TRÊN CHIẾN TRƯỜNG CHÍNH (1948 — THU ĐÔNG 1950)

1. Địch tăng cường việc thi hành chính sách «lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt»

Sau thất bại lớn ở Việt Bắc, chiến lược «đánh nhanh, giải quyết nhanh» của địch bị phá sản, chúng buộc phải chuyển sang chiến lược đánh lâu dài với ta. Vì vậy, chúng tăng cường việc thi hành chính sách «lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt».

Theo chính sách này, về mặt quân sự, chúng vừa tiếp tục mở rộng địa bàn chiếm đóng ra một số vùng đông dân, nhiều của ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ (Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Yên, Hà Nam, Ninh Bình, Thái Bình), ở Trung Bộ và Nam Bộ, vừa rải quân đi đóng đồn bốt khắp nơi, đẩy mạnh công cuộc «binh định», hành quân càn quét ở các vùng tạm chiếm và ra sức bắt người cướp của để cung ứng cho chiến tranh.

Mặt khác, chúng ra sức sử dụng bọn Việt gian, bù nhìn làm công cụ lừa bịp để che đậy một phần bộ mặt xâm lược trắng tráo của chúng. Tháng 6-1948, thực dân Pháp nặn ra một «chính phủ quốc gia lâm thời» do tên Việt gian Nguyễn Văn Xuân làm thủ tướng. Tháng 3-1949, chúng bày ra cái trò

kết với tên vua bù nhìn cũ Bảo Đại một «chiệp ước trao trả quyền độc lập» giả hiệu và đưa tên này lên làm «quốc trưởng». Chúng còn đặt ra cả một hệ thống chính quyền bù nhìn từ trung ương đến tận thôn xã để kim kẹp, cướp bóc nhân dân; đồng thời chúng ráo riết bắt thanh niên đi lính lập ra cái gọi là «quân đội quốc gia» giả hiệu, làm bìa đỡ đạn cho chúng.

Mặc dầu đã giở nhiều âm mưu, thủ đoạn tàn ác và xảo quyệt như vậy, bọn xâm lược Pháp vẫn không ra khỏi cái thế bị động, lúng túng về quân sự và chính trị của chúng trong một cuộc chiến tranh phi nghĩa, kéo dài, hao người tốn của và không có lối thoát.

2. Ta đẩy mạnh chiến tranh du kích ở các vùng sau lưng địch và tích cực xây dựng lực lượng kháng chiến về mọi mặt

Từ năm 1948, ta chủ trương phát động chiến tranh du kích ở các vùng sau lưng địch. Một bộ phận quân chủ lực của ta tạm thời được phân tán thành những «đại đội độc lập» tiến sâu vào các vùng tạm bị chiếm, kết hợp tác chiến với vận động nhân dân, xây dựng lực lượng du kích ở địa phương, đẩy mạnh các hoạt động diệt tề, trừ gian, quấy rối, tiêu hao địch, phá hoại giao thông và kho tàng của địch, v.v...

Năm 1948 được đánh dấu bằng nhiều trận giao chiến lớn diễn ra trên đường Hà Nội — Hải Phòng, trên đèo Hải Vân. Đặc biệt trận La Ngà (Nam Bộ) phục kích tiêu diệt cả một đoàn xe 60 chiếc và hàng trăm tên địch. Tháng 2-1949, Đồng Tháp Mười, «Việt Bắc của miền Nam», đã ghi một chiến công vang dội; đánh bại cuộc tấn công quy mô lớn của địch, tiêu diệt trên 1300 tên, thu một số lớn vũ khí, bảo đảm được lực lượng kháng chiến của ta.

Chính sách «binh định», càn quét của địch ở các vùng tạm chiếm ngày càng phá sản. Hậu phương của địch đang biến thành tiền phương của ta.

Mặt khác, ta tích cực xây dựng lực lượng kháng chiến về mọi mặt. Tháng 6-1948, Hồ Chủ tịch thay mặt Đảng và Chính phủ phát động phong trào «Thi đua ái quốc». Người

kêu gọi : «... Cuộc thi đua ái quốc sẽ đưa chúng ta lên một trình độ cao hơn trong cuộc kháng chiến và kiến quốc, nó sẽ đưa chúng ta mau đến chỗ thành công. Vì vậy, đồng bào ta bất kì già, trẻ, gái, trai, giàu, nghèo, bất kì sĩ, nông, công, thương, binh, mọi người đều phải đưa trí sáng suốt, lực lượng và tài năng của mình vào đó, đều phụng sự dân tộc, phụng sự Tổ quốc».

Hưởng ứng lời kêu gọi của Người, cả nước dấy lên một phong trào thi đua sôi nổi lôi cuốn mọi người, mọi ngành. Các lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích) đẩy mạnh phong trào thi đua «luyện quân lập công». Ở hậu phương, phong trào thi đua «tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm» diễn ra sôi nổi và mang lại những kết quả thiết thực: mở rộng thêm diện tích trồng trọt chống hạn, trừ sâu, bảo vệ đê điều, bao đảm tự túc về lương thực và thực phẩm cho bộ đội, cán bộ và nhân dân; các cơ sở công nghiệp quốc phòng và thủ công nghiệp phục vụ nhu cầu thiết yếu của nhân dân (như nông cụ, vải, giấy, diêm, xà phòng...) ngày càng phát triển; phong trào xóa nạn mù chữ được tiếp tục đẩy mạnh, cuộc cải cách giáo dục phổ thông bắt đầu tiến hành, v.v...

3. Hoàn cảnh quốc tế mới

Trong khi lực lượng kháng chiến của ta đang lớn lên về mọi mặt thì ở bên ngoài, tình hình cũng có những biến chuyển lớn thuận lợi cho ta. Đó là sự thành công của cách mạng Trung quốc và sự thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (10-1949), tiếp đó, đầu năm 1950, tất cả các nước xã hội chủ nghĩa lần lượt kiến lập quan hệ ngoại giao chính thức với nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, góp phần nâng cao địa vị nước ta trên trường quốc tế. Các lực lượng kháng chiến Lào, Cam-pu-chia cũng ngày càng lớn mạnh. Phong trào nhân dân Pháp và nhân dân các thuộc địa Pháp chống chiến tranh xâm lược Việt Nam tiếp tục lên cao.

Lợi dụng tình thế khó khăn lung túng của Pháp, đế quốc Mĩ bắt đầu can thiệp ngày càng sâu vào chiến tranh Đông

Dương (1). Với sự bày mưu tính kế và sự giúp đỡ về tiền bạc, vũ khí của Mĩ, thực dân Pháp thực hiện kế hoạch «khóa chặt biên giới Việt — Trung» bằng cách tăng cường hệ thống phòng ngự của chúng trên đường số 4, đồng thời thành lập «hành lang Đông — Tây» (Hải Phòng — Hà Nội — Hòa Bình — Sơn La) hòng cắt đứt liên lạc của ta giữa Việt Bắc với các Liên khu 3, 4...

4. Ta chủ động mở chiến dịch Biên giới và chiến dịch Biên giới đại thắng

Biết rõ âm mưu địch, đồng thời ra sức tranh thủ thời cơ giành một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, mở đường cho một đà thắng lợi mới, Chính phủ và Bộ Tổng tư lệnh ta quyết định chủ động mở chiến dịch Biên giới nhằm 3 mục đích: tiêu diệt sinh lực địch, khai thông biên giới để mở rộng đường liên lạc của ta với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

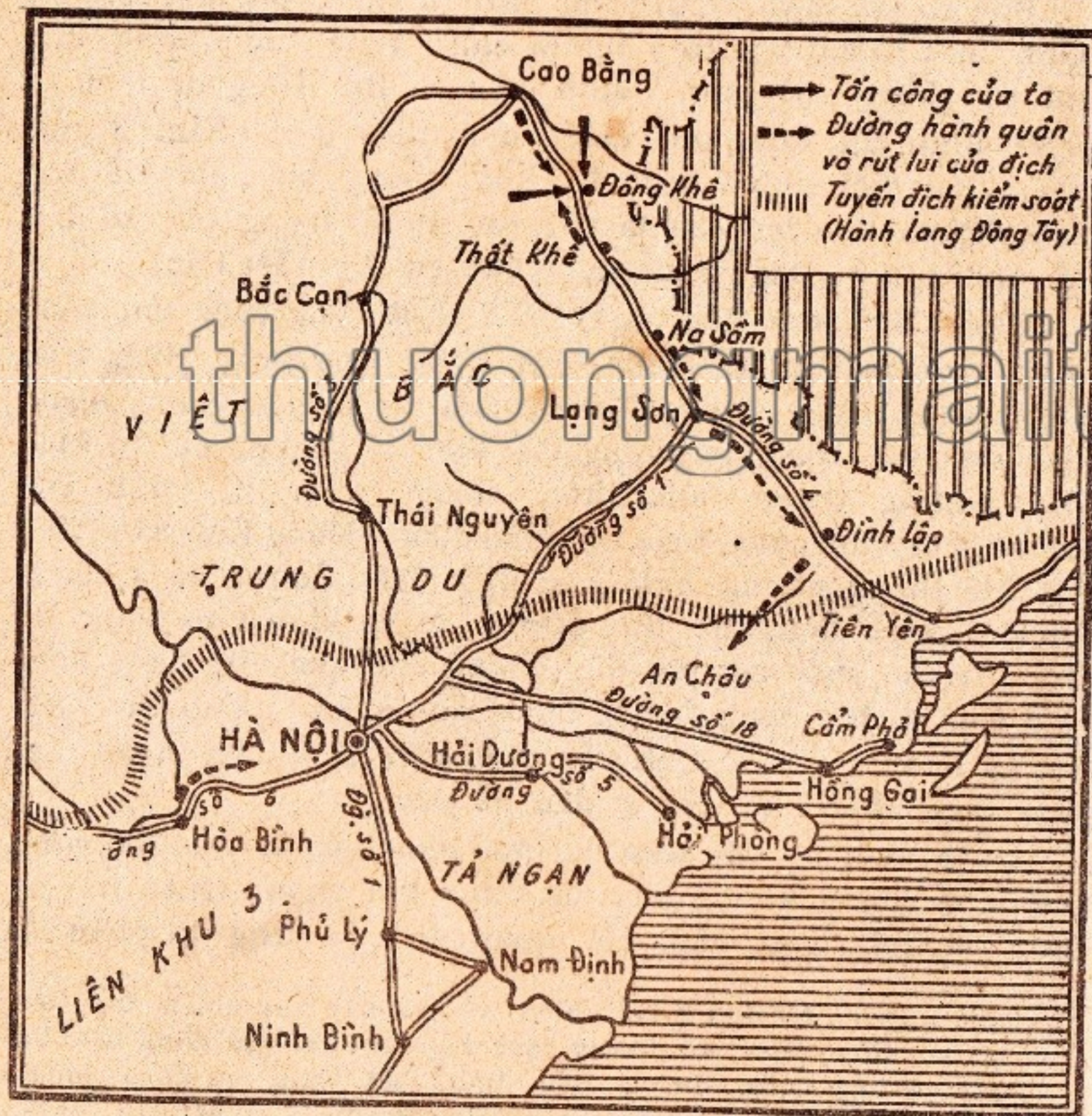
Chiến dịch mở đầu ngày 16-9-1950 bằng cuộc tấn công Đông Khê, một vị trí chiến lược quan trọng của địch trên đường số 4. Cuộc chiến đấu đã diễn ra trong suốt 2 ngày. Địch dựa vào công sự phòng thủ kiên cố, chống cự lại kịch liệt. Nhưng trước tinh thần dũng cảm hi sinh của quân đội ta, cuối cùng, toàn bộ quân địch ở Đông Khê đã bị tiêu diệt. Hệ thống phòng ngự của địch trên đường số 4 bị cắt làm đôi. Địch núng thối, tinh đường rút lui khỏi Cao Bằng. Để yểm trợ cho cuộc rút lui đó, chúng cho quân từ Lạng Sơn, Thất Khê đi lên bằng đường bộ để đón quân từ Cao Bằng về.

Ta đoán trước ý định của địch nên đã bố trí quân mai phục kiên nhẫn chờ chúng đến để tiêu diệt.

Quân địch lọt vào trận địa mai phục của ta, cả hai cánh quân của chúng không liên lạc được với nhau. Quân ta vận động rất linh hoạt, chia cắt quân địch ra từng bộ phận để

(1) Tháng 3-1950, Mĩ đưa 2 tầu chiến và 100 máy bay chiến đấu đến cảng Sài Gòn diễu võ dương oai. Lập tức 30 vạn đồng bào Sài Gòn — Chợ Lớn xuống đường biểu tình, thét vang các khẩu hiệu: «Đả đảo đế quốc Mĩ!», «Đế quốc Mĩ cút đi!», buộc tầu chiến và máy bay Mĩ vội vã rút lui không kèn không trống!

bao vây tiêu diệt. Kết quả là sau 10 ngày chiến đấu, đại bộ phận lực lượng địch trong hai căn cứ quân từ Cao Bằng về và từ Thất Khê lên đều bị tiêu diệt. Bọn sống sót chạy trốn vào rừng rồi cũng bị ta truy kích tiêu diệt nốt hoặc bị bắt sống. Bọn chỉ huy Pháp ở Lạng Sơn và Hà Nội hoảng sợ không kịp ứng cứu, vội ra lệnh rút luôn một loạt các cứ điểm còn lại trên đường số 4: Thất Khê, Na Sầm, Đồng Đăng, Lạng Sơn, Đình Lập. Trên đường tháo chạy, địch bị quân ta tiếp tục truy kích suốt ngày đêm và tiêu diệt thêm một số lớn. Đến ngày 17-10, chiến dịch Biên giới kết thúc hoàn toàn thắng lợi.



Hình 18 – Chiến thắng Biên giới thu đông 1950.

Phối hợp với chiến trường Biên giới, bộ đội chủ lực và dân quân du kích của ta ở các nơi cũng đánh mạnh, buộc địch phải rút khỏi Lào Cai, Hòa Bình, diệt hàng chục vị trí lớn nhỏ ở đồng bằng Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, Liên khu 5, Nam Bộ.

Chiến dịch Biên giới, chiến dịch lớn đầu tiên của ta, thắng lợi rực rỡ.

Ta đã tiêu diệt 11 500 tên địch (trong đó có 2 đại tá, 91 sĩ quan, 200 hạ sĩ quan) phần lớn là quân vào loại tinh nhuệ nhất ở Đông Dương. Ta thu 11 đại bác, 3 000 súng các loại, 60 xe vận tải, 500 tấn đạn dược và vô số quân trang quân dụng.

Ta đã khai thông biên giới Việt – Trung trên một đoạn dài 750km. Đồng thời, ta giải phóng 4 000km vuông đất đai và 35 vạn dân, trong đó có những thị trấn quan trọng như Lạng Sơn, Cao Bằng, Hòa Bình.

Căn cứ địa Việt Bắc của ta được mở rộng và củng cố, nối liền với các địa phương khác trong toàn quốc.



Hình 19 – Hồ Chủ tịch trong chiến dịch Biên giới 1950

Chiến thắng biên giới đánh dấu một bước trưởng thành vượt bậc của quân và dân ta qua 4 năm kháng chiến, tạo thêm những điều kiện thuận lợi mới cho quân và dân ta tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.

CÂU HỎI

1. Nội dung chính sách «đẩy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt» là gì? Tại sao địch phải thi hành chính sách ấy?
2. Ta đã làm gì để phá tan chính sách ấy của địch? Đồng thời ta đã tích cực xây dựng lực lượng kháng chiến về mọi mặt như thế nào?
3. Tại sao ta chủ động mở chiến dịch Biên giới? Chiến dịch Biên giới đã thắng lợi như thế nào?
4. Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Biên giới.

BÀI 20

TIẾP TỤC PHÁT HUY QUYỀN CHỦ ĐỘNG CHIẾN LƯỢC TRÊN CHIẾN TRƯỜNG CHÍNH, TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG KHÁNG CHIẾN VỀ MỌI MẶT (1951 — 1953)

I

NHỮNG THẮNG LỢI CHÍNH TRỊ, QUÂN SỰ CỦA TA TRONG NĂM 1951 VÀ NHỮNG ÂM MƯU MỚI CỦA BỌN ĐẾ QUỐC PHÁP — MỸ

1. Ba sự kiện chính trị lớn đầu năm 1951

Nhân dân ta đều biết rằng: người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng và kháng chiến Việt Nam từ trước đến nay, không phải là ai khác ngoài chính đảng của giai cấp công nhân, Đảng Cộng sản Đông Dương mà người đứng đầu là Hồ Chủ tịch.

Đến đầu năm 1951, sau những thắng lợi về quân sự và ngoại giao trong năm 1950, cuối tháng 2-1951, Đảng họp Đại

hội đại biểu lần thứ hai, khẳng định lại và hoàn chỉnh thêm một bước đường lối kháng chiến kiến quốc, đồng thời quyết định chủ trương ra công khai hoạt động với tên mới là **Đảng Lao động Việt Nam** (kể từ ngày 3-3-1951). Sự kiện trên đây đã có một ảnh hưởng lớn đến việc nâng cao uy tín và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc kháng chiến đang trên đà tiến triển mạnh.

Cũng trong thời gian trên, để mở rộng và củng cố hơn nữa khối đoàn kết toàn dân, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt (tên gọi tắt của «Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam» thành lập năm 1946) đã hợp nhất thành một tổ chức chung lấy tên là **Mặt trận Liên Việt**.

Một sự kiện chính trị khác có ý nghĩa lớn là sự thành lập **Liên minh Việt — Miên — Lào** (1).

Tiếp theo chiến thắng Biên giới cuối năm 1950, ba sự kiện chính trị lớn nói trên đã thổi thêm một luồng không khí phấn khởi mới trong toàn dân ta, càng thúc đẩy sự nghiệp kháng chiến tiến triển mạnh mẽ hơn nữa về mọi mặt.

2. Ta tiếp tục mở nhiều chiến dịch lớn và giành thắng lợi trên khắp các chiến trường

Từ đầu năm 1951 ta liên tiếp chủ động mở những chiến dịch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

Mở đầu là **chiến dịch Trung Du** (chiến dịch Trần Hưng Đạo) tháng 1-1951. Quân ta đánh mạnh vào hệ thống phòng ngự của địch ở hai tỉnh Vĩnh Yên và Phúc Yên, dọc đường quốc lộ số 2 và đường xe lửa từ Phúc Yên đến Việt Trì cho đến sát chân dãy núi Tam Đảo. Hàng loạt cứ điểm quan trọng của địch bị tiêu diệt. Nhiều binh đoàn cơ động ứng chiến của địch đã bị đánh tan.

Tiếp đó, **chiến dịch Đường số 18** (chiến dịch Hoàng Hoa Thám) tháng 3-1951, diễn ra trên một mặt trận dài từ Phả Lại qua Đông Triều, Uông Bí cho đến Quảng Yên, Hồng Gai.

(1) Đại biểu cho các lực lượng kháng chiến Cam-pu-chia có Ủy ban dân tộc giải phóng Cam-pu-chia. Đại biểu cho các lực lượng kháng chiến Lào có Mặt trận Neo Lào Hắc xạ đo hoàng thân Xu-pha-nu-vông làm chủ tịch.

Chỉ trong 5 ngày đầu chiến đấu, quân ta đã liên tiếp tiêu diệt 14 vị trí tương đối lớn của địch và bức chúng rút lui khỏi Uông Bí là một thị trấn quan trọng ở vùng mỏ Đông bắc. Nổi bật nhất trong chiến dịch này là trận đột nhập thị trấn Mạo Khê giết trên 400 tên địch. Trong khi bộ đội chủ lực tấn công ở mặt trận chính thì bộ đội địa phương và dân quân du kích đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch suốt từ Hòn Gai qua Quảng Yên, Bắc Giang, Bắc Ninh (Hà Bắc).

Cuối tháng 5-1951, ta lại mở chiến dịch Hà — Nam — Ninh (chiến dịch Quang Trung). Đây là một chiến dịch lớn đầu tiên ở đồng bằng, địa thế có nhiều thuận lợi cho địch và khó khăn cho ta. Tuy vậy, với tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí và với sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân vùng sau lưng địch, ta đã thu được thắng lợi lớn. Chỉ sau hai đêm đầu chiến đấu, quân ta đã tiêu diệt toàn bộ lực lượng địch ở thị xã Ninh Bình, và đánh lui những cánh quân tiếp viện của địch. Kết quả là đã tiêu diệt được mấy nghìn tên địch, làm tan rã một phần cơ sở nguy quyền, nguy quân ở ba tỉnh phía nam đồng bằng Bắc Bộ.

Xuân hè 1951, các chiến trường khác trong toàn quốc cũng đều đánh mạnh và thu thắng lợi lớn. Lần đầu tiên, Bình, Trị, Thiên lập chiến công lớn trong 2 trận chống càn ở Thanh Hương — Ưu Diêm và Phú Vang tiêu diệt trên 3000 tên địch.

Ở chiến trường Nam Bộ, chiến tranh du kích phát triển mạnh, và thắng lớn ở Long — Châu — Hà, ở Đồng Tháp Mười, ở Trà Vinh.

3. Bị sa lầy, Pháp ngày càng ôm chân Mĩ để tiếp tục chiến tranh xâm lược Việt Nam

Chiến thắng Biên giới và những chiến thắng liên tiếp của ta từ đầu năm 1951 đã tạo ra một thế chiến lược mới ngày càng có lợi cho ta, bất lợi cho địch: ta mạnh lên rõ rệt, giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ) và đẩy mạnh chiến tranh du kích trên các chiến trường khác; địch bị tổn thất nặng nề và ngày càng bị đẩy sâu thêm vào thế chiến lược phòng ngự bị động.

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và Đông Dương hao người tốn của đẩy nước Pháp ngày càng đi sâu vào một tình thế khốn đốn về nhiều mặt, nhất là về kinh tế tài chính⁽¹⁾. Để gỡ thế bí về tài chính và quân sự, bọn thực dân phản động Pháp chỉ có một con đường là van xin «viện trợ» Mĩ, do đó ngày càng bị cột chặt vào Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam⁽²⁾.

Đầu năm 1951, Chính phủ Pháp cử Đơ-lát đơ Tát-xi-nhi (De Lattre de Tassigny) là một viên tướng có danh tiếng vào bậc nhất của nước Pháp và của khối Bắc Đại Tây Dương, sang làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. Đơ-lát sang Đông Dương với một kế hoạch quân sự đầy tham vọng: thay đổi kế hoạch phòng ngự, củng cố lại lực lượng, ổn định lại tinh thần của bọn Pháp và bù nhìn ở Đông Dương, tăng cường chính sách «dùng người Việt đánh người Việt», chuẩn bị mở một cuộc tấn công lớn để giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính...

Theo kế hoạch đó, về quân sự, địch cố gắng tăng thêm viện binh Âu Phi từ Pháp sang, tuyển thêm nhiều nguy binh, tổ chức nhiều «binh đoàn cơ động ứng chiến» tinh nhuệ, xây dựng hệ thống công sự chìm bằng bê-tông cốt sắt rất kiên cố (boong-ke), tăng cường càn quét bình định các vùng tạm chiếm, nhất là ở vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ⁽³⁾ tập trung quân chủ lực, chuẩn bị đánh thọc ra vùng tự do của ta v.v...

Về chính trị, địch thi hành nhiều thủ đoạn xảo trá như: tuyên truyền cho viện trợ Mĩ, tô son trát phấn cho tên quốc trưởng bù nhìn Bảo Đại, sử dụng tên Việt gian phản động đội lốt cha cố Lê Hữu Từ để lừa bịp, lôi kéo đồng bào theo

(1) Năm 1951, phí tổn quân sự Pháp ở Việt Nam lên đến 330 ngàn triệu. Năm 1952 phải tăng thêm độ 100 ngàn triệu nữa.

(2) Năm 1951, viện trợ Mĩ chiếm 12% trong toàn bộ ngân sách chiến tranh của Pháp ở Đông Dương, đến đầu năm 1953 lên tới 71%.

(3) Một thủ đoạn «bình định» mới của giặc ở các vùng tạm chiếm là bắt dân vào các trại tập trung theo kiểu phát xít Hit-le trong chiến tranh thế giới thứ hai. Điển hình là vụ giặc Pháp bắt hơn một vạn rưỡi đồng bào Thái Bình tập trung ở sân vận động Chợ Bo (11-1951).

đạo Thiên chúa, ra sức bắt lính, xúc tiến thành lập «quân đội quốc gia» bù nhìn, tung gián điệp, biệt kích vào vùng tự do của ta v. v...

Về kinh tế, chúng tăng cường cướp bóc mùa màng ở các vùng tạm chiếm, và dùng máy bay ném bom, bắn phá các đê đập, chợ búa, đường giao thông ở các vùng tự do của ta.

Tóm lại, từ năm 1951, với sự giúp đỡ tích cực của Mĩ, thực dân Pháp đưa ra nhiều thủ đoạn điên cuồng, xảo quyết và có những cố gắng lớn về mọi mặt nhằm ngăn chặn bước tiến mạnh mẽ của chúng ta. Song, dù cố gắng đến bao nhiêu, chúng cũng không thể xoay chuyển được cục diện chiến tranh đang phát triển theo chiều hướng ngày càng bất lợi cho chúng.

II

PHÁ TÁN KẾ HOẠCH QUÂN SỰ CỦA ĐỢ TAT-XI-NHI, TIẾP TỤC PHÁT HUY QUYỀN CHỦ ĐỘNG CHIẾN LƯỢC TRÊN CHIẾN TRƯỜNG CHÍNH

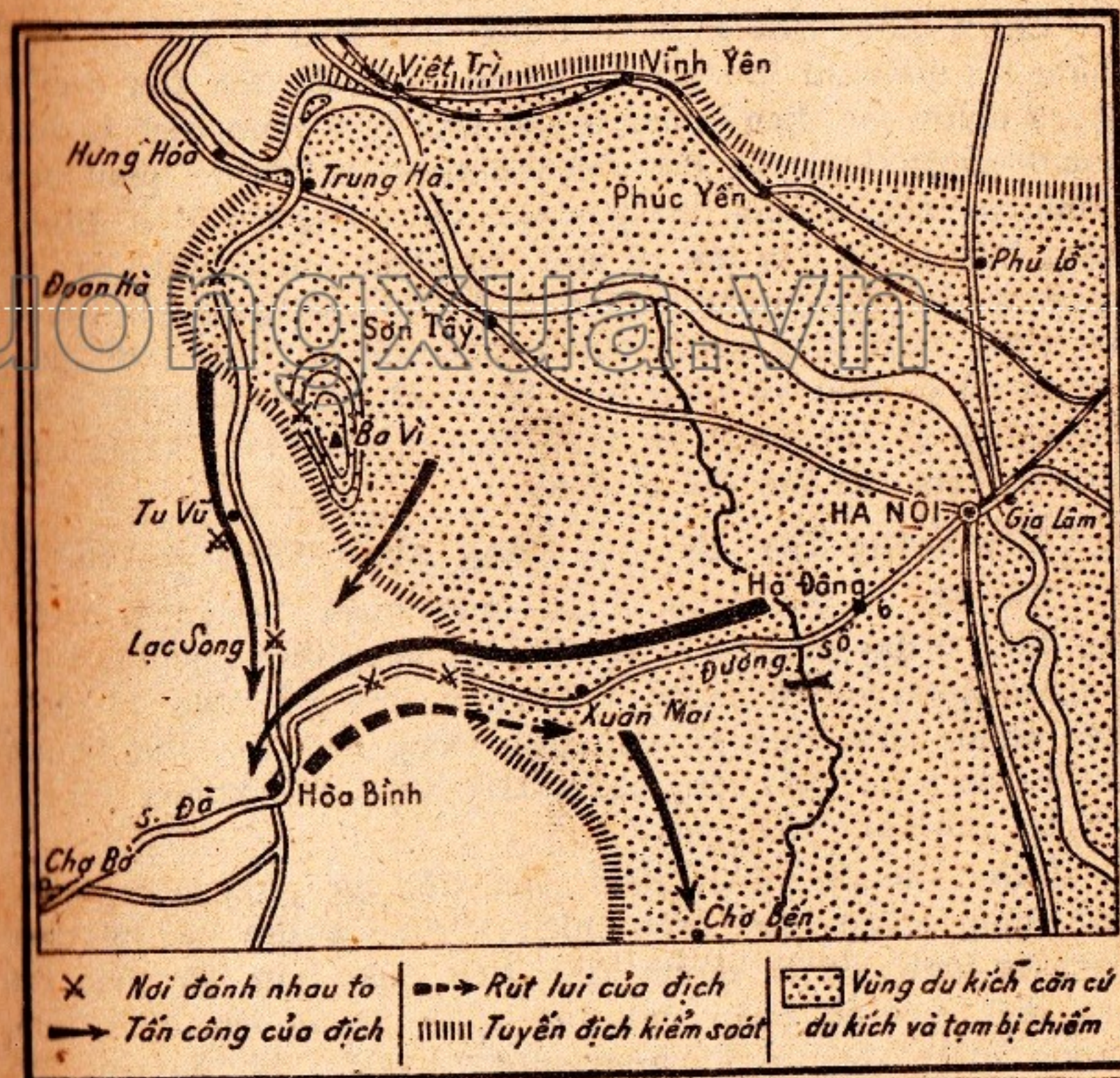
4. Đánh bại cuộc hành quân mạo hiểm của địch ra Hòa Bình và chiến thắng Đông xuân 1951 — 1952

Cuối năm 1951, theo kế hoạch của Đơ Tát-xi-nhi địch mạo hiểm mở cuộc tấn công ra vùng tự do của ta ở Hòa Bình, nhằm cắt đứt liên lạc của ta giữa Việt Bắc và Liên khu 3, 4, và cố giành lại quyền chủ động trên chiến trường chính; về mặt chính trị, địch nhằm thực hiện âm mưu thành lập «Xứ Mường tự trị» để phá hoại khối đoàn kết dân tộc của ta.

Ngày 10-11-1951, địch bắt đầu cho quân nhảy dù xuống Chợ Bến, Xuân Mai, đồng thời hai cánh quân thủy bộ, có máy bay trợ lực, tiến vào sông Đà và đường số 6 nhằm hướng thị xã Hòa Bình. Ngay sau khi địch đánh ra Hòa Bình, Trung ương Đảng ta đã quả quyết rằng: «Địch đánh ra Hòa Bình là một cơ hội tốt cho ta tiêu diệt chúng».

Thật vậy, chỉ sau mấy ngày, thị xã Hòa Bình liền bị vây chặt trong một vòng đai lửa, khiến quân lính địch phải núp

kin dưới hầm, không lộ đầu lên được. Trên phòng tuyến sông Đà, nhiều đoàn tàu chiến của địch bị đánh đắm, các vị trí kiên cố nhất như Ba Vi, Đá Chông, Tu Vũ lần lượt bị tiêu diệt. Rồi mọi sự liên lạc bằng đường thủy, đường bộ, đường không của địch đều bị cắt đứt. Trong khi đó về phía ta phối hợp chặt chẽ với mặt trận Hòa Bình, ngay từ đầu, chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ đã phát triển mạnh đến một quy mô chưa từng thấy. Một bộ phận bộ đội chủ lực cùng bộ đội địa phương và dân quân du kích của ta liên tiếp đột nhập các thị xã Nam Định, Phát Diệm, Hưng Yên, Thái Bình, hạ hàng trăm đồn bốt giặc, giải tán hàng nghìn hội tề.



Hình 20 — Chiến dịch Hòa Bình Đông Xuân 1951 — 1952

Nhân dân các vùng tạm bị chiếm cũng đẩy mạnh đấu tranh chống thu thuế, bắt phu, bắt lính, cướp bóc, bằng đủ mọi hình thức. Hệ thống nguy quyền của giặc bị tan rã từng mảng lớn, các căn cứ du kích và khu du kích của ta được mở rộng khắp các tỉnh đồng bằng và trung du Bắc Bộ.

Sau hơn ba tháng đánh lên Hòa Bình, địch đã ở vào một tình thế vô cùng nguy khốn. Bộ phận quân địch đóng ở thị xã bị cô lập hoàn toàn và chết dần chết mòn, tinh thần binh lính rất hoang mang. Địch bị bắt buộc rút khỏi thị xã Hòa Bình. Trên đường rút, chúng lại bị quân ta truy kích tiêu diệt một bộ phận lớn. Đến ngày 23-2-1952, chiến dịch Hòa Bình kết thúc, quân ta toàn thắng.

Chiến thắng Hòa Bình và Đông xuân 1951 — 1952 là một thắng lợi quân sự lớn của ta, trong đó ta đã tiêu diệt hơn 2 vạn 2 nghìn tên địch (riêng ở mặt trận Hòa Bình, địch bị diệt hơn 6 nghìn tên). Ta đã phá tan mọi âm mưu quân sự, chính trị của chúng trong cuộc tấn công lên Hòa Bình, đồng thời ta đã làm tan rã một bộ phận quan trọng cơ sở nguy quyền nguy quân của địch ở đồng bằng Bắc Bộ. Một bước tiến mới có ý nghĩa chiến lược của ta trong thời gian này là đã có một sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa đánh địch ở trước mặt và đánh địch ở sau lưng, khiến cho địch bị hãm sâu vào thế bị động.

5. Chiến thắng Tây Bắc và Đông xuân 1952 — 1953

Tây Bắc là một vùng chiến lược quan trọng. Địch đã xây dựng ở đây một hệ thống Phòng ngự kiên cố gồm hơn 8 nghìn quân và lập ra «Xứ Thái tự trị» giả hiệu để thực hiện chính sách chia rẽ dân tộc. Đồng bào Tây Bắc trong bao nhiêu năm phải sống nghệt thở dưới ách khủng bố và bóc lột tàn khốc của giặc.

Bước vào thu đông năm 1952, tiếp tục phát huy quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ, Bộ Tổng tư lệnh của ta quyết định tiến quân vào Tây Bắc để tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của địch, giải phóng nhân dân, giải phóng một bộ phận đất đai của Tổ quốc. Ngày 10-10-1952, chiến dịch Tây Bắc bắt đầu. Chỉ vài ngày

sau, quân ta đã tiêu diệt căn cứ quan trọng của địch ở Nghĩa Lộ, rồi giải phóng cả một vùng rộng lớn ở hữu ngạn sông Thao. Bọn địch ở tả ngạn sông Đà hoảng hốt bỏ chạy, quân ta truy kích và tiêu diệt chúng từng bộ phận lớn. Địch lo tăng viện để củng cố phòng tuyến của chúng ở hữu ngạn sông Đà. Nhưng với tinh thần dũng cảm diệt địch, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn gian khổ, bộ đội ta ngày đêm băng ngàn vượt suối, tiến công liên tục. Rồi, phòng tuyến sông Đà của địch cũng bị chọc thủng, quân ta tiếp tục giải phóng tỉnh lỵ Sơn La, và tiến công chiếm lĩnh Điện Biên Phủ. Đến đầu tháng 12-1952, chiến dịch Tây Bắc kết thúc thắng lợi. Quân ta tiêu diệt 6000 tên địch, giải phóng toàn tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La (trừ cứ điểm Nà Sản) và một phần tỉnh Lai Châu.



Hình 21 — Chiến dịch Tây Bắc 1952

6. Thắng lợi ở các chiến trường phối hợp

Trong đông xuân 1952 — 1953, phối hợp với chiến trường chính, các chiến trường Bình, Trị, Thiên, Quảng Nam, Tây Nguyên, Nam Bộ đều hoạt động mạnh và giành thắng lợi lớn.

Ở Liên khu 5 (Trung Trung Bộ), nổi bật lên chiến thắng *Bắc Tây Nguyên* và *Quy Nhơn*.

Từ cuối năm 1952 sang đầu năm 1953, quân và dân ta đánh mạnh trên chiến trường Tây Nguyên, liên tiếp tiêu diệt nhiều cứ điểm và nhiều đoàn xe địch trên đường 19, uy hiếp mạnh căn cứ chiến lược *An Khê*. Địch phải đưa quân từ Bắc Bộ và Nam Bộ đến tăng viện cho *An Khê*. Để giảm nhẹ sức uy hiếp đối với *An Khê*, ngày 29-1-1953, địch mạo hiểm cho quân đổ bộ lên *Quy Nhơn*, nhưng sau hơn một tuần lễ bị đánh đau, phải vội vã rút lui.

Ở *Nam Bộ*, trong thời gian này, chiến tranh du kích tiếp tục phát triển mạnh khắp các vùng, sát ngay các thành phố và thị trấn. Nổi bật nhất là trận đột nhập và tiêu diệt hoàn toàn một khu đồn trú của 50 sĩ quan không quân địch ở *Sài Gòn*.

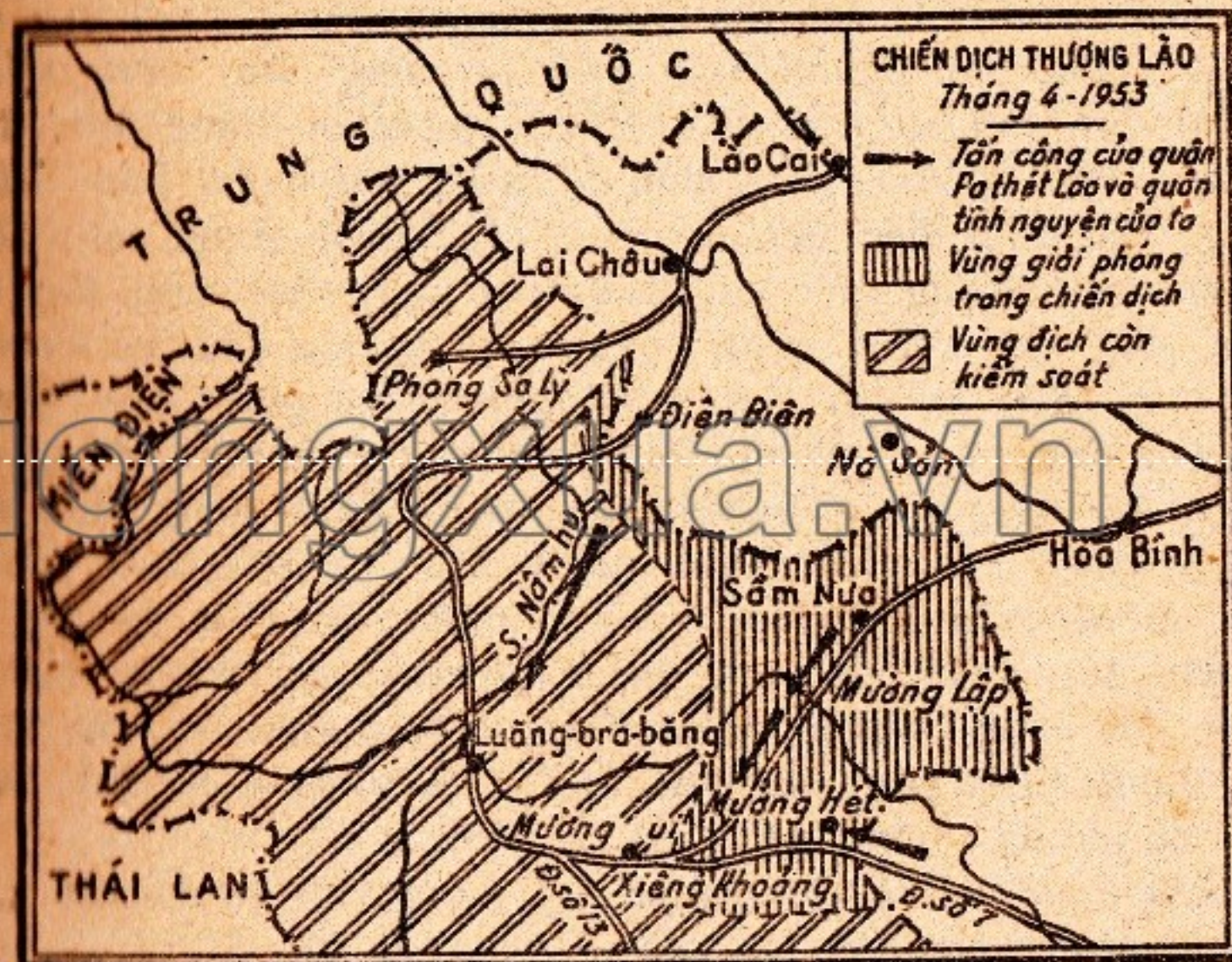
Hòa nhịp với những chiến thắng lớn của Việt Nam, trong nửa đầu năm 1953, các lực lượng kháng chiến *Pa-thét Lào* cũng tiến lên giành nhiều thắng lợi mới. Đặc biệt, trong chiến dịch *Thượng Lào* (tháng 4-1953). Quân và dân Lào đã giải phóng toàn tỉnh *Sầm Nưa* và một phần tỉnh *Phong Sa-lì*; đồng thời chiến tranh du kích cũng phát triển mạnh ở *Trung* và *Hạ Lào*.

Nhìn chung, diễn biến tình hình chiến sự từ sau chiến dịch *Biên giới* đến giữa năm 1953, có mấy đặc điểm nổi bật như sau:

— Ta đã giành lại, giữ vững và phát triển quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ). Hình thái phản công cục bộ đã xuất hiện trên các chiến trường. Địch tuy cố gắng rất lớn (kế hoạch *Đơ-lát đơ Tát-xi-nhi*), vẫn bị đẩy ngày càng sâu hơn vào thế bị động.

— Ta đã tiêu diệt những lực lượng quân tinh nhuệ của địch (khoảng 4,5 vạn), làm tan rã một bộ phận lớn cơ sở nguy quyền, nguy quân và giải phóng những vùng đất đai rộng lớn ở những địa bàn chiến lược quan trọng.

— Lực lượng vũ trang nhân dân của ta, từ chỗ non yếu ban đầu, trải qua quá trình chiến đấu và xây dựng, đã lớn mạnh vượt bậc. Bộ đội chủ lực (bao gồm nhiều đại đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn) đã tiến bộ nhanh chóng về trình độ kỹ thuật, chiến thuật và tổ chức chỉ huy; bộ đội địa phương và dân quân du kích đã phát triển rộng khắp và phối hợp chiến đấu với bộ đội chủ lực trên mặt trận chính diện cũng như trên mặt trận sau lưng địch. Sự lớn mạnh vượt bậc của ba thứ quân là thắng lợi của *đường lối chiến tranh nhân dân*, là tiền đề có tính chất quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến.



Hình 22 — Chiến dịch Thượng Lào 1953

III

**TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG KINH TẾ, VĂN HÓA
BỒI DƯỠNG SỨC DÂN, TẠO CƠ SỞ ĐỂ TIẾN LÊN
GIÀNH THẮNG LỢI QUYẾT ĐỊNH**

7. Tăng cường công tác kinh tế, tài chính

Cuộc kháng chiến anh dũng của chúng ta từ sau chiến thắng *Biên giới* đang phát triển mạnh. Nhu cầu về các mặt

cung cấp lương thực, trang bị vũ khí, quần áo, thuốc men cho quân đội, bảo đảm những nhu cầu tối thiểu trong đời sống nhân dân, ngày càng tăng, Hồ Chủ tịch thường nói: «Thực túc binh cường» (ăn có no, bộ đội mới mạnh). Vì vậy, từ năm 1951 — 1952, năm vững quan điểm trường kì kháng chiến, tự lực cánh sinh, Đảng và Chính phủ hết sức chăm lo công tác kinh tế, tài chính mà nội dung là: ra sức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, mở mang công thương nghiệp, đấu tranh kinh tế với địch.

Cuộc «Đại vận động sản xuất và tiết kiệm» đề ra từ đầu năm 1952 đã thực sự trở thành một phong trào quần chúng sôi nổi lôi cuốn mọi ngành, mọi giới, từ nông dân, công nhân đến bộ đội, cán bộ, học sinh. Hết «vụ chiêm thắng lợi» đến «vụ mùa thắng lợi», nông dân ta hăng hái chăm bón đồng ruộng, bảo đảm diện tích cây cấy, cải tiến kĩ thuật canh tác, làm cho sản lượng thóc lúa, hoa màu ngày một tăng. Các cơ quan, đơn vị bộ đội, bệnh viện, trường học đều có «vườn tăng gia», đều tự đặt cho mình nhiệm vụ giúp dân chống hạn, trừ sâu, cấy, gặt cho kịp thời vụ. Cán bộ kĩ thuật và công nhân trong các xí nghiệp thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kĩ thuật sản xuất thêm nhiều thứ vũ khí mới, nhiều thuốc men, quần áo cung cấp cho quân đội. Một số nhà tư sản dân tộc xuất vốn ủng hộ với Nhà nước mở mang một số cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp sản xuất các hàng tiêu dùng thiết yếu của Nhà nước và nhân dân như: vải, giấy, xà phòng, diêm, nông cụ cải tiến, v.v...

Mậu dịch quốc doanh được xây dựng làm cơ sở đầu tiên cho nền thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Ngân hàng quốc gia Việt Nam được thành lập và phát hành đồng bạc Việt Nam mới.

Một số cải cách quan trọng về chính sách thuế khóa được đề ra như: *thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp*, xây dựng trên một cơ sở công bằng, hợp lí hơn trước và có tác dụng khuyến khích tăng gia sản xuất.

Bên cạnh nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng nền kinh tế của ta, công tác đấu tranh kinh tế với địch lúc này cũng được chú trọng, nhằm đánh bại chính sách «lấy chiến tranh nuôi

chiến tranh» của địch. Ở các vùng sau lưng địch, cuộc chiến đấu chống địch tàn quét, phá hoại mùa màng, cướp bóc lúa gạo diễn ra hằng ngày một cách hết sức quyết liệt. Các vùng tự do, vừa phải chiến đấu chống máy bay địch ném bom bắn phá đề điều, kho tàng, chợ búa, đường giao thông, vừa phải đấu tranh ngăn chặn sự xâm nhập kinh tế của địch, bảo vệ kinh tế tài chính của ta.

8. Dẩy mạnh các hoạt động về giáo dục, văn hóa

Từ năm 1951 trở đi, quán triệt quan điểm «kháng chiến toàn diện và trường kì» các hoạt động giáo dục văn hóa cũng được đẩy mạnh theo phương châm: phục vụ kháng chiến, phục vụ sản xuất, phục vụ nhân dân.

Ngành giáo dục tiếp tục thực hiện cuộc cải cách, bắt đầu từ năm 1950. Hệ thống nhà trường phổ thông 9 năm với chương trình học mới đã hoàn toàn thay thế hệ thống nhà trường trung, tiểu học cũ. Sinh hoạt nhà trường được dần dần dân chủ hóa, tạo nên một không khí đoàn kết thân ái, chịu trách nhiệm tập thể giữa giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh. Nhà trường ngày càng gắn bó với đời sống xã hội, các hoạt động chính trị và lao động sản xuất của nhân dân... Đồng thời, sự phát triển giáo dục về mặt số lượng cũng được đẩy mạnh: tính đến năm 1952, chỉ riêng ở các liên khu Việt Bắc, 3, 4 và 5, đã có trên 1 triệu học sinh phổ thông; phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hóa tiếp tục phát triển. Một số trường, lớp đại học và trung học sư phạm, y tế, nông lâm, giao thông... thành lập.

Công tác vận động vệ sinh phòng bệnh, đời sống mới, bài trừ mê tín, dị đoan ngày càng lan rộng và ăn sâu trong nhân dân: các tệ nạn của xã hội cũ như cờ bạc, thuốc phiện, gái điếm... hầu như không còn nữa. Lời ca tiếng hát vang lên rộn ràng trong các thôn xóm, các đơn vị bộ đội, trường học, trên các nẻo đường dân công tiếp vận, là một nét rất mới trong nếp sống của nhân dân ta.

9. Động viên và bồi dưỡng sức dân

Từ giữa năm 1948, Hồ Chủ tịch phát động «Phong trào thi đua ái quốc» nhằm động viên đến mức cao nhiệt tình yêu

nước, tích cực tham gia mọi công tác kháng chiến, kiến quốc của toàn quân và toàn dân. Phong trào ngày càng ăn sâu, lan rộng trong tất cả các ngành, các giới. Phong trào thi đua đã làm nảy nở ngày càng nhiều những đơn vị và cá nhân ưu tú lập thành tích xuất sắc trong chiến đấu, sản xuất, học tập, công tác. Và trên cơ sở đó, ngày 1-5-1952, Quốc hội và Chính phủ mở *Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc* lần thứ nhất tại căn cứ địa Việt Bắc. Dưới sự chủ tọa của Hồ Chủ tịch, Đại hội đã tổng kết và biểu dương một cách xứng đáng những thành tích rực rỡ của phong trào thi đua ái quốc trong những năm qua trên mọi lĩnh vực công tác kháng chiến, kiến quốc, và đã chọn ra được 7 anh hùng (Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên, Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa, Hoàng Hanh) và hàng chục chiến sĩ thi đua toàn quốc. Đó là những bông hoa tươi thắm tiêu biểu cho tinh thần yêu nước nồng nàn, tinh thần chiến đấu dũng cảm, lao động cần cù và trí thông minh sáng tạo của toàn quân và toàn dân ta.

Đại hội thi đua toàn quốc đã có tác dụng động viên, thúc đẩy phong trào thi đua lên mạnh hơn nữa theo yêu cầu mới của công cuộc kháng chiến.

Động viên đi đôi với bồi dưỡng. Để thiết thực bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân, đầu năm 1953, Đảng và Chính phủ đề ra chủ trương *phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức*, tiến tới thực hiện từng bước cuộc cải cách ruộng đất nhằm xóa bỏ chế độ bóc lột từ hàng ngàn năm của giai cấp địa chủ phong kiến đối với nông dân.

Chủ trương trên đây bước đầu được thực hiện ở một số địa phương đã mang lại những kết quả cụ thể: nông dân được chia hàng nghìn mẫu ruộng đất, hàng nghìn trâu bò, nông cụ... càng thêm phấn khởi tăng gia sản xuất, xung phong đi bộ đội, đóng thuế nông nghiệp, đi dân công phục vụ tiền tuyến...

Tóm lại, từ năm 1951 đến năm 1953, trên đà chuyển biến mạnh mẽ của cuộc kháng chiến, bên cạnh những thắng lợi lớn về quân sự, nhân dân ta còn có những cố gắng và tiến bộ lớn về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa... Những cố gắng và tiến bộ ấy không chỉ có tác dụng trực tiếp phục

vụ những nhu cầu bức thiết của cuộc kháng chiến, mà còn có ý nghĩa thúc đẩy thêm một bước quá trình cách mạng dân chủ và xây dựng nền kinh tế, văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân ở nước ta.

CÂU HỎI

1. Ba sự kiện chính trị lớn đầu năm 1951 đã xảy ra trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào? Nó có tác dụng gì đối với cuộc kháng chiến?
2. Trong thời gian 1951-1953, thực dân Pháp đã có những âm mưu và thủ đoạn gì để đối phó với sự lớn mạnh vượt bậc của ta từ sau chiến thắng Biên giới? Trong những âm mưu và thủ đoạn ấy bàn tay can thiệp ngày càng sâu của Mĩ thể hiện ở những chỗ nào?
3. Chứng minh rằng từ 1951 đến 1953, bất chấp mọi sự đối phó điên cuồng của địch, quân và dân ta đã giữ vững và phát huy quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ). Đồng thời, các chiến trường khác (Bình, Trị, Thiên, Khu 5, Nam Bộ...) đều có những biến chuyển mới.
4. Phân tích ý nghĩa thực tiễn của những chủ trương lớn về kinh tế, văn hóa, bồi dưỡng sức dân, đối với nhu cầu bức thiết của công cuộc kháng chiến và đối với sự nghiệp cách mạng lâu dài của nước ta.

BÀI 21

CHIẾN CUỘC ĐÔNG XUÂN 1953 -- 1954 VÀ CHIẾN DỊCH LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

I

KẾ HOẠCH PHIÊU LƯU QUÂN SỰ CỦA NA-VA VÀ CHỦ TRƯỞNG ĐỐI PHÓ CỦA TA

1. Kế hoạch quân sự Na-va

Trong khi chúng ta bước vào đông xuân 1953 -- 1954 với một hoàn cảnh quân sự và chính trị có nhiều thuận lợi như trên thì kẻ địch là thực dân Pháp lại ở vào một tình thế hết sức bất lợi. Cuộc chiến tranh xâm lược của chúng đã bước vào năm thứ 8. Tổng số quân địch bị giết và bị bắt

đã lên đến gần 39 vạn, vùng chiếm đóng của chúng ngày càng bị thu hẹp, nhất là ở chiến trường miền Bắc. Kinh tế tài chính của nước Pháp ngày càng kiệt quệ, chiến phí Đông Dương từ 3,2 tỉ phơ-răng năm 1945 đã tăng lên tới 556 tỉ phơ-răng năm 1953, trong số này trên 70% là do viện trợ của Mĩ. Phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp và nhân dân thế giới chống «cuộc chiến tranh bẩn thỉu ở Đông Dương» ngày càng lên cao làm cho nội bộ bọn thực dân Pháp thêm lục đục. Chính phủ Pháp đã lập lên đồ xuống 18 lần, đã thay đổi 6 tướng chỉ huy và 5 cao ủy ở Đông Dương, nhưng rốt cục thực dân Pháp chỉ ngày càng sa lầy trong cuộc chiến tranh. Chính trong tình hình nguy kịch đó mà mùa hè năm 1953, thực dân Pháp theo lệnh Mĩ, đã cử tướng Na-va sang làm tổng chỉ huy quân đội của chúng ở Đông Dương, hòng dựa vào sự hà hơi tiếp sức của Mĩ để xoay chuyển lại tình thế.

Về phía đế quốc Mĩ thì, sau thất bại trong âm mưu xâm lược Bắc Triều Tiên, và lợi dụng sự suy yếu của Pháp, chúng can thiệp sâu vào Đông Dương, nhằm âm mưu thông qua kế hoạch quân sự Na-va mà thực hiện âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh, chống lại phong trào cách mạng ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Theo kế hoạch đó, Na-va chủ trương lập một lực lượng cơ động chiến lược rất mạnh, không những đủ sức đối phó với những cuộc tấn công lớn của ta trong thời gian trước mắt, mà còn đủ sức tiêu diệt quân chủ lực của ta sau này.

Nhằm mục đích đó, ngoài việc xin viện binh từ Pháp sang, Na-va chủ trương phát triển nguy quân với quy mô lớn, dùng nguy quân làm lực lượng chiếm đóng thay cho lính Âu Phi tập trung lại thành những binh đoàn cơ động ứng chiến lớn.

Na-va định ra một kế hoạch tác chiến táo bạo nhằm kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng. Kế hoạch đó gồm 3 bước :

— Bước thứ nhất : Tập trung lực lượng cơ động mạnh ở đồng bằng Bắc bộ, tiến hành can quét, tiêu hao chủ lực ta, bắt thanh niên đi lính, đánh chiếm Điện Biên Phủ củng cố vùng chiến lược Tây Bắc Bắc bộ làm bàn đạp cho cuộc tấn công quy mô lớn ở bước sau.



Hình 23 — Chiến trường Đông Dương 1953—1954 trên đất liền.

— Bước thứ hai : Sang đầu năm 1954, lợi dụng mùa mưa, chủ lực ta khó hoạt động, địch sẽ chuyển quân lớn vào Nam, đánh chiếm các vùng tự do và căn cứ du kích của ta ở Liên khu 5 và Nam Bộ.

— Bước thứ ba : Thu đông 1954—1955, sau khi bình định xong miền Nam, địch sẽ tập trung đại bộ phận lực lượng cơ động ra chiến trường Bắc Bộ, mở một cuộc tấn công quy mô lớn vào hậu phương của ta, từ đồng bằng đánh lên, từ bàn đạp Tây Bắc đánh xuống, tiêu diệt chủ lực của ta và đi đến kết thúc chiến tranh.

2. Chủ trương chiến lược của ta trong đông xuân 1953—1954

Trên cơ sở phân tích tình hình khách quan về cả phía ta và phía địch, nắm vững tư tưởng tiêu diệt sinh lực địch là chính, Trung ương Đảng và Chính phủ ta đã đề ra chủ trương chiến lược đúng đắn như sau : *«Tập trung lực lượng mở những cuộc tấn công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực của địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa điểm xung yếu mà chúng không thể bỏ; do địch phải phân tán binh lực mà tạo ra cho ta những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực của chúng...»* Phương châm tác chiến là : *«đánh ăn chắc, tiến ăn chắc, chắc thắng thì đánh cho kì thắng, không chắc thắng thì kiên quyết không đánh»* (1).

Quá trình diễn biến của chiến cuộc đông xuân 1953—1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ là quá trình thực hiện tích cực và sáng tạo chủ trương chiến lược nói trên.

II

KẾ HOẠCH NA-VA BƯỚC ĐẦU BỊ PHÁ SÀN

3. Ta đánh mạnh ở vùng sau lưng địch, đập tan cuộc hành quân của địch ra Ninh Bình, bao vây Điện Biên Phủ

Bước vào thu đông 1953, khi Na-va tập trung hàng mấy chục tiểu đoàn quân cơ động và tiến hành càn quét khốc liệt

(1) Xem *Điện Biên Phủ* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhà xuất bản Quân đội nhân dân, trang 47.

ở đồng bằng Bắc Bộ thì ta chủ trương đẩy mạnh chiến tranh du kích ở đây, nhằm chống trả mãnh liệt những cuộc càn quét của địch, phục kích các đường giao thông quan trọng, nhất là đường quốc lộ số 5, đấu tranh chống bắt lính, bảo vệ mùa màng, tiếp tục làm tan rã hệ thống nguy quyền của địch.

Sau khi vụ mạo hiểm cho quân nhảy dù xuống thị xã Lạng Sơn để đánh lạc hướng của ta, địch mở một cuộc hành quân quy mô lớn vào vùng tự do của ta ở phía Nam Ninh Bình (10-1953) với mục đích thăm dò và thu hút quân chủ lực của ta vào đây.

Nắm vững chủ trương chiến lược của Trung ương như đã nói ở trên, một bộ phận quân chủ lực của ta cùng với bộ đội địa phương và dân quân du kích hai tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa đã chiến đấu ngăn chặn được sự tiến quân của địch, ghìm chân chúng lại phía ngoài địa phận Thanh Hóa và tiêu diệt hơn 1 500 tên, buộc chúng phải tháo lui. Trong khi đó, một bộ phận quan trọng quân chủ lực của ta chủ động tiến lên hướng Tây Bắc giải phóng thị xã Lai Châu đồng thời bao vây Điện Biên Phủ là một địa điểm xung yếu mà địch vừa mới cho quân nhảy dù xuống chiếm lĩnh từ 20-11-1953 để yểm hộ cho Tây Bắc và ngăn chặn cuộc tiến công của quân ta.

Bị tấn công bất ngờ, địch phải lo đối phó, gấp rút điều thêm quân cơ động từ đồng bằng Bắc Bộ lên tăng cường cho Điện Biên Phủ. Như vậy là, ngoài đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ đã là nơi tập trung quân thứ hai của địch.

4. Phối hợp với chiến trường Việt Nam, quân giải phóng Lào cùng quân tình nguyện Việt Nam tấn công lớn ở Trung Lào và Thượng Lào

Bước vào thu đông 1953, phối hợp với chiến trường Việt Nam quân đội Pa-thét Lào đẩy mạnh kháng chiến ở Trung Lào. Đầu tháng 12-1953, bị uy hiếp mạnh, địch điều quân cơ động từ đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ sang tăng cường cho Thà-khet. Quân giải phóng Lào và quân tình nguyện Việt Nam đã nhanh chóng mở cuộc tấn công, chỉ trong 3 ngày, tiêu diệt hơn 2 000 tên địch, giải phóng thị xã Thà-khet, phát triển lực lượng về phía Xê-nô (Xa-va-na-khet). Địch phải gấp rút điều

quân tới tăng cường cho Xê-nô, biến Xê-nô thành một nơi tập trung quân thứ ba của chúng.

Đầu năm 1954, quân giải phóng Lào phối hợp với quân tình nguyện Việt Nam, thực hiện kế hoạch bao vây và chuẩn bị tấn công vào Điện Biên Phủ, đã mở cuộc tấn công lớn ở Thượng Lào, giải phóng lưu vực sông Nam Hu, uy hiếp Luang Pra-bang, buộc địch phải tăng viện cho Luang Pra-bang biến Luang Pra-bang thành một nơi tập trung quân thứ tư của địch.

5. Đánh bại cuộc hành quân của địch ra Tuy Hòa và thắng lớn ở Tây Nguyên

Mặc dầu bị đánh bại ở nhiều hướng, Na-va vẫn rất chủ quan trong sự phán đoán tình hình. Y cho rằng ta không đủ sức đánh mạnh và đánh lâu ở nhiều chiến trường trong cùng một thời gian. Y cũng không tin rằng ta có đủ sức tấn công vào Điện Biên Phủ.

Cho nên, ngày 20-1-1954, Na-va tập trung một lực lượng gồm hàng chục tiểu đoàn lấy ở chiến trường Nam Bộ ra, mở cuộc tấn công ra Tuy Hòa (Phước Yên) nhằm mục đích chiếm lĩnh vùng tự do của ta ở Liên khu 5, thực hiện bước thứ hai trong kế hoạch quân sự của y. Bộ chỉ huy Liên khu 5, nắm vững phương châm «Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt», chỉ để một bộ phận nhỏ quân chủ lực ở mặt trận Tuy Hòa, còn đại bộ phận lực lượng thì tập trung mở một cuộc tấn công bất ngờ vào hậu phương tương đối sơ hở của địch ở Bắc Tây Nguyên.

Sau 22 ngày chiến đấu, quân ta giải phóng toàn bộ tỉnh Kon Tum. Trong khi đó, quân địch đóng ở thị xã Plây Cu cũng bị tập kích.

Bị thất bại ở Kon Tum lại bị tập kích ở Plây Cu trận thế của địch ở Tây Nguyên lung lay. Địch buộc phải bãi bỏ cuộc hành quân đang bị sa lầy ở Tuy Hòa để rút quân đưa lên tăng cường cho mặt trận Plây Cu. Plây Cu biến thành nơi tập trung quân thứ năm của địch.

Trong khi địch phải đối phó bị động với các cuộc tấn công liên tiếp của ta trên mặt trận chính diện thì ở chiến

trường sau lưng địch, bộ đội địa phương và dân quân du kích của ta đã nắm vững thời cơ, đẩy mạnh hoạt động phối hợp :

— Ở đồng bằng Bắc Bộ, hàng loạt cứ điểm của địch đã bị tiêu diệt, đường số 5 bị uy hiếp nghiêm trọng. Đặc biệt, trong 2 cuộc tập kích lớn vào sân bay Cát Bi (7-3-1954) và sân bay Gia Lâm (8-3-1954), quân ta đã phá hủy 78 máy bay địch.

— Ở Bình, Trị, Thiên, cực Nam Trung Bộ, quân và dân ta cũng đẩy mạnh chiến tranh du kích, mở rộng khu căn cứ.

— Ở Nam Bộ, trên 1000 đồn bốt, tháp canh của địch bị tiêu diệt hoặc bức rút, giải phóng nhiều vùng.

Như vậy là, trong thời kì đầu của chiến cuộc đông xuân 1953—1954, qua ba tháng chủ động tấn công vào nhiều hướng chiến lược quan trọng và tương đối sơ hở của địch, quân và dân ta (có sự phối hợp của quân và dân Lào anh em) đã gây cho địch những tổn thất nặng nề trên khắp các mặt trận, và điều có ý nghĩa quan trọng nhất về mặt chiến lược, là ta đã phá tan kế hoạch tập trung binh lực cao độ của địch, kế hoạch Na-va bắt đầu phá sản.

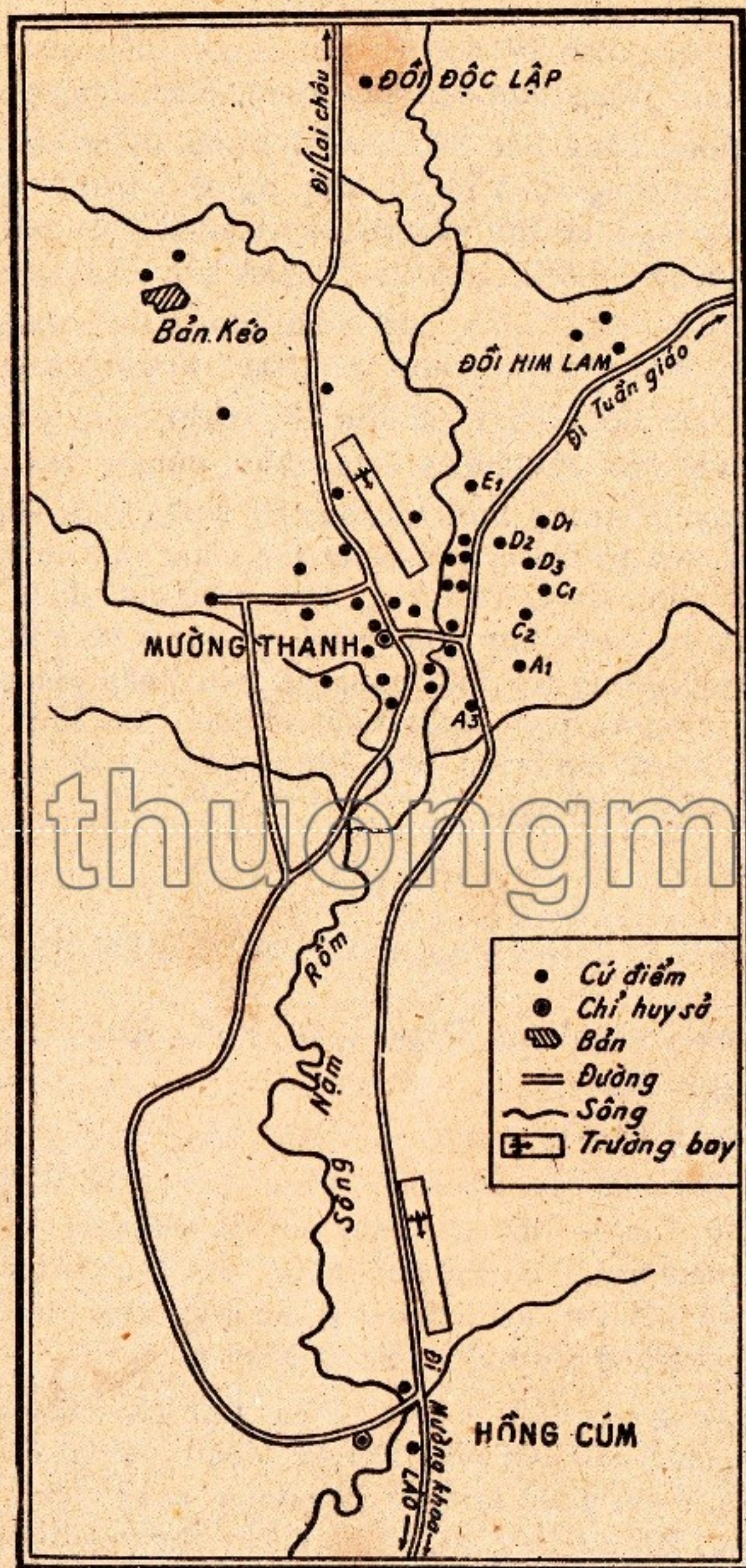
III

CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

6. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, khâu chính của kế hoạch Na-va

Điện Biên Phủ là một cánh đồng rộng lớn ở giữa vùng rừng núi Tây Bắc, dài khoảng 18 km, ngang từ 6 đến 8 km, sát biên giới Lào — Việt. Địch coi nơi đây là một vị trí chiến lược rất quan trọng, có thể trở thành một căn cứ lực quân và không quân hết sức lợi hại trong âm mưu xâm lược lâu dài của chúng ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Lực lượng của địch ở Điện Biên Phủ lúc đầu độ 6 tiểu đoàn, sau tăng dần lên đến 17 tiểu đoàn và 10 đại đội bộ binh, 3 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh, một đại đội xe tăng, 200 xe vận tải, 14 máy bay thường trực... tất cả gồm trên 16 nghìn tên.



Hình 24 — Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ

Với lực lượng ấy, địch bố trí thành tập đoàn cứ điểm gồm ba phân khu, tất cả 49 cứ điểm. Phân khu quan trọng nhất là phân khu trung tâm ở giữa cánh đồng Mường Thanh, tập trung đến 2/3 lực lượng của địch. Ở đây có sân bay chính và lực lượng pháo binh địch khá mạnh. Phía đông phân khu trung tâm có cả một hệ thống cao điểm lợi hại đặc biệt là các ngọn đồi (A₁, C₁, D₁, E₁...). Phân khu Bắc gồm các trung tâm đề kháng Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo. Phân khu Nam (phân khu Hồng Cúm) có một căn cứ pháo binh và sân bay dự trữ.

Với lực lượng và hệ thống phòng ngự vững chắc như vậy, Na-va và cả tên tướng Mĩ Ô Đa-ni-en đều cho rằng Điện Biên Phủ là một «pháo đài không thể công phá». Do nhận định chủ quan đó, chúng cho rằng quân ta ít có khả năng tấn công Điện Biên Phủ, và nếu có tấn công thì không tránh khỏi thất bại.

7. Cuộc tấn công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ

Như trên đã nói, thời kì đầu của chiến cuộc đông xuân là thời kì ta mở một loạt chiến dịch tấn công vào những hướng quan trọng và tương đối sơ hở của địch, buộc chúng phải phân tán binh lực. Đến khi ta phát hiện thấy địch ngày càng tăng cường cho Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành trung tâm điểm của kế hoạch Na-va, thì Trung ương Đảng và Bộ Tổng tư lệnh hạ quyết tâm tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ, chọn Điện Biên Phủ làm *điểm quyết chiến chiến lược* với địch. Từ đó, dưới khẩu hiệu «Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ», mọi công tác chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ được tiến hành ráo riết, khẩn trương. Hàng chục vạn dân công và công binh ngày đêm bạt núi, xuyên rừng, đào đắp hàng mấy trăm cây số đường và bằng mọi phương tiện sẵn có (ô-tô, xe đạp thồ, trâu, bò, ngựa, gồng gánh...), vận chuyển hàng vạn tấn lương thực, vũ khí, đạn dược ra mặt trận, bắt chấp bom đạn của máy bay địch. Hàng chục cỗ pháo lớn do sức người kéo là chính được đưa vào vị trí một cách an toàn và bí mật. Rồi

hàng trăm cây số đường hầm được đào làm thành một hệ thống chằng chịt như mạng nhện ôm chặt lấy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Đầu tháng 3-1954, công tác chuẩn bị về mọi mặt đã hoàn thành. Và ngày 13-3-1954, quân ta được lệnh mở cuộc đại tấn công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Chiến dịch tấn công vào Điện Biên Phủ đã diễn biến qua 3 đợt cho đến khi toàn thắng như sau:

Đợt 1 (13-3 đến 17-3): ta đánh vào trung tâm đề kháng Him Lam nằm trên 3 quả đồi cao ở phía bắc, do một tiểu đoàn lê dương và một số đơn vị nguy binh đóng giữ. Đại bác và máy bay địch dang hỏa lực để bảo vệ cho Him Lam. Nhưng pháo ta đã dập tắt được hỏa lực địch, yểm trợ cho bộ binh tiến lên, và nửa giờ sau thì lá cờ chiến thắng của quân ta đã phất cao trên cả 3 ngọn đồi. Giải quyết xong khu Him Lam, ta tiếp tục tiêu diệt trung tâm đề kháng ở phía Tây Bắc gồm có đồi Độc Lập và Bản Kéo.

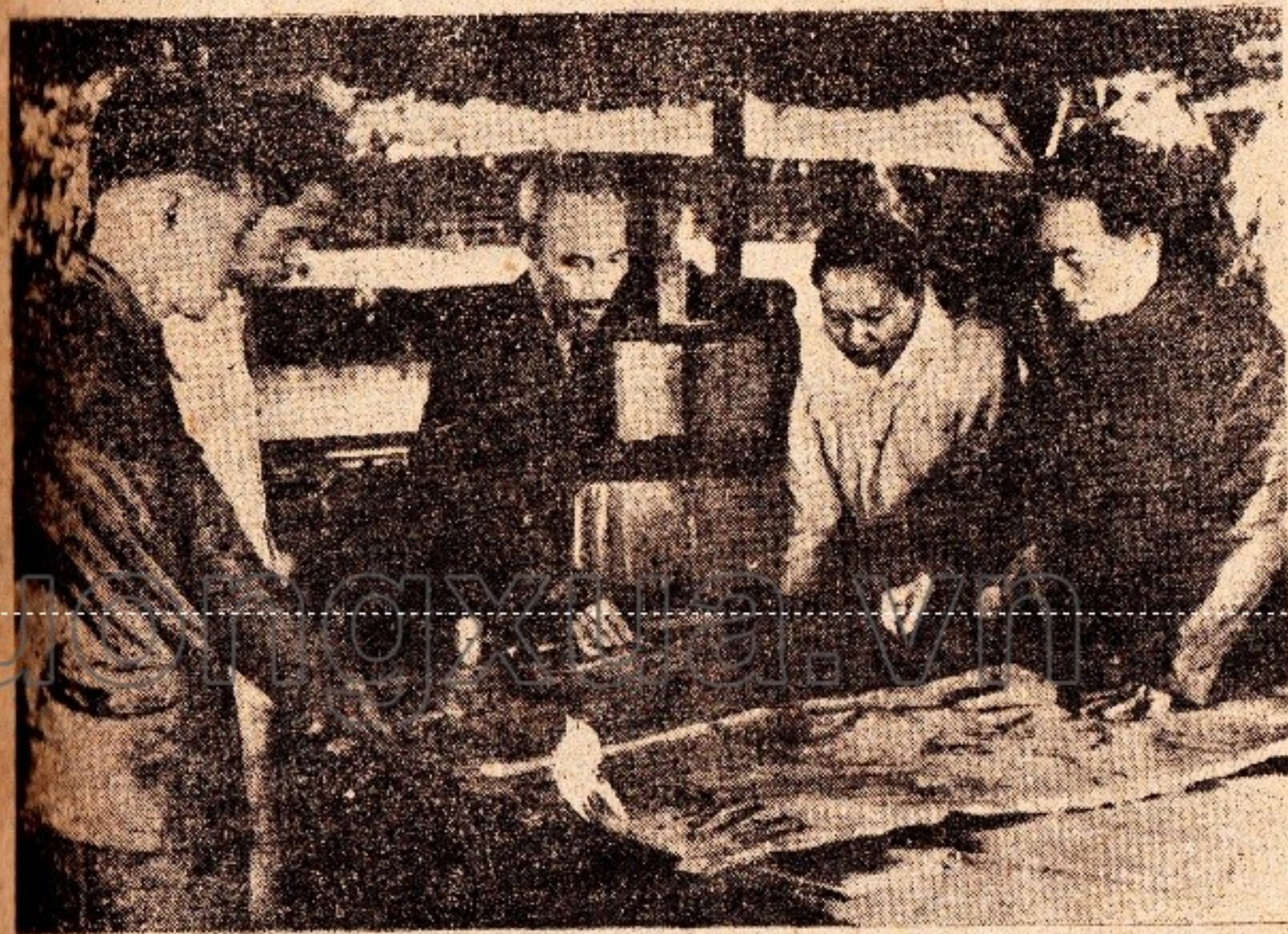
Địch bị tổn thất nặng nề về sinh lực (hơn 3 tiểu đoàn) và toàn bộ phân khu phòng thủ phía bắc bị tiêu diệt. Địch bị bao vây chặt ở khu trung tâm Mường Thanh và ở phân khu Hồng Cúm, chỉ còn con đường tiếp tế duy nhất bằng máy bay. Tinh thần địch bắt đầu nao núng vì hỏa lực áp đảo của đại bác và súng cao xạ trẻ tuổi của ta (1).

Địch cho không quân tăng cường bắn phá các trận địa pháo và các tuyến đường tiếp tế của ta, hòng phá vỡ kế hoạch tấn công của ta, nhưng vô hiệu.

Đợt 2 (30-3 đến 24-4): ta tấn công vào đông Mường Thanh, cửa ngõ vào phân khu trung tâm của địch. Khu đông Mường Thanh có 5 quả đồi, dài rộng hàng mấy ki-lô-mét có 5 tiểu đoàn tinh nhuệ của địch đóng giữ. Mất khu đó là coi như mất Mường Thanh, cho nên ta ra sức đánh mà địch cố sức giữ. Cuộc chiến đấu ác liệt kéo dài trong mấy tuần lễ liền, đặc biệt là trên hai quả đồi A₁ và C₁. Ngày đêm sống

(1) Lúc đầu địch rất coi thường trọng pháo và pháo cao xạ của ta. Nhưng sau những trận giao chiến đầu tiên, chúng hết sức hoảng sợ. Mấy hôm sau, tên quan năm chỉ huy trọng pháo địch ở Mường Thanh đã tự sát.

trong khói lửa, bụi cát, thiếu ăn, thiếu nước, thiếu cả thuốc men... các chiến sĩ ta vẫn bền gan chiến đấu, bám sát trận địa, giành giật từng tấc đất với địch. Đồng thời quân ta khép chặt vòng vây xung quanh khu trung tâm, tiến sát sân bay, cắt đứt con đường tiếp tế duy nhất bằng đường không của địch.



Hình 25 — Trung ương Đảng bàn kế hoạch đánh Điện Biên Phủ

Đợt 3 (1 đến 7-5): Ngày 1-5-1954, ta mở cuộc tấn công đợt 3, đánh vào khu trung tâm Mường Thanh và Hồng Cúm. Cuộc chiến đấu trở nên vô cùng quyết liệt. Đêm 6 rạng ngày 7-5, quân ta đánh chiếm toàn bộ các ngọn đồi phía đông là chìa khóa phòng ngự cuối cùng của phân khu trung tâm. Địch bị hất toàn bộ xuống lòng chảo Mường Thanh. Cuộc tổng công kích của ta bắt đầu. Những cánh quân của ta từ các phía tơi tấp đánh vào sở chỉ huy của địch. Chiều ngày 7-5-1954, Đơ Ca-xơ-ri bị bắt sống cùng toàn thể bộ tham mưu

của nó. Bọn địch còn sống sót kéo cờ trắng lũ lượt ra hàng. Chiến dịch Điện Biên Phủ đại thắng.



Hình 26 — Đoàn xe đạp thồ phục vụ chiến trường Điện Biên Phủ

6. Kết quả và ý nghĩa của chiến thắng đông xuân 1953 — 1954 và chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ

Chiến thắng Điện Biên Phủ và chiến thắng đông xuân 1953 — 1954 nói chung là chiến thắng lớn nhất, oanh liệt

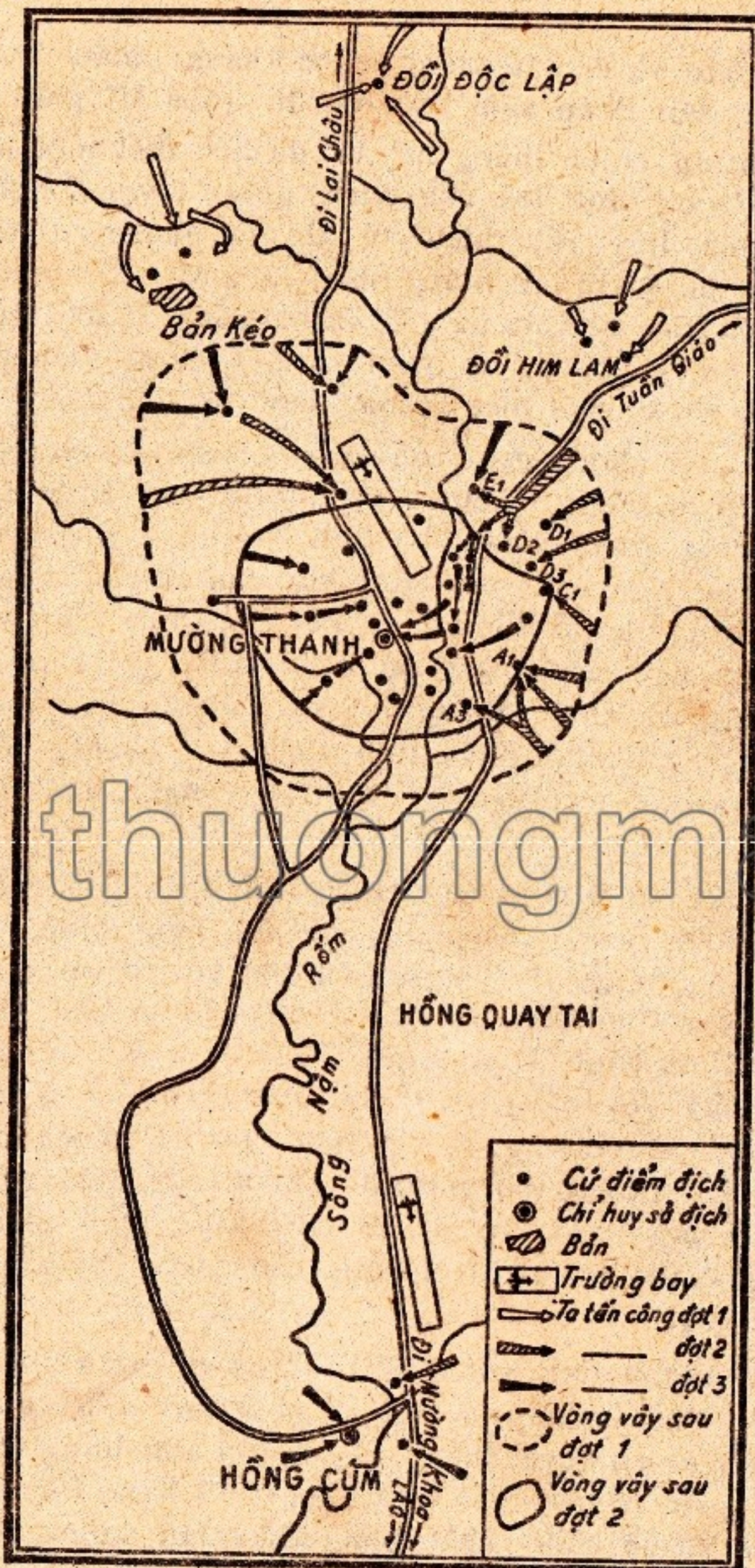
nhất của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp xâm lược có đế quốc Mỹ giúp sức.

Với những chiến thắng này, ta đã tiêu diệt một bộ phận rất quan trọng sinh lực của địch gồm 11 vạn 2 nghìn tên địch, và phá hủy rất nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại phần lớn mang nhãn hiệu Mỹ. Riêng tại chiến trường Điện Biên Phủ, ta đã giết và bắt sống 16 200 tên (trong số đó có 1 thiếu tướng, 16 quan nam, 1 749 sĩ quan và hạ sĩ quan), bắn rơi và phá hủy 62 máy bay các loại...

Ta đã giải phóng được những miền đất đai rộng lớn có tính chất quan trọng về chiến lược : khu vực Điện Biên Phủ và vùng xung quanh, toàn bộ tỉnh Kon-tum, phần lớn tỉnh Gia Lai (Tây Nguyên) ; mở rộng khu căn cứ của ta trong các vùng sau lưng địch ở đồng bằng Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, Bắc Quảng Nam, cực nam Trung Bộ và Nam Bộ. Quân và dân Lào cũng đã giành nhiều thắng lợi rất lớn : giải phóng toàn tỉnh Phong Sa-lì, một phần tỉnh Luang Pra-bang, phần lớn tỉnh Khăm-muôn, cao nguyên Bô-lô-ven, nghĩa là 1/2 đất đai và dân số Lào.

Sau thất bại ở Điện Biên Phủ, tinh thần bọn chỉ huy và binh lính địch hoang mang đến cực độ, nguy binh tan rã và bỏ trốn từng mảng. Địch sợ bị tiêu diệt vội vã rút chạy hàng loạt khỏi khu Chợ Bến (Hà Sơn Bình), thị xã Việt Trì, 4 tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình và căn cứ An Khê (Liên khu 5). Với thắng lợi vĩ đại Điện Biên Phủ và đông xuân 1953 — 1954 nói chung, ta đã làm cho kế hoạch phiêu lưu quân sự Na-va cùng mọi mưu đồ chiến lược điên rồ của bọn đế quốc Pháp — Mỹ tan thành mây khói, góp phần quyết định vào thắng lợi của Hội nghị Giơ-ne-vơ 1954 về vấn đề Đông Dương.

Chiến thắng đông xuân 1953 — 1954 và chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ là kết quả của sự phát huy đến cao độ tinh thần quyết chiến quyết thắng, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của toàn quân và toàn dân ta. Chiến sĩ Tô Vĩnh Diện lao mình vào bánh xe để chặn khẩu pháo đang lăn xuống dốc ; chiến sĩ Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai ; chiến sĩ



Hình 27 — Các đợt tấn công của ta vào Điện Biên Phủ

Hệ Văn Đàn lấy thân mình làm giá súng, và biết bao gương hi sinh dũng cảm khắc tiêu biểu cho truyền thống vẻ vang của quân đội ta, một quân đội « trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng ».

Nhân dân ta, mà tuyệt đại đa số là nông dân, với truyền thống yêu nước nồng nàn, với khí thế cách mạng bùng bùng của cuộc « phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất » đã không từ một hi sinh nào về sức người sức của để góp phần tích cực nhất của mình vào chiến thắng.

Chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại đã có ảnh hưởng quốc tế rộng lớn. Nó đã làm nức lòng nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới. Điện Biên Phủ đã trở nên niềm tự hào của các dân tộc bị áp bức, một tấm gương và một nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Á Phi, Mỹ la tinh đang tấn công vào hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

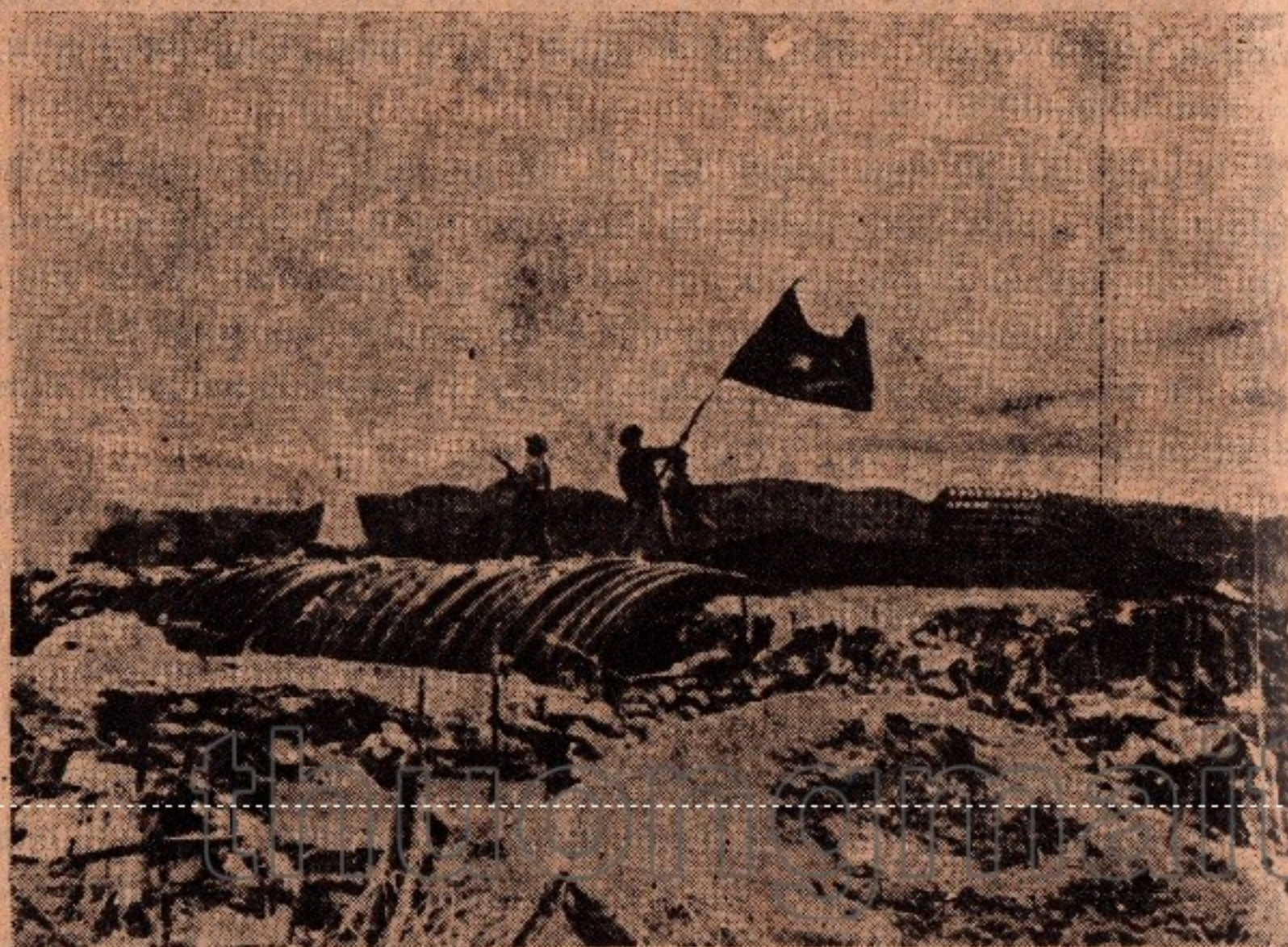
Chiến thắng Điện Biên Phủ chứng minh một chân lí của thời đại là : « Trong điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc dù nhỏ, khi đã đoàn kết đứng dậy, theo một đường lối đúng đắn, kiên quyết chiến đấu cho độc lập và hòa bình thì có đầy đủ khả năng để chiến thắng quân đội xâm lược của bọn đế quốc thực dân hung hãn nhất. Chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc thực dân nhất định thất bại, cách mạng giải phóng của các dân tộc nhất định thành công » (1).

Chiến thắng Điện Biên Phủ và chiến thắng đông xuân 1953 — 1954 nói chung đã kết thúc thắng lợi toàn bộ cuộc kháng chiến « thần thánh » của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ những thành quả vĩ đại của cách mạng tháng Tám, đồng thời đã đập tan âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương của đế quốc Mỹ.

Với tất cả những ý nghĩa đó, Điện Biên Phủ lẫy lừng đã được ghi vào lịch sử nước ta như một Bạch Đằng, một Đống Đa trong thời đại mới, và được ghi vào lịch sử nhân loại như

(1) Điện Biên Phủ, Võ Nguyên Giáp.

một chiến công hiển hách tiêu biểu cho sức mạnh vùng lên của các dân tộc bị áp bức trong thế kỉ 20 này.



Hình 28 — Chiếm hầm của Đờ Ca-xơ-ri

CÂU HỎI

1. Kế hoạch Na-va ra đời trong hoàn cảnh nào? Mục đích, nội dung của nó như thế nào? Tính chất phiêu lưu của nó thể hiện ở chỗ nào?
2. Chủ trương chiến lược của ta để đánh bại kế hoạch Na-va như thế nào? Tính chủ động, tích cực, linh hoạt của nó thể hiện ở chỗ nào? Chủ trương ấy đã được thực hiện và giành thắng lợi như thế nào trong thời kì đầu của chiến cuộc đông xuân (trước khi mở cuộc tấn công đại-quy mô vào Điện Biên Phủ)?
3. Phân tích ý đồ chiến lược của địch trong việc xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Mục đích chiến lược của ta trong việc quyết định tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.
4. Phân tích ý nghĩa lịch sử vĩ đại của chiến thắng Điện Biên Phủ và chiến thắng đông xuân 1953 — 1954 nói chung.
5. Phân tích và chứng minh những nhân tố tạo nên thắng lợi Điện Biên Phủ.

ĐỌC THÊM

I — KHÔNG SÓT MỘT MỔNG (1)

... Tướng Đờ Cát ra lệnh ngưng bắn vào lúc 17 giờ 30 phút.

Từ 16 giờ 30, bộ binh của các sư đoàn số 312 và số 308 tràn vào khu trung tâm như nước vỡ bờ. Khoảng từ 17 giờ 30 đến 17 giờ 40, họ đã vào đến sở chỉ huy của tướng Đờ Cát và trưng cờ Việt minh trên nóc hầm. Hình như ở nhiều nơi trong căn cứ, lính người Phi cũng như lính người Âu, đã kéo cờ trắng ra hàng.

Nhưng bộ đội Việt Nam cố bắt sống cho kì được tướng Đờ Cát. Câu chuyện do tướng Giáp kể lại chứng minh điều đó:

«... Tôi gọi điện thoại cho đồng chí Độ và đồng chí Thanh chỉ huy khu phía đông: có đúng là ta đã tóm được tướng Đờ Cát phải không? — tôi hỏi.

— Anh em bảo là đã tóm được nó rồi, thưa đồng chí.

— Các đồng chí căn cứ vào cái gì mà biết đúng là nó?

Hai đồng chí Độ và Thanh không thể trả lời chính xác được. Tôi ra lệnh:

— Bằng mọi giá, phải bắt cho được Đờ Cát. Không để cho chúng đánh tráo một tướng nào khác vào. Kiểm tra giấy căn cước của nó và cấp hiệu của nó. Các đồng chí hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc này. Các đồng chí có ảnh của Đờ Cát không?

Hai đồng chí của tôi trả lời không. Tôi cho một cán bộ ở sở chỉ huy lấy xe gíp mang ảnh Đờ Cát đến...

Một lát sau, qua dây nói, đồng chí Thanh bảo đảm chắc chắn là đã bắt được tướng địch và cả ban tham mưu của tập đoàn cứ điểm. Bắt được toàn bộ, không sót một tên nào. Đờ Cát vẫn đeo cấp hiệu, đã kiểm tra kĩ giấy tờ và căn cước của nó rồi.

Tôi cũng chưa tin hẳn.

— Các đồng chí đã tận mắt nhìn thấy Đờ Cát chưa? — tôi hỏi. Hiện giờ nó ở đâu?

(1) Trích cuốn *Tại sao Điện Biên Phủ?* của Pi-e Rô-côn (báo Nhân Dân số ngày 27-3-1974).

Đồng chí Thanh cười vui vẻ, trả lời:

— Hiện giờ Đờ Cát đang đứng trước mặt tôi đây, thừa đồng chí, với tất cả ban tham mưu của Điện Biên Phủ. Hân vận cầm can và đội mũ chào mào đỏ đây !...».

... Lúc đó, trong rừng Lào, trung tá Gô-da chỉ huy đội quân đi thu nhặt theo kế hoạch tháo chạy «An-ba-tơ-rốt», được tin Điện Biên Phủ đã rơi vào tay địch, lập tức cho quân quay lui.

II—BÀI HỌC THẮNG LỢI CỦA CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

(trích) của Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân đội

... Tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân đội là một trong những nhân tố quyết định đã đưa chiến dịch Điện Biên Phủ, và nói chung cả chiến cuộc đông xuân trên khắp các mặt trận đến thắng lợi rực rỡ.

... Trên mặt trận Điện Biên Phủ, trong thời gian chuẩn bị quân đội ta đã đem sức mạnh lao động sáng tạo mà mở đường tiếp tế từ Tuần Giáo đến Điện Biên Phủ, làm đường xe hơi để chuyển pháo vào trận địa, xuyên qua rừng núi Điện Biên Phủ; xây dựng trận địa pháo binh, đào hào giao thông từ đồi núi đến cánh đồng, biến đổi địa hình thiên nhiên, san bằng những trở ngại rất lớn, sáng tạo điều kiện thuận lợi để tiêu diệt quân địch. Khó khăn, mệt mỏi, bom đạn của địch không hề làm nao núng ý chí của quân ta.

Tiếng súng tấn công Điện Biên Phủ đã nổ. Trong suốt chiến dịch, quân ta đã chiến đấu với một tinh thần vô cùng oanh liệt. Dưới bom đạn của không quân địch, trong lưới lửa của pháo binh địch, quân ta đã anh dũng xung phong hãm trận, đánh chiếm đồi Him Lam, đánh chiếm đồi Độc Lập, ào ạt tiêu diệt địch trên các ngọn đồi phía đông, phát triển trận địa, cắt đứt sân bay, đánh lui các trận phản kích, thắt chặt mãi vòng vây lại. Trong suốt thời gian đó, bom na-pan của địch đã đốt sạch cây cỏ trên các ngọn đồi, bom đạn của địch đã cày sâu nhiều mảnh ruộng ở ngay trận địa của ta. Nhưng

quân ta vẫn tiến lên làm nhiệm vụ, người trước ngã kẻ sau lấp, không khác nào một ngọn trào anh dũng dâng lên mãnh liệt, không một sức mạnh nào ngăn cản được. Đó là biểu hiện rực rỡ của chủ nghĩa anh hùng tập thể mà Tổ Vinh Điện hì sinh tính mệnh bảo vệ pháo, Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai, tổ xung phong cầm cờ Quyết chiến quyết thắng lên ngọn đồi Him Lam, tiểu đội xung phong đánh chiếm sở chỉ huy của địch, là những tấm gương chói lọi nhất và đáng kính phục nhất.

...Tinh thần quyết chiến quyết thắng nói trên của quân đội ta là do truyền thống quật cường bất khuất của dân tộc ta, do bản chất cách mạng của quân đội ta, do sự dày công giáo dục của Đảng, do các cuộc chiến đấu và chỉnh huấn trước đây đã hun đúc nên. Giữa lúc chiến đấu gay go, không phải những nhân tố tiêu cực không này nọ. Giữ vững và phát huy tinh thần quyết chiến quyết thắng đó là cả một quá trình giáo dục và đấu tranh liên tục và kiên nhẫn...

Tinh thần phục vụ tiền tuyến của nhân dân

Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định: toàn dân toàn Đảng tập trung toàn lực chỉ viện cho tiền tuyến, nhất định bảo đảm cho chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.

... Từng đoàn xe hơi anh dũng đã vượt suối băng ngàn, có đồng chí lái xe hàng chục đêm liền không ngủ... Từng đoàn xe đạp thồ, hàng nghìn chiếc, từ các thị trấn tiến ra mặt trận... Từng đoàn thuyền lớn nhỏ, hàng trăm chiếc, từng đoàn bè mảng, hàng vạn chiếc, vượt thác qua ghềnh ra mặt trận... Từng đoàn ngựa thồ, từ trên vùng đồng bào Mông và Dao xuống, từ các địa phương lại, lũ lượt tiến ra mặt trận... Hàng vạn anh chị em dân công, thanh niên xung phong lấy sức người mà chuyển lương thực, đạn dược, ngày đêm treo đeo lời suối, mặc máy bay địch, mặc bom nổ chậm...

Chưa bao giờ, người dân Việt Nam đi ra mặt trận nhiều như vậy. Chưa bao giờ, người thanh niên ta đã đi đến nhiều nơi như vậy.

Quả thật, một hậu phương vững chắc là một nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi trong chiến tranh cách mạng...

(Bài viết cho báo Nhân Dân, nhân kỷ niệm bốn năm chiến thắng Điện Biên Phủ)

BÀI 22

HỘI NGHỊ GIƠ-NE-VƠ VÀ VIỆC LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở ĐÔNG DƯƠNG

1. Việc triệu tập Hội nghị Giơ-ne-vơ và diễn biến của Hội nghị.

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến, Hồ Chủ tịch đã luôn luôn nêu rõ lập trường trước sau như một của nhân dân ta là sẵn sàng thương lượng để tìm một giải pháp hòa bình cho vấn đề Việt Nam trên cơ sở nước Pháp phải công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam. Nhưng bọn thực dân Pháp tưởng có thể dùng sức mạnh quân sự để đè bẹp ý chí giành độc lập của nhân dân ta, cho nên chúng vẫn ngoan cố tiếp tục chiến tranh. Cho mãi đến cuối năm 1953 đầu năm 1954, khi tình thế thất bại của chúng trên chiến trường đã hiện ra trước mắt, đồng thời phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp và nhân dân thế giới đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam lên mạnh, bọn chúng mới chịu thay đổi thái độ.

Tháng 1-1954, hội nghị ngoại trưởng 4 nước lớn (Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp), họp tại Béc-lin đã thỏa thuận triệu tập một cuộc hội nghị quốc tế tại Giơ-ne-vơ để giải quyết vấn đề Triều Tiên và bàn về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đế quốc Mỹ với âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh, đã tìm cách trì hoãn và phá hoại việc triệu tập hội nghị.

Mặc dầu vậy, đến ngày 26-4-1954, giữa lúc quân ta sắp bước vào đợt tiến công thứ ba để quyết định số phận quân

địch ở Điện Biên Phủ thì Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương khai mạc.

Lúc đầu, đại biểu Pháp (Bi-đô) ngoan cố không chịu mời đại biểu Chính phủ ta tham gia hội nghị. Nhưng rồi, vì chúng sắp bị thất bại hoàn toàn ở Điện Biên Phủ, vì sự đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân Pháp và của đại biểu các nước xã hội chủ nghĩa tại hội nghị, chúng buộc lòng phải nhượng bộ.

Ngày 4-5-1954, phái đoàn ta, do Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu, đến Giơ-ne-vơ. Ngày 8, bắt đầu bàn về vấn đề Đông Dương thì tin chiến thắng Điện Biên Phủ vang đến hội nghị. Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng nêu rõ lập trường căn bản của Chính phủ và nhân dân ta là hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ. Lập trường đó được nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới nhiệt liệt hoan nghênh. Trước tiếng nói chính nghĩa và lập luận sắc bén của ta, bọn đế quốc trong hội nghị không dám công khai bác bỏ, nhưng do những người lãnh đạo Trung Quốc đã thỏa hiệp với Pháp nên chúng vẫn đưa ra những đề nghị vô lý để phá cuộc đàm phán. Chúng ta đề nghị phải có đại biểu của các lực lượng kháng chiến Cam-pu-chia và Pa-thét Lào tham gia hội nghị. Bọn chúng ngoan cố không chịu, Chính phủ kháng chiến Lào và Chính phủ kháng chiến Cam-pu-chia tuyên bố hoàn toàn tán thành lập trường của phái đoàn ta và, trong khi chờ đợi có đại biểu ở hội nghị, hai chính phủ bạn xem phái đoàn ta như là đại diện chung. Chúng ta đòi phải giải quyết vấn đề Việt Nam không tách rời vấn đề Cam-pu-chia và Lào.

Trong khi hội nghị đang bàn cãi gay go và đế quốc Mỹ đang tìm mọi cách phá hoại cuộc đàm phán thì ở Đông Dương quân đội Pháp đang hốt hoảng rút chạy khỏi phía nam đồng bằng Bắc Bộ để khỏi bị tiêu diệt. Cuộc đấu tranh của nhân dân Pháp đòi chấm dứt chiến tranh lên cao hơn lúc nào hết. Hàng trăm đoàn đại biểu nhân dân Pháp đến tận Giơ-ne-vơ tổ tình đoàn kết với phái đoàn ta và đòi phải đoàn Pháp phải nghiêm chỉnh và thành thật đàm phán để nhanh chóng lập lại hòa bình ở Đông Dương. Trước áp lực của nhân dân Pháp, Chính phủ phản động La-ni-en đồ, Chính phủ Măng-đét Phơ-răng-xơ lên thay, phải nhận giải quyết hòa bình vấn đề Đông Dương.

2. Nội dung các Hiệp nghị Giơ-ne-vơ

— Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam.

— Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Lào.

— Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Cam-pu-chia

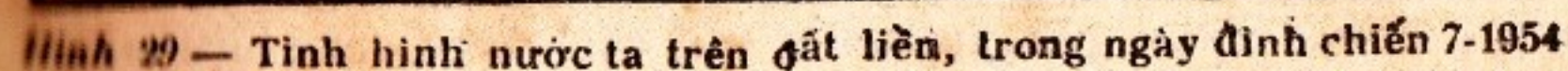
— Bản tuyên bố cuối cùng của hội nghị.

a) Các nước tham dự hội nghị tuyên bố công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia, và cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ của 3 nước đó.

b) Để chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam, hai bên cùng thi hành ngừng bắn, tập kết chuyển quân, trao trả tù binh, đảm bảo không phân biệt đối xử và không được trả thù đối với những cá nhân hoặc tập thể đã cộng tác với một trong hai bên trong thời gian chiến tranh, hoặc với gia đình những người đó. Một giới tuyến quân sự tạm thời được đặt ra dọc theo sông Bến Hải (vĩ tuyến 17), cùng với một khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến. «Giới tuyến quân sự chỉ có tính chất tạm thời, hoàn toàn không thể coi là ranh giới về chính trị và lãnh thổ» (Bản tuyên bố cuối cùng).

Hiệp định Gio-ne-vơ cấm việc đem vào các nước Đông Dương quân đội, nhân viên quân sự nước ngoài, cấm các nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương, cấm các nước Đông Dương không được gia-nhập những khối liên minh quân sự và không được để các nước khác dùng lãnh thổ của mình để gây lại chiến tranh hoặc để phục vụ cho mục đích xâm lược.

c) Riêng về Việt Nam, một cuộc tổng tuyển cử thật sự tự do sẽ được tổ chức vào tháng 7-1956 ở hai miền để đặt cơ sở cho việc thống nhất nước Việt Nam. Kể từ ngày 20-7-1955, các nhà đương cục có thẩm quyền ở hai miền sẽ có những cuộc gặp gỡ để thương lượng về vấn đề đó.



Hiệp nghị cũng quy định rằng tất cả những người kế tiếp quyền lực của Pháp ở Nam Việt Nam đều phải thi hành tất cả những điều khoản của Hiệp nghị.

d) Hiệp nghị quy định việc thành lập Ủy ban Liên hợp Việt — Pháp và Ủy ban Giám sát và Kiểm soát quốc tế có nhiệm vụ đảm bảo thực hiện và kiểm tra sự thi hành các điều khoản của Hiệp định Giơ-ne-vơ.

3. Ý nghĩa thắng lợi của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ

Với Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, hòa bình đã được lập lại ở Đông Dương trên cơ sở công nhận, về mặt pháp lý quốc tế độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào.

Với Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương của đế quốc Mỹ bị thất bại. Đó là một đóng góp tích cực vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và trên toàn thế giới.

Đó là kết quả của cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ anh dũng của nhân dân Việt Nam cũng như của nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia trong 9 năm chống sự xâm lược của thực dân Pháp có đế quốc Mỹ giúp sức.

Hiệp nghị Giơ-ne-vơ cùng với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ là một sự cổ vũ to lớn đối với nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đang đấu tranh giải phóng dân tộc, làm cho họ càng thêm tin tưởng ở tiền đồ của cuộc đấu tranh giành độc lập của mình.

Đánh giá thắng lợi của 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chủ tịch nói:

«Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

Một lần nữa, chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã soi đường cho giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam kháng chiến cứu nước thành công, giữ gìn thành quả cách mạng của mình».

CÂU HỎI

1. Tại sao thực dân Pháp phải chịu triệu tập Hội nghị Giơ-ne-vơ và kí kết các Hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương?
2. Nội dung và ý nghĩa thắng lợi của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ.
3. Tại sao đế quốc Mỹ luôn luôn có những hành động phá hoại trước khi Hội nghị Giơ-ne-vơ họp, trong hội nghị và sau khi các Hiệp nghị Giơ-ne-vơ đã được kí kết?

ĐỌC THÊM

TỔNG HỢP THÀNH TÍCH CHIẾN ĐẤU CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG 8 NĂM TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (TỪ 19-12-1946 ĐẾN 21-7-1954)

Tiêu diệt:

466 172 tên địch, trong đó có hàng mấy nghìn sĩ quan từ chuẩn úy đến trung tướng.

Thu:

255 cỗ đại pháo các cỡ
130 415 súng các loại
504 xe các loại.

Phá:

344 cỗ đại bác các cỡ
435 máy bay các loại
603 tàu thủy, ca nô
337 đầu máy xe lửa
1478 toa xe hỏa

9.292 xe các loại và hàng chục vạn súng các loại, hàng vạn tấn bom đạn, hàng chục triệu lít xăng.

Riêng ở các mặt trận đồng bằng Bắc Bộ, Lai Châu, Bình Trị Thiên — Liên khu 5, Nam Bộ (từ 1-12-1953 đến 10-5-1954):

Tiêu diệt:

112 000 tên, trong đó có nhiều sĩ quan từ quan một đến quan năm.

Thu:

19 000 súng các loại
34 xe các loại
260 tấn bom đạn
3 vạn lít xăng

Phá:

- 81 cổ đại bác
- 100 máy bay
- 93 tàu thủy, ca-nô
- 40 đầu máy xe lửa
- 250 toa xe hỏa
- 1 462 xe các loại (trong đó có 102 xe tăng)
- 88 tấn bom đạn
- 12 triệu lít xăng.

BÀI 23

TỔNG KẾT GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ 1945 — 1954

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa mới thành lập đã phải đứng trước muôn vàn khó khăn: thực dân Pháp bắt đầu xâm lược trở lại nước ta ở Nam Bộ từ ngày 23-9-1945; nạn đói đe dọa nghiêm trọng, ngân quỹ Nhà nước trống rỗng; hơn 95% nhân dân mù chữ; 18 vạn quân Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch sang chiếm đóng từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, đem theo cả một bọn Việt gian phản động đội lốt Việt Nam Quốc dân Đảng và Cách mệnh đồng minh hội, định lật đổ Chính phủ Hồ Chí Minh, đưa bọn này lên nắm chính quyền; từ vĩ tuyến 16 trở vào, mấy vạn quân Anh cùng quân Nhật giúp Pháp gây chiến tranh xâm lược ở Nam Bộ.

Nền độc lập vừa giành lại được như «ngân cân treo đầu sợi tóc».

Nhưng nhờ tay lái hết sức tài tình của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, con thuyền quốc gia đã vượt qua các mồm đá và thác ghềnh một cách thắng lợi.

Chúng ta vừa đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ vừa đấu tranh ngoại giao trên hai mặt trận chống Tưởng và chống Pháp để loại dần từng kẻ thù và để tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng.

Đến ngày 19-12-1946, khi thực dân Pháp đã lộ rõ bộ mặt trá hình của nó, khiến ta không thể nhân nhượng được nữa, thì toàn dân ta, đáp lời kêu gọi cứu nước thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, đã nhất tề đứng dậy tiến hành cuộc kháng chiến trong toàn quốc.

Ngay từ những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, Đảng đã đề ra đường lối kháng chiến rất đúng đắn là *toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh*.

Với đường lối đó, cuộc kháng chiến của ta đã phát triển một cách vững chắc theo chiều hướng ngày càng có lợi cho ta, bất lợi cho địch, và về đại thể đã trải qua các giai đoạn như sau:

+ *Giai đoạn thứ nhất (1946 — 1947)*: Sau một thời gian chiến đấu để tiêu hao và vây hãm địch trong các thành phố, quân và dân ta tiến hành cuộc rút lui có tính chất chiến lược ra khỏi các thành phố, về xây dựng căn cứ ở các vùng nông thôn và rừng núi rộng lớn, chuẩn bị lực lượng để kháng chiến lâu dài, đồng thời gây dựng cơ sở chiến tranh du kích ở các vùng tạm bị chiếm.

Thu đông 1947, địch mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc định tiêu diệt quân chủ lực và đầu não kháng chiến của ta, nhưng chúng đã thất bại thảm hại.

+ *Giai đoạn thứ hai (1948 — 1953)*: Sau chiến thắng Việt Bắc, cuộc chiến đấu giữa ta và địch bước sang giai đoạn mới. Địch cố gắng chiếm thêm đất đai, mở rộng vùng chiếm đóng ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, Liên khu 5... Nhưng chúng ngày càng gặp những mâu thuẫn lớn không sao giải quyết được: mâu thuẫn giữa chiếm đất và giữ đất, giữa phân tán và tập trung lực lượng, giữa chiến lược «đánh nhanh giải quyết nhanh» và tình thế bắt buộc phải kéo dài chiến tranh. Để giải quyết phần nào những mâu thuẫn ấy, địch tăng cường chính sách «đẩy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt».

Về phía ta thì vừa đẩy mạnh chiến tranh du kích ở sau lưng địch, vừa tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt: xây dựng dần các đơn vị bộ đội chủ lực tập trung, phát triển cơ

sở công nghiệp quốc phòng, tăng gia sản xuất lương thực, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục phục vụ kháng chiến...

Từ cuối 1950, với chiến dịch Biên giới đại thắng, ta bắt đầu giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính, phát huy quyền chủ động ấy và liên tiếp giành thắng lợi ngày càng lớn trên các chiến trường từ Bắc Bộ đến Bình Trị Thiên, Tây Nguyên và Nam Bộ (phối hợp với chiến thắng của quân và dân Lào anh em ở Thượng Lào). Địch ngày càng bị đẩy sâu vào thế bị động, và khốn đốn về mọi mặt.

+ *Giai đoạn thứ ba (Đông xuân 1953 — 1954 và Điện Biên Phủ)*: Do sự cấu kết chặt chẽ hơn giữa Pháp và Mĩ, hè 1953, Na-va được cử sang Đông Dương với một kế hoạch quân sự rất táo bạo dự định kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng. Nhưng với chủ trương chiến lược rất đúng đắn của Trung ương Đảng và Chính phủ, bước vào thu đông 1953 — 1954, quân và dân ta đã chủ động mở liên tiếp nhiều chiến dịch tấn công vào những địa bàn chiến lược quan trọng và tương đối sơ hở của địch, tiêu diệt một bộ phận lớn sinh lực địch, buộc chúng phải phân tán lực lượng và bị động đối phó khắp nơi. Và cuối cùng, ta đã mở cuộc đại tấn công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, xương sống của kế hoạch Na-va.

Trong giai đoạn này, ta vừa đánh mạnh ở tiền tuyến vừa tiến hành phát động quần chúng thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất ở hậu phương, và chính cuộc vận động chống phong kiến này đã có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ đối với bộ đội ngoài tiền tuyến.

Chiến thắng đông xuân 1953 — 1954 nói chung và chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ đã buộc thực dân Pháp, có đế quốc Mĩ giúp sức, phải đàm phán với Chính phủ ta ở Hội nghị Giơ-ne-vơ, phải từ bỏ âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh, và cuối cùng đã phải kí các Hiệp nghị Giơ-ne-vơ chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

Như vậy là, trải qua 9 năm kháng chiến cực kì anh dũng, nhân dân ta đã đánh thắng một cách oanh liệt tên thực dân cáo già Pháp có tên đế quốc đầu sỏ Mĩ giúp sức, đã bảo vệ

được và phát triển những thành quả vĩ đại của Cách mạng tháng Tám là độc lập dân tộc và chính quyền dân chủ nhân dân.

Cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp thắng lợi, lại ghi thêm một trang chói lọi trong cuốn sử vàng chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam anh hùng.

THỜI KÌ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở MIỀN NAM (1954—1965)

BÀI 24

TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU KHI HÒA BÌNH LẬP LẠI VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG TRONG THỜI KÌ MỚI

1. Cuộc đấu tranh để thực hiện hiệp nghị đình chiến. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng

Sau khi hiệp nghị Giơ-ne-vơ được kí kết, Chính phủ và nhân dân ta quyết làm đúng những điều khoản ghi trong hiệp nghị mặt khác chúng ta cũng đòi đối phương phải làm đúng những điều họ đã cam kết.

Đầu tiên chúng ta đã thi hành nghiêm chỉnh lệnh ngừng bắn và chuyển quân tập kết. Mặc dầu điều kiện chiến trường rất phức tạp, do hình thái chiến tranh «cài răng lược» để lại, tất cả các binh đoàn chủ lực cũng như bộ đội địa phương và dân quân du kích của ta đã ngừng bắn đúng ngày giờ quy định. Các lực lượng quân sự của ta ở miền Nam, tạm biệt gia đình, quê hương để tập kết ra Bắc.

Chúng ta cũng đã tiếp quản tất cả những khu vực chiếm đóng cũ của thực dân Pháp ở miền Bắc và tạm bàn giao những khu vực của ta ở miền Nam cho chúng. Ngày 6-10-1954 quân ta tiếp thu khu chu vi Hà Nội. Ngày 10-10-1954 đại quân ta tiến vào thủ đô Hà Nội giữa rừng cờ, biêng ngũ và tiếng hoan hô vang dậy của đồng bào đón mừng những người con ưu tú của Tổ quốc chiến thắng trở về. Tiếp đó quân ta lần lượt tiếp quản các thành phố và các khu vực khác.

Đồng bào ở các vùng mới giải phóng đã đấu tranh mạnh mẽ, ngăn chặn những hành động phá hoại của thực dân Pháp. Công nhân đấu tranh không cho chúng tháo gỡ máy móc, di chuyển tài sản. Viên chức tìm cách giữ lại những thiết bị, tài liệu của các cơ quan, trường học, bệnh viện. Nông dân ở các vùng công giáo đấu tranh chống âm mưu dụ dỗ cưỡng ép giáo dân di cư vào Nam. Đại đa số giáo dân được giải thích kiên trì, cặn kẽ nên không mắc mưu địch, cương quyết ở lại với ruộng vườn, quê hương miền Bắc.

Cuộc đấu tranh của nhân dân ta, Chính phủ ta, dựa trên cơ sở pháp lý của hiệp nghị Giơ-ne-vơ đã thắng những âm mưu đen tối, phản động của bọn thực dân Pháp và bè lũ tay sai.

Ngày 16-5-1955, theo đúng điều khoản ghi trong hiệp nghị đình chiến, những đơn vị cuối cùng của quân đội Pháp buộc phải rút khỏi Hải Phòng và khu mỏ Hồng Quảng. Miền Bắc nước ta đã được hoàn toàn giải phóng.

Ở khắp nơi, nhân dân thoát khỏi ách áp bức của giặc đều biểu lộ một tinh thần hân hoan, phấn khởi vô cùng. Tình hình chính trị và sinh hoạt ở các vùng mới giải phóng được nhanh chóng ổn định. Nhân dân bắt tay ngay vào xây dựng cuộc đời mới, trên một nửa đất nước hoàn toàn giải phóng.

2. Đế quốc Mỹ và bọn tay sai không ngừng phá hoại hiệp nghị Giơ-ne-vơ, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta

Không phá hoại được việc kí kết hiệp nghị Giơ-ne-vơ, đế quốc Mỹ vẫn không chịu từ bỏ âm mưu đen tối của chúng đối

với nước ta và đối với Đông Dương. Chúng tìm mọi cách để phá hoại việc thi hành hiệp nghị.

Ngày 23-7-1954, chỉ hai ngày sau khi hiệp nghị Giơ-ne-vơ được kí kết, Đa-lét là bộ trưởng ngoại giao Mỹ lúc đó, đã tuyên bố: « Từ nay về sau, vấn đề bức thiết không phải là than tiếc dĩ vãng, mà là lợi dụng thời cơ để việc thất thủ miền Bắc Việt Nam không mở đường cho chủ nghĩa cộng sản hành trưởng ở Đông Nam Á và Tây Nam Thái Bình Dương». Tháng 9-1954 đế quốc Mỹ đã triệu tập hội nghị Ma-ni (Phi-lip-pin) để thành lập một khối liên minh quân sự xâm lược gọi là « Khối phòng thủ Đông Nam Á » gồm có Anh, Pháp, Phi-lip-pin, Thái Lan... Khối này đã đặt miền Nam Việt Nam vào khu vực « bảo hộ » của chúng một cách trái phép. « Đó là một sự vi phạm trắng trợn vào hiệp định Giơ-ne-vơ, một sự xâm phạm vào độc lập và chủ quyền của Việt Nam cũng như Miên, Lào, một sự đe dọa cho an ninh và hòa bình ở Đông Nam Á » (1).

Ở miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ có kế hoạch lần dần từng bước đi đến chỗ hất cẳng Pháp khỏi Việt Nam và Đông Dương. Trước hết chúng trực tiếp nắm lấy Ngô Đình Diệm (2), ra sức xây dựng chính quyền Ngô Đình Diệm thành một chính quyền độc tài, phát-xít. Ngô Đình Diệm công nhiên tuyên bố truất quyền Quốc trưởng của Bảo Đại (tay sai của Pháp) và lên làm tổng thống ở miền Nam.

Theo lệnh quan thầy Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành một chính sách khủng bố dã man như các vụ tàn sát đẫm máu ở Cam Lộ, Hương Điền (Quảng Trị), Chợ Đước, Duy Xuyên (Quảng Nam), Mỏ Cày (Bến Tre)... Trắng trợn hơn chúng kháng kháng từ chối không chịu hiệp thương với Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa về việc tổ chức tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất Việt Nam. Chúng công nhiên

(1) Lời tuyên bố của Bộ Ngoại giao nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1954.

(2) Ngô Đình Diệm là thượng thư của triều đình bù nhìn Huế thời thuộc Pháp, sau bỏ Pháp theo Nhật, năm 1948 bị mật liên hệ với Mỹ và ít lâu sau được đưa sang Mỹ, được Cục tình báo trung ương Mỹ nuôi dưỡng, dạy dỗ, đào tạo thành tay sai đắc lực cho Mỹ.

tuyên bố không có trách nhiệm thi hành hiệp nghị Giơ-ne-vơ và tự ý tổ chức tuyên cử riêng rẽ để bầu ra một «quốc hội» giả hiệu ở miền Nam.

Mặt khác, đế quốc Mỹ, dưới chiêu bài «viện trợ», liên tiếp đưa nhiều cố vấn, huấn luyện viên quân sự và dụng cụ chiến tranh vào miền Nam, tăng cường lực lượng quân sự cho chính quyền Ngô Đình Diệm, gây chiến tranh tiêu diệt các giáo phái đối lập, khiêu khích ở khu giới tuyến tạm thời, hô hào «Bắc tiến»...

Tất cả những hành động trên đây của đế quốc Mỹ và tay sai đều trái với hiệp nghị Giơ-ne-vơ, đều nhằm âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành một căn cứ quân sự của Mỹ, chia cắt lâu dài đất nước ta.

3. Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong thời kì mới

Sau khi hòa bình lập lại tình hình nước ta có nhiều thay đổi lớn. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, trong khi đó chính quyền của đế quốc và phong kiến vẫn tồn tại ở miền Nam.

Vì vậy Cách mạng ở mọi miền nước ta có những nhiệm vụ chiến lược khác nhau, thích hợp với điều kiện của từng miền, nhưng phối hợp chặt chẽ với nhau.

Miền Bắc sau khi hoàn thành nhiệm vụ phản đế và tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ phản phong, phải chuyển lên làm Cách mạng xã hội chủ nghĩa, không thể trì hoãn. Phải đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng miền Bắc có đời sống ấm no, hạnh phúc, biến miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất đất nước.

Miền Nam thì vẫn phải tiếp tục sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đổ đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, đại biểu cho bọn địa chủ và tư sản mại bản thân Mỹ, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà.

Miền Bắc càng tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội, lực lượng các mặt càng củng cố thì càng làm cho hậu phương lớn thêm vững mạnh, làm cho lực lượng so sánh địch ta trong phạm

vi cả nước nghiêng về phía cách mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ và giành thắng lợi cuối cùng. Ngược lại mỗi bước tiến của Cách mạng miền Nam không những chỉ thực hiện nhiệm vụ chiến lược của mình mà còn góp phần tích cực bảo vệ và thúc đẩy cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Xuất phát từ thực tiễn cách mạng ở hai miền, nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam sau khi hòa bình lập lại là : tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

CÂU HỎI

1. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với cách mạng cả nước ta?
2. Bọn Mỹ - Diệm đã có những âm mưu gì để chia cắt lâu dài đất nước ta?
3. Tại sao nhiệm vụ cách mạng ở hai miền lại khác nhau? Hai nhiệm vụ đó quan hệ với nhau như thế nào?

BÀI 25

MIỀN BẮC BƯỚC SANG THỜI KÌ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1954 — 1965)

I

MIỀN BẮC TRONG THỜI KÌ KHÔI PHỤC CẢI TẠO VÀ BƯỚC ĐẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA THEO PHƯƠNG HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954 — 1960)

1. Kinh tế miền Bắc sau khi hòa bình lập lại

Miền Bắc hoàn toàn giải phóng đã có những điều kiện cần thiết để chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa,

Lúc đó, ta có nhiều khó khăn, nhưng ta cũng có những thuận lợi rất cơ bản.

Khó khăn lớn nhất là nền kinh tế của ta đã hết sức lạc hậu, lại bị tàn phá nặng nề sau 15 năm chiến tranh. Ở vùng nông thôn mới giải phóng nạn thiếu đói đe dọa nghiêm trọng, diện tích ruộng đất bị bỏ hoang khá lớn, nhiều nơi còn chằng chịt những lô cốt, mìn và dây thép gai; hệ thống nông giang bị phá hủy, trâu bò bị giết hại, nông cụ thì thiếu thốn, kỹ thuật canh tác còn lạc hậu. Các thành thị mới tiếp quản còn mang nặng tính chất buôn bán, chuyên tiêu thụ hàng xa xỉ của nước ngoài, cơ sở sản xuất chỉ chiếm rất ít. Một số xí nghiệp, nhà máy bị địch phá hoại trước khi rút đi, không hoạt động được nữa hoặc chỉ hoạt động cầm chừng. Nạn thất nghiệp còn xảy ra ở nhiều nơi.

Ở vùng tự do cũ, tuy nông nghiệp và công nghiệp có phát triển nhưng quy mô vẫn nhỏ bé, kỹ thuật còn lạc hậu, năng suất lao động thấp. Cải cách ruộng đất mới tiến hành ở một số nơi, ruộng đất nhìn chung còn nằm trong tay giai cấp địa chủ phong kiến. Đất nước ta còn tạm bị chia làm hai miền.

Tuy khó khăn rất nhiều, nhưng thuận lợi của ta rất lớn, rất cơ bản.

Chúng ta có Đảng, có chính quyền cách mạng vững mạnh. Ngày 1-1-1955, trong không khí dạt dào niềm vui chiến thắng, trên quảng trường Ba Đình lịch sử, nhân dân ta tập trung hàng chục vạn người sung sướng đón chào Hồ Chủ tịch, Trung ương Đảng và Chính phủ trở về thủ đô sau những năm kháng chiến gian khổ, anh dũng.

Nhân dân khắp miền Bắc phấn khởi, đoàn kết, yêu nước, cần cù lao động. Tài nguyên của ta thì phong phú. Chúng ta lại được các nước xã hội chủ nghĩa anh em hết lòng giúp đỡ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, nhân dân ta ra sức phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn để xây dựng cuộc sống mới đầy triển vọng tốt đẹp.

2. Hoàn thành thắng lợi cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế (1955 — 1957)

Hòa bình lập lại, công tác Cải cách ruộng đất được mở rộng và trở thành một công tác trung tâm của nhiệm vụ củng

cố miền Bắc. Trong hai năm 1955 — 1956, chúng ta đã tiến hành 5 đợt cải cách ruộng đất trên khắp miền Bắc và đã thu được những kết quả to lớn: trên 81 vạn héc-ta ruộng đất, 10 vạn trâu bò và 2 triệu nông cụ lấy từ tay giai cấp địa chủ đem chia hẳn cho hơn 2 triệu hộ nông dân lao động. Chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất đã được xóa bỏ vĩnh viễn. Điều mơ ước hàng ngàn năm của nông dân và khẩu hiệu «người cày có ruộng» do Đảng ta đề ra hàng chục năm nay đã được thực hiện trên một nửa đất nước. Giai cấp nông dân thật sự được đưa lên địa vị làm chủ nông thôn, hăng hái tham gia sản xuất. Khối liên minh công nông càng củng cố thêm vững chắc. Trong quá trình thực hiện cải cách ruộng đất chúng ta có phạm một số sai lầm nhưng đã kịp thời phát hiện và kiên quyết sửa chữa.

Song song với cuộc vận động cải cách ruộng đất, chúng ta bắt tay ngay vào việc khôi phục kinh tế.

Về nông nghiệp, hầu hết các ruộng đất bỏ hoang đã được phục hồi. Các hệ thống thủy nông và đê điều được sửa chữa, bồi đắp⁽¹⁾. Công việc chống hạn, lụt, úng, cải tiến kỹ thuật được thường xuyên đẩy mạnh. Việc trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, đánh cá, khai thác gỗ đều được gây dựng lại. Phong trào đổi công, hợp tác bước đầu phát triển⁽²⁾. Nhờ những cố gắng trên mà đến cuối 1957, tổng sản lượng nông nghiệp đã vượt mức trước chiến tranh (1957: 4000 000 tấn so với 1939: 2407 000 tấn). Nạn thiếu đói ở miền Bắc đã được căn bản giải quyết, điều mà bọn thực dân Pháp trước đó cho là không thể thực hiện được.

Về công nghiệp, chúng ta đã phục hồi và mở rộng hơn 10 xí nghiệp ở vùng mới giải phóng (mỏ than Hồng Gai, nhà máy xi-măng Hải Phòng, nhà máy dệt Nam Định...), duy trì và củng cố 18 xí nghiệp ở vùng kháng chiến, đồng thời xây

(1) Đến đầu 1957 khai thác được 125 000 ha ruộng hoang, sửa chữa được 12 hệ thống thủy nông (đập Bái Thượng, đập Đồ Lương, đập Thác Huống...), củng cố được 3 500 km đê điều.

(2) Đến tháng 12-1957, miền Bắc có 5 961 tổ đổi công (30% nông hộ), gần 50 cơ sở hợp tác xã nông nghiệp và một số nông trường quốc doanh, nông trường quân đội.

dựng thêm hàng chục xí nghiệp mới (nhà máy cơ khí Hà Nội, nhà máy chè Phú Thọ, nhà máy diêm Thống Nhất, nhà máy cá hộp Hải Phòng...). Đến cuối năm 1957 chúng ta đã có tất cả 97 xí nghiệp tương đối lớn do Nhà nước quản lí.

Bên cạnh công nghiệp quốc doanh, thủ công nghiệp, và tiểu công nghiệp tư nhân cũng được khuyến khích phát triển theo phương hướng có lợi cho quốc kế dân sinh. Nhà nước còn giúp đỡ, hướng dẫn họ đặt kế hoạch sản xuất, phân phối nguyên liệu, vật liệu, giá công đặt hàng, thu mua sản phẩm, v.v...

Về giao thông, ta đã xây dựng lại gần 700 km đường sắt bị phá hoại trong kháng chiến, sửa chữa làm mới 233 cầu sắt lớn nhỏ và hàng nghìn ki-lô-mét đường bộ. Các cảng Hải Phòng, Hồng Gai, Cẩm Phả, Bến Thủy được mở lại có thể đưa vào bến các loại tàu 1000 tấn, 10 000 tấn.

Về thương nghiệp, mậu dịch quốc doanh trên đã phát triển mạnh, giữ vai trò lãnh đạo thị trường trong nước. Hợp tác xã mua bán đang bắt đầu xây dựng ở khắp nơi trong nước nên giá cả được ổn định dần, đời sống nhân dân được cải thiện một bước. Tính đến cuối 1957, tổng sản lượng công nghiệp, nông nghiệp đã xấp xỉ mức 1939.

3. Kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế và văn hóa (1958 — 1960)

Sau ba năm khôi phục kinh tế, chúng ta đã thu được thắng lợi lớn, đáng chú ý nhất là ta đã xóa bỏ được chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, phong kiến và bước đầu phát triển được thành phần kinh tế quốc doanh trong công nghiệp cũng như trong thương nghiệp. Song, nền kinh tế miền Bắc nước ta vẫn là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp còn nhỏ bé, thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và tiểu thương, tiểu chủ còn rất lớn. Do đó, Nhà nước ta đã đề ra kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa quy mô lớn để đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện kế hoạch đó, từ năm 1958, khắp miền Bắc đã triển khai một cuộc vận động rộng lớn đưa hàng triệu nông dân vào con đường làm ăn tập thể. Đến cuối năm 1960, ta đã

đàn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp: 85% tổng số nông hộ, 76% diện tích ruộng đất đã được hợp tác hóa, trong đó 14,5% số nông hộ đã vào hợp tác xã bậc cao; 75% tổng số hộ ngư dân và 77% hộ làm muối cũng đã tham gia hợp tác xã.

Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp đã phát triển nhanh, gọn, lành mạnh. Cuộc vận động đó đã kịp thời phát huy những thành quả của cải cách ruộng đất. Những người nông dân trong hợp tác xã rõ ràng có thêm lực lượng để tăng vụ, khai hoang làm phân bón, làm thủy nông, cải tiến nông cụ, áp dụng kĩ thuật mới. Nhờ đó sản xuất phát triển mạnh, năng suất và sản lượng lúa tăng nhanh. Vụ mùa 1959 đã giành được thắng lợi lớn, bình quân mỗi héc-ta đạt 24 tạ thóc⁽¹⁾. Các ngành trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề cá... cũng đều phát triển. Nội bộ nông dân tương trợ, đoàn kết tốt hơn. Đời sống văn hóa và vật chất của xã viên được cải thiện, bộ mặt nông thôn dần dần đổi mới. Đó là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử đối với nền nông nghiệp nước ta.

Đối với thợ thủ công, ta cũng tổ chức họ vào các hợp tác xã thủ công nghiệp. Cuối năm 1960, 67% tổng số lao động thủ công đã vào hợp tác xã hoặc xưởng thủ công của mậu dịch quốc doanh.

Đối với giai cấp tư sản dân tộc, ta chủ trương tiến hành cải tạo họ bằng phương pháp hòa bình: về kinh tế, Nhà nước không tịch thu tư liệu sản xuất của nhà tư sản mà dùng chính sách chuộc lại; về chính trị vẫn coi nhà tư sản là một thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; giáo dục họ tự nguyện cải tạo thành người lao động. Đến cuối năm 1960, 100% số hộ tư sản công nghiệp, 98% số hộ tư sản thương nghiệp và 99% phương tiện vận tải cơ giới thuộc diện cải tạo đã vào công tư hợp doanh, đi theo chủ nghĩa xã hội.

Đối với những người buôn bán nhỏ thì vận động họ từng bước đi vào con đường làm ăn tập thể; đi vào sản xuất công, nông nghiệp hoặc trở thành người bán hàng cho mậu dịch.

(1) Sản lượng lúa năm 1959 của miền Bắc là 5 193 000 tấn, trong khi ấy ở miền Nam, ruộng đất phì nhiêu hơn nhưng vì bỏ hoang nhiều nên chỉ thu hoạch được có 3 000 000 tấn.

Đồng thời với kế hoạch cải tạo kinh tế, việc xây dựng và phát triển thành phần quốc doanh trong nền kinh tế quốc dân được đặc biệt coi trọng. Năm 1957 chúng ta mới có 97 xí nghiệp quốc doanh, năm 1960 ta đã có 172 xí nghiệp quốc doanh do Trung ương quản lý và trên 500 cơ sở công nghiệp quốc doanh do địa phương quản lý⁽¹⁾.

Do kết quả của việc cải tạo và phát triển kinh tế, đời sống nhân dân đã dần dần được cải thiện. Văn hóa, giáo dục, y tế đều phát triển mạnh. Nạn mù chữ ở miền xuôi đã được xóa bỏ về căn bản. Số học sinh phổ thông tăng nhanh. Ta đã mở được 9 trường đại học với 11070 sinh viên. Ở thành thị và cả nông thôn đều có câu lạc bộ, phòng đọc sách, bãi chiếu bóng, bệnh viện. Nhà nước dân chủ nhân dân trong thời kỳ này đã được tăng cường, Quốc hội khóa II, hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp được bầu cử lại. Để đảm bảo quyền dân chủ và quyền bình đẳng dân tộc, Chính phủ đã thành lập khu tự trị Thái Mèo⁽²⁾ và khu tự trị Việt Bắc. Từ tháng 9-1955, Mặt trận tổ quốc Việt Nam được thành lập làm cơ sở vững chắc cho chính quyền.

Thắng lợi có tính chất quyết định của kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế và văn hóa là đã xác lập được quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa xóa bỏ được về cơ bản chế độ người bóc lột người trên miền Bắc, thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và nửa xã hội chủ nghĩa đã chiếm ưu thế trong nền kinh tế quốc dân.

Những thành tựu có ý nghĩa lịch sử trên đây đã được phản ánh và khẳng định trong bản Hiến pháp thứ hai của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, được Quốc hội thông qua ngày 31-12-1959.

(1) Cuối năm 1960, công nghiệp quốc doanh chiếm 49,5% tổng giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp. Thương nghiệp quốc doanh chiếm 91,5% tổng số mức bán lẻ.

(2) Sau đổi lại là khu tự trị Tây bắc. Hiện nay đã bỏ cấp khu.

II

MIỀN BẮC TRONG THỜI KÌ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961 — 1965)

4. Đại hội toàn quốc lần thứ ba của Đảng Lao động Việt Nam và đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc

Tháng 9-1960 Đại hội toàn quốc lần thứ ba của Đảng họp ở thủ đô Hà Nội để bàn về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Đại hội đã phân tích ba đặc điểm của miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó đặc điểm chủ yếu nhất là: Miền Bắc từ một nền sản xuất nhỏ lạc hậu phân tán đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa⁽¹⁾.

Trên cơ sở phân tích đặc điểm Đại hội đã xác định nhiệm vụ, trung tâm của cả thời kỳ quá độ là phải công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và kỹ thuật khoa học tiên tiến làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp thống nhất nước nhà.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta là xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cân đối và hiện đại, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp và lấy công nghiệp nặng làm nền tảng, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Đại hội cũng đã thông qua phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1961 — 1965): Phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa

(1) Hai đặc điểm nữa là: Miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa trong hoàn cảnh trên thế giới có phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh về mọi mặt và trong nước thì còn tạm chia làm hai miền.

xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Sau Đại hội, Trung ương Đảng đã xác định rõ: quá trình thực hiện Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là quá trình tổng hợp của ba cuộc cách mạng: Cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng kỹ thuật là then chốt.

«Trong thời gian đầu, khoảng 10 năm (kể từ năm 1961) chúng ta phải phấn đấu thực hiện một sự chuyển biến căn bản trong nền kinh tế quốc dân, tiến hành trang bị cơ khí và nửa cơ khí một cách phổ biến, xóa bỏ tình trạng thủ công lạc hậu và tình trạng không cân đối nghiêm trọng hiện nay trong nền kinh tế, bảo đảm cho công nghiệp, nông nghiệp và các ngành kinh tế khác phát triển cân đối, nhịp nhàng, mạnh mẽ nhằm giải quyết một cách căn bản những nhu cầu thông thường của nhân dân về ăn, mặc, ở, học tập, bảo vệ sức khỏe; đồng thời chuẩn bị mọi mặt về vật chất, kỹ thuật, cán bộ, công nhân... để tiếp tục phát triển kinh tế toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc»⁽¹⁾.

5. Những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 — 1965)

Xuất phát từ tình hình thực tế miền Bắc sau ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, phát triển văn hóa và căn cứ vào đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc, Nhà nước ta đã đề ra những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là:

Dự định sẽ đưa giá trị sản lượng công nghiệp, và thủ công nghiệp tăng bình quân hàng năm khoảng trên 17%; giá trị sản lượng nông nghiệp tăng bình quân hằng năm khoảng 6,5%. Số vốn đầu tư trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất sẽ gần gấp đôi số vốn đã đầu tư trong 5 năm từ 1956 — 1960, trong đó dành khoảng 86% cho những công trình có tính chất sản xuất và 14% dành cho những công trình giáo dục, văn hóa, y tế và các công trình khác. Trên cơ sở phát triển sản

(1) Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 về nhiệm vụ và phương hướng xây dựng và phát triển công nghiệp.

xuất và tăng năng suất lao động, đời sống của nhân dân lao động sẽ được nâng cao thêm một bước. Thu nhập thực tế của công nhân, viên chức sẽ tăng lên nhờ tổ chức tốt hơn việc cung cấp lương thực và thực phẩm, ổn định giá cả, tăng cường hơn nữa các tổ chức phúc lợi. Trên cơ sở thực hiện tốt kế hoạch nông nghiệp, đời sống của nông dân năm 1965 sẽ được nâng lên ngang mức sống của trung nông lớp trên trước đây. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lành nghề sẽ không ngừng lớn mạnh. Đến năm 1965 dự kiến chúng ta sẽ có khoảng gần 3 vạn cán bộ tốt nghiệp đại học, trên 12 vạn cán bộ trung cấp kỹ thuật và trên 30 vạn công nhân biết nghề.

Khu vực kinh tế quốc doanh phát triển với tốc độ nhanh, sẽ ngày càng nâng cao ưu thế và phải giữ được vai trò lãnh đạo nền kinh tế quốc dân. Cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật và đẩy cao phong trào hợp tác hóa trong nông nghiệp, trong thủ công nghiệp sẽ làm cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được củng cố và ngày càng hoàn thiện hơn.

6. Việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất

Để thực hiện mục tiêu trên đây, nhân dân ta đã khắc phục rất nhiều khó khăn do thiên tai, địch họa và do nền kinh tế quá nghèo nàn, lạc hậu của nước ta gây ra để tiến lên từng bước vững chắc. Toàn miền Bắc đã đẩy lên một cao trào thi đua sôi nổi, điển hình là phong trào thi đua «Ba nhất» trong quân đội, «Đại Phong» trong nông nghiệp, «Duyên Hải» trong công nghiệp, «Thành công» trong thủ công nghiệp, «Bắc Lý» trong giáo dục⁽¹⁾ và nhất là phong trào thi đua đạt danh hiệu tổ và đội lao động xã hội chủ

(1) «Ba nhất»: Đạt thành tích nhiều nhất, đều nhất, giỏi nhất. «Đại Phong»: tên một hợp tác xã ở xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. «Duyên Hải»: tên một nhà máy cơ khí ở Hải Phòng. «Thành Công»: tên một hợp tác xã thủ công nghiệp ở Thanh Hóa. «Bắc Lý»: tên một trường phổ thông cấp II ở huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam Ninh.

nghĩa. Qua những phong trào thi đua rộng lớn, tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta được phát huy mạnh mẽ.

Về nông nghiệp chúng ta đã tiến hành củng cố các hợp tác xã, tiếp tục mở rộng quy mô để chuyển các hợp tác xã lên bậc cao, thông qua cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nhằm hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới. Tính đến cuối năm 1965, 80% số hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã chuyển lên bậc cao. Thủy lợi đã được coi là biện pháp cải tiến kỹ thuật hàng đầu nhằm phát triển nông nghiệp. Nhiều công trình thủy lợi do Nhà nước xây dựng cùng với hàng vạn trạm bơm điện, bơm dầu, với những đập nước và hệ thống kênh mương đã hình thành một mạng lưới thủy lợi rộng lớn tưới và tiêu nước cho phần lớn diện tích gieo trồng. Các cơ sở vật chất của hợp tác xã (nhà kho, sân phơi, trại chăn nuôi, trạm kỹ thuật, trạm xử lý giống...) ngày càng nhiều. Tính đến cuối năm 1965, hơn 1000 hợp tác xã đã được trang bị máy móc nhỏ. Nhiều nông trường quốc doanh với trang bị kỹ thuật hiện đại bắt đầu được xây dựng.

Nhờ củng cố quan hệ sản xuất mới kết hợp với tăng cường cơ sở vật chất và cải tiến kỹ thuật nên mục tiêu phấn đấu đạt 5 tấn lúa trên một héc-ta gieo trồng trong một năm đã bắt đầu trở thành hiện thực. Cuối năm 1965 gần 700 hợp tác xã đã đạt hoặc vượt năng suất 5 tấn lúa một héc-ta. Năm 1964 khối lượng lương thực đạt 6 075 000 tấn. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp so với năm 1963 tăng 6,7%.

Về công nghiệp nhiều xí nghiệp công nghiệp nặng với quy mô tương đối lớn, trang bị hiện đại đã được xây dựng. Khu gang thép đầu tiên của nước ta xây dựng ở Thái Nguyên. Tháng 1-1964 nhà máy nhiệt điện Uông Bí đi vào sản xuất. Tháng 8-1964 khởi công xây dựng công trình thủy điện Thác Bà... Hàng loạt nhà máy thuộc ngành công nghiệp nhẹ ra đời: nhà máy giấy, nhà máy miến — mi chính Việt Trì, nhà máy sứ Hải Dương. Các nhà máy đường Vạn Điểm, sông Lam, nhà máy pin Văn Điển, nhà máy dệt kim Đông Xuân, nhà máy dệt 8/3... đã sản xuất tới 80% hàng tiêu dùng trong nước với 12 000 mặt hàng

khác nhau. Một mạng lưới công nghiệp địa phương đã được hình thành. Giao thông vận tải, thương nghiệp đều có những bước tiến quan trọng.

Đời sống vật chất và văn hóa của quần chúng không ngừng được cải thiện. Đến năm 1965, hầu hết nhân dân miền Bắc đều đã biết đọc, biết viết. Số học sinh phổ thông tăng gấp 3 lần rưỡi so với hồi hòa bình lập lại. Số học sinh đại học và trung học chuyên nghiệp tăng gấp 25 lần⁽¹⁾. Một số dân tộc ít người đã có chữ viết riêng của mình. Nhiều bệnh dịch và bệnh xã hội được ngăn chặn; sức khỏe của nhân dân được nâng cao. Nền văn học, nghệ thuật với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Ngày 27-3-1964, tại Hội nghị chính trị đặc biệt, Hồ Chủ tịch nói: «Trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới».

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đang thực hiện có kết quả thi tháng 2-1965 để quốc Mỹ phát động cuộc chiến tranh phá hoại ác liệt trên quy mô lớn bằng không quân và hải quân chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Từ đó, miền Bắc thực hiện một cuộc chuyển hướng toàn diện trong việc phát triển kinh tế và văn hóa, kết hợp chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến đấu chống đế quốc Mỹ và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất mặc dầu có ảnh hưởng vì chiến tranh, song, vẫn căn bản hoàn thành. «Miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng Việt Nam trong cả nước với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh»⁽²⁾.

CÂU HỎI

1. Cải cách ruộng đất hoàn thành thắng lợi đã có ảnh hưởng tích cực gì đến công cuộc xây dựng miền Bắc sau hòa bình lập lại?

(1) Năm học 1964 — 1965 có 2 676 000 học sinh phổ thông và 27 400 sinh viên đại học.

(2) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, tháng 12-1965.

2. Cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã giành lại được những thắng lợi to lớn như thế nào? Tại sao phong trào hợp tác hóa nông nghiệp phát triển nhanh mạnh?
3. Việc thực hiện kế hoạch 3 năm (1958 — 1960) đã tạo nên những biến chuyển gì trong cơ cấu kinh tế, xã hội của miền Bắc?
4. Đặc điểm chủ yếu nhất của miền Bắc khi bước vào thời kì quá độ lên xã hội chủ nghĩa là gì? Từ đặc điểm đó phân tích rõ chúng ta phải khắc phục những khó khăn gì để tiến lên xã hội chủ nghĩa. Tại sao chúng ta có thể khắc phục những khó khăn trên?
5. Bộ mặt miền Bắc sau kế hoạch 5 năm lần thứ nhất có những biến đổi mới như thế nào?

ĐỌC THÊM

ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ VĂN HÓA CỦA NHÂN DÂN KHÔNG NGỪNG ĐƯỢC CẢI THIỆN

Đời sống vật chất của nông dân, mặc dù năm 1960 bị mất mùa, vẫn được cải thiện rõ rệt trong năm 1961, 1962. Mức chênh lệch về thu nhập giữa trung nông và bán nông đã thu hẹp lại một cách rõ rệt, và đã có khoảng 30% số hộ bán nông thu nhập ngang trung nông hoặc trung nông lớp trên. Nhìn chung trong nông dân, 25% số hộ có mức sống khá, 56% số hộ có mức sống trung bình.

Một điều đáng chú ý là nhiều mặt sinh hoạt ở nông thôn đã có sự chuyển biến tốt. Về nhà ở tại nhiều tỉnh, khoảng 20% số hộ nông dân đã có nhà ngói. Đời sống vật chất như ăn, mặc, đồ dùng trong nhà được cải thiện dần dần. Người nông dân xã viên ngày nay có đời sống văn hóa mà thời trước không có được như xem chiếu bóng, đọc sách báo, tiêm phòng dịch. Nhiều người có con học trường trung cấp chuyên nghiệp hoặc trường đại học... Con em nông dân lao động chiếm 7,3% tổng số cán bộ kĩ thuật cao cấp, 24,7% tổng số cán bộ kĩ thuật trung cấp, 46,2% tổng số sinh viên đại học và 76% tổng số học sinh các trường kĩ thuật trung cấp.

Đời sống của đồng bào miền núi đã được cải thiện rõ rệt về mọi mặt. Ở nhiều nơi sự cải thiện rõ hơn ở miền xuôi.

Đối với công nhân, viên chức, cũng như đối với nhân dân thành thị nói chung, phương hướng chủ yếu để nâng cao đời

sống là thu xếp công ăn việc làm cho những người đến tuổi lao động. Trong vòng 5 năm qua (1958—1962) tổng số người được sắp xếp công việc là hơn 30 vạn, do đó gánh nặng gia đình của công nhân, viên chức tính trung bình đã giảm bớt một phần. Ngoài ra, Nhà nước còn lần lượt thi hành nhiều biện pháp để nâng cao thu nhập của công nhân, viên chức như tăng lương (1958 và 1960) thi hành lương sản phẩm, nâng cấp, nâng bậc lương, chế độ tiền thưởng, chế độ bồi dưỡng, chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ phúc lợi tập thể. Trong năm 1962, số tiền Nhà nước chi về xây dựng nhà ở, phụ cấp bảo hiểm, trợ cấp khó khăn, xây dựng vườn trẻ... là 91 triệu đồng.

(Trích báo cáo của Thủ tướng Phạm Văn Đồng trình bày trước kì họp thứ 6 của Quốc hội khóa II, ngày 29-4-1963)

BÀI 26

MIỀN NAM TIẾP TỤC CUỘC CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1954—1965)

I

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM TỪ 1954—1960

1. Âm mưu của đế quốc Mĩ biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng

Từ lâu, đế quốc Mĩ đã cố tình đeo đuổi âm mưu can thiệp và xâm lược nước ta, hòng thực hiện kế hoạch bành trướng và thống trị của chúng ở cả vùng Đông Nam Á. Âm mưu của chúng cực kì độc ác, rất xảo quyệt và trắng trợn, với những thủ đoạn và phương pháp của chủ nghĩa thực dân mới.

Ngay từ khi chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc, khi thực dân Pháp còn yếu thế, dưới chiêu bài «chống chủ nghĩa

thực dân», ủng hộ quyền dân tộc tự quyết, để quốc Mỹ đã muốn đặt Việt Nam dưới một «chế độ ủy trị quốc tế» trong 40 năm trực thuộc Mỹ và Tưởng, thay cho chế độ thuộc địa cũ của Pháp.

Đến lúc nhân dân ta đang tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, làm cho Pháp bị sa lầy nghiêm trọng thì đế quốc Mỹ dùng thủ đoạn «viện trợ» trực tiếp câu kết với thực dân Pháp dựng lên một thứ liên minh quân sự kiểu mới. Những năm 1951 — 1954, viện trợ của Mỹ lên tới 2600 triệu đô-la, chiếm 75% ngân sách chiến tranh Đông Dương, còn bọn Pháp và bọn bù nhìn người Việt thì biến thành «đội quân đánh thuê» để thực hiện cái gọi là «phòng thủ chung», «bảo vệ an ninh của thế giới tự do». Trường đoàn viện trợ quân sự Mỹ đã thực sự duyệt các kế hoạch chiến tranh và xen cả vào việc định kế hoạch tác chiến của lực lượng liên hiệp Pháp. Bước can thiệp bằng «viện trợ» của Mỹ làm cho cuộc chiến tranh kéo dài thêm, gây thêm tổn thất về người và của cho nhân dân Việt Nam và nhân dân Pháp.

Tháng 9-1954, sau khi không phá hoại được Hội nghị Giơ-ne-vơ, đế quốc Mỹ trắng trợn lập khối xâm lược Đông Nam Á, đặt miền Nam Việt Nam dưới sự bảo hộ của khối đó. Mặt khác, đế quốc Mỹ đã ra mặt hất cẳng Pháp, trực tiếp can thiệp và xâm lược toàn diện miền Nam Việt Nam thông qua tên tay sai đắc lực của chúng là Ngô Đình Diệm. (1)

Về chính trị, đế quốc Mỹ bày mưu tính kế cho Diệm đưa ra cái chính sách gọi là «đả thực, bài phong, diệt cộng». Thực chất của chính sách «đả thực» là nhằm, một mặt để lừa bịp nhân dân, một mặt để dựa vào đó truất quyền của Pháp, đòi quân đội Pháp rút khỏi miền Nam, nhường lại quyền thống trị miền Nam cho đế quốc Mỹ. Thực chất của chính sách «bài phong» là cướp lại ruộng đất của nông dân đã giành được trong kháng chiến, khôi phục và duy trì quyền chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ. Còn chính sách «diệt cộng» là nhằm đàn áp, khủng bố man rợ đối với những người yêu hòa bình, thiết tha với sự nghiệp thống nhất Tổ quốc, là bóp nghẹt mọi quyền tự do dân chủ của nhân dân. Mỹ — Diệm

(1) Xem Đọc thêm I

đã ra sức phá hoại có hệ thống Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, chống lại hiệp thương bằng tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam, tự động tuyên cử gian lận, triệu tập «quốc hội» giả hiệu, lập ra nước Việt Nam cộng hòa» trái phép do Diệm làm tổng thống. Đại sứ quán Mỹ và hệ thống «cố vấn» Mỹ dày đặc (1) trong mọi ngành, mọi mặt từ trên xuống dưới, dùng quyền lực của đồng đô-la chi phối toàn bộ vùng tạm kiểm soát của chúng ở miền Nam Việt Nam. Vì vậy, tháng 5-1957, Ngô Đình Diệm sang Mỹ đã khúm núm tuyên bố một câu rất phản động: «Biên giới Hoa kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17»!

Về quân sự, đế quốc Mỹ xây dựng cho chính quyền Diệm có một đội quân mạnh, đủ sức đàn áp nhân dân miền Nam, tấn công miền Bắc và uy hiếp các nước xã hội chủ nghĩa. Trường phái đoàn viện trợ quân sự Mỹ trực tiếp nắm việc tổ chức và huấn luyện nguy quân. Quỹ viện trợ quân sự của Mỹ chiếm 80% ngân sách quốc phòng của Diệm. Từ năm 1955 đến 1960, có 800 tàu biển của Mỹ chở các loại vũ khí và các phương tiện chiến tranh vào miền Nam. Mỹ đã biến những tiểu đoàn nguy quân trong lực lượng liên hiệp Pháp do sĩ quan Pháp chỉ huy thành một đội quân gồm có 150 000 quân chính quy (10 sư đoàn), 160 000 bảo an, 100 000 dân vệ, 115 000 quân dự bị và 45 000 cảnh sát vũ trang. Mỹ đã đưa nhân viên quân sự trái phép vào miền Nam dưới hình thức «cố vấn» từ 200 người (1955) lên đến 2 000 người (1960). Cố vấn quân sự Mỹ nắm nguy quân tới đơn vị tiểu đoàn. Đế quốc Mỹ đã xây dựng một hệ thống sân bay quân sự (2), quân cảng, đường chiến lược khắp miền Nam. Ngoài ra, Mỹ còn giúp Diệm tổ chức một bộ máy cảnh sát, mật vụ khổng lồ theo kiểu phát-xít, tuyển chọn những người trung thành với gia đình Diệm, sẵn sàng chấp hành mọi mệnh lệnh của Diệm và bè lũ.

Về kinh tế, đế quốc Mỹ biến miền Nam thành nơi tiêu thụ hàng hóa thừa ế của Mỹ và phe Mỹ, dưới chiêu bài «viện trợ kinh tế». Các nguồn lợi kinh tế lớn ở miền Nam dần dần lọt vào tay Mỹ hoặc do Mỹ lũng đoạn. Các ngành công nghiệp,

(1) MAAG về quân sự, USOM về kinh tế, USU về chính trị...

(2) 1960 có 57 sân bay quân sự không kể xa lộ Sài Gòn — Biên Hòa dài 32km, một sân bay không lộ trá hình.

nông nghiệp, thương nghiệp, tài chính ở miền Nam đều lệ thuộc vào viện trợ Mỹ.

Về văn hóa, giáo dục, bằng đủ mọi phương tiện, Mỹ — Diệm đã ra sức gieo rắc, truyền bá hằng ngày, hằng giờ nọc độc tinh thần hòng truy lạc hóa nhân dân miền Nam, nhất là thanh niên nam nữ, làm cho họ trở thành những người mất gốc, không cần biết đến Tổ quốc, đồng bào, không cần biết đến truyền thống dân tộc, sống sa đọa theo bản năng thấp hèn dễ dãi cho Mỹ — Diệm sai khiến vào mục đích bán nước.

2. Chính sách khủng bố cực kì tàn bạo kiểu phát-xít của chính quyền Ngô Đình Diệm

Chính quyền Ngô Đình Diệm do đế quốc Mỹ nuôi dưỡng, huấn luyện đã nhanh chóng trở thành một chính quyền độc tài phát-xít phản dân tộc, phản nhân dân. Theo lệnh Mỹ, Ngô Đình Diệm đã tiến hành cuộc «chiến tranh một phía» đối với 14 triệu đồng bào miền Nam ta.

Ngày 7 tháng 7-1955, kỉ niệm một năm cầm quyền, Diệm đã phát động chiến dịch «tổ cộng», «diệt cộng» và chúng coi đây là «quốc sách» để «bình định» miền Nam. Làn sóng khủng bố kéo dài từ năm 1955 đến năm 1958 — 1959, trên toàn bộ miền Nam. Phương pháp «tổ cộng» của chúng là cần quét, tố cáo những người kháng chiến cũ, buộc đầu thú, tuyên bố li khai, bắn giết hàng loạt. Chúng tuyên bố: «tiêu diệt Việt cộng không thương tiếc», «thà giết lầm chứ không bỏ sót». Chúng dùng những hình thức giết người man rợ nhất của thời trung cổ như: chôn sống, mổ bụng moi gan, trôi sông, thiêu cháy v.v... Trong vòng mấy năm «chiến tranh một phía» Diệm bắt giam không thời hạn, không cần chứng cứ, không đem ra xét xử 275 000 người trong 874 nhà tù; giam lỏng hơn nửa triệu người trong 252 «khu dinh điền» và «khu trừ mật», tra tấn thành tàn phế 530 000 người, dùng bom đạn làm 230 000 người bị thương tật, giết chết hơn 80 000 người!

Ngày 1-12-1958, Diệm gây ra vụ đầu độc tại trại tập trung Phú Lợi, giết chết hơn 1 000 chiến sĩ cách mạng. Năm 1959, Ngô Đình Diệm lại cho ra luật phát-xít 10-59 để tiếp tục trấn áp lòng căm phẫn của quần chúng. Chúng quy

định bất cứ người nào không tán thành Mỹ — Diệm đều bị tòa án quân sự xử tử hoặc xử tù chung thân. Máy chém của Diệm kéo lê từ tỉnh này sang tỉnh khác, giết hại nhân dân ta không kể xiết.

3. Phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam không ngừng phát triển

Mỹ — Diệm, bằng mọi âm mưu, mọi thủ đoạn, muốn đè bẹp ý chí cách mạng của nhân dân ta nhưng chúng không thể nào thực hiện nổi. Với truyền thống đấu tranh bất khuất của «miền Nam thành đồng», nhân dân miền Nam, mặc dầu phải chịu bao nhiêu đau thương, tang tóc do Mỹ — Diệm gây ra, vẫn vùng lên chống đối kẻ thù một cách quyết liệt.

Phong trào đấu tranh cho hòa bình thống nhất nổ ra đầu tiên ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Huế năm 1954. Càng về sau, phong trào đấu tranh càng lan rộng, sôi nổi dưới nhiều hình thức phong phú: truyền đơn, biểu ngữ, áp phích, mít tinh, biểu tình, bãi công, đưa kiến nghị... đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống trở lại «trung cầu dân ý», «bầu cử quốc hội», đòi cải thiện đời sống, đòi tự do dân chủ. Trong phong trào, công nhân giữ vai trò tiên phong: ngày 1-5-1955 ba vạn công nhân và đồng bào Huế mít tinh kiến nghị đòi tăng lương, bớt giờ làm; tháng 3-1956 công nhân nhà máy đèn Chợ Quán — Sài Gòn, bãi công lôi kéo gần 20 vạn công nhân các ngành khác tham gia hưởng ứng. Nông dân đấu tranh chống «cải cách điền địa» giả hiệu để bảo vệ quyền lợi đã giành được trong kháng chiến. Nhiều nhà văn, nhà báo không ngớt phơi bày, tố cáo những chính sách phản dân, hại nước của Ngô Đình Diệm. Ngày 1-5-1956, 15 vạn công nhân và nhân dân Sài Gòn — Chợ Lớn mít tinh, biểu tình kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động. Khi chính quyền Diệm công nhiên từ chối hiệp thương tổng tuyển cử thì lập tức nổi lên phong trào đấu tranh chống lại và đòi lập lại quan hệ bình thường Nam — Bắc với 7 triệu lượt đồng bào tham gia, lôi cuốn cả đồng bào miền Bắc bị cưỡng ép di cư vào Nam, đồng bào theo các đạo Cao Đài, Hòa Hảo, Thiên Chúa giáo, hình thành một thế đấu tranh mạnh mẽ, phối hợp

nhân dân thành thị và nhân dân nông thôn, suốt từ Quảng Trị đến Cà Mau.

Từ năm 1957 trở đi, khi chiến dịch «tổ cộng», «diệt cộng» lan rộng ra khắp miền Nam thì cuộc đấu tranh của nhân dân trở nên vô cùng ác liệt. Trong những giờ phút thử thách sống còn, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của cán bộ và đồng bào miền Nam đã phát triển đến cao độ. Rất nhiều tấm gương hi sinh lâm liệt để bảo vệ khí tiết của mình. Rất nhiều cán bộ sẵn sàng chịu đựng vô vàn gian nguy để bám đất, bám dân, kiên trì tổ chức quần chúng đấu tranh với địch. Nhân dân thì một lòng son sắt, mặc cho kẻ thù lòng sục, bao vây, truy ép, vãn nuôi giấu, bảo vệ cán bộ.

Năm 1958, Ngô Đình Diệm phát cho mỗi nhà báo nước ngoài đến Sài Gòn một quyển sách nhỏ trong đó nói: «Chúng tôi có thể kết luận rằng ở miền Nam Việt Nam, lực lượng Việt minh đã bị tiêu diệt hết rồi, không còn làm gì được nữa». Sự thật lại không như Diệm nhận định. Rất nhiều và ngày càng nhiều cuộc học tập «tổ cộng» bị phá. Bằng nhiều cách, nhân dân không chịu đi học. Những người buộc phải đi học thì dùng những lý lẽ đánh thép và khôn khéo để vạch trần luận điệu xuyên tạc, vu khống của địch hoặc phá không cho cuộc họp đi đến kết quả. Năm 1958, 1959 cũng là những năm nhân dân ta đấu tranh mạnh mẽ, phá những khu «dinh điền», khu «trù mật» của địch.

Phong trào cách mạng miền Nam đến 1959, mặc dù trải qua những năm tháng thử thách cực kì nghiêm trọng, nhưng cơ sở cách mạng vẫn được duy trì và phát triển. Các cơ quan lãnh đạo cách mạng vẫn giữ được mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng. Các đồng chí lãnh đạo cách mạng nước ta đã đánh giá đúng tình hình, sáng suốt nhận định là kẻ thù đã thất bại cơ bản về chính trị, do đó chuẩn bị phát động quần chúng khởi nghĩa từng phần giành chính quyền về tay nhân dân. Trong khi đó, những người lãnh đạo Trung Quốc «khuyên» ta nên trường kì mai phục ⁽¹⁾.

Cuối 1959, phong trào quần chúng không phải chỉ có đấu tranh hợp pháp với lũ tàn bạo, giết người nữa, mà đã xuất hiện ngày càng nhiều những cuộc võ trang tuyên truyền, trừ

(1) Xem : Năm mươi năm hoạt động của Đảng

gian, diệt tề. Hàng tháng trung bình vài ba trăm tên ác ôn bị giết chết.

4. Phong trào «đồng khởi» — Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam thành lập

Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chống «tổ cộng», chống «dinh điền», chống «khu trú mật», chống nền độc tài cá nhân gia đình trị của Diệm đã dẫn đến phong trào «đồng khởi» năm 1960. Nhân dân miền Nam không thể nào để cho Mĩ — Diệm tự do hoành hành mà không chống cự. Đã đến lúc phải dùng máu để đòi nợ máu. Phải dùng đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị để đưa phong trào tiến lên. Phong trào «đồng khởi» ở miền Nam mở đầu bằng cuộc đấu tranh của đồng bào tỉnh Bến Tre.

Đúng vào đêm 17-1-1960, quần chúng nhân dân Bến Tre, với gậy gộc, giáo mác, súng ống đủ các loại, đã nhất tề nổi dậy diệt ác ôn, đánh đồn bốt, cướp súng địch để diệt địch. Bị đánh bất ngờ, bọn địch hoảng sợ, nằm im thín thít trong các bốt. Chỉ qua một đêm đồng khởi, nhân dân ba huyện Mỏ Cày, Thạnh Phú, Minh Tân (Bến Tre) đã nhổ hàng chục đồn bốt, phá ban hành chục ấp chiến lược. Bộ máy kim kẹp của địch ở một số xã bị tan rã hẳn. Nhân dân đã hoàn toàn làm chủ một vùng rộng lớn.

Cả tỉnh Bến Tre, các lực lượng võ trang nhân dân hình thành và phát triển. Các ủy ban nhân dân tự quản được thành lập ở những vùng mới giải phóng. Ruộng đất của bọn địa chủ gian ác bị tịch thu, chia cho dân cày nghèo. Từ Bến Tre, phong trào «đồng khởi» như nước vỡ bờ lan khắp các tỉnh Nam bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở miền Trung Trung bộ. Trong năm 1960, phong trào «đồng khởi» ở miền Nam đã lật đổ bộ máy nguy quyền ở 1000 xã của Nam bộ và 4000 thôn ở Tây Nguyên. Chương trình «bình định» mà bọn Mĩ — Diệm đã bỏ bao nhiêu công sức thực hiện từ 1955 đến 1959 hoàn toàn thất bại. Thời kì gọi là «tạm thời ổn định» của chế độ Diệm đã chấm dứt.

Thắng lợi của phong trào «đồng khởi» đã tạo cơ sở để đẩy mạnh chiến tranh nhân dân có tính chất toàn dân, toàn diện



Hình 30 — Các em thiếu nhi dân tộc Pa Kô (Tây Nguyên) vót chông chuẩn bị chống Mĩ — nguy.

và lâu dài chống lại sự xâm lược của đế quốc Mĩ, làm lung lay đến tận gốc chế độ nguy quyền tay sai. Chính trong cao trào đó, ngày 20-12-1960, đại biểu các giai cấp, các đảng phái, các tôn giáo, các dân tộc miền Nam đã họp đại hội để thành lập *Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam* và thông qua chương trình hành động 10 điểm nhằm lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mĩ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, xây dựng một miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình trung lập, tiến tới hòa bình, thống nhất Tổ quốc (1).

Mặt trận Dân tộc giải phóng ra đời là kết quả của cả quá trình đấu tranh của quần chúng, nhân dân miền Nam từ năm 1954 đến năm 1960. Mặt trận ra đời đã đáp ứng đúng nguyện vọng của nhân dân miền Nam, đáp ứng đúng yêu cầu của lịch sử. Mặt trận trở thành trung tâm đoàn kết, động viên mọi lực lượng yêu nước ở miền Nam chống bọn Mĩ nguy.

(1) Xem Đọc thêm II

đồng thời đem lại cho phong trào của quần chúng một phương hướng cách mạng rõ rệt.

Cuối năm 1960, đầu năm 1961, lần lượt các ủy ban mặt trận ở tỉnh, ở huyện miền Nam được thành lập và long trọng ra mắt đồng bào. Một không khí phấn khởi tin tưởng lan tràn khắp nơi. Quần chúng, nhân dân quyết tâm đi theo ngọn cờ cứu nước của Mặt trận, đẩy mạnh đấu tranh, đưa cách mạng miền Nam bước sang một giai đoạn mới.

II

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM TỪ 1961 ĐẾN 1965 — ĐÁNH BẠI «CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT» CỦA ĐẾ QUỐC MĨ

5. Nhân dân miền Nam đấu tranh làm phá sản kế hoạch Xta-lây — Tay-lơ

Trước phong trào cách mạng «đồng khởi» dâng lên như vũ bão của hàng triệu quần chúng nhân dân miền Nam, chính sách thực dân mới của đế quốc Mĩ đã bị phá sản. Không từ bỏ dã tâm xâm lược miền Nam, đế quốc Mĩ bị động, phải dùng thủ đoạn «chiến tranh đặc biệt» để thực hiện mục đích của chúng. Đó là loại chiến tranh tiến hành bằng lực lượng phản động tay sai bản xứ, lực lượng nguy quân và nguy quyền, với vũ khí trang bị và mọi phương tiện chiến tranh do đế quốc Mĩ cung cấp, theo kế hoạch Mĩ, dưới sự chỉ huy của Mĩ, nhằm đè bẹp cuộc đấu tranh cách mạng và tiêu diệt các lực lượng yêu nước ở miền Nam nước ta.

Kế hoạch đầu tiên của loại chiến tranh trên là kế hoạch Xta-lây — Tay-lơ (1), nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng và chuẩn bị tiến công ra miền Bắc. Kế hoạch Xta-

(1) Tướng Tay-lơ đã từng làm tổng tham mưu trưởng của quân đội Mĩ, Xta-lây là một nhà kinh tế. Cả hai đều là những người cộng tác thân cận của tổng thống Mĩ. Kế hoạch Xta-lây — Tay-lơ chúng cho là một bản tổng kết kinh nghiệm rất giá trị của các cuộc chiến tranh đàn áp cách mạng ở một số nơi trên thế giới.

lây—Tay-lơ gồm hai điểm chủ yếu là lập «ấp chiến lược» để tập trung dân và tăng cường hoạt động quân sự để tiêu diệt lực lượng yêu nước.

Nửa cuối năm 1961 và cả năm 1962, Mĩ — Diệm dùng mọi lực lượng và mọi thủ đoạn từ đàn áp trắng trợn, dã man đến dụ dỗ mua chuộc để mong thực hiện kế hoạch tập trung 10 triệu dân vào trong một hệ thống 17 000 «ấp chiến lược». Chúng tính toán một cách chủ quan rằng hệ thống «ấp chiến lược» hoàn thành sẽ vừa khống chế được nhân dân, vừa có thể tiêu diệt lực lượng cách mạng. Ngày 8-2-1962, chúng thành lập bộ chỉ huy quân sự Mĩ tại Sài Gòn do tướng Harkin đứng đầu. Dưới sự chỉ huy trực tiếp của bọn tướng tá Mĩ, ngụy quân liên tiếp mở những cuộc hành quân lớn, càn đi quét lại hầu khắp các vùng ở miền Nam để tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng, đồng thời dồn dân vào «ấp chiến lược».

Bọn xâm lược Mĩ tưởng rằng với lực lượng quân sự mạnh mẽ và những thủ đoạn tàn ác của chúng có thể khuất phục được đồng bào miền Nam ta. Chúng đã tính sai. Cả



Hình 31 — Quân giải phóng đánh chiếm xe tăng địch

miền Nam sục sôi chỉ căm thù, tiếp nối tinh thần «đồng khởi», kẻ vai sát cánh giết giặc cứu nước, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Dân tộc giải phóng.

Ngày 15-2-1961, các lực lượng vũ trang tự vệ của nhân dân chính thức hợp nhất thành lập «Quân giải phóng» miền Nam Việt Nam. Vừa mới ra đời, quân giải phóng trở thành mũi nhọn đấu tranh chống đồn dân, lập «ấp chiến lược» và chống những cuộc hành quân càn quét của địch. Các hội giải phóng, các đoàn thể giải phóng lần lượt thành lập. Ngày 1-1-1962 Đảng Nhân dân cách mạng Việt Nam chính thức thành lập, thông qua cương lĩnh và điều lệ của Đảng. Các hội, các đoàn thể, các đảng phái đều tuyên bố làm thành viên của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Ngày 16-2-1962, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam họp Đại hội lần thứ nhất đã vạch trần âm mưu của địch, kêu gọi toàn dân đoàn kết đấu tranh chống đế quốc Mĩ xâm lược, lật đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm.

Kế hoạch lập «ấp chiến lược» của địch đã vấp phải sự chống đối kịch liệt của đồng bào ta. Nhiều ấp bị phá ngay khi mới thành lập. Nhiều ấp khác bị phá đi, phá lại nhiều lần, địch không tài nào củng cố được. Một số ấp, sau khi bị phá, đã trở thành «làng chiến đấu» của ta. Trong khi đó, chiến tranh du kích của ta phát triển mạnh mẽ khắp nơi, vùng giải phóng không bị thu hẹp mà còn mở rộng thêm. Ảnh hưởng của Mặt trận ngày càng lan rộng trong các tầng lớp nhân dân nông thôn, rừng núi và thành thị.

Ngày 2-1-1963, đáp lời kêu gọi chống Mĩ, cứu nước của Mặt trận, quân và dân miền Nam đã lập một chiến công vang dội ở Ấp Bắc (quận Cai Lậy, tỉnh Mĩ Tho). Tại đây, lần đầu tiên, với số quân ít hơn địch 10 lần, các chiến sĩ quân giải phóng và đồng bào đã đánh bại cuộc càn quét của trên 2000 tên địch với vũ khí hiện đại, có cả hàng chục máy bay lên thẳng và xe tăng bọc thép M.113 yểm trợ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 450 tên Mĩ ngụy. Với trận Ấp Bắc, chiến tranh du kích của quân dân miền Nam bước qua một giai đoạn phát triển mới, có đủ khả năng phá được chiến thuật «trục thẳng

vận» và «thiết xa vận» của Mĩ nguy, giáng một đòn trí mạng vào chiến lược «chiến tranh đặc biệt» của đế quốc Mĩ.

Tháng 4-1963, Mặt trận Dân tộc giải phóng phát động phong trào «thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công». Từ đó, Ấp Bắc trở thành ngọn cờ quyết chiến, quyết thắng của quân dân miền Nam. Cả năm 1963, các lực lượng vũ trang miền Nam liên tiếp bẻ gãy các cuộc càn quét quy mô lớn, tiêu diệt được nhiều đồn bốt, nhiều cụm cứ điểm của địch. Phong trào đấu tranh chính trị cũng phát triển rộng lớn, phối hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự. Với những hình thức và phương pháp đấu tranh thích hợp, trẻ già, trai gái xông lên đấu tranh đối mặt với quân thù. Những đội quân chính trị hùng hậu của quần chúng, mà điển hình là những đội quân tóc dài, đã làm thất bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, bảo vệ có kết quả tính mạng và tài sản của nhân dân.

Sau hai năm tiến hành «chiến tranh đặc biệt», chiến lược nhanh chóng «bình định» miền Nam của đế quốc Mĩ đã bị phá sản. Nội bộ bọn chúng hoang mang, mâu thuẫn sâu sắc. Trong con mắt của bọn xâm lược Mĩ, tình hình xấu như vậy là hoàn toàn do trách nhiệm của chế độ Ngô Đình Diệm. Chúng nghĩ phải thay Diệm thì mới có thể tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược được tốt hơn.

Ngày 1-11-1963, Ngô Đình Diệm bị giết chết, Dương Văn Minh sau đây là Nguyễn Khánh lên thay. Kế hoạch Xta-lây — Tay-lơ bị chôn vùi cùng với sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm.

6. Nhân dân miền Nam đấu tranh làm phá sản kế hoạch Giôn-xơn — Mắc Na-ma-ra

Tháng 3-1964, đế quốc Mĩ lại đưa ra kế hoạch Giôn-xơn — Mắc Na-ma-ra để cứu vãn chiến lược «chiến tranh đặc biệt», hi vọng «bình định» có trọng điểm⁽¹⁾ miền Nam trong hai năm 1964—1965. Thực hiện kế hoạch mới này. Mĩ đã cho

(1) Trọng điểm là những nơi phong trào cách mạng đang mạnh, những vùng đông dân nhiều của. Các tỉnh chung quanh Sài Gòn: Bình Dương, Tây Ninh, Bến Tre, Mỹ Tho, Long An, Gia Định, Hậu Nghĩa, là những vùng Mĩ coi là trọng điểm số 1.

thành lập bộ chỉ huy quân sự liên hiệp Việt — Mĩ, tăng nhanh viện trợ quân sự, cố vấn quân sự và đưa cả một số đơn vị trợ chiến Mĩ vào miền Nam Việt Nam.

Tháng 5-1965, nhân viên quân sự và lính trợ chiến Mĩ lên đến 5 vạn (1960 chúng có 2000). Kế hoạch Giôn-xơn — Mắc Na-ma-ra cũng gồm hai điểm chủ yếu là dồn dân lập «ấp chiến lược» (chỉ đổi tên là «ấp tân sinh») và tấn công quân sự (lúc này quân nguy đã tổ chức thành những binh đoàn lớn). Trong các cuộc hành quân càn quét, bên cạnh quân nguy, có cả quân chiến đấu Mĩ. Bộ mặt xâm lược của đế quốc Mĩ đã bộc lộ rõ. Song, trước nhân dân Mĩ và trước dư luận thế giới, đế quốc Mĩ vẫn cố làm cho người ta lầm tưởng rằng cuộc chiến tranh ở Việt Nam không phải là của Mĩ !

Nhưng âm mưu mới của Mĩ vấp phải sức phản ứng mãnh liệt của nhân dân miền Nam. Ủy ban trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng chủ trương : mở rộng phong trào chiến tranh du kích, đồng thời đẩy mạnh tác chiến tập trung, kết hợp ba mũi giáp công đánh địch trên cả ba vùng chiến lược, kết hợp tiến công quân sự và nổi dậy giành quyền làm chủ.

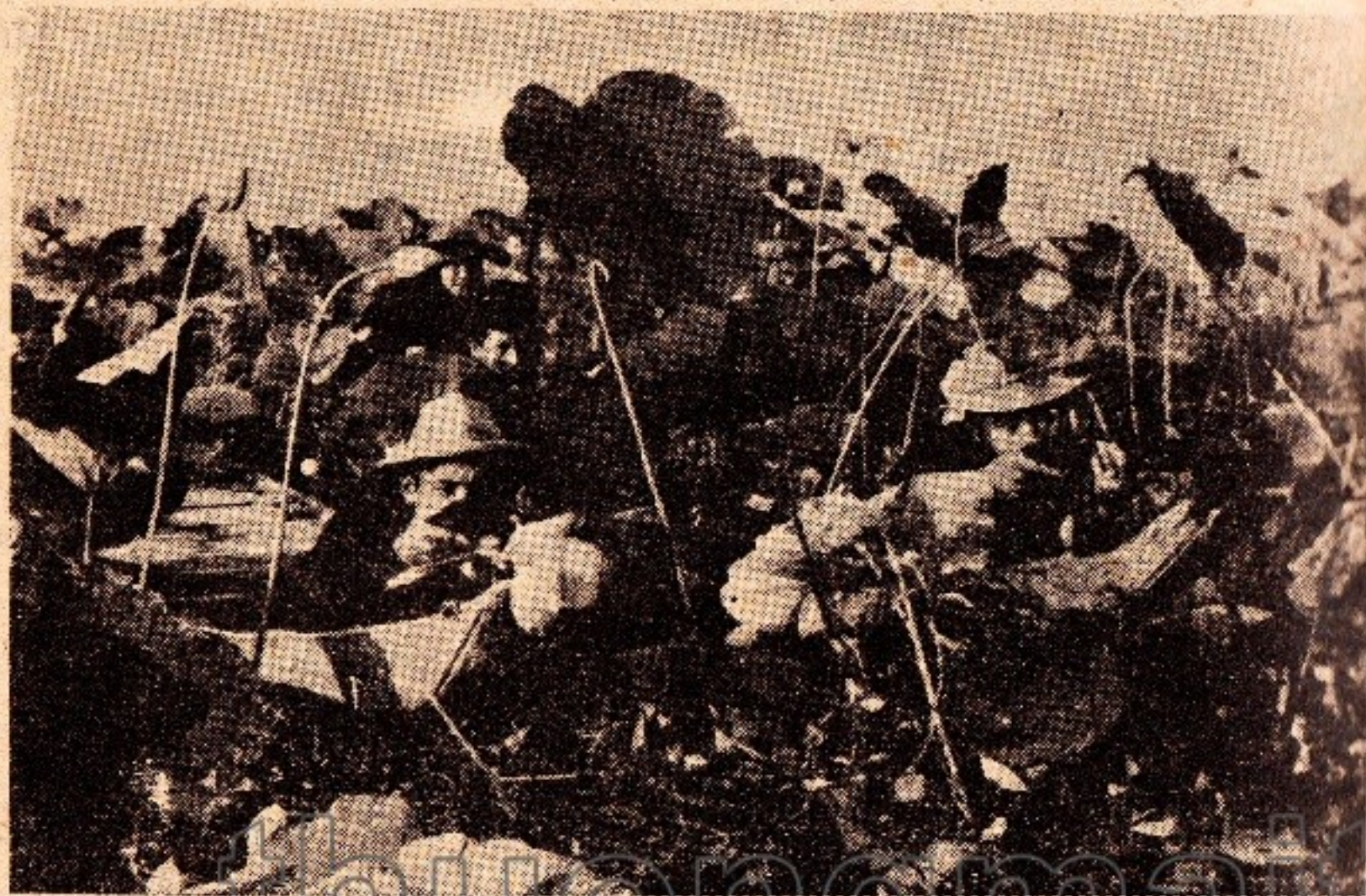
Có sự chỉ đạo đúng đắn và sáng suốt, các lực lượng vũ trang cùng với lực lượng quần chúng nhân dân giữ vững và phát triển thế chủ động tiến công trên khắp các mặt trận.

Từ tháng 6 đến tháng 12-1964, Mắc Na-ma-ra quyết định phải bình định bằng được trọng điểm Long An. Nhưng chúng đã bị thất bại đau đớn trên mảnh đất này⁽¹⁾.

Cả miền Nam, quân dân ta liên tục giữ thế chủ động tấn công, ngay cả những tỉnh địch gọi là trọng điểm. Theo tổng kết của thông tấn xã Giải phóng, năm 1964, quân dân miền Nam đã đánh địch trên 40 000 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 230 000 tên (trong đó có 2 111 tên Mĩ bị giết và bị thương), phá tan 3 659 «ấp tân sinh».

(1) Nhà báo Úc Bơ-sét viết một bài trên báo Sao Đỏ (Liên Xô) ngày 24-1-1965, kể rằng : Tại Long An để chiếm 3 làng, Mĩ nguy phải dùng đến 5 tiểu đoàn. Song rút cục, chúng phải bỏ các làng này vì chỉ sau 4 tháng chiếm đóng của chúng, mỗi làng du kích đã phát triển từ 250 đến 400 người, có trang bị súng và mìn để diệt địch.

Song song với các cuộc đấu tranh vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng rất mạnh mẽ làm cho Mĩ



Hình 32 — Du kích Đồng Tháp Mười phục kích địch.

nguy khiếp sợ. Ngày 20-8-1964, hai mươi vạn đồng bào Sài Gòn bao vây dinh Độc lập, nêu cao khẩu hiệu « thủ tiêu chính phủ Nguyễn Khánh », « đốt bản hiến chương Vũng Tàu » (1), « Mĩ không được can thiệp vào nội bộ Việt Nam ». Ngày 24-8-1964, ba vạn đồng bào Đà Nẵng tuần hành kết hợp với bãi chợ, bãi khóa. Ngày 20-9-1964, hơn 10 vạn công nhân Sài Gòn, Gia Định bãi công, tuần hành phản đối chế độ độc tài quân sự Mĩ — Khánh. Ngày 15-10-1964, người thợ điện anh hùng Nguyễn Văn Trỗi đã biến pháp trường thành tòa án cách mạng, kết tội bốn xâm lược Mĩ và tay sai. Anh Trỗi hi sinh. Lập tức gây một tiếng vang rộng lớn khắp cả nước. Một người thợ điện bình thường, có chí khí cách mạng, đã trở thành tấm gương chói lọi trong công nhân, học sinh, sinh viên.

(1) Khi Nguyễn Khánh làm « Chủ tịch Việt Nam cộng hòa » có ban hành một cái gọi là « hiến chương 16-8-1964 » hay « hiến chương Vũng Tàu » đề công bố chủ trương của Khánh.

Những tháng cuối năm 1964, nhân dân thành thị miền Nam đấu tranh rất mãnh liệt. Hàng chục vạn thanh niên, học sinh, sinh viên, tín đồ Phật giáo... tổ chức bãi công, bãi thị, bãi khóa, mít tinh, biểu tình... đòi thủ tiêu chính quyền tay sai của Mĩ. Đồng bào Huế dùng hình thức biểu tình ngồi, chặn những ngã đường giao thông trọng yếu trong thành phố. Đồng bào Sóc Trăng xông vào sân bay níu không cho máy bay chở quân đi can quét. Phong trào đô thị sôi nổi báo trước cơn bão táp sẽ nổi lên ngay trong lòng địch. Phong trào đó chẳng những phối hợp chặt chẽ với những cuộc đấu tranh ở nông thôn mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào rộng lớn của nông dân khắp miền Nam.

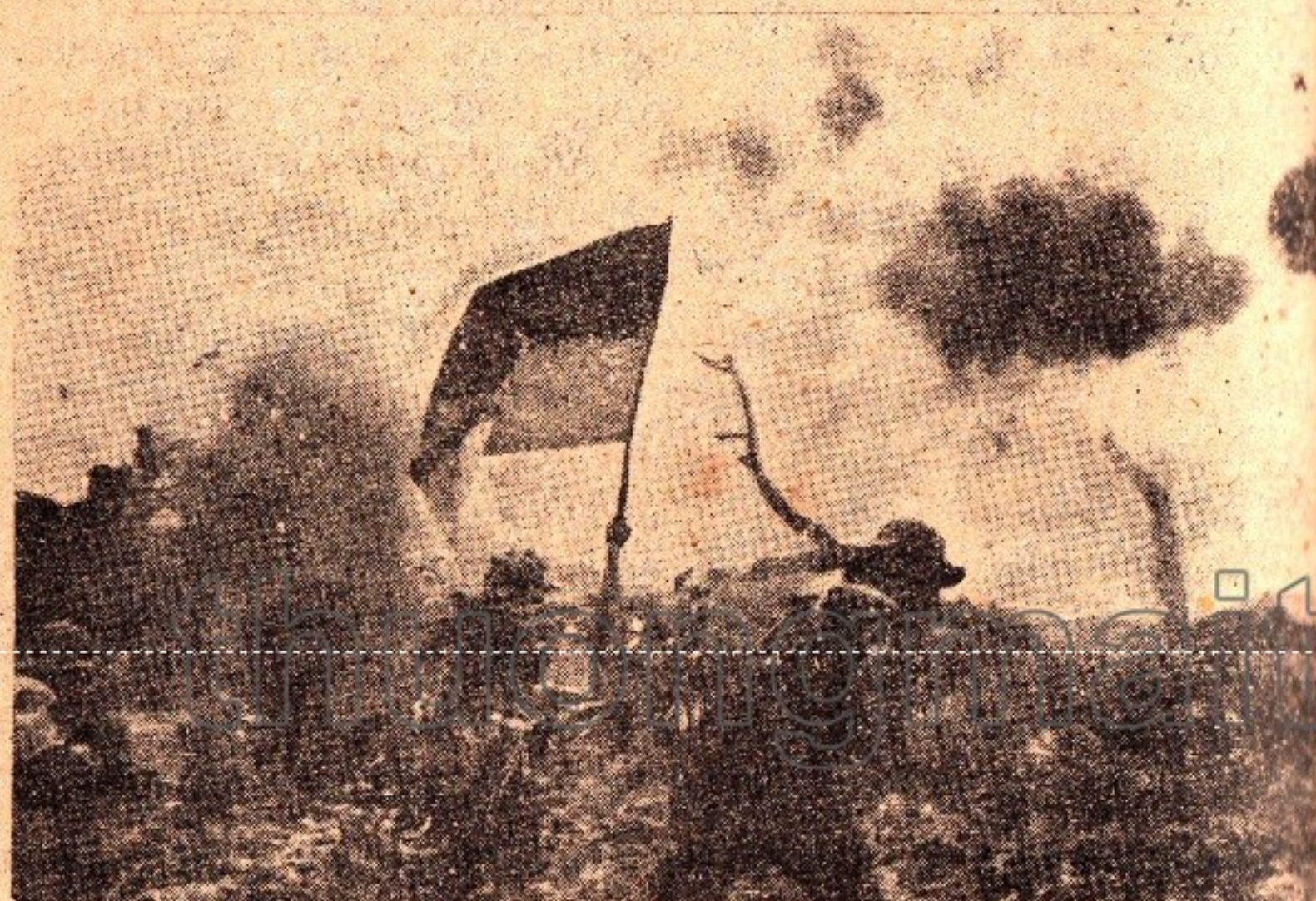
Những thắng lợi về quân sự và phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam năm 1964 có tác động mạnh mẽ dẫn đến tình trạng tan rã trong hàng ngũ nguy quân, nguy quyền. Năm 1963, nguy quân đảo ngũ, rã ngũ là 40 000, năm 1964 lên đến 60 000. Còn nguy quyền, từ khi Diệm bị giết đến tháng 2-1965 chỉ có 15 tháng mà đã có 9 nội các thay nhau lên nắm quyền. Mỗi nội các tồn tại trung bình không được hai tháng (1). Có thể nói, đến cuối năm 1964, kế hoạch Giôn-xơn — Mắc Na-ma-ra đã bị phá sản về căn bản.

7. Chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa). Nhân dân miền Nam tiến lên đánh bại chiến lược « chiến tranh đặc biệt » của đế quốc Mĩ

Trên đà phát triển mạnh mẽ của các cuộc đấu tranh chính trị và quân sự ở khắp ba vùng chiến lược, quân và dân miền Nam lại thắng lớn ở Bình Giã (Bà Rịa). Tại đây, từ 4-12-1964 đến 31-1-1965, trên một địa bàn hẹp, ngang dọc chỉ vài chục ki-lô-mét, một đơn vị chủ lực quân giải phóng quần nhau với 7—8 tiểu đoàn địch có vũ khí hiện đại, có nhiều máy bay phản lực, máy bay lên thẳng vũ trang, nhảy dù, có nhiều xe bọc thép hỗ trợ. Nhưng kết quả là: quân ta đã tiêu diệt và đánh tan 4 tiểu đoàn địch, bắn rơi và bắn hỏng 38 máy bay, phá hủy 28 xe bọc thép, bắt sống hàng trăm tên, trong đó có một số cố vấn Mĩ, thu được rất nhiều vũ khí, quân trang.

(1) Xem Đọc thêm III

quân dụng (1). Cả chiến dịch kéo dài một tháng, quân giải phóng cơ động tài tình, nay đánh đây, mai đánh kia, lúc đánh rồi đi, lúc đánh rồi vẫn ở lại làm cho từ đầu đến cuối, địch luôn luôn gặp bất ngờ, điều khiển địch chạy ngược, chạy xuôi, làm cho ta có những thời cơ thuận lợi để tiêu diệt địch.



Hình 33 – Quân giải phóng miền Nam Việt Nam xông lên tiêu diệt bộ binh địch

—Chiến thắng Bình Giả tạo ra một bước nhảy vọt làm chuyển biến cả cục diện chiến tranh: ta thì lớn vọt lên, địch thì suy sụp tan rã. Từ sau chiến dịch Bình Giả, quân và dân miền Nam thừa thắng đầy mạnh thế tiến công, lập thêm hàng loạt chiến công lớn trong các trận An Lão, Đeo Nhông, Pô-lây-cu, Ba Gia, Đồng Xoài.

Trong 6 tháng đầu năm 1965, vừa chống càn, vừa tấn công vào các căn cứ của giặc, quân giải phóng miền Nam đã

(1) Trong trận này, bộ binh ta đi chân đuổi đánh xe bọc thép địch. Đại đội trưởng Tạ Quang Tỉ dẫn đầu đơn vị chiếm xe M. 113 của địch đánh lại địch, tiêu diệt gọn cả đoàn xe.

loại ra ngoài vòng chiến đấu trên 90 000 tên địch (có 3 000 Mĩ). Điều đáng chú ý là quân ta, lần đầu tiên, đã tấn công tiêu diệt cả một tiểu khu của địch, tiêu diệt cả một chiến đoàn gồm 3 tiểu đoàn địch (trận Ba Gia).

Kết hợp với các cuộc đấu tranh vũ trang, ở đô thị miền Nam trong 6 tháng đầu năm 1965 đã nổ ra 21 cuộc đấu tranh lớn của nhân dân. Tại Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, quần chúng nhiều lần biểu tình tuần hành chiếm cả sân bay, phá phòng thông tin và thư viện Mĩ.

Những đòn mãnh liệt của quân dân ta về các mặt đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị và binh vận, đã dồn địch quân vào chỗ hết sức lúng túng, hết sức hoang mang, đã làm cho chiến lược «chiến tranh đặc biệt» của đế quốc Mĩ bị thất bại đau đớn. Ngay quyền Sài Gòn đã ba lần đảo chính, thay đổi bốn cầm đầu, trong 6 tháng đầu năm 1965, cũng không tìm ra được lối thoát. Gần 50 vạn quân nguy do Mĩ tổ chức, trang bị, huấn luyện và chỉ huy đã bị quân và dân miền Nam liên tục đánh bại. Hệ thống áp chiến lược và các đô thị đều bị lung lay đến tận gốc.

Trong khi đó, về phía ta, vùng giải phóng được mở rộng, trở thành hậu phương trực tiếp và vững chắc của cách mạng miền Nam. Trong vùng giải phóng, chính quyền nhân dân cách mạng do Đảng lãnh đạo, thực tế đã hình thành, trật tự xã hội mới xuất hiện, ruộng đất của bọn Việt gian bị tịch thu và chia cho nông dân thiếu ruộng. Lực lượng vũ trang giải phóng với ba thứ quân đã lớn mạnh vượt bậc.

Sự phá sản của «chiến tranh đặc biệt» đánh dấu sự thất bại về chiến lược của đế quốc Mĩ trong âm mưu «dùng người Việt đánh người Việt», trong âm mưu dùng miền Nam Việt Nam làm nơi thí nghiệm cuộc «chiến tranh đặc biệt» một loại chiến tranh mà chúng cho rằng rất hiệu nghiệm để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới và đàn áp các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Đánh bại «chiến tranh đặc biệt», quân và dân miền Nam đã tạo ra được những lực lượng rất lớn về vật chất và tinh

thần để tiến lên đánh thắng mọi âm mưu mới, tàn bạo hơn của đế quốc Mỹ.



Hình 34 — Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam thăm đơn vị Quân giải phóng vừa chiến thắng trận Bầu Bàng ngày 15-7-1965

CÂU HỎI

1. So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ với chủ nghĩa thực dân cũ của đế quốc Pháp, áp dụng ở Việt Nam.
2. Phân tích những tội ác tày trời của Mỹ — Diệm đối với nhân dân miền Nam ta trong chiến dịch «tổ cộng diệt cộng».
3. Phong trào «đồng khởi» của nhân dân miền Nam năm 1960. Nguyên nhân và ý nghĩa của phong trào.
4. «Chiến tranh đặc biệt» đã biểu hiện như thế nào? Tại sao đế quốc Mỹ phải dùng chiến lược «chiến tranh đặc biệt» để đối phó với phong trào cách mạng ở miền Nam?
5. Kế hoạch Giôn-xơn — Mắc Na-ma-ra so với kế hoạch Xta-lây — Tay-lơ là một bước tiến hay một bước lùi của đế quốc Mỹ? Tại sao?
6. Chiến thắng Ấp Bắc và chiến thắng Bình Giã. Ý nghĩa quan trọng của từng chiến thắng trên.

ĐỌC THÊM

I — NHỮNG BẰNG CHỨNG KHÔNG THỂ CHỐI CẢI

- 20-1-1944 Tổng thống F.D. Ru-dơ-ven tuyên bố : «Đông Dương không thể rơi trở lại vào tay Pháp và nó phải đặt dưới quyền bảo trợ quốc tế».
- 30-1-1951 Tổng thống H.S. Tơ-ru-man và Thủ tướng Pháp Rơ-nê Pơ-lê-ven đã thông cáo chung trong đó Hoa Kỳ hứa cấp tốc tăng thêm viện trợ chiến cụ cho quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương.
- 11-1953 Ních-xơn, phó tổng thống Mỹ đến thăm mặt trận Ninh Bình, động viên quân xâm lược Pháp và quân nguy trong chiến dịch Mu-ét.
- 4-4-1959 Tổng thống D. Ai-xen-hao tuyên bố rằng mất Việt Nam sẽ đem lại hậu quả tai hại cho nước Mỹ nên Mỹ phải vì quyền lợi của bản thân mình, ra sức giúp mọi điều kiện cần thiết cho chính quyền Sài Gòn.

II — CHƯƠNG TRÌNH 10 ĐIỂM CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM

1. Đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, thành lập chính quyền liên minh dân tộc, dân chủ.
2. Thực hiện chế độ dân chủ rộng rãi và tiến bộ, ban bố quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do hội họp, tự do nghiệp đoàn, tự do đi lại và các quyền tự do dân chủ khác. Toàn xá chính trị phạm, giải tán các trại tập trung, các khu trù mật và dinh điền, bãi bỏ luật phát-xít 10/59 và các luật phản dân chủ.
3. Bãi bỏ độc quyền kinh tế của đế quốc Mỹ và của bọn tay sai, bảo vệ nội hóa, khuyến khích công thương nghiệp trong nước, mở mang nông nghiệp, xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ. Giải quyết công ăn việc làm cho những người thất nghiệp, tăng lương cho công nhân, binh lính và

viên chức. Bãi bỏ phạt vạ vô lí, thi hành chính sách thuế khoán công bình và hợp lí. Giúp đỡ cho đồng bào di cư muốn về xứ sở, giải quyết công ăn việc làm cho những người muốn ở lại.

4. Thực hiện giảm tô, đảm bảo nguyên canh, chia lại công điền, tiến tới cải cách điền địa.

5. Bãi trừ văn hóa nô dịch đời bại kiêu Mĩ, xây dựng một nền văn hóa và giáo dục dân tộc và tiến bộ. Xóa bỏ nạn mù chữ, mở mang trường học, cải cách chế độ học tập và thi cử.

6. Bãi bỏ chế độ cổ vấn quân sự Mĩ, xóa bỏ các căn cứ quân sự nước ngoài ở Việt Nam, xây dựng một quân đội dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân.

7. Thực hiện nam nữ bình quyền, đảm bảo nền bình đẳng giữa các dân tộc và thực hiện quyền tự trị của các dân tộc thiểu số. Bảo vệ quyền lợi chính đáng của ngoại kiều sinh sống ở Việt Nam. Bảo vệ và chăm sóc quyền lợi của kiều bào ở hải ngoại.

8. Thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình trung lập, đặt quan hệ ngoại giao với tất cả các nước tôn trọng chủ quyền của Việt Nam.

9. Lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền. Tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

10. Chống chiến tranh xâm lược, bảo vệ hòa bình thế giới.

III — NGUY QUYỀN SÀI GÒN KHỦNG HOẢNG LIÊN MIỀN (TỪ 1-11-1963 ĐẾN 21-6-1965)

- 1-11-1963 «Hội đồng quân nhân» do tướng Dương Văn Minh làm cuộc đảo chính giết chết Ngô Đình Diệm đưa Nguyễn Ngọc Thơ lên làm thủ tướng.
- 30-1-1964 Tướng Nguyễn Khánh làm cuộc đảo chính lật đổ Minh — Thơ, đưa Khánh lên làm thủ tướng nhưng vẫn để Minh làm quốc trưởng hờ.
- 16-8-1964 Tướng Khánh làm cuộc đảo chính ém ả, tự mình giữ chức chủ tịch Việt Nam cộng hòa, chủ tịch hội đồng quân đội, thủ tướng chính phủ.
- 27-8-1964 Bờ quân chúng phản đối dữ dội, tên độc tài Nguyễn Khánh phải chia quyền cho Dương Văn Minh (làm

chủ tịch Việt Nam cộng hòa) và Trần Thiện Khiêm (chủ tịch hội đồng quân đội).

13-9-1964 Tướng Lâm Văn Phát và Dương Văn Đức làm cuộc đảo chính nhưng không thành.

20-12-1964 Khánh làm cuộc «đảo chính bộ phận» gạt Minh — Khiêm ra, đưa Phan Khắc Sửu lên làm quốc trưởng, Trần Văn Hương lên làm thủ tướng, Khánh thực quyền giữ chức tổng tư lệnh quân đội.

27-1-1965 Khánh làm cuộc «đảo chính toàn bộ» giải tán chính phủ Trần Văn Hương, rồi đưa Phan Huy Quát lên làm thủ tướng (16-2-1965).

10-2-1965 Tướng Lâm Văn Phát và đại tá Phạm Ngọc Thảo làm cuộc đảo chính lật đổ Khánh không thành.

20-2-1965 Bọn «tướng đầu bò» làm đảo chính, lật đổ Khánh, đưa Trần Văn Minh lên làm quyền tổng tư lệnh quân đội.

6-3-1965 Tướng Nguyễn Chánh Thi làm đảo chính định lật Quát nhưng nửa chừng bỏ dở.

20-4-1965 Âm mưu ám sát Phan Huy Quát làm đảo chính nhưng không thành.

20-5-1965 Phe Phát — Thảo lại nổi lên đảo chính không thành.

21-6-1965 Bọn «tướng đầu bò» làm đảo chính, lật đổ Sửu — Quát đưa tướng Nguyễn Văn Thiệu lên làm quốc trưởng, Nguyễn Cao Kỳ làm thủ tướng.

IV — «VĂN MINH KIỀU MỸ»

a) Số liệu về việc Mỹ rải chất độc hóa học ở miền Nam Việt Nam từ 1961 đến 1965 :

Năm	Số tỉnh bị rải	Số người bị nhiễm độc	Số người nhiễm độc bị chết	Diện tích bị phá hoại (héc-ta)
1961 (4 tháng rưỡi)	6	182	Chưa rõ	560
1962	12	1 170	38	11 030
1963	16	9 000	80	320 000
1964	19	11 000	120	500 230
1965	26	146 000	350	700 000

b) Số liệu về việc Mĩ ném bom na-pan ở miền Nam từ 1963 đến 1965 :

1963 : 2181 tấn,

1964 : 1779 —,

1965 : 17655 —.

(Trích trong cuốn sách đen tập II do «Ủy ban tổ cáo tội ác của bọn xâm lược Mĩ và bọn tay sai ở miền Nam Việt Nam» công bố ngày 12-11-1966).

THỜI KÌ TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC ĐỂ GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, BẢO VỆ MIỀN BẮC, TIẾN TỚI HÒA BÌNH THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ (1965 — 1975)

BÀI 27

**NHÂN DÂN VIỆT NAM ĐÁNH BẠI «CHIẾN TRANH
PHÁ HOẠI» LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MĨ Ở
MIỀN BẮC VÀ ĐÁNH BẠI «CHIẾN TRANH CỤC BỘ»
CỦA ĐẾ QUỐC MĨ Ở MIỀN NAM (1965 — 1968)**

I

NHÂN DÂN VIỆT NAM QUYẾT TÂM ĐÁNH MĨ VÀ THẮNG MĨ

Từ năm 1954 đến 1965, bị thất bại trong việc thực hiện chủ nghĩa thực dân mới bằng chính quyền độc tài phát-xít Ngô Đình Diệm, bằng «chiến tranh đặc biệt», đế quốc Mĩ đã liên lĩnh mở rộng chiến tranh bằng không quân ra miền Bắc và chuyển sang «chiến tranh cục bộ» ở miền Nam. Cuối năm 1965,

số quân Mĩ và quân chư hầu của Mĩ đưa vào miền Nam đã lên đến 20 vạn.

Trước tình hình vô cùng nghiêm trọng đó, tháng 3-1965, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra tuyên bố vạch rõ : «Nhân dân miền Nam và các lực lượng vũ trang của mình quyết không đời nào buông lỏng vũ khí khi những mục tiêu cơ bản của nhân dân miền Nam là độc lập, dân chủ, hòa bình và trung lập chưa được thực hiện. Nhân dân miền Nam Việt Nam quyết tiếp tục giáng những đòn sấm sét xuống đầu bọn xâm lược Mĩ và bọn tay sai và nhất định sẽ giành được thắng lợi cuối cùng» (1).

Trong bài nói tại kì họp thứ hai của Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khóa III, ngày 10-4-1965, Hồ Chủ tịch khẳng định : «Dù Mĩ đưa thêm mấy chục vạn binh sĩ Mĩ và cố lôi kéo thêm quân đội các nước chư hầu vào cuộc chiến tranh tội ác này, thì quân và dân ta cũng quyết đánh thắng chúng».

Đế quốc Mĩ đưa quân viễn chinh Mĩ và quân chư hầu vào miền Nam đã biến cuộc chiến tranh xâm lược của chúng từ chỗ dựa vào lực lượng nguy quân là chủ yếu đến chỗ dựa vào hai lực lượng chiến lược là quân Mĩ và quân nguy. Do đó, cuộc chiến tranh sẽ diễn ra gay go hơn, ác liệt hơn. Nhưng đế quốc Mĩ tăng cường và mở rộng chiến tranh trong thế thua, thế bị động, theo một chiến lược đầy mâu thuẫn và bế tắc. Bản thân việc Mĩ đưa quân trực tiếp xâm lược miền Nam nước ta đã làm cho bộ mặt cướp nước của đế quốc Mĩ bị phơi trần, bộ mặt bán nước của bọn tay sai càng lộ rõ. Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai trở nên gay gắt và quyết liệt trong phạm vi cả nước. Tinh thần chiến đấu của quân viễn chinh Mĩ và quân nguy, do tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược chi phối, ngày càng phân hóa ; nhiều binh sĩ của chúng không muốn tiếp tục đi đánh nhau. Mặt khác, tuy đế quốc Mĩ có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất trong phe đế quốc, nhưng tình

(1) Những văn kiện chủ yếu của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (từ 11-1964 đến 12-1965).

hình thế giới cũng như tình hình nước Mĩ không cho phép chúng sử dụng hết tiềm lực ấy vào cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam được.

Trong khi đó, lực lượng cách mạng của nhân dân ta, sau hơn mười năm chiến đấu, xây dựng đã lớn mạnh về mọi mặt và đang ở vào thế rất thuận lợi. Ở miền Nam, Mặt trận Dân tộc giải phóng trở thành trung tâm đoàn kết nhân dân, trở thành người tổ chức và lãnh đạo mọi hoạt động yêu nước ở miền Nam. Lực lượng vũ trang giải phóng đã lớn mạnh vượt bậc, có tinh thần chiến đấu cao và đứng vững trên hầu hết các địa bàn chiến lược quan trọng. Phong trào đấu tranh của quần chúng lên mạnh, không những ở rừng núi, đồng bằng mà ở ngay cả thành thị nữa. Vùng giải phóng tuy chưa hoàn chỉnh, song đã bao gồm phần lớn đất đai cũng như số dân và ngày càng được củng cố.

Ở miền Bắc, lực lượng kinh tế và quốc phòng đều lớn mạnh, trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng Việt Nam trong cả nước. Nhân dân luôn luôn cảnh giác sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của đế quốc Mĩ đối với miền Bắc và quyết kế vai sát cánh với đồng bào miền Nam để đấu tranh chống Mĩ, cứu nước cho tới ngày thắng lợi hoàn toàn.

Cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân Việt Nam ở cả hai miền ngày càng được sự đồng tình và ủng hộ tích cực, mạnh mẽ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của các nước dân tộc chủ nghĩa và của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới, kể cả nhân dân Mĩ.

So sánh lực lượng giữa ta và địch, rõ ràng chúng ta ở thế đi lên, thế của địch là thế đi xuống. Nhân dân ta ở những cơ sở chắc chắn để giữ vững thế chủ động trên chiến trường có điều kiện để đánh bại mọi âm mưu trước mắt và lâu dài của địch.

Toàn quân và toàn dân Việt Nam «kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mĩ trong bất kì tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà». (1)

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt Nam, tháng 12-1965.

QUÂN VÀ DÂN MIỀN BẮC ĐÁNH BẠI CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MĨ

I. Chiến công xuất sắc ngày 5-8-1964: đòn phủ đầu đánh vào không quân Mĩ

Kế hoạch đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân Mĩ đã được thảo luận cụ thể tại Nhà trắng vào tháng 5-1964.

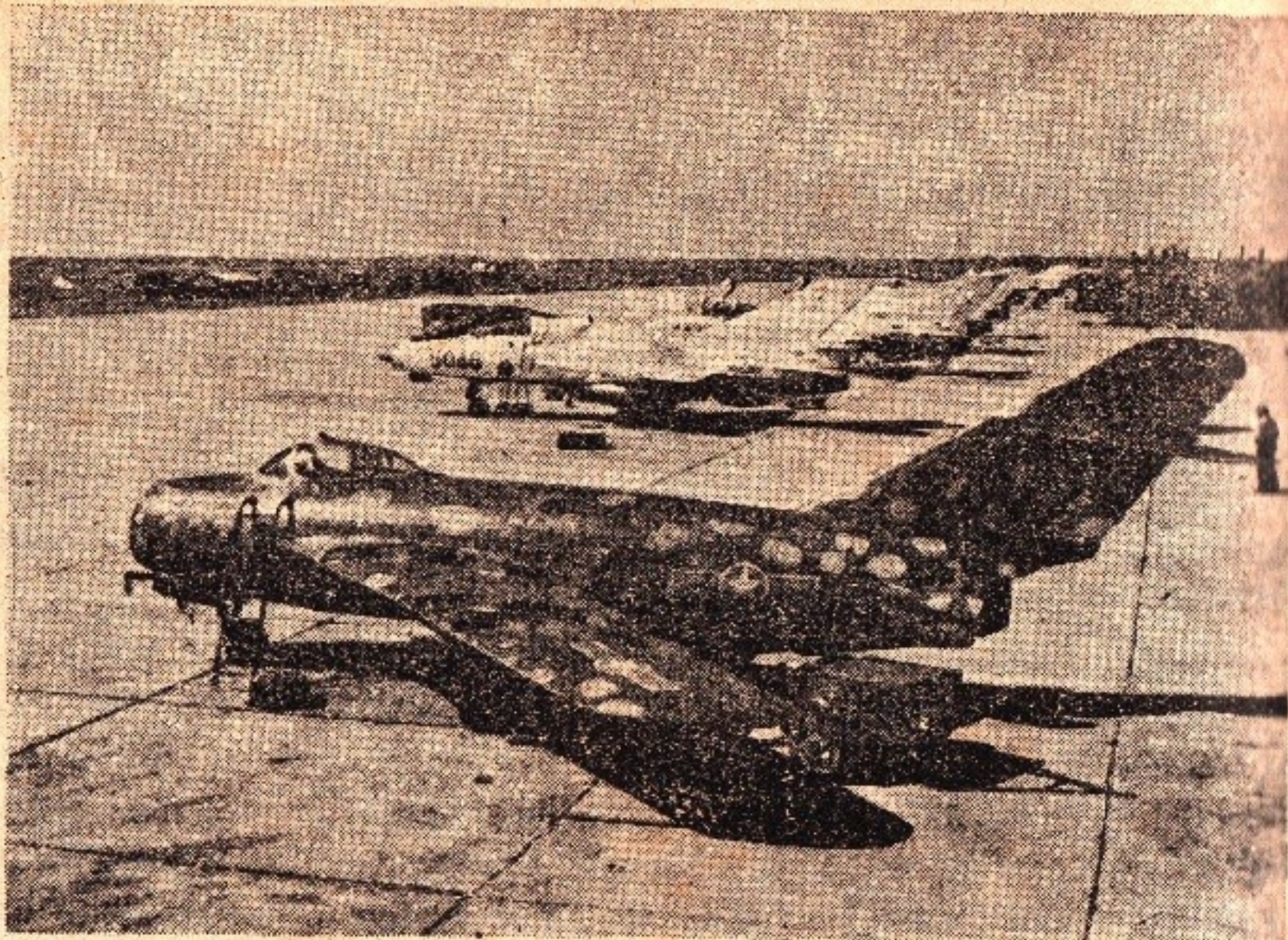
Cuối tháng 7-1964 ở ngoài khơi vịnh Bắc bộ, đế quốc Mĩ cho tập trung khoảng 30 tàu chiến trong đó có 2 tàu sân bay, ở tư thế sẵn sàng hành động.

Hồi 15 giờ ngày 2-8-1964, các tàu tuần tiễu của hải quân ta bắt gặp tàu khu trục Mĩ Ma-dốc đang xâm phạm vùng biển nước ta ở khu vực Thanh Hóa. Chúng nổ súng vào các tàu của ta, quân ta bắn trả, đánh đuổi chúng ra khỏi vùng biển của Tổ quốc. Nhân việc này, Nhà trắng dựng lên cái gọi là «sự kiện vịnh Bắc bộ lần thứ nhất» vu khống hải quân ta bắn vào tàu chiến Mĩ ở vùng biển quốc tế (!).

Đêm 4-8-1964, đế quốc Mĩ lại cho tàu khu trục đóng trở dựng lên «sự kiện vịnh Bắc bộ lần thứ hai». Nhưng chính nhiều nghị sĩ thượng nghị viện và báo chí Mĩ đã tố cáo sự vu khống hèn hạ này của Nhà trắng.

Ngày 5-8-1964, hồi 12 giờ 30 phút, Giôn-xơn đã trực tiếp ra lệnh cho không quân Mĩ cất cánh từ hai tàu sân bay thuộc hạm đội 7 đến đánh phá một số tỉnh trên miền Bắc nước ta. Quân và dân Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Ninh liền tiếp đánh trả quyết liệt, bắn rơi 8 máy bay Mĩ, bắn bị thương 3 chiếc khác, bắt sống một giặc lái. Lần đầu tiên quân và dân miền Bắc đọ sức với các lực lượng không quân hiện đại của Mĩ, mang lại chiến thắng oanh liệt, đã nói lên ý chí, tài năng và sức mạnh của dân tộc ta, đã giáng đòn phủ đầu vào uy thế của không lực Hoa Kỳ.

Sau thất bại này, giặc Mĩ cho máy bay do thám và đánh phá một số nơi thuộc quân khu 4, cho tàu chiến và tàu biệt kích hoạt động ngoài khơi. Chúng lại thất bại liên tiếp. Ngày



Hình 35 — Đoàn X không quân nhân dân miền Bắc sẵn sàng xuất kích



Hình 36 — Canh giữ bầu trời sẵn sàng bắn rơi máy bay Mỹ

18-11-1964, đại đội 3 pháo cao xạ Nguyễn Viết Xuân đã chiến đấu oanh liệt, chiến thắng vẻ vang, hạ 3 máy bay Mỹ ở miền Tây Quảng Bình (1).

2. Đế quốc Mỹ càng leo thang càng thua đau (2-1965 đến 3-1968)

Đầu năm 1965, chiến lược «chiến tranh đặc biệt» của đế quốc Mỹ ở miền Nam bước vào giai đoạn phá sản hoàn toàn.



Hình 37 — Tên lửa Hà Nội chuẩn bị chiến đấu

(1) Trong trận chiến đấu này, chính trị viên Nguyễn Viết Xuân đã hô tiếng hô bắt diệt trên trận địa đầy khói lửa, bom đạn: «Nhằm thẳng quân thù, bắn!». Tiếng hô đã trở thành khẩu lệnh chiến đấu trên các trận địa phòng không của chúng ta.

Vì vậy, từ 7-2 đến 12-5-1965, đế quốc Mỹ điên cuồng « leo thang » đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở vào. Với kế hoạch này, chúng hi vọng có thể uy hiếp và làm lung lay quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, ngăn chặn sự ủng hộ tích cực của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam, củng cố tinh thần nguy quân, nguy quyền đang ngày càng suy sụp.

Nhưng thực tế đã diễn ra hoàn toàn trái ngược với những ý đồ đen tối của đế quốc Mỹ. Hơn ba tháng chiến đấu liên tục,



Hình 38 — « O du kích nhỏ giương cao súng
Thằng Mỹ lênh khênh bước cúi đầu
Ra thế to gan hơn béo bụng
Anh hùng đâu cứ phải mày râu ! »

Thơ TỐ HỮU

quân dân miền Bắc đã bắn rơi 277 máy bay Mỹ. Tinh thần quyết tâm chống Mỹ càng lên cao, tình ruột thịt Bắc Nam càng thêm khăng khít.

Từ nửa cuối năm 1965 trở đi, ở miền Nam, đế quốc Mỹ bị thất bại nặng nề, phải chuyển chiến lược « chiến tranh đặc biệt » sang chiến lược « chiến tranh cục bộ », ồ ạt đổ quân viễn chinh Mỹ vào trực tiếp xâm lược nước ta. Ở miền Bắc, từ tháng 5-1965 đến tháng 2-1967, đế quốc Mỹ lại « leo thang » mở rộng dần chiến tranh phá hoại ra hầu khắp các tỉnh thành, đánh phá dữ dội các cơ sở sản xuất, các kho dự trữ, các đường giao thông, đánh cả vào đề điều, trường học, bệnh viện và các khu dân cư đông đúc. Âm mưu của chúng đánh phá sâu vào hậu phương miền Bắc, hủy hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc để chúng tự do tấn công cách mạng ở miền Nam. Nhưng quân dân hai miền giữ trọn lời thề son sắt : « Miền Nam gọi, miền Bắc trả lời, miền Bắc gọi, miền Nam trả lời. Giặc Mỹ đụng đến miền Bắc một, quân và dân miền Nam quyết đánh trả chúng gấp năm, gấp mười lần ». (Tuyên bố của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam).

Toàn thể nhân dân miền Bắc đã chuẩn bị sẵn sàng, nhanh chóng chuyển mọi hoạt động sang thời chiến. Hàng triệu nhân dân các thành phố, thị xã, thị trấn sơ tán về nông thôn. Cơ quan, trường học, bệnh viện đều làm tốt công tác phòng không, quân sự hóa nếp sống.

Trước bom đạn ác liệt của kẻ thù, miền Bắc vẫn không ngừng lớn mạnh. Người người, lớp lớp tỏ rõ một bản lĩnh kiên cường, một quyết tâm chống Mỹ không gì lay chuyển nổi. Bản lĩnh đó, quyết tâm đó thể hiện một cách hùng hồn trong lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch ngày 17-7-1966 : « Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ ! Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng, to đẹp hơn ».

Một cao trào thi đua vang theo lời dạy của Bác Hồ dâng lên khắp cả nước. Các lực lượng vũ trang « trút căm thù lên

dầu súng» lấy khẩu hiệu «nhằm thẳng quân thù mà bắn» của anh hùng Nguyễn Viết Xuân đề rèn luyện, chiến đấu. Công nhân «tay búa tay súng» vừa dừng cầm, mưu trí trong chiến đấu bảo vệ nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, vừa phấn đấu đạt «3 điểm cao» trong lao động sản xuất. Nông dân xã viên «tay cày tay súng» cần cù, dũng cảm, hăng hái thi đua cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, thực hiện thâm canh tăng năng suất phấn đấu đạt 5 tấn thóc bình quân một héc-ta. Thanh niên thi đua «3 sẵn sàng». Phụ nữ thi đua «3 đảm đang», v.v...

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng được phát huy đến mức rất cao và làm nảy nở rất nhiều tấm gương chói lọi, tiêu biểu là những đơn vị và cá nhân anh hùng, chiến sĩ thi đua được Chính phủ tuyên dương trong «Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua» tháng 1-1967.

Sau hơn hai năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, quân dân miền Bắc đã hạ hơn 1600 máy bay đủ các loại của địch.

Bị thua đau ở cả hai miền, đế quốc Mỹ vừa đánh vừa «leo thang» từng bước để thăm dò dư luận. Nhưng bản chất của chúng rất ngoan cố. Từ tháng 2-1967 đến cuối tháng 3-1968, đế quốc Mỹ «leo thang» đánh phá miền Bắc rất ác liệt. Cùng với việc dùng máy bay ném bom dữ dội ở nhiều nơi, chúng còn cho đại bác từ bên kia giới tuyến bắn sang Vĩnh Linh, dùng tàu chiến bắn phá có hệ thống các vùng ven biển, thả mìn và thủy lôi xuống nhiều sông, lạch. Chúng lấy Hà Nội, Hải Phòng là trọng điểm trong đợt «leo thang» này. Coi việc đánh phá Hà Nội, Hải Phòng là «chủ bài» và là «bức thư cuối cùng» hồng làm lung lay ý chí chiến đấu của nhân dân ta. Nhưng chúng càng leo cao, càng bị thất bại thảm hại ⁽¹⁾.

3. Nhân dân Việt Nam đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ

Đầu năm 1968, quân dân miền Nam anh hùng mở đầu cuộc tổng tiến công và nổi dậy tiêu diệt một bộ phận quan

(1) Trong hơn 1 năm (2-1967 — 3-1968), địch bị hạ 1.121 máy bay, bị bắn chìm 77 tàu chiến và tàu biệt kích, pháo binh địch ở Cần Tiễn, Dốc Miếu bị trừng trị đích đáng, hàng trăm giặc lái bị bắt sống...

trọng sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ. Ở miền Bắc, sau hơn ba năm ném bom, bắn phá rất tàn bạo, mọi mục tiêu chiến lược của Mỹ đều không đạt được. Ngày 31-3-1968, Giôn-xơn bắt buộc phải xuống thang, tuyên bố «ném bom hạn chế» miền Bắc từ vĩ tuyến 19 trở vào. Hơn một tháng sau, chúng lại phải nhận nói chuyện với đại diện Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Pa-ri.

Ngày 1-11-1968, sau bảy tháng (4-10-1968) cố tập trung máy bay, tàu chiến đánh phá suốt ngày đêm các tỉnh thuộc Khu bốn cũ, định bịt hẳn con đường chi viện từ hậu phương ra tiền tuyến không mang lại kết quả, Giôn-xơn đành phải tuyên bố chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trước sức mạnh vô địch của quân và dân ta, «chiến tranh phá hoại» của đế quốc Mỹ bị đánh bại nhục nhã.

Trong hơn bốn năm tiến hành đánh phá miền Bắc, đế quốc Mỹ đã huy động một lực lượng không quân và hải quân rất lớn, sử dụng mọi thứ trang bị kỹ thuật, hiện đại, dùng mọi thủ đoạn tàn bạo, trút xuống gần một triệu tấn bom đạn. Chúng đã gây ra những tội ác tày trời đối với nhân dân ta: các thành phố lớn và 25 trên 30 thị xã bị đánh đi đánh lại nhiều lần; 8 thị xã và thị trấn bị phá trụi (Đồng Hới, Ninh Bình, Phủ Lý, Bắc Giang, Yên Bái, Sơn La, Hà Tu, Hồ Xá); nhiều trường học, bệnh viện, đề điều, cầu cống bị phá hủy; hàng vạn dân thường bị giết chết. Chúng gieo gió thì chúng phải gặt bão. Trong hơn bốn năm chống «chiến tranh phá hoại», quân dân miền Bắc đã đánh cho đế quốc Mỹ những đòn đích đáng, đập tan một bộ phận của chiến tranh xâm lược, giáng một đòn nặng nề vào ý chí xâm lược của chúng, thu được những thắng lợi to lớn. Tính đến ngày 1-11-1968, 3243 máy bay Mỹ đã bị bắn rơi, hàng ngàn giặc lái đã bị diệt hoặc bị bắt sống, 143 lần bắn chìm, bắn bị thương tàu chiến, tàu biệt kích của địch. ⁽¹⁾

Trong chiến tranh ác liệt, miền Bắc vừa chiến đấu, vừa xây dựng vẫn không ngừng lớn mạnh. Công cuộc xây dựng xã hội

(1) Xem Đọc thêm I và II

chủ nghĩa vẫn giữ vững và phát triển. Tiềm lực kinh tế được tăng cường. Lực lượng quốc phòng phát triển vượt bậc. Giao thông vận tải vẫn thông suốt, nối liền hậu phương với tiền tuyến. Trật tự trị an được bảo đảm. Đời sống nhân dân vẫn vững vàng (1).

Miền Bắc ngày càng sung sức để tự bảo vệ một cách thắng lợi và làm tròn sứ mạng lịch sử là căn cứ địa cách mạng của cả nước và hậu phương lớn của tiền tuyến lớn miền Nam anh hùng.

III

QUÂN VÀ DÂN MIỀN NAM ĐÁNH BẠI «CHIẾN TRANH CỤC BỘ» CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

4. Bộ mặt xâm lược bỉ ổi của đế quốc Mỹ đã phơi trần

Vào giữa năm 1965, chiến lược «chiến tranh đặc biệt» của đế quốc Mỹ đã bị phá sản; nguy quân và nguy quyền đang có nguy cơ tan vỡ và sụp đổ; dưới khẩu hiệu vu cáo «Miền Bắc xâm lược miền Nam», «Mỹ giữ lời cam kết», đế quốc Mỹ đã liều mạng đem quân viễn chinh ở ạt kéo vào miền Nam gây ra chiến lược «chiến tranh cục bộ» ở miền Nam và đánh phá ác liệt miền Bắc, mở rộng chiến tranh ra cả nước ta.

Trong cuộc «phản công chiến lược mùa khô» lần thứ nhất năm 1965—1966, đế quốc Mỹ đã đổ vào miền Nam 20 vạn quân. Trong cuộc «phản công chiến lược mùa khô» lần thứ hai năm 1966—1967, đế quốc Mỹ đã đổ vào miền Nam tới 40 vạn quân. Mùa khô năm 1967—1968, số quân Mỹ và chư hầu tăng lên đến nửa triệu. Cùng với hơn nửa triệu quân nguy, tổng số quân địch ở miền Nam đầu năm 1968 là hơn một triệu trong tổng số 14 triệu dân!

(1) Đến năm 1967, 93,7% tổng số nông hộ đã vào hợp tác xã (trong đó 88,8% đã vào hợp tác xã bậc cao), 4655 hợp tác xã đã được trang bị cơ khí nhỏ, 2551 hợp tác xã đã đạt sản lượng 5 tấn thóc trở lên một héc-ta. Tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã lên tới 49,5%. Toàn miền Bắc có gần 5 triệu học sinh phổ thông, trên 14 vạn học sinh trung học chuyên nghiệp, hơn 7 vạn sinh viên đại học, hơn 4 vạn cán bộ có trình độ đại học và trên đại học...

Hạm đội 7 của đế quốc Mỹ ở Thái Bình Dương cũng được huy động tiến vào hải phận Việt Nam để sẵn sàng ứng chiến. Chi phí của Mỹ cho cuộc chiến tranh tăng lên vùn vụt. Trong «chiến tranh đặc biệt», hàng năm Mỹ bỏ ra 600 triệu đô-la; chuyển sang «chiến tranh cục bộ», Mỹ phải bỏ ra hàng chục tỉ đô-la mỗi năm (1965 : 20 tỉ; 1966 : 25 tỉ; 1967 : 30 tỉ). Tàu chiến, tàu hàng của Mỹ nối đuôi nhau chở hàng triệu tấn quân trang, quân dụng và vũ khí vào miền Nam. Các căn cứ quân sự của Mỹ liên tiếp mọc lên ở ven biển như Phú Bài, Đà Nẵng, Chu Lai, Quy Nhơn, Nha Trang, Cam Ranh, Vũng Tàu...

Đế quốc Mỹ hi vọng với sự nỗ lực lớn lao về người và của, chúng sẽ giành thắng lợi ở miền Nam Việt Nam trong thời gian ngắn. Chúng tin rằng với chiến lược hai gọng kim «tìm diệt» và «bình định», chúng sẽ thành công trong việc bẻ gãy xương sống của quân chủ lực «Việt cộng» ở miền Nam, đẩy lực lượng vũ trang nhân dân miền Nam vào thế phòng ngự, từ đó kết thúc cuộc chiến tranh theo ý muốn của đế quốc Mỹ.

5. Vạn Trường: trận độ sức lớn đầu tiên giữa quân ta và quân Mỹ

Vừa đổ quân vào miền Nam Việt Nam, Mỹ đã trực tiếp tham chiến. Trong hai ngày 18 và 19 tháng 8 năm 1965, đế quốc Mỹ đã dùng một lữ đoàn bao gồm các đủ binh chủng thuộc sư đoàn lính thủy đánh bộ số 1 và số 3 tấn công vào Vạn Trường, một thôn nhỏ, thuộc ven biển huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi (1).

Mục tiêu của cuộc hành quân là tiêu diệt một đơn vị chủ lực quân Giải phóng mà Mỹ cho rằng đang đóng ở Vạn Trường, đồng thời thí nghiệm một chiến thuật và kỹ thuật quân sự tối tân của Mỹ.

Vạn Trường là một trận độ sức lớn đầu tiên giữa chủ lực ta và quân viễn chinh Mỹ.

(1) Lực lượng huy động của chúng là 8000 quân, 70 máy bay phản lực, 1000 lượt chiếc máy bay lên thẳng, hơn 40 khẩu pháo, hơn 100 xe tăng, xe bọc thép, dưới quyền chỉ huy của một tên đại tá Mỹ.

Sau hai ngày chiến đấu với một kẻ địch có binh lực đông hơn, có đủ cả hải, lục, không quân phối hợp, có ưu thế tuyệt đối về hỏa lực và cơ động, một trung đoàn quân giải phóng và du kích Vạn Tường đã đánh bại cuộc hành quân của quân Mĩ, tiêu diệt và làm bị thương hơn 900 tên (có 4 đại đội bị diệt gọn), bắn rơi 13 máy bay, phá hủy 15 xe tăng và xe bọc thép.

Chiến thắng rực rỡ Vạn Tường đã khẳng định: ta có thể đánh thắng quân viễn chinh Mĩ, có thể làm phá sản chiến thuật hiện đại của Mĩ, có thể tiếp tục thế chiến lược tấn công ngay từ lúc quân viễn chinh Mĩ bắt đầu ồ ạt kéo vào miền Nam. Cuộc đổ sức ở Vạn Tường đã làm bộc lộ những chỗ yếu của địch và chứng minh hiệu lực sắc bén của cách đánh của quân dân ta.

«Trận Vạn Tường có thể coi là trận Ấp Bắc đối với quân đội viễn chinh Mĩ». . . «Trận Vạn Tường mà bọn tướng tá Mĩ cho là có thể so sánh với những trận chiến đấu giáp lá cà ác liệt nhất trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, là một chiến thắng lớn của quân và dân miền Nam, nó báo hiệu thất bại về chiến thuật của quân đội viễn chinh Mĩ»⁽¹⁾.

6. Quân dân miền Nam đánh bại cuộc « phản công chiến lược mùa khô » 1965 — 1966 và 1966 — 1967

Báo chí Mĩ và phương Tây đã cho biết, lý thuyết « chiến tranh cục bộ » của Mĩ đề ra hai mức sử dụng quân Mĩ trực tiếp tham chiến: mức thấp là 6 vạn quân, mức cao là 18 vạn.

Trong cuộc « phản công chiến lược mùa khô » 1965 — 1966, với tham vọng nhanh chóng tiêu diệt các đơn vị chủ lực quân giải phóng và có thể kết thúc chiến tranh sớm, đế quốc Mĩ đã tập trung toàn bộ lực lượng (18 vạn quân Mĩ và hơn 50 vạn quân ngụy lẫn chư hầu) tiến hành tấn công ồ ạt trên khắp chiến trường miền Nam. Cuộc phản công của chúng diễn ra thành hai đợt hành binh lớn kế tiếp nhau trong suốt 5 tháng.

(1) Trích trong cuốn « Cả nước một lòng đầy mạnh cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, kiên quyết đánh thắng giặc Mĩ xâm lược » của đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Đợt hành binh thứ nhất vào mùa đông 1965, chúng đánh vào hai hướng chính: Bắc Sài Gòn và Tây Nguyên.

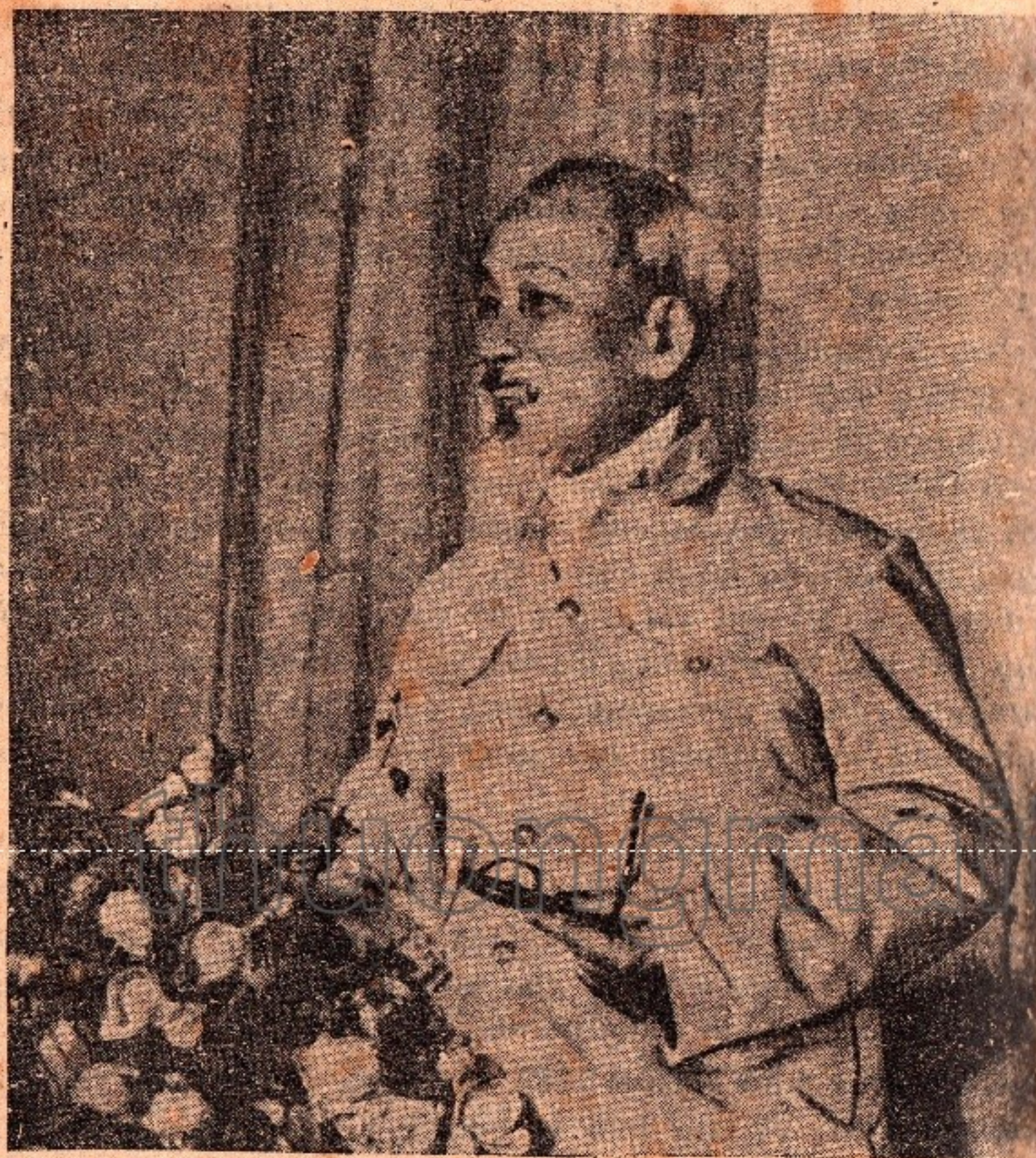
Bị thua đau trên cả hai hướng phản công, mùa xuân 1966, Mĩ tăng quân của chúng ở miền Nam lên 25 vạn tên, đề cùng quân ngụy mở đợt hành binh lớn thứ hai theo ba hướng trọng điểm: Đông Nam Bộ, đồng bằng Trung Trung Bộ và Tây Nguyên.

Sau 5 tháng « phản công chiến lược mùa khô », đế quốc Mĩ không tiêu diệt được chủ lực của ta mà còn bị thất bại thảm hại. Chúng đã bị giết, bị thương, bị bắt hơn 114 000 tên, trong đó có 43 000 tên Mĩ và chư hầu. Mĩ muốn quân chủ lực ta phải phân tán, trở lại thế đánh du kích nhưng quân giải phóng đã tiến lên đánh chính quy, sử dụng hàng trung đoàn để diệt địch. Mĩ đặt rất nhiều hi vọng vào các sư đoàn tinh nhuệ với những vũ khí « tối tân », với chiến thuật « tân kỳ » của chúng nhưng cuối cùng chúng đều phải bó tay trước cách đánh dũng mãnh, mưu trí, sáng tạo của cuộc chiến tranh nhân dân.

Thắng lợi của quân và dân miền Nam trong mùa khô 1965 — 1966 là thắng lợi toàn diện về quân sự và chính trị mà chủ yếu là thắng lợi quân sự. Qua 5 tháng thử lửa với quân Mĩ, các lực lượng vũ trang giải phóng đã được tôi luyện già dặn và trưởng thành nhanh chóng.

Sang mùa khô 1966 — 1967, đế quốc Mĩ lại ráo riết đưa thêm quân Mĩ và chư hầu và phương tiện chiến tranh vào miền Nam. Mùa khô trước, Mĩ chủ trương « tìm diệt » là chính rồi « bình định » sau. Mùa khô lần này, chúng chủ trương tiến hành song song hai gọng kìm « tìm diệt » và « bình định nông thôn ».

Năm vững âm mưu địch, từ cuối hè 1966, ta chủ động mở chiến trường mới ở Trị — Thiên để phân tán lực lượng địch, tạo một thế bất ngờ đối với địch. Mấy chục vạn quân Mĩ bị căng ra khắp chiến trường miền Nam để đối phó với cuộc chiến tranh nhân dân của ta. Tuy thế, vào mùa khô 1966 — 1967, đế quốc Mĩ vẫn cố gắng tập trung quân mở những cuộc hành quân lớn như các cuộc hành quân At-ton-bê-rơ,



Hình 39 — Bác Hồ nói chuyện trong buổi họp của Hội đồng Chính phủ cuối năm 1967

Xi-da-phôn, Gian-xon Xi-ti... để mong giành một thắng lợi quân sự quyết định, chuyển thế bị động sang thế chủ động.

Mọi cố gắng của địch lại bị thất bại một lần nữa. Quân dân ta đã đánh tan các cuộc hành quân «tim diệt» của địch đồng thời còn thọc sâu đánh trúng vào các sào huyệt hậu cần của chúng. Cuộc hành quân lớn nhất Gian-xon Xi-ti của 1 vạn quân Mỹ vào Tây Ninh, mà chúng khoe khoang âm ỉ, lại chính là đỉnh cao của sự thất bại của Mỹ trong cuộc phản công mùa khô lần thứ hai. Chiến thắng mùa khô 1966 —

1967, quân dân ta đã tiêu diệt 105 000 tên địch, trong đó có 71 000 Mỹ và 15 000 chư hầu, phá hỏng, phá hủy rất nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Trên mặt trận «bình định», mặc dù chúng đã dốc toàn bộ lực lượng quân nguy, một phần quân Mỹ và chư hầu để yểm trợ, nhưng chính những trọng điểm đánh phá như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Long An, Bến Tre,.. phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang lại phát triển mạnh. Cả miền Nam nhân dân đứng dậy chống phá «bình định». Toàn dân thi đua giành danh hiệu «dũng sĩ» theo lời kêu gọi của Mặt trận dân tộc giải phóng (1). Dân thì quyết bám đất «một tấc không đi, một li không rời». Quân thì bám dân ăn vào dân mà đánh địch. Cả hai gọng kìm «tim diệt» và «bình định» của địch bị đập tan.

Cuộc «phản công chiến lược mùa khô» 1966—1967 bị thất bại, đế quốc Mỹ buộc phải dần dần chuyển sang phòng ngự về chiến lược. Trên chiến trường, vào thời gian nửa cuối năm 1967, địch không mở được một cuộc hành quân nào đáng kể mà lâm vào thế bị động đối phó.

7. Cuộc tập kích chiến lược mùa xuân 1968 đôn quyết định đánh bại chiến lược «chiến tranh cục bộ» của đế quốc Mỹ

Đầu xuân năm 1968, chấp hành mệnh lệnh của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng, trong hai ngày 30 và 31 tháng 1-1968, quân và dân miền Nam đã nhất tề nổi dậy, đồng loạt tấn công mãnh liệt, toàn diện về quân sự và chính trị, đánh vào những nơi đầu não, những vị trí xung yếu của địch ở 64 thành phố, thị trấn và nhiều vùng nông thôn rộng lớn suốt từ Trị Thiên đến Cà Mau.

Ở Bắc Quảng Trị, ta áp đảo địch trên tuyến đường 9, tiêu diệt chi khu quân sự Hướng Hóa và cứ điểm Làng Vây; bao

(1) Dũng sĩ Nguyễn Thị Hạnh kiên trì công tác trong lòng địch đã tự mình đánh Mỹ và tự tổ chức đánh Mỹ gần 400 trận. Dũng sĩ Nguyễn Văn Lên dùng mìn đánh địch, tính đến tháng 9-1967 đã diệt được 768 địch trong đó có 400 Mỹ, đạt mức kỉ lục. Cả gia đình Vai, Kan Lịch đều là dũng sĩ, đều là anh hùng.

vây tập đoàn cứ điểm Tà Cơn, bắn chìm nhiều tàu địch trên sông Cửa Việt.

Ở Thừa Thiên — Huế, ta đập tan hệ thống nguy quyền trong tỉnh, diệt nhiều sinh lực địch; làm chủ thành phố dài ngày, đánh bật hàng chục trận phản kích lớn của địch giải phóng nhiều vùng nông thôn rộng lớn. (1)

Ở Trung Trung Bộ, ta tiến công nhiều vị trí then chốt của địch ở các tỉnh; liên tục đánh phá căn cứ không quân lớn của Mĩ ở Đà Nẵng, sân bay Nước Mặn; giải phóng nhiều vùng đồng bằng đông dân.

Ở Nam Trung Bộ, ta đánh chiếm nhiều vị trí địch trong thị xã Phan Thiết, làm tê liệt sân bay Phan Thiết; liên tục tiến công thành phố Đà Lạt, làm tê liệt sân bay Cầm Li, làm chủ nhiều khu vực trong thành phố.

Ở Tây Nguyên, ta tấn công mạnh ở Kon Tum, Buôn Ma Thuột, đánh chiếm nhiều thị trấn, quận lỵ, phá 4 nhà tù giải thoát hàng ngàn người bị giam giữ, cắt đứt các trục giao thông chiến lược số 19, 14.

Ở Đông Nam Bộ, ta đánh phá các căn cứ lớn của Mĩ ở Lai Khê, Đồng Dù, Dầu Tiếng; đánh phá sân bay Biên Hòa, tiến công và nổi dậy ở các thị xã; làm tê liệt nhiều đường giao thông huyết mạch về Sài Gòn.

Ở Trung Nam Bộ, đánh mạnh vào các thị xã Mĩ Tho, Bến Tre, Châu Đốc, Kiến Tường, Kiến Phong, Gò Công; và hàng loạt các thị trấn...

Ở Tây Nam Bộ, tiến công các sào huyệt của địch ở Cần Thơ, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Cà Mau, Rạch Giá.

Ở Sài Gòn — Gia Định, ta đánh đúng vào các sào huyệt đầu não của Mĩ — nguy như dinh Độc lập, sứ quán Mĩ, bộ tổng tham mưu liên quân, bộ tư lệnh Hải quân; tấn công sân bay Tân Sơn Nhất, trận địa cao xạ và khu xe thiết giáp nguy, khu hậu cần lớn nhất của nguy ở Hạnh Thông Tây và kho Long Bình, trung tâm huấn luyện Quang Trung, đài phát thanh Sài Gòn; làm chủ dài ngày ở phần lớn các quận 4, 5, 6, 7, 8 của thành phố Sài Gòn.

(1) Xem *Đọc Thêm III*.

Sau hai ngày đồng loạt nổi dậy tấn công và tiếp theo hơn bốn mươi ngày đêm chiến đấu cực kì anh dũng và tài trí, quân và dân miền Nam đã giành được thắng lợi rất to lớn và toàn diện (1).

Khắp miền Nam, khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân dâng lên như nước vỡ bờ. Quân và dân ta đã quét sạch hàng loạt bọn ác ôn; phá vỡ từng mảng dân vệ, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch ở nhiều ấp, xã; thành lập chính quyền cách mạng, tổ chức thêm nhiều đội vũ trang tự vệ, lập thêm những tổ chức yêu nước mới. Một triệu 60 vạn dân đã giành quyền làm chủ, ở 100 xã và hơn 600 thôn, ấp mới được giải phóng. Vùng nông thôn của địch trước kia coi như bị bỏ ngỏ; kế hoạch «bình định» của địch bị phá sản. Chúng phải co lại để cố thủ ở thành thị mà vẫn nơm nớp lo sợ những cuộc tiến công mới. Các cơ quan đầu não, các cơ sở yết hầu của địch đã bị đánh những đòn đau đớn và bị tê liệt, rối loạn. Cách mạng miền Nam chẳng những có thể trận vững vàng ở vùng rừng núi, ở nông thôn mà còn có mặt trận mới ở thành thị.

Chiến thắng đầu xuân 1968 nói lên nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh tại tỉnh, mưu trí và táo bạo của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng và Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam. Quân và dân ta biết tạo nên và phát triển yếu tố bất ngờ, vũ bão áp vào toàn bộ dinh lũy của Mĩ nguy; biết dùng lực lượng ít mà tinh vượt qua hệ thống phòng ngự ken dày của địch, đánh thẳng vào sào huyệt của chúng; biết kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích; biết kết hợp ba mũi giáp công; kết hợp đánh địch trên cả ba vùng chiến lược.

Qua cuộc thử thách quyết liệt này, quân và dân ta đều trưởng thành và phát triển nhảy vọt, tạo nên một sức mạnh tổng hợp chưa từng có của chiến tranh nhân dân.

(1) Ta đã tiêu diệt 150 000 tên địch trong đó có 45 000 tên Mĩ và chư hầu; bắn rơi và phá hủy gần 2 200 máy bay; phá hủy hơn 1 750 xe tăng, xe bọc thép, hơn 300 khẩu pháo; đánh chìm và đánh hỏng 233 tàu; xuống chiến đấu; san bằng 823 đồn bót; đánh sập 350 cầu; phá hủy 300 kho tàng...

Cùng với những thắng lợi trước đó, chiến thắng oanh liệt của mùa xuân 1968 đã giáng một đòn quyết định, đánh bại chiến lược «chiến tranh cục bộ» của đế quốc Mỹ.

Mùa hạ và mùa thu 1968, quân dân miền Nam, thừa thắng, liên tục tiến công nổi dậy, đánh Mỹ, diệt ngụy; quân dân miền Bắc thu được những thắng lợi rất to lớn trong việc đánh bại «chiến tranh phá hoại» của đế quốc Mỹ.

Chiến thắng vang dội ở cả hai miền buộc đế quốc Mỹ phải đình chỉ ném bom bắn phá toàn bộ lãnh thổ miền Bắc (1-11-1968) và phải thừa nhận đại diện của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tham dự Hội nghị thương lượng bốn bên tại Pa-ri (18-1-1969) (1).

CÂU HỎI

1. Tại sao đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc? Đế quốc Mỹ đã «leo thang» đánh phá miền Bắc như thế nào? Tại sao nói đế quốc Mỹ càng «leo thang» càng bị thua đau?
2. Tinh thần quyết tâm chống «chiến tranh phá hoại» của quân và dân miền Bắc diễn ra như thế nào? Vì sao đế quốc Mỹ phải xuống thang rồi đi đến đình chỉ ném bom đánh phá miền Bắc?
3. Phân tích tình trạng bị động và những mặt non yếu của đế quốc Mỹ khi chúng chuyển chiến lược từ «chiến tranh đặc biệt» sang «chiến tranh cục bộ» ở miền Nam Việt Nam.
4. Diễn biến của chiến thắng Vạn Tường. Tại sao lại so sánh chiến thắng Vạn Tường với chiến thắng Ấp Bắc?
5. Những âm mưu của đế quốc Mỹ trong hai cuộc «phản công chiến lược mùa khô» 1965 — 1967. Kết quả của hai cuộc phản công mùa khô của địch diễn ra như thế nào? Phân tích nguyên nhân dẫn đến kết quả đó.
6. Cuộc tập kích chiến lược mùa xuân 1968 của quân và dân miền Nam. Ý nghĩa quan trọng của cuộc tập kích chiến lược đó.
7. Phân tích rõ sự phối hợp của quân và dân hai miền Nam, Bắc trong việc chiến đấu chống đế quốc Mỹ từ 1965 đến 1968.

(1) Cũng do chiến thắng to lớn của nhân dân Việt Nam năm 1968, mà Mắc Na-ma-ra phải từ chức, Giôn-xơn mất ghế tổng thống, Oét-mơ-len bị thải hồi, Cô-mơ phải đổi công tác.

ĐỌC THÊM

I — «THẦN TƯỢNG KHÔNG LỰC HOA KÌ» BỊ HẠ BỆ

3 243 máy bay Mỹ bị quân và dân miền Bắc bắn rơi gồm 47 kiểu của 17 hãng sản xuất, 15 tàu chở máy bay Mỹ luân phiên sang đánh phá miền Bắc nước ta (Mỹ có tất cả 18 tàu chở máy bay) và các sân bay phản lực Mỹ ở Thái Lan. Nam Việt Nam đều có máy bay bị bắn rơi ở miền Bắc. Hầu hết các loại máy bay chiến thuật và cả máy bay chiến lược của đế quốc Mỹ, mà chúng chưa dùng trong cuộc chiến tranh xâm lược nào trước đây, đã bị quân và dân miền Bắc bắn rơi, như: máy bay B.52, F.4C, F.105D, F.105E, A.6A, F.4D, F.111A, A.7...

3 243 máy bay Mỹ bị bắn rơi (không kể số bị trọng thương không dùng được) là bằng 5 lần rưỡi tổng số máy bay của hạm đội 7 Mỹ và bằng 16 lần tổng số máy bay trên 3 tàu chở máy bay thường xuyên hoạt động ở ngoài khơi miền Bắc nước ta. Đế quốc Mỹ phải thú nhận là chúng đã mất ở Việt Nam quá nửa số máy bay «thần sấm» F.105 mà chúng thường khoe là loại «điều khiển cho đỉnh cao nhất của khoa học hàng không quốc tế».

Trong số hàng nghìn tên giặc lái Mỹ bị quân và dân ta tiêu diệt và bắt sống (mỗi tên đào tạo tốn 773 000 đô-la) có nhiều tên là «anh hùng không quân Mỹ», có tên là «phi công vũ trụ», gồm từ đại tá liên đội trưởng, liên đội phó đến trung tá, thiếu tá của các lực lượng không quân.

(Tư liệu VNTTX)

II — SỐ MÁY BAY MỸ BỊ BẮN RƠI TỪ 5-8-1964 ĐẾN 1-11-1968

1964 bắn rơi	12	máy bay Mỹ,
1965 bắn rơi	834	— — —,
1966 bắn rơi	773	— — —,
1967 bắn rơi	1 067	— — —,
1968 bắn rơi	557	— — —,

Tổng cộng : 3 243 máy bay Mỹ.

(Tư liệu VNTTX)

III — GIẢI PHÓNG NHÀ LAO THỪA PHỦ

Tiếng súng tổng tiến công nổ ra ở ngoại thành Huế. Ban lãnh đạo nhà lao Thừa Phủ truyền lệnh:

— Tất cả anh chị em hãy chuẩn bị sẵn sàng!

Tiếng súng nổ càng dữ dội, mỗi lúc nghe một gần. Bọn cai ngục nhốn nháo, lờn lộn như bầy thú dữ... Anh chị em tù đứng cả dậy, mắt rực lửa căm thù đồ dồn về phía cổng nhà lao. Các đội tự vệ trong nhà lao đã được giao nhiệm vụ chiến đấu.

Tên giám ngục hốt hoảng, thúc giục tay chân gài mìn ở các cửa nhà giam. Âm mưu của chúng bị chặn đứng lại. Những tiếng thét căm hờn: «Đả đảo bọn giết người», «chặn tay bọn giết người» vang lên từng đợt như sấm.

Cả nhà lao bừng bừng khí thế nổi dậy muốn phá tung xiềng xích gông cùm. Tất cả nóng lòng chờ đợi các chiến sĩ quân giải phóng.

Không gài được mìn, tên giám ngục điên cuồng cho tay chân ném bừa lựu đạn cay vào các buồng giam. Hàng nghìn người bị ngột ngạt. Tiếng thét nổi lên liên hồi, rung chuyển cả khu nhà lao. Nhiều anh em binh sĩ yêu nước gác ngục đã tìm cách chuyển hết thùng nước này đến thùng nước khác để anh chị em tù nhúng khăn đắp mặt chống hơi cay.

Vừa lúc đó, các mũi tiến công của Quân giải phóng ào ạt xông tới, phá tung cổng thành nhà lao tràn vào như thác lũ.

— Đồng bào, đồng chí ơi, chúng tôi đã đến đây rồi!

Các cửa nhà lao bị phá tung. Hàng ngàn đồng bào ứa ra đón mừng các chiến sĩ giải phóng. Tiếng hò reo vang dội cả thành phố. Các đội tự vệ nhà lao phối hợp với bộ đội tóm gọn toàn bộ bọn cai ngục ác ôn.

Ban lãnh đạo khởi nghĩa nhà lao kêu gọi anh chị em xung phong chiến đấu giết giặc cứu nước. Một rừng cánh tay giơ lên hưởng ứng. Hàng trăm thanh niên được phát súng. Những người khác tự nguyện vào các tổ chức hậu cần.

Từ nhà lao Thừa Phủ hơn 2 200 người vừa được giải thoát xông ra tập hợp thành đội ngũ, cùng với bộ đội và nhân dân tiếp tục tiêu diệt quân thù trên các trận địa thành phố Huế.

Đài phát thanh Giải Phóng

IV — TỘI ÁC TÂY TRỜI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở THÔN MỸ HỒI, XÃ SƠN MỸ, TỈNH QUẢNG NGÃI NGÀY 16-3-1968

«Bà nội em vừa bò lên miệng hầm để xem xét, bị chúng bắn ngay vào giữa ngực. Bà em không kịp kêu lên một tiếng, ngã xuống bên người em. Em chỉ kịp nhìn thấy một chớp lửa, rồi một tiếng nổ bụp, em ngã sấp, mê man. Chính nhờ xác của bà em che chở nên em đã sống. Quả lựu đạn xé xác bà em ra nhiều mảnh. Lúc tỉnh dậy, em bò ra khỏi hầm. Một cảnh chết chóc, tàn phá làm em bàng hoàng. Tất cả nhà cửa, cây cối chỉ còn một màu cháy đen. Ở hầm bác Lệ, 8 người nằm chết chồng lên nhau trên miệng hầm; nhìn xuống dưới hầm 7 người nữa nằm sóng sượt. Xế chiều, em đang bới đất tìm em Đức bị sập hầm thì giặc Mỹ lại kéo đến. Em vừa trốn xuống hầm thì chúng đã kéo đến nhà bà Khéo, đốt luôn chiếc lều nhỏ của bà. Bà Khéo 65 tuổi vừa bước ra khỏi hầm liền bị chúng bắn chết rồi hất xác vào lửa.

Em còn được nghe người trong thôn kể nhiều chuyện đau thương khác. Giặc Mỹ đã giết chết bà Mãi, năm rầu ông Mãi lòi xềnh xệch, đốt rầu ông, bắn ông rồi lấy lưới lê dằm vào người ông. Chúng đến hầm cô Võ Thị Phụ lòi lên để hãm hiếp rồi bắn chết. Đứa con cô còn bò lên bú mẹ. Bọn giặc liền lấy rơm đốt cháy cả hai mẹ con thành than. Chị Ngón chữa sập đê, bị chúng hãm hiếp rồi cũng bắn chết làm cho em nhỏ trong bụng mẹ lòi cả chân ra ngoài. Ba đứa con khác của chị cũng bị chúng bắn chết nằm dorr một đồng...

Toàn thôn em có gần 100 người phần lớn là người già, phụ nữ và trẻ em, nhưng tự nhiên chúng đến phá sạch, đốt sạch, giết sạch chỉ còn sống sót có 7 người. Riêng gia đình em, bà con thân thích đã bị chết đến 18 người.

(Lời em Võ Thị Liên, 12 tuổi, một trong những người còn sống sót)

NHÂN DÂN VIỆT NAM ĐÁNH BẠI «VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH» CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở MIỀN NAM VÀ ĐÁNH BẠI «CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI» LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở MIỀN BẮC

I

QUÂN VÀ DÂN MIỀN NAM ĐÁNH BẠI «VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH» CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1969 — 1972)

1. Đế quốc Mỹ thi hành chiến lược «Việt Nam hóa chiến tranh» và mở rộng chiến tranh trên toàn bộ bán đảo Đông Dương

Đầu năm 1969, tổng số quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam là 543482 tên (con số huy động lúc cao nhất). Chính thời gian này Ních-xơn lên cầm quyền ở Mỹ (thay Giôn-xơn). Ních-xơn biết rằng càng đổ thêm quân Mỹ vào Việt Nam thì càng nếm mùi cay đắng, càng bị nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới phản đối. Vì vậy, bước vào Nhà trắng, Ních-xơn đã phải điều chỉnh chiến lược toàn cầu của Mỹ, cho ra đời cái gọi là «học thuyết Ních-xơn» và đem học thuyết đó áp dụng thí nghiệm ở Việt Nam với cái tên «Việt Nam hóa chiến tranh».

Đưa ra chiến lược «Việt Nam hóa chiến tranh», Ních-xơn nhằm rút dần quân Mỹ về nước, dùng quân nguy thay thế bộ binh Mỹ nhưng có sự yểm trợ mạnh bằng không quân, hải quân và hậu cần Mỹ để Mỹ vẫn có thể kéo dài và mở rộng chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Thực chất của «Việt Nam hóa chiến tranh» là áp dụng chính sách «dùng người Việt trị người Việt», là «thay màu da của các xác chết» rất thâm độc của bọn thực dân, đế quốc.

Ngày 8-7-1969, đế quốc Mỹ cho rút khỏi miền Nam một bộ phận đầu tiên của quân Mỹ gồm 814 tên. Từ đó trở đi, chúng tiến hành rút quân «nhỏ giọt» có nghiên cứu, gạn lọc bằng cách rút

dần những tên lính hết hạn nghĩa vụ hoặc không còn khả năng chiến đấu, để có thì giờ «vực» được quân nguy, cốt luôn luôn giữ được «thế mạnh» về quân sự trên chiến trường. Đồng thời với việc rút quân, đế quốc Mỹ dốc thúc việc tăng quân nguy từ 50 vạn lên 80 vạn (1969) rồi lên hơn một triệu (1971). Chúng ra sức viện trợ quân sự để giúp quân nguy «đủ mạnh» về hỏa lực và sức cơ động. Chúng cố gắng tập hợp các phe phái chính trị thân Mỹ, hòng lập thành một thứ «mặt trận» làm hậu thuẫn cho nguy quyền Sài Gòn và cho sử dụng cái nhãn hiệu «độc lập» giả hiệu, bày trò «bầu cử» ở các cấp, tô son vẽ phấn cho cái vỏ «dân chủ» đầy xấu xa của chúng. Mặt khác, chúng ráo riết đẩy mạnh chương trình «bình định cấp tốc» (1969 — 1970), «bình định đặc biệt» (cuối 1970), «bình định bổ túc» (1971) trên khắp miền Nam. Trong năm 1969, 50% hoạt động quân sự của Mỹ và 80% hoạt động quân sự của nguy là nhằm yểm hộ và tiến hành chương trình «bình định». So với chiến dịch «tổ cộng diệt cộng» thời Ngô Đình Diệm, chương trình «bình định» lần này của đế quốc Mỹ còn dã man, tàn bạo hơn nhiều.

Đầu năm 1970, đế quốc Mỹ lập cách mạng miền Nam, đế quốc Mỹ câu kết với bọn phản động Lon-Non gây ra cuộc đảo chính, lật đổ chính phủ Xi-ha-núc ở Cam-pu-chia (3-1970); rồi đưa quân viễn chinh Mỹ và quân Sài Gòn ồ ạt xâm lược Cam-pu-chia (4-1970). Đầu năm 1971, chúng lại đưa quân Sài Gòn sang xâm lược Nam Lào dưới sự phối hợp và yểm trợ của quân Mỹ. Chiến tranh đã lan rộng ra toàn bán đảo Đông Dương.

2. Quân và dân miền Nam sát cánh cùng quân dân Cam-pu-chia, Lào đẩy chiến lược «Việt Nam hóa chiến tranh» vào thế sa lầy nghiêm trọng

Từ sau cuộc tập kích chiến lược mùa xuân năm 1968, quân và dân miền Nam liên tục tấn công và nổi dậy liên tiếp thu được những thắng lợi to lớn. Trong hoàn cảnh ấy, ngày 6-6-1969, Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam nhất trí bầu ra Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Sự kiện lịch sử này chứng tỏ rằng nhân dân miền Nam

quyết tâm tăng cường đoàn kết, kiên trì chiến đấu để làm chủ vận mệnh của mình, sẵn sàng đánh trả địch đáng âm mưu «Việt Nam hóa chiến tranh» của đế quốc Mỹ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Mặt trận Dân tộc giải phóng và chính quyền cách mạng, những cải cách dân chủ đã được thực hiện ở vùng giải phóng. Nông dân được chia ruộng đất để cày cấy. Sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế cũng đạt được những kết quả quan trọng. Nhân dân thực sự được làm chủ cuộc đời mình và được sống tự do. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Mặt trận, của chính quyền cách mạng đều xuất phát từ quyền lợi và nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

Vì vậy, những cải cách dân chủ, tuy mới thực hiện bước đầu ở vùng giải phóng, đã gây được không khí tin tưởng, phấn khởi, trong nhân dân, đã nói lên rất rõ tinh thần ưu việt của chế độ cách mạng; làm cho mọi người thấy được tinh thần lệ thuộc, thối nát của chế độ nguy quyền, con đẻ của chủ nghĩa thực dân mới do đế quốc Mỹ nhào nặn ra.

Ngày 3-9-1969, tin Bác Hồ vô vàn kính yêu qua đời, đã đến với nhân dân miền Nam, qua đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam. Tình cảm sâu nặng của nhân dân miền Nam đối với lãnh tụ làm cho ý chí và sức mạnh chiến đấu chống quân thù tăng lên gấp bội. Những tháng cuối năm 1969, đầu năm 1970, quân dân miền Nam xốc tới, quật vào chiến lược «Việt Nam hóa chiến tranh» những đòn mãnh liệt, làm cho đế quốc Mỹ rất lúng túng, phải bị động đối phó bằng cách vũ trang xâm lược sang Cam-pu-chia hòng cứu vãn chương trình «Việt Nam hóa» ở miền Nam.

Trước tình hình đó, các lực lượng yêu nước Cam-pu-chia với sự chi viện to lớn và kịp thời của nhân dân Việt Nam, đã đánh cho đế quốc Mỹ và tay sai những đòn trừng phạt nặng nề. Cách mạng Cam-pu-chia tiến lên bằng những bước nhảy vọt.

Ngày 24-4-1970, những vị đứng đầu ba nước Đông Dương đã họp hội nghị cấp cao để nói lên sức mạnh đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc anh em, nói lên quyết tâm đánh thắng

đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ độc lập dân tộc, hạnh phúc lâu dài của nhân dân Đông Dương.

Tại Cam-pu-chia, nhân dân anh em vũ trang nổi dậy, giáng trả quyết liệt cuộc hành quân điên rồ của Mỹ nguy Sài Gòn. Nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới thì kịch liệt phản đối chúng. Vì vậy Mỹ buộc phải rút khỏi Cam-pu-chia chỉ để lực lượng nguy Sài Gòn ở lại nhằm viện trợ cho bọn phản động Lon-Non.

Tại miền Nam, trên chiến trường đồng bằng là nơi trọng điểm «bình định» của Mỹ nguy, quân và dân ta, bất chấp bom đạn ác liệt, liên tục tấn công, liên tục nổi dậy phá thế kìm kẹp của địch. Ở đồng bằng Trung Trung bộ, Nam Trung bộ và đồng bằng sông Cửu Long là những nơi phong trào chống phá «bình định» rất mạnh (1).

Phong trào đấu tranh ở thành thị cũng phát triển liên tục, bền bỉ với nhiều hình thức phong phú, với quy mô to lớn hơn trước. Phong trào đã nêu nhiều khẩu hiệu có ý nghĩa chính trị cao như đòi quân Mỹ rút về nước, đánh đổ Thiệu-Ki — Khiêm, lập chính phủ hòa hợp dân tộc...

Năm 1970, nhân dân Việt Nam và nhân dân Cam-pu-chia, Lào phối hợp chiến đấu đẩy đế quốc Mỹ vào thế sa lầy nghiêm trọng. Chiến lược «Việt Nam hóa chiến tranh» bước đầu bị uy hiếp toàn diện.

Cuối tháng 2-1971, Mỹ nguy lại tính toán mở cuộc hành quân lớn mang tên «Lam Sơn 719» ở đường 9 — Nam Lào, hòng bịt «đường mòn Hồ Chí Minh», cắt đứt hoàn toàn sự chi viện của hậu phương lớn đối với tiền tuyến. Đây là một cuộc hành quân điển hình của «Việt Nam hóa chiến tranh» (2).

(1) Thí dụ những chiến công đánh địch ở Vĩnh Thuận, Cái Nước, Gò Quao, Xẻo Rô (Rạch Giá), Ông Đốc, Thới Bình (Cà Mau), Vĩnh Viễn, Long Mỹ (Cần Thơ), Tịnh Biên, Ba Xoài, Tri Tôn (An Giang), Hàm Luông (Bến Tre), Thượng Đức (Quảng Nam), Sơn Tịnh, Trà Bồng (Quảng Ngãi), Vĩnh Thạnh, Gò Trăm (Bình Định)...

(2) Trong cuộc hành quân này, chúng huy động tới 45 000 tên (có hơn 10 000 tên Mỹ), phần lớn là những đơn vị trong lực lượng tổng dự bị chiến lược nguy; hơn 1 500 máy bay chiến đấu, có máy bay B.52 yểm trợ cho từng trận đánh; hơn 800 máy bay trực thăng; ngót 600 xe, phần lớn là xe tăng và xe bọc thép; gần 300 khẩu pháo.

Nhưng quân và dân miền Nam cùng với quân và dân Lào anh em đã chuẩn bị sẵn sàng, chủ động tiến hành phản công. Sau 43 ngày chiến đấu liên tục, quân dân hai nước đã đập tan hoàn toàn cuộc hành quân phiêu lưu này của Mĩ nguy (1).

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và các nước trên bán đảo Đông Dương đã ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt đời sống của nước Mĩ, của nhân dân Mĩ, gây bất lợi cho Nixon trong cuộc tranh cử tổng thống Mĩ năm 1972. Tập đoàn thống trị Nixon, một mặt, dùng chính sách ngoại giao xảo quyệt thâm độc để ngăn chặn sức tiến công của quân dân ta và gây uy tín cho chúng ở nước Mĩ, một mặt, chúng ra sức củng cố thế phòng ngự để đối phó lại khi bị tiến công.

3. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân miền Nam năm 1972, đập tan chiến lược « Việt Nam hóa chiến tranh » của đế quốc Mĩ

Mùa xuân năm 1972, dịp tết đã qua, không thấy quân và dân miền Nam hành động lớn, Mĩ nguy tưởng rằng nhân dân ta đã hết khả năng tiến công, thì bất ngờ ngày 30-3-1972, cuộc tiến công chiến lược của quân và dân miền Nam lại bắt đầu.

Quân giải phóng, có sự phối hợp của các lực lượng vũ trang địa phương và lực lượng chính trị của quần chúng, đã tiến công địch trên ba mặt trận chính: Quảng Trị, Tây Nguyên và Bình Long — Tây Ninh.

Tại mặt trận Quảng Trị quân ta đồng loạt tiến công vào hệ thống phòng thủ vòng ngoài kiên cố nhất, trên các điểm cao ở nam bắc đường 9. Chỉ trong vòng 48 giờ (kể từ trưa ngày 30-3-1972) quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn 10 cứ điểm lớn, đập tan hệ thống phòng ngự này. Để đối phó với nguy cơ bị tiêu diệt, bọn địch huy động lực lượng tối đa, hình thành một tập đoàn phòng ngự mới. Quân dân Quảng Trị lại tiếp tục tiến công mãnh liệt vào các cứ điểm lớn của địch ở Đông

(1) Chiến thắng đường 9 — Nam Lào đã diệt 15 400 tên địch (có 200 Mĩ), bắt sống 1 000 tên (có nhiều sĩ quan từ cấp úy đến đại tá); diệt 8 tiểu đoàn pháo binh, đánh thiệt hại 5 tiểu đoàn pháo binh khác; phá hủy và thu 496 máy bay (hầu hết là máy bay lên thẳng), phá hủy và thu được rất nhiều quân trang, quân dụng.

Hà, Ái Tử, La Vang, Tích Tường, Quảng Trị, tiêu diệt và bắt sống một bộ phận sinh lực lớn của địch, đập nát tập đoàn phòng ngự vào loại mạnh nhất của chúng, giải phóng tỉnh Quảng Trị.

Tiếp sau đó là những cuộc chiến đấu dữ dội suốt 80 ngày đêm ở thành cổ Quảng Trị, quân ta đánh lui hàng trăm trận phản kích của Mĩ nguy, bảo vệ vùng giải phóng.

Tại mặt trận Tây Nguyên, quân dân ta đánh rất mạnh, tiêu diệt nhiều căn cứ của địch, trên các dãy núi phía tây sông Pô-cô, đánh địch trên đường số 14 từ PlâyCu đi Kon Tum cắt đứt đường số 19. Ngày 24-4-1972, quân ta mở cuộc tiến công lớn, đập tan nhanh chóng tuyến phòng thủ kiên cố của địch ở Đắc Tô — Tân Cảnh, giải phóng phần lớn tỉnh Kon Tum và một số vùng ở PlâyCu. Sau đấy, quân dân ta liên tiếp bao vây, uy hiếp địch ở thị xã Kon Tum.

Tại mặt trận Bình Long — Tây Ninh, quân và dân miền Đông Nam bộ đã tiến công vào hệ thống phòng thủ của địch ở phía Bắc và Tây Bắc Sài Gòn, tiêu diệt chi khu quân sự Lộc Ninh; vây đánh ở An Lộc; đánh địch trên một tuyến dài từ Chơn Thành xuống Lai Khê, Bến Cát, đánh chiếm nhiều căn cứ địch trên đường số 13, đường 22. Trong một thời gian ngắn, quân dân ta giải phóng được một vùng đất đai rộng lớn gồm hầu hết tỉnh Bình Long, phần lớn các tỉnh Phước Long và Tây Ninh.

Phối hợp chặt chẽ với ba chiến trường lớn trên, khắp miền Nam quân và dân ta đã tiến công và nổi dậy mạnh mẽ. Quân dân đồng bằng Trung Trung bộ đánh địch giải phóng phần lớn tỉnh Bình Định và mở rộng được vùng giải phóng ở Quảng Đà, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên. Ở Nam Trung bộ, ta đánh phá nhiều căn cứ địch ở Khánh Hòa, Bình Thuận, Tuyên Đức, Đà Lạt. Ở đồng bằng sông Cửu Long, quân ta đã đánh mạnh vào nhiều sở chỉ huy sư đoàn, trung đoàn của quân nguy diệt nhiều đồn bót địch: vùng giải phóng đều được mở rộng ở Mĩ Tho, Bến Tre, Kiến Phong, Kiến Tường, Rạch Giá, Cần Thơ, Trà Vinh, Sóc Trăng, Cà Mau...

Cuộc tiến công chiến lược với quy mô to lớn trên cả ba vùng chiến lược, suốt từ Quảng Trị đến Cà Mau, đã kết hợp được

chặt chẽ giữa tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng, với sức mạnh lớn nhất, mạnh nhất, giáng vào đầu Mĩ nguy những đòn sấm sét, thu được những thắng lợi to lớn, toàn diện và vững chắc.

Trong 5 tháng tấn công và nổi dậy, quân và dân miền Nam đã diệt và bắt 28 vạn tên; tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 7 sư đoàn, 33 lữ đoàn, trung đoàn, 205 tiểu đoàn bộ binh, 11 trung đoàn thiết giáp, 22 tiểu đoàn pháo binh; tiêu diệt và làm tan rã hàng loạt trung đội, đại đội bảo an, dân vệ. Trong số sĩ quan bị diệt, bị bắt có 3 tướng Mĩ, 2 tướng nguy và 5 đại tá. Ta đã thu và phá hủy 5800 xe quân sự (có gần 2000 xe tăng và xe bọc thép), 1300 khẩu pháo; bắn rơi và phá hủy 1850 máy bay; đánh chìm 330 tàu xuống chiến đấu; thiêu hủy 600 kho xăng, đạn và vật liệu chiến tranh...

Cùng với những thắng lợi về quân sự, ta đã phá tung từng mảnh hệ thống «bình định», làm tan rã một bộ phận quân nguy, diệt và bức rút, bức hàng hàng nghìn đồn bốt giải tán hàng loạt tổ chức «phòng vệ dân sự», giải phóng hàng triệu đồng bào ta.

Cuộc tấn công chiến lược năm 1972 vượt quy mô tất cả các chiến dịch đã có trong lịch sử chiến tranh chống Mĩ, cứu nước. Nó nói lên sự trưởng thành vượt bậc của quân và dân ta về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng, về sức chiến đấu của quân chủ lực và tinh thần khắc phục khó khăn «tất cả cho tiền tuyến», «tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược» của nhân dân.

Trong điều kiện kẻ địch còn lực lượng quân sự khá mạnh, còn giữ nhiều địa bàn chiến lược xung yếu và còn có khả năng phản ứng quyết liệt với ta, quân và dân ta vẫn thực hiện được quyền chủ động, thực hiện được ý đồ của ta, làm đảo lộn mọi tính toán của địch, buộc chúng phải bị động đối phó, gặp hết bất ngờ này đến bất ngờ khác, dẫn kẻ địch đi đến những thất bại nặng nề. Trong chỉ đạo tác chiến, quân ta đã tổ chức tiến công cùng một lúc trên nhiều hướng khác nhau, kiên quyết hình thành ưu thế quân sự trên từng hướng một cách thích hợp, nhất là ở ba chiến trường chính, tạo điều

kiện cho các chiến trường khác tiến công và nổi dậy mạnh mẽ: phối hợp được đấu tranh của ba thứ quân, giữa ba vùng chiến lược, ba mũi giáp công; phối hợp được cuộc đấu tranh ở miền Bắc và miền Nam; phối hợp được cuộc đấu tranh của quân dân ba nước Đông Dương.

Sức mạnh của quân chủ lực ta khi xuất trận làm cho kẻ thù khiếp vía. Các binh chủng với trang bị và hỏa lực hùng hậu, trút những đòn mạnh mẽ như vũ bão xuống đầu kẻ thù. Sức mạnh đó đã đập tan nhiều tuyến phòng thủ vào loại mạnh nhất của địch, có mật độ dày đặc về bộ binh, pháo binh, xe tăng và có sự yểm trợ tối đa của không quân, hải quân Mĩ.

Tinh thần chiến đấu anh dũng phi thường của quân dân ta được nhân dân thế giới vô cùng khâm phục, coi đó là một sự «thần kì», là mẫu mực của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Thắng lợi của cuộc tiến công vĩ đại năm 1972 cùng với những thắng lợi trước đó và thắng lợi của quân dân miền Bắc, đã đánh bại chiến lược «Việt Nam hóa chiến tranh» của Ních-xơn, buộc đế quốc Mĩ phải kí kết hiệp định Pa-ri, cam kết tôn trọng độc lập, thống nhất, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của nước ta. Thắng lợi đó đã đem lại cho quân và dân miền Nam một thế và lực mạnh hơn bao giờ hết, để vững bước tiến tới thắng lợi hoàn toàn.

II

QUÂN VÀ DÂN MIỀN BẮC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ ĐÁNH BẠI «CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI» LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MĨ

4. Nhân dân miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội

Cuối năm 1968, đế quốc Mĩ bị thua đau ở hai miền nên buộc phải đình chỉ không điều kiện việc ném bom và bắn phá miền Bắc. Tình hình đó đã tạo ra những điều kiện thuận lợi

đề miền Bắc đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội và chi viện cho miền Nam. Nhưng mặt khác, miền Bắc cũng đang đứng trước những khó khăn to lớn do hậu quả của 4 năm chiến tranh và do hậu quả của thiên tai năm trước để lại.

Nhân dân miền Bắc phải nhanh chóng hàn gắn các vết thương chiến tranh, đồng thời phải tranh thủ thời gian hòa bình, lao động quên mình, tiến công vào mặt trận sản xuất và xây dựng; vừa phải xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa phải ra sức chi viện cho miền Nam; vừa phải chuẩn bị lực lượng mạnh để kiến thiết đất nước theo quy mô lớn khi có điều kiện, vừa phải chuẩn bị trường hợp nếu đế quốc Mỹ ngoan cố lao đầu vào những cuộc phiêu lưu mới đối với miền Bắc thì có thể sẵn sàng đối phó với chúng trên thế mạnh hơn.

Giữa lúc mọi tầng lớp nhân dân miền Bắc đang khẩn trương thi đua lao động sản xuất để khắc phục hậu quả của chiến tranh phá hoại thì Hồ Chủ tịch qua đời. Biến đau thương thành sức mạnh, toàn Đảng, toàn dân nguyện nghiêm chỉnh chấp hành những lời di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban chấp hành Trung ương Đảng, ra sức đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước «mỗi người làm việc bằng hai», hoàn thành mọi nhiệm vụ và công tác do chính phủ đề ra, quyết chi viện hết sức mình cho miền Nam ruột thịt, đồng thời không ngừng xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Trọng tâm trước mắt của miền Bắc là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Các hợp tác xã đã tích cực đưa các giống lúa mới vào trồng trọt trên diện tích rộng, tìm mọi biện pháp để thâm canh tăng vụ, cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất. Các địa phương đều phấn đấu đưa chăn nuôi lên thành một ngành chính và chú trọng việc cải tạo giống trong chăn nuôi. Việc cải tiến quản lý hợp tác xã có những bước tiến bộ đáng kể từ sau khi Nhà nước ban hành điều lệ mới của hợp tác xã nông nghiệp. Một số chính sách nhằm khuyến khích sản xuất, chăn nuôi được công bố, áp dụng. Tất cả những việc đó đã động viên giai cấp nông dân hăng hái lao động sản xuất. Nhiều hợp tác xã, đã đạt được mục tiêu 5 tấn thóc, 2 con lợn, một

lao động trên một héc-ta gieo trồng trong một năm. Thái Bình là tỉnh đầu tiên đạt bình quân 6 tấn thóc một héc-ta trên toàn bộ diện tích gieo trồng. Năm 1971, huyện Đan Phượng (Hà Sơn Bình) đạt 7 tấn thóc một héc-ta.

Về công nghiệp, miền Bắc đã ra sức khôi phục các nhà máy điện, các cơ sở công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ bị phá hoại trong chiến tranh, đồng thời tiếp tục xây dựng những công trình đang làm dở. Tháng 10-1971, nhà máy thủy điện đầu tiên của ta ở Thác Bà (Hoàng Liên Sơn) bắt đầu phát điện. Hệ thống giao thông vận tải được khôi phục lại nhanh chóng. Việc sản xuất hàng tiêu dùng được coi trọng để đáp ứng những nhu cầu bức thiết của nhân dân.

Công tác đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật được tiến hành trên quy mô lớn. Cùng với các hoạt động kinh tế, văn hóa, miền Bắc đặc biệt chăm lo củng cố quốc phòng để sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu của đế quốc Mỹ.

5. Đế quốc Mỹ gây «chiến tranh phá hoại» lần thứ hai. Nhân dân miền Bắc đánh trả chúng quyết liệt

Những tháng đầu năm 1972, nhân dân miền Bắc đang tiến hành thắng lợi mọi hoạt động khôi phục và phát triển kinh tế thì đế quốc Mỹ lại điên cuồng gây ra cuộc «chiến tranh phá hoại» miền Bắc lần thứ hai. Trước đó, Ních-xon đã đến Bắc Kinh để cùng với bọn cầm quyền phản động Trung Quốc bàn bạc âm mưu phá hoại cách mạng Việt Nam⁽¹⁾. Ngày 16-4-1972, Chính phủ ta đã lên tiếng tố cáo với thế giới những hành động tội ác của đế quốc Mỹ. Ngày 8-5-1972, Ních-xon ngoan cố ra lệnh cho thả mìn phong tỏa bờ biển và các sông ngòi miền Bắc. Ý đồ xấu xa của đế quốc Mỹ là đánh thật ác liệt miền Bắc bằng không quân, hải quân, để cắt đứt sự chi viện giữa miền Bắc đối với miền Nam, cứu nguy cho chiến lược «Việt Nam hóa» sắp sụp đổ ở miền Nam và tạo được thế mạnh trên bàn hội nghị đàm phán tại Pa-ri.

Cuộc «chiến tranh phá hoại» lần thứ hai của Ních-xon đã vượt xa cuộc «chiến tranh phá hoại» lần thứ nhất của Giôn-xon cả về quy mô và cường độ đánh phá⁽²⁾.

(1) Xem thêm *Sách Trắng* về quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc trong 30 năm qua.

(2) Lần này chúng huy động tới 1.300 máy bay chiến đấu, hơn 60 tàu chiến các loại và 200 máy bay B.52.

Ngay từ những ngày đầu gây chiến chúng đã dùng cả B.52 đánh vào thành phố Hải Phòng. Chúng ném bom rất dã man cả các vùng đông dân và đánh liên tiếp hệ thống đê điều.

Nhân dân toàn miền Bắc đã nhanh chóng tổ chức cuộc chiến đấu, đánh trả chúng quyết liệt và đi vào sinh hoạt, sản xuất theo nếp sống thời chiến, sẵn sàng vượt qua mọi thử thách to lớn trước mắt. Nhân dân các vùng bị B.52 ném bom rải thảm vẫn không hề nao núng, vẫn tiếp tục sản xuất và phục vụ chiến đấu. Mạng lưới giao thông vận tải không bị cắt đứt. Việc chi viện cho miền Nam vẫn đầy đủ và kịp thời. Đường Trường Sơn suốt ngày đêm có những đoàn xe tấp nập vào ra. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, xã viên bình tĩnh, khẩn trương thu hoạch nhanh, gọn vụ chiêm 1972 thắng lợi và bắt tay ngay vào việc chuẩn bị cho vụ mùa. Hàng triệu học sinh phổ thông các cấp và hàng vạn học sinh các trường chuyên nghiệp được bố trí học tập, phòng tránh tốt.

Từ tháng 4 đến tháng 9-1972, quân dân miền Bắc đã bắn tan xác hơn 500 máy bay hiện đại của Mĩ, bắt sống ngày càng nhiều giặc lái; quân dân miền Nam, phối hợp với miền Bắc, tiến công, nổi dậy liên tục, đánh cho Mĩ nguy những đơn trời giáng (1).

6. 12 ngày đêm tháng 12-1972 đập tan cuộc tập kích chiến lược đường không của đế quốc Mĩ

Đến tháng 10-1972, ý chí xâm lược của đế quốc Mĩ đã lung lay (2), nhưng bản chất chúng là vô cùng tàn bạo, ngoan cố và xảo quyệt.

(1) Mác-xoen Tay-lơ trả lời phỏng vấn của báo Mĩ «Tin Mĩ và thế giới» số ra ngày 27-11-1972 như sau: «Sức mạnh không quân và hải quân (của Mĩ) là một sự yểm trợ, nhưng nó không thể quyết định chặn đứng những con người kiên quyết chiến đấu trên mặt đất. Các đội quân vẫn có thể vận động, vẫn có thể chiến đấu, con người vẫn có thể sống và làm việc, mặc dù máy bay tiến công dữ dội. Họ có thể khổ nhưng miễn là họ quyết tâm thì họ vẫn có thể vượt lên được. Chúng tôi đã không đánh giá đúng tinh thần cực kì kiên quyết và đức tính hi sinh cao cả vì sự nghiệp của người Việt Nam».

(2) Ngày 23-10-1972, Mĩ tuyên bố «xuống thang» chiến tranh, chỉ đánh từ vĩ tuyến 20 trở vào. Tổng thống Mĩ tỏ ý bằng lòng nội dung bản dự thảo Hiệp nghị đình chiến do phái đoàn nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đưa ra ở Pa-ri.

Ngày 16-12-1972, Kit-xinh-giơ tuyên bố «Hiệp nghị hòa bình đã đạt tới 99%». Trong khi đó, Hội đồng an ninh Mĩ đã họp dưới quyền chủ tọa của Nich-xon, bí mật quyết định tiến hành một đòn tập kích bất ngờ bằng không quân chiến lược xuống Thủ đô Hà Nội (1). Một lực lượng «khổng lồ» về không quân và hải quân được đặt trong tình trạng sẵn sàng để tham chiến (1).

Ngày 18-12-1972 — 12 giờ đúng — Nich-xon đích thân ra lệnh cho các «pháo đài bay» B.52 từ Gu-am, mang đầy bom đạn, cất cánh nhằm hướng Hà Nội. Chúng yên chí sẽ diễn ra một vụ «Trần Châu Cảng thứ hai» (2).

Song, nhân dân miền Bắc rất cảnh giác và bình tĩnh. Ngày 17-12-1972, toàn bộ quân chủng phòng không — không quân được lệnh sẵn sàng nổ súng. Nhân dân Hà Nội đã triệt để sơ tán từ mấy hôm trước. Đêm 18-12-1972, trước khi còi báo động kéo lên từng hồi, những chùm bóng điện đủ màu sắc, kỉ niệm 3 ngày lễ lớn, vẫn sáng rực bờ hồ Hoàn Kiếm.

19 giờ 44 phút giờ Hà Nội tối 18-12-1972, «pháo đài bay» B.52 với 90 lần chiếc và hơn 200 lần chiếc máy bay tiêm kích, cường kích ào ạt ném bom, bắn phá Hà Nội. Kết thúc trận đánh đêm đầu: 7 máy bay Mĩ bị bắn rơi, trong đó có 3 B.52. 7 giặc lái bị bắt sống. Một kết quả choáng váng và bất ngờ đối với kẻ địch (3).

(1) Bao gồm: 193 máy bay chiến lược B.52, bằng 46% tổng số B.52 Mĩ; 1077 máy bay chiến thuật hiện đại, bằng 31% tổng số máy bay chiến thuật Mĩ; 6 tàu sân bay, bằng 33% tổng số tàu sân bay Mĩ.

(2) Trong chiến tranh thế giới thứ hai, phát-xít Nhật cho 183 máy bay tập kích bất ngờ vào căn cứ Trần Châu Cảng của Mĩ giữa lúc một phái đoàn ngoại giao cao cấp Nhật đang thương thuyết ở Oa-sinh-tơn và đoàn tàu Nhật đang tiến về phía bờ biển Mĩ để đón kiều dân Nhật về nước (1). Một giờ trước khi máy bay Nhật tập kích, những trạm ra-đa ở phía cực bắc căn cứ đã báo có tín hiệu máy bay đang tiến về phía Trần Châu Cảng. Viên sĩ quan tham mưu trực chiến không tin và cho là máy móc đã nhầm lẫn (1). Bọn sử gia Mĩ coi các biện pháp dãn cảnh của Nhật trong trận tập kích này là xảo quyệt nhất, táo tợn nhất trong lịch sử chiến tranh.

(3) Bộ chỉ huy không quân chiến lược Mĩ vội vã thành lập một ủy ban đề nghiên cứu ngay lí do B.52 bị hạ (1).

Trăng ngàn Trường Sơn mở những đêm hội lao động và hành quân.

Mưa Trường Sơn. Mưa tuôn gió táp, mưa dai dẳng, mưa tầm tã, mưa cả mùa. Dòng nước hiền hòa biến thành thác dữ.

Vượt Trường Sơn không phải chỉ vượt núi cao chất ngất, vượt bom đạn sấm rền ngày đêm. Vượt Trường Sơn còn vượt cả bao dòng thác lũ!

Áo rách bầm da. Lăn vai tím thịt. Bàn tay mẩn máu. Chân buốt thấu tim. Nhưng đưa được gạo qua, xăng qua, đạn qua... là bùng dậy chiến công trong ấy.

Điều mà cả thế giới kinh ngạc, không hiểu nổi là qua thời gian đường ta đi càng kéo dài, càng mở rộng.

Sức làm đường của thanh niên hỏa tuyến mạnh hơn gang thép. Bàn tay con người làm ra tất cả và làm được tất cả.

Đường ra trận mùa này đẹp lắm.

Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây.

Khúc hát như bản tình ca, rộn ràng xao xuyến. Đất nước gọi lên đường.

Hậu cần đi trước. Đoàn quân mũ giáp chỉnh tề, đội ngũ trùng trùng điệp điệp mở đường chiến dịch.

Người chỉ huy từ Nà Ngần, Phay Khắt đến với binh chủng mới của Trường Sơn.

«Chào các đồng chí! Các đồng chí có khỏe không?». Lời chào triu mến, thân thương, nhân danh đất nước gửi đến tận lòng từng chiến sĩ lái xe, công binh, giao liên, phòng không, bộ binh, thiết giáp; đến từng cô gái và chàng trai xung phong cứu nước; đến tất cả những người anh hùng binh dị quật khởi dựng xây con đường lịch sử.

Đường ra phía trước được vinh dự lớn mang tên Bác Hồ vĩ đại.

Dòng sông vô tận. Lên đường.

Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân.

(Trích tùy bút của Thép Mới)

II — LỊCH CHIẾN CÔNG CỦA MIỀN BẮC (TỪ 18 ĐẾN 29-12-1972)

Ngày	Tổng số máy bay Mĩ bị bắn rơi	Trong đó số máy bay B.52 bị bắn rơi
18-12	7	3
19-12	6	2
20-12	14	4
21-12	11	3
22-12	6	3
23-12	4	2
24-12	5	1
26-12	10	8
27-12	13	5
28-12	3	2
29-12	2	1
Cộng:	81	34

HI — GIẶC LÁI B.52, BỊ BẮT TRONG ĐỘT ĐỂ QUỐC MĨ TẬP KÍCH BẰNG KHÔNG QUÂN VÀO MIỀN BẮC CUỐI THÁNG 12-1972, THÚ NHẬN

«Cấp trên bảo chúng tôi phải ném bom đài phát thanh để tạo thế mạnh thúc đẩy thương lượng ở Pa-ri. Máy bay chúng tôi dẫn đầu. Vừa tới khu vực mục tiêu chúng tôi đã nhìn thấy lưới lửa phòng không dày đặc với nhiều pháo cao xạ và tên lửa. Chúng tôi vội trút bom xuống. Máy bay nhẹ bổng. Chúng tôi tăng tốc bay với mức cao nhất và nhanh nhất để chạy trốn, nhưng không kịp nữa rồi! Máy bay của chúng tôi đã bị bắn rơi».

(Thiếu tá A-lếch-xăng-dơ Phéc-nan-đô
có 6500 giờ bay bằng B.52)

«Tôi nghe chung quanh có nhiều tiếng người gọi nhau ới. Sợ quá tôi nằm im thin thít, lặng lẽ chờ hết bộ đồ bay,

xếp đủ và các thứ súng, dao lại một chỗ. Khi thấy trời rạng sáng, tôi đứng thẳng dậy, giờ sẵn hai tay thật cao lên trời. Một lát sau, hàng trăm người hò reo ủa tôi, đi đầu là một cô gái, mặc quần áo nông dân tay cầm súng. Tôi ngoan ngoãn đi theo cô về một ngôi nhà nhỏ rồi được xe ô-tô đưa về Hà Nội».

(Thiếu tá Ri-sôl Giôn-sơn)

«Ở sân bay U-ta-pao Thái Lan, không khí bao trùm là lo lắng và sợ hãi; nhiều B.52 đã đi mà không về. Liên đoàn không quân chiến lược 307 chúng tôi, ai nấy đều chán ngán. Không nói to, không chạm cốc, không một tiếng cười, dù sắp đến ngày Nô-en và năm mới!»

(Trung tá Giôn Ha-ri I-u-nin)

BÀI 29

CUỘC ĐẤU TRANH TRÊN MẶT TRẬN NGOẠI GIAO. HIỆP ĐỊNH PA-RI ĐÁNH DẤU SỰ THẮNG LỢI VĨ ĐẠI CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Cuộc đàm phán hai bên, rồi bốn bên ở Pa-ri giảng co và kéo dài

Từ năm 1965, bị thua trên chiến trường và bị dư luận phản đối, tập đoàn Giôn-xơn đã phải nói đến hòa bình thương lượng. Nhưng, khi ấy, lời nói của chúng hoàn toàn giả dối. Cho mãi đến đầu năm 1968, quân dân miền Nam mở cuộc tập kích chiến lược, giáng một đòn quyết định, đánh bại «chiến tranh cục bộ»; quân dân miền Bắc đánh quy «chiến tranh phá hoại» của đế quốc Mỹ thì chúng mới chịu nói chuyện với đại diện Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Pa-ri.

Cuộc đàm phán hai bên ⁽¹⁾ bắt đầu từ ngày 10-5-1968, cho đến ngày 18-1-1969, do sức đấu tranh bền bỉ của nhân dân

(1) Bộ trưởng Xuân Thủy là Trưởng đoàn đại diện Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trưởng đoàn Mỹ là Ha-ri-man.

Việt Nam, đế quốc Mỹ buộc phải chấp nhận mở cuộc đàm phán bốn bên, chính thức nói chuyện với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ⁽¹⁾.

Mặt trận ngoại giao được mở ra là do nhân dân ta đấu tranh lâu dài, gian khổ, mang lại chiến thắng to lớn trên mặt trận quân sự và chính trị. Chúng ta ở tư thế chủ động đến bàn hội nghị và buộc kẻ địch phải ngồi lại. Trước con mắt nhân dân toàn thế giới, hai đoàn đại biểu của hai miền nước ta tại hội nghị Pa-ri được xem như tượng trưng cho sức mạnh quật khởi vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Nhưng chúng ta biết rằng ba mặt trận đấu tranh tuy có liên quan với nhau rất chặt chẽ song đấu tranh trên mặt trận quân sự vẫn luôn luôn giữ vai trò quyết định.

Lúc này, Nich-xơn đã lên cầm quyền và dùng mọi thủ đoạn quỷ quyệt xấu xa làm cản trở cuộc thương lượng như vu cáo «miền Bắc xâm lược miền Nam», đòi «hai bên cùng rút quân» bao che cho việc Mỹ dính liú ở miền Nam là «thực hiện cam kết».

Ngày 8-5-1969, để đưa hội nghị ra khỏi bế tắc, phái đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam đã nêu lên giải pháp toàn bộ 10 điểm ⁽²⁾ để làm cơ sở đàm phán.

Lúng túng và bị động trước giải pháp hợp tình, hợp lý đó, Nich-xơn đề ra việc rút quân từng bước để xoa dịu dư luận và để thực hiện chiến lược «Việt Nam hóa chiến tranh».

Do bản chất ngoan cố của đế quốc Mỹ, cuộc đàm phán giảng co kéo dài suốt mấy năm trời.

Ngày 1-7-1971, Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam lại đưa ra giải pháp 7 điểm và đến ngày 2-2-1972 phái đoàn Việt Nam nói rõ thêm hai điểm then chốt, xác định lập trường đúng đắn để giải quyết một cách căn bản và vững chắc vấn đề Việt Nam là: Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn chiến tranh xâm lược Việt Nam, phải tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, chấm

(1) Đế quốc Mỹ vẫn gọi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam là bóng ma! Nay «bóng ma» do Trưởng đoàn Trần Bửu Kiếm dẫn đầu, sau là bà Nguyễn Thị Bình thay thế, ngồi đàm phán với phái đoàn Mỹ.
(2) Xem phần đọc thêm I.

dứt ủng hộ nguy quyền Sài Gòn, thành lập chính phủ liên hiệp ba thành phần bao gồm mọi lực lượng và xu hướng chính trị ở miền Nam.

Những giải pháp nói trên được dư luận tiến bộ trên thế giới và ngay trong nước Mỹ hết sức ủng hộ. Nhưng, chính quyền Ních-xơn chẳng những không hưởng ứng mà còn đẩy mạnh những hành động chiến tranh ở cả hai miền Nam, Bắc.

2. Cuộc đấu tranh quyết liệt dẫn đến việc kí kết Hiệp định Pa-ri

Đế quốc Mỹ, một mặt dùng bom đạn đe dọa, một mặt dùng những thủ đoạn chính trị và ngoại giao rất xảo quyệt, âm mưu lôi kéo một số nước để gây áp lực, hòng buộc nhân dân Việt Nam phải nhượng bộ chúng trên bàn hội nghị. Song, mọi thủ đoạn của chúng chỉ mang lại thất bại nhục nhã. Trên chiến trường từ tháng 4 đến tháng 9-1972, quân dân hai miền Nam Bắc thu được những chiến công vĩ đại. Trên thế giới, do tinh thần kiên trì giữ vững đường lối độc lập tự chủ, tuyệt đối trung thành với những quyền lợi cơ bản của dân tộc, đảm bảo đúng nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản, cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Việt Nam vẫn tiếp tục giành được sự đồng tình, ủng hộ và sự viện trợ to lớn có hiệu quả của Liên Xô và các nước anh em, của toàn thể loài người tiến bộ. Trên thế thắng đó, ngày 8-10-1972, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, được sự nhất trí hoàn toàn của Chính phủ Cách Mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, đã chủ động đưa ra bản dự thảo «Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam».

Với bản dự thảo trên, chúng ta buộc Chính phủ Mỹ phải bắt tay vào bàn bạc từng điều khoản và đi tới hoàn thành văn bản hiệp định vào ngày 22-10-1972. Nhưng ngay sau đó, Mỹ lại tìm cách tráo trở, không thừa nhận tất cả những điều chúng đã thảo luận và thỏa thuận.

Ngày 26-10-1972, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa ra tuyên bố vạch trần thái độ lật lọng, lập trường ngoan cố của chính quyền Ních-xơn. Bản tuyên bố làm chần chừ dư luận thế giới, nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ hết sức công

phân đòi Ních-xơn phải mau chóng đi đến kí kết hòa bình ở Việt Nam.

Đầu tháng 12-1972, các cuộc họp bàn về nội dung hiệp định được nối lại. Phía Mỹ đòi sửa đổi nhiều điều quan trọng trong hiệp định, nên cuộc họp lại bế tắc.

Từ ngày 18 đến 29-12-1972, Ních-xơn mở trận tập kích chiến lược bằng không quân vào miền Bắc. Chúng tính toán «Thêm một tỉ bom đạn nữa thì Bắc Việt Nam có thể sẽ phải nhận những điều kiện có lợi cho Mỹ hơn, thậm chí có khi phải đầu hàng về quân sự»⁽¹⁾.

Ngày 18-12-1972, chính quyền Ních-xơn gửi cho Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa một bức công hàm lời lẽ láo xược, kiểu một bức «tối hậu thư».

Ngày 28-12-1972 sau 11 ngày đánh phá ác liệt miền Bắc, Mỹ lại gửi một bức công hàm nữa nhưng lời lẽ hoàn toàn khác trước; chúng xin nhận những điều kiện của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa nêu lên và hẹn ngày họp lại hội nghị Pa-ri.

Ngày 3-1-1973, cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ rời Hà Nội lên đường đi Pa-ri. Cả thế giới reo vui trước thắng lợi rực rỡ của nhân dân Việt Nam.

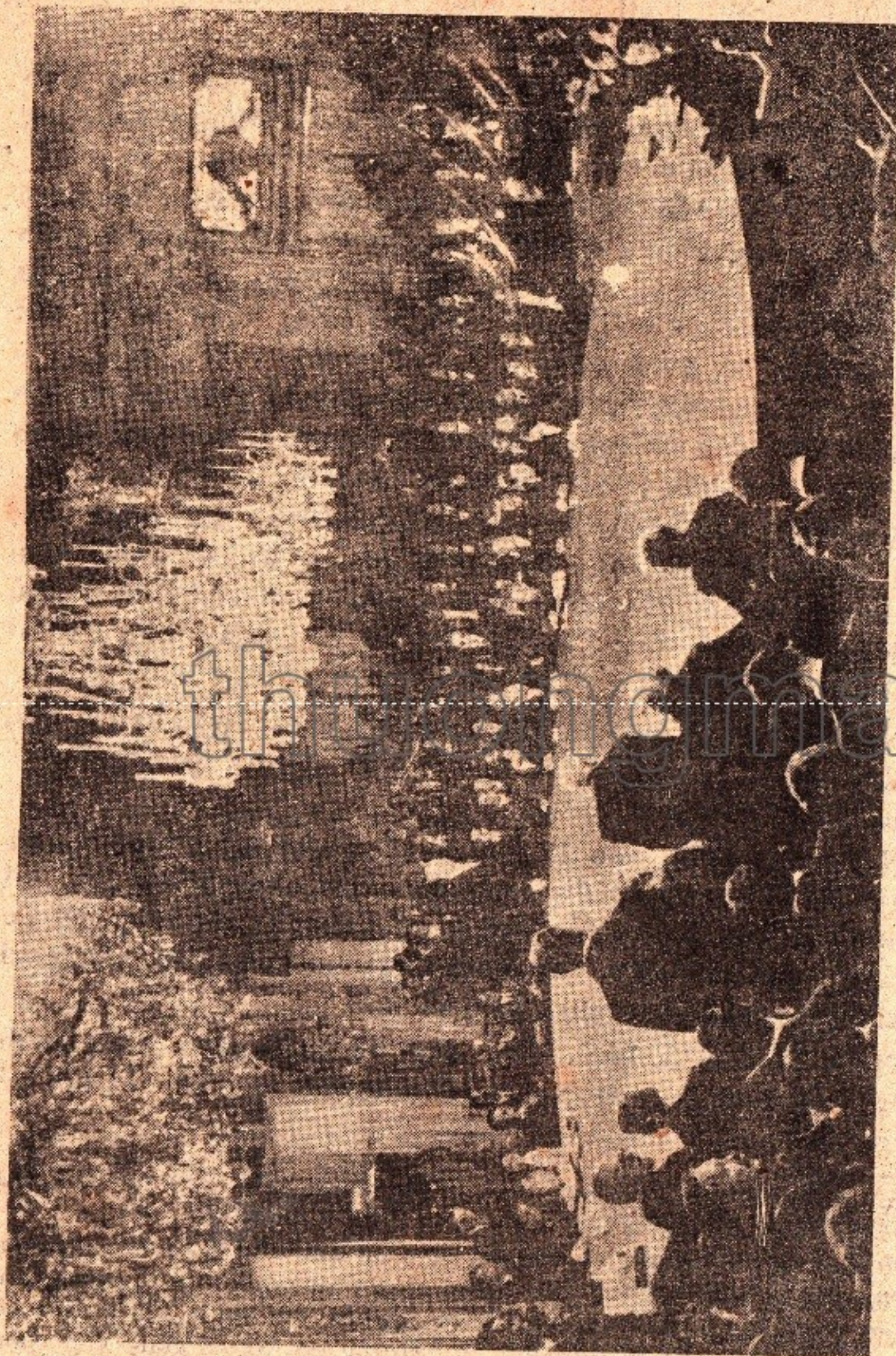
Ngày 23-1-1973, vào 12 giờ 30 phút, giờ Pa-ri (tức 16 giờ 30, giờ Hà Nội), «Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam» đã được kí tắt giữa cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ, đại diện cho Việt Nam dân chủ cộng hòa và Henri Kít-xinh-giơ, đại diện cho Hoa Kỳ.

Ngày 27-1-1973, bản «Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam» đã được chính thức kí kết tại Pa-ri⁽²⁾.

(1) Gợi ý của Rô-bớt Tô-m-xơn, chuyên gia người Anh thân cận với Nhà trắng, được Ních-xơn tán thưởng.

(2) Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước Việt Nam dân chủ cộng hòa Nguyễn Duy Trinh, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ W. Râu-giơ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam cộng hòa cùng kí vào bản hiệp định.

(Xem tiếp trang 156)



Hình 40— Quang cảnh phòng họp tại Trung tâm các hội nghị quốc tế ở Pa-ri trong lễ kí chính thức Hiệp định Pa-ri sáng ngày 27-1-1973



Hình 41— Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước Việt Nam dân chủ công hòa Nguyễn Duy Trinh kí Hiệp định Pa-ri.



Hình 42— Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình kí Hiệp định Pa-ri

Bản hiệp định đã nêu rõ Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam. Hoa Kỳ chấm dứt sự dính líu về quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Tôn trọng quyền tự quyết và đảm bảo các quyền tự do dân chủ của nhân dân miền Nam Việt Nam. Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình, thông qua tổng tuyển cử thực sự tự do và dân chủ.

Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hòa bình.

Ngày 26-2-1973, Hội nghị quốc tế về Việt Nam khai mạc trọng thể tại Pa-ri. Hội nghị có 12 đoàn đại diện chính phủ tham gia, làm việc từ 27-2 đến 2-3-1973. Hội nghị đã kí Định ước ghi nhận và ủng hộ «Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam» và các nghị định thư kèm theo; khẳng định rằng hiệp định và các nghị định thư đó phải được tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh; công nhận và cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam và kêu gọi tất cả các nước trên thế giới cũng làm như vậy để thực hiện hòa bình lâu dài ở Việt Nam ⁽¹⁾.

Tiếp trang 153)

Ngày 27-1-1973 là một ngày lịch sử. Ngay từ sáng sớm, hàng nghìn đại biểu các giới Việt kiều ở Pháp và đại biểu các tầng lớp nhân dân Pháp đã tới trước Trung tâm các hội nghị quốc tế (nơi tổ chức lễ kí kết) để chào mừng thắng lợi lớn của nhân dân Việt Nam. Cờ đỏ sao vàng và cờ xanh đỏ có sao vàng ở giữa, biểu ngữ, bích chương với những dòng chữ lớn nhiệt liệt hoan nghênh thắng lợi của nhân dân Việt Nam anh hùng, san sát suốt một quãng đường đại lộ Clê-be.

Khi các Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh và Nguyễn Thị Bình rời phòng kí kết hiệp định ra về, thì hàng nghìn đại biểu vẫn đứng đợi để chào mừng các vị đại diện yêu quý của nhân dân hai miền Nam, Bắc Việt Nam.

(1) 12 chính phủ tham gia Hội nghị quốc tế về Việt Nam gồm: bốn bên kí Hiệp định Pa-ri, các nước đại diện nhiều khu vực khác nhau trên thế giới (Liên Xô, Trung Quốc, Pháp, Anh), bốn nước trong Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát (Hung-ga-ri, Ba Lan, In-đô-nê-xi-a, Ca-na-đa) với sự có mặt của ông Tổng thư kí Liên Hiệp Quốc.

3. Ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pa-ri

Hiệp định Pa-ri được kí kết và được Hội nghị quốc tế ghi nhận và ủng hộ là thắng lợi lịch sử vĩ đại của dân tộc Việt Nam, là kết quả của hơn 18 năm kiên trì chiến đấu, vượt qua muôn nghìn hi sinh, gian khổ của đồng bào và chiến sĩ cả nước.

Đây là thắng lợi của tinh thần «Không có gì quý hơn độc lập tự do», của sức mạnh đoàn kết toàn dân, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của truyền thống yêu nước, bất khuất, kiên cường bốn nghìn năm lịch sử dân tộc.

Đây cũng là thắng lợi của nhân dân các nước Đông Dương cùng nhau đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung.

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam còn là thắng lợi có ý nghĩa thời đại của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình, của nhân dân yêu chuộng tự do, công lí trên toàn thế giới.

Hiệp định Pa-ri được kí kết mở ra một bước ngoặt mới của cách mạng Việt Nam. Đối với miền Nam, hiệp định là cơ sở chính trị và pháp lí bảo đảm các quyền dân tộc cơ bản, là cơ sở để nhân dân miền Nam tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Đối với miền Bắc, hiệp định đã tạo những điều kiện thuận lợi chưa từng thấy để đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cả loài người tiến bộ xác nhận thắng lợi của nhân dân Việt Nam đã cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ các dân tộc bị áp bức vùng dậy đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc mà tên đầu sỏ là đế quốc Mĩ. Qua tấm gương Việt Nam, các dân tộc nhỏ yếu trên thế giới thừa nhận chân lí: «Trong thời đại ngày nay, một dân tộc đất không rộng, người không đông, có đường lối cách mạng đúng đắn, biết đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế, quyết chiến và quyết thắng, nhất định có thể đánh bại bất cứ kẻ thù xâm lược nào» (Hồ Chủ tịch).

Hiệp định Pa-ri đã được kí kết, nhưng bọn Mĩ nguy vẫn chưa từ bỏ âm mưu phá hoại hiệp định. Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam ở hai miền còn phải vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại. Song thắng lợi cuối cùng sẽ thuộc về nhân dân Việt Nam, «Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà». (Di chúc của Hồ Chủ tịch).

CÂU HỎI

1. Cuộc đàm phán ở Pa-ri giằng co và kéo dài như thế nào ? Tại sao ?
2. Chứng minh cụ thể : Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao gắn chặt với cuộc đấu tranh trên mặt trận quân sự.
3. Những nội dung chính và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pa-ri về Việt Nam.

ĐỌC THÊM

I — GIẢI PHÁP TOÀN BỘ 10 ĐIỂM CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM

1. Tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
2. Chính phủ Mĩ phải rút hết quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh của Mĩ và chư hầu ra khỏi miền Nam mà không được đòi điều kiện gì.
3. Quyền của nhân dân Việt Nam chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc mình là quyền tự vệ thiêng liêng bất khả xâm phạm. Vấn đề các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam sẽ do các bên Việt Nam cùng nhau giải quyết.
4. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự giải quyết công việc nội bộ của mình, không có sự can thiệp của nước ngoài.

5. Trong thời gian từ khi hòa bình được lập lại cho đến khi tổng tuyển cử, không một bên nào cưỡng bức nhân dân miền Nam Việt Nam phải nhận chế độ chính trị của mình.
6. Miền Nam Việt Nam thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình, trung lập.
7. Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ thực hiện từng bước bằng phương pháp hòa bình, trên cơ sở bàn bạc và thỏa thuận giữa hai miền, không có sự can thiệp của nước ngoài.
8. Hai miền Bắc và Nam Việt Nam cam kết không tham gia liên minh quân sự với nước ngoài, không cho phép nước ngoài có căn cứ quân sự, quân đội và nhân viên quân sự trên đất mình, không công nhận sự bảo hộ của bất cứ nước nào, liên minh hoặc khối quân sự nào.
9. Giải quyết những hậu quả của chiến tranh như thả những người bị bắt, Mĩ bồi thường chiến tranh cho cả hai miền.
10. Các bên sẽ thỏa thuận về một sự giám sát quốc tế đối với việc rút quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh của Mĩ và các nước ngoài thuộc phe Mĩ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

II — SỰ KIẾN LỊCH SỬ Ở PA-RI

Sáng 23-1-1973, Trung tâm các hội nghị quốc tế phố Clê-be trang hoàng long lầy, đèn bật sáng trưng, đón chờ những giờ phút đỉnh cao của cuộc đàm phán giữa ta và Hoa Kỳ kéo dài 5 năm, qua 202 phiên họp công khai tại phố Clê-be và 24 đợt gặp riêng.

Đồng chí Lê Đức Thọ và đồng chí Xuân Thủy cùng các đồng chí chuyên viên ta, tiến sĩ Kit-xinh-giơ cùng các chuyên gia Hoa Kỳ bước vào «Phòng tổng thống», sàn trải thảm len dệt hoa to màu xanh lơ. Trong phòng rộng 60 mét vuông, dưới những chùm đèn pha lê rực rỡ, trước hai tấm thảm lớn gô-bơ-lanh dệt tay từ thế kỷ 17 thuộc bảo tàng quốc gia Pháp, tả cảnh chần dê và đánh cá, đồng chí Lê Đức Thọ có đồng chí Xuân Thủy ở bên phải, ngồi đối diện với Kit-xinh-giơ và đoàn Hoa Kỳ.

Phòng họp im lặng, trang nghiêm và hồi hộp. Tấm gương rất to trên tường lung linh ánh điện. Trước mặt hai nhà thương lượng chủ chốt đặt tập hiệp định và nghị định thư in hai thứ tiếng Việt và Anh, đóng bằng dải lụa đỏ tươi và gắn dấu xi cũng màu đỏ. Tập văn kiện dày ấy kết tinh thắng lợi ba mươi năm chiến đấu, trong đó có 18 năm chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

Đồng chí Lê Đức Thọ và Kit-xinh-giơ cầm bút ngòi bằng dạ phốt, nét to, mực đậm, kí vào bản hiệp định chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Sau khi kí, đồng chí Lê Đức Thọ đưa chiếc bút của mình cho Kit-xinh-giơ, nói: «Ông giữ lấy chiếc bút này để mà nhớ thi hành nghiêm chỉnh hiệp định đã kí». Sau đó, Kit-xinh-giơ cũng đưa đồng chí Lê Đức Thọ chiếc bút đã kí của mình và nói: «Chúng tôi mong muốn thực hiện đúng như thế».

Trong cuộc họp báo lớn ở ngay trung tâm Clê-be với rất đông các nhà báo quốc tế có truyền hình tại chỗ bằng vô tuyến cho khắp châu Âu và truyền hình sang Hoa Kỳ qua vệ tinh nhân tạo, đồng chí Lê Đức Thọ đánh giá: «Chính nghĩa đã thắng phi nghĩa. Ý chí bất khuất đã thắng bạo tàn».

Các báo Pa-ri đăng tin với đầu đề lớn và ra nhiều trang đặc biệt. Đài phát thanh, vô tuyến truyền hình dành nhiều buổi nói và bình luận liên tục về hiệp định vừa được kí tắt. Dư luận cho rằng đây là một sự kiện lịch sử vừa diễn ra ở Pa-ri, có tầm ảnh hưởng đến cục diện Đông Nam Á và toàn thế giới.

Thế giới đang nói đến một sức bật Việt Nam và một tinh thần Việt Nam.

(Bài của phóng viên báo Nhân Dân tại Pa-ri
đăng báo Nhân Dân, 25-1-1973)

III — LỄ CUỐN CỜ

Hồi 13 giờ 15 phút ngày 29-3, một buổi lễ đơn sơ cuốn cờ của Bộ tư lệnh viện trợ Hoa Kỳ đã diễn ra tại căn cứ MACV trong công viên Tân Sơn Nhất, dưới quyền chủ tọa của thống tướng Uây-en và ông đại sứ Bân-cơ.

42 quân nhân Mỹ đại diện cho bốn binh chủng lục quân và hải quân dự buổi lễ này trong vòng 15 phút và sau đó tất cả lên phi cơ rời Nam Việt Nam.

Thống tướng Uây-en đọc hai bài diễn văn, một bài bằng tiếng Việt, một bài bằng tiếng Anh.

Đại sứ Bân-cơ luôn luôn mặt lạnh như tiền, không hề hề răng nói nửa câu.

Sau lễ cuốn cờ là cảnh cuốn gói, xếp va-li. Vai trò quân sự của Hoa Kỳ tại Việt Nam cộng hòa kể từ nay coi như chấm dứt.

(Từ Việt Nam nhật báo, Sài Gòn ngày 3-4-1973)

IV — CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN LIÊN TIẾP VI PHẠM HIỆP ĐỊNH NGỪNG BẮN

Từ 28-1 đến 25-12-1973, chính quyền Sài Gòn đã vi phạm ngừng bắn 305 255 vụ, gồm 34 660 vụ hành quân lấn chiếm; 219 643 vụ hành quân cảnh sát «bình định»; 35 648 vụ bắn phá bằng đại bác; 15 304 vụ máy bay ném bom và trinh sát vũ trang.

(Báo Quân đội nhân dân, Hà Nội 28-12-1973)

Bảng 1

	Chiến tranh thế giới thứ hai	Chiến tranh Triều Tiên	Chiến tranh Việt Nam
Thời gian Mỹ tham chiến	3 năm 8 tháng (12-1941 — 8-1945)	3 năm (6-1950 — 6-1953)	11 năm 1 tháng (12-1961 — 1-1973)
Lực lượng quân Mỹ huy động lúc cao nhất		327 000 (30-6-1953)	543 482 (Tháng 4-1969)
Số bom đã sử dụng	2 056 244 tấn	635 000 tấn	7 855 000 tấn (2-1965 — 30-9-1972)
Thương vong	962 403	136 913	359 684
Chi phí	341 tỷ đô-la	20 tỷ	240 tỷ

(1) Trích báo Nhân Dân số 6 915, ngày 1-4-1973.

Bảng 2

	Tổng số máy bay sử dụng	Loại	Số sánh giữa một số loại máy bay	Số phi vụ
Chiến trường Thái Bình Dương trong chiến tranh thế giới II	593 (1941)	Cánh quạt	2 vạn đô-la (B.17)	669 235
Chiến tranh Triều Tiên	1 500	Trừ 2 kiểu F.84 và F.86 còn lại đều là cánh quạt	32 vạn đô-la (F.86)	425 000
Chiến tranh Việt Nam	5 300 (không kể 2 000 máy bay do người sử dụng)	Hầu hết là phản lực thuộc 60 kiểu khác nhau	15 triệu đô-la (F.111A)	1 651 000

TÌNH HÌNH VIỆT NAM Ở HAI MIỀN TỪ SAU HIỆP ĐỊNH PA RI

1. Miền Bắc ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội

Sau Hiệp định Pa-ri, nhân dân miền Bắc sống trong hòa bình, hăng hái thi đua lao động xây dựng lại đất nước. Miền Bắc bước vào thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã được gần 20 năm, nhưng thực ra thời gian hòa bình xây dựng chỉ được hơn một nửa. Cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ đã tàn phá nặng nề phần lớn các công trình kiến thiết của ta. Vì vậy miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội gặp nhiều khó khăn rất lớn : cơ sở vật chất — kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội còn quá yếu ; năng suất lao động thấp ; dân số tăng nhanh ; tổng sản lượng xã hội tăng chậm ; vốn tích lũy trong nước rất hạn chế... Song, nhân dân miền Bắc cần cù, dũng cảm, một lòng tin theo Đảng, có khí thế cách mạng cao sau chiến thắng đế quốc Mĩ. Chúng ta lại có lực lượng lao động dồi dào, đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật tương đối khá ; đất nước ta có nguồn tài nguyên phong phú ; các nước anh em quan tâm giúp đỡ...

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 22, vào cuối năm 1973, Đảng ta đã phân tích sâu sắc những hậu quả nghiêm trọng do cuộc chiến tranh gây ra, vạch rõ những khó khăn và thuận lợi trước mắt đồng thời chỉ ra những thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và quản lí kinh tế, quản lí Nhà nước.

Hội nghị xác định : « Trong giai đoạn mới, nhiệm vụ chung của miền Bắc là : đoàn kết toàn dân, đấu tranh giữ vững hòa bình, ra sức tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, xây dựng miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội ; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu của đế quốc Mĩ và bọn tay sai ; ra sức làm tròn nghĩa vụ của mình trong cuộc đấu tranh nhằm hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa

Sử dụng riêng & Việt Nam

Bảng 3

Số lính Mỹ tham gia chiến tranh kể cả lực lượng hỗ trợ	80 vạn
Số bom na-pan	201 239 tấn
Số xi nghiệp phục vụ chiến tranh	22 000
Số trường đại học phục vụ chiến tranh	260
Các nhà vật lí phục vụ chiến tranh	10 %
Số công nhân phục vụ chiến tranh	5 500 000
Số lượt lính Mĩ huy động	6 000 000

binh thống nhất Tờ quốc ; làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và cách mạng Cam-pu-chia» (1).

Tình hình miền Bắc, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, năm 1974 có nhiều tiến bộ hơn năm 1973. Hai vụ lúa được mùa liên tiếp. Số tỉnh, huyện, xã đạt 5 tấn thóc/ha tăng lên nhiều. Có một số hợp tác xã đạt 10 tấn/ha. Tỉnh Thái Bình đạt 7 tấn/ha. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp tăng hơn năm 1973 15%. Nhiều bến cảng, tuyến đường, cầu cống được phục hồi nhanh chóng.

Nhìn chung trong năm 1974, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp đạt xấp xỉ mức năm 1965. Đời sống nhân dân ổn định dần. Trong hai năm 1973 — 1974, hàng chục vạn chiến sĩ đã được động viên ra tiền tuyến. Công tác chuẩn bị, sẵn sàng chiến đấu được tiến hành tích cực. Miền Bắc quyết tâm phấn đấu trở thành hậu phương hùng mạnh, sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến miền Nam anh hùng.

2. Miền Nam đấu tranh bảo vệ Hiệp định Pa-ri

Mĩ — Thiệu trong tình thế khốn quân buộc phải kí kết Hiệp định Pa-ri. Vì vậy vừa kí xong, bọn chúng đã ra sức phá hoại Hiệp định một cách có kế hoạch và có hệ thống.

Chúng khẩn trương củng cố và tăng cường quân nguy về tổ chức và trang bị ; tập trung lực lượng thực hiện «kế hoạch bình định sáu tháng từ 3—1973 đến 8—1973», «kế hoạch bình định ba năm 1973—1975» ; hò hét «tràn ngập lãnh thổ» lần chiếm vùng giải phóng của ta. Trong năm 1973, chúng đã sử dụng 60 phần trăm quân chủ lực và toàn bộ lực lượng vũ trang địa phương, mở trên 360 000 cuộc hành quân lấn chiếm, giải tỏa và hành quân cán quét. Ngoài ra để quốc Mỹ còn tổ chức một «lực lượng ngăn đe» ở Đông Nam Á và xúc tiến hoạt động ngoại giao lừa bịp để hạn chế khả năng chiến đấu của ta.

Mưu đồ của bọn chúng là xóa bỏ tình trạng hai vùng, hai quân đội, hai chính quyền, biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt, đặt dưới ách thực dân mới của đế quốc Mỹ.

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 của Ban chấp hành Trung ương Đảng cuối năm 1973.

Trước tình hình nghiêm trọng do địch gây ra, tháng 10-1973 Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 21 vạch rõ: «Cách mạng miền Nam phải nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công... Ta phải kiên quyết phản công và tiến công địch, giữ vững và phát huy thế chủ động về mọi mặt của ta...»; «Địch không thi hành Hiệp định, tiếp tục chiến tranh Việt Nam hóa, thực chất là chiến tranh thực dân kiểu mới hòng chiếm lấy cả miền Nam, thì ta không có con đường nào khác là phải tiến hành chiến tranh cách mạng, tiêu diệt chúng, giải phóng miền Nam» (1).

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, các lực lượng vũ trang giải phóng đã kiên quyết đánh trả những cuộc hành quân lấn chiếm của địch, tiến lên đánh địch ở ngay những căn cứ xuất phát của chúng, tạo điều kiện cho các lực lượng cách mạng ở địa phương nổi dậy giành dân, giành quyền làm chủ.

Từ tháng 4 đến tháng 10 năm 1974 ở hầu hết các tỉnh miền Nam, một phong trào cách mạng của quần chúng nổi lên liên tục tiến công địch, giành thắng lợi ngày càng to lớn. Vùng giải phóng được giữ vững, củng cố và mở rộng thêm. Dưới chính quyền cách mạng nền chính trị, kinh tế, văn hóa dân tộc dân chủ phát triển tốt đẹp. Đời sống của nhân dân được cải thiện dần.

Phong trào thành thị đã có những chuyển biến quan trọng. Đồng bào ngày càng nhận rõ bộ mặt xấu xa của chính quyền nguy và đòi hỏi phải đánh đổ chúng.

Những trận đánh tiêu diệt quân chủ lực nguy ở Chư Nghe, Đắc Pét (Tây Nguyên) tháng 5 năm 1974 và Thượng Đức (Quảng Đà) tháng 8 năm 1974 có ý nghĩa quan trọng. Quân chủ lực của ta tỏ ra mạnh hơn địch. Ta có thể chuyển từ đánh nhằm tiêu diệt sinh lực địch là chính sang đánh những trận lớn hơn nhằm giải phóng nhân dân, giải phóng đất đai cả ở vùng đồng bằng và thành phố.

Những thành công to lớn về nhiều mặt của ta đã dồn địch vào thế bị động lúng túng. Nguy quyền Nguyễn Văn Thiệu đứng trước một cuộc khủng hoảng toàn diện và sâu sắc.

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 10-1973.

Ngày 13-12-1974, Hội nghị mở rộng của Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam nhận định: «Sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta ngày càng giành thắng lợi to lớn và nhất định giành thắng lợi cuối cùng. Đó là chiều hướng phát triển tất yếu của tình hình mà không một âm mưu, thủ đoạn nào, không một thế lực phản động nào có thể làm đảo ngược được».

CÂU HỎI

1. Tại sao bọn Mỹ nguy cơ kết với Hiệp định Pa-ri lại ra sức phá hoại Hiệp định Pa-ri? Chứng minh cụ thể, bọn Mỹ nguy phá hoại Hiệp định Pa-ri một cách có kế hoạch và có hệ thống.
2. Nhân dân miền Nam đấu tranh bảo vệ Hiệp định Pa-ri như thế nào? Kết quả.
3. Những thành tựu và những hoạt động của nhân dân miền Bắc để củng cố miền Bắc, ủng hộ cách mạng miền Nam.
4. Căn cứ vào đâu nói rằng nhân dân ta nhất định giành được thắng lợi cuối cùng?

thuongmaitruongxua.vn

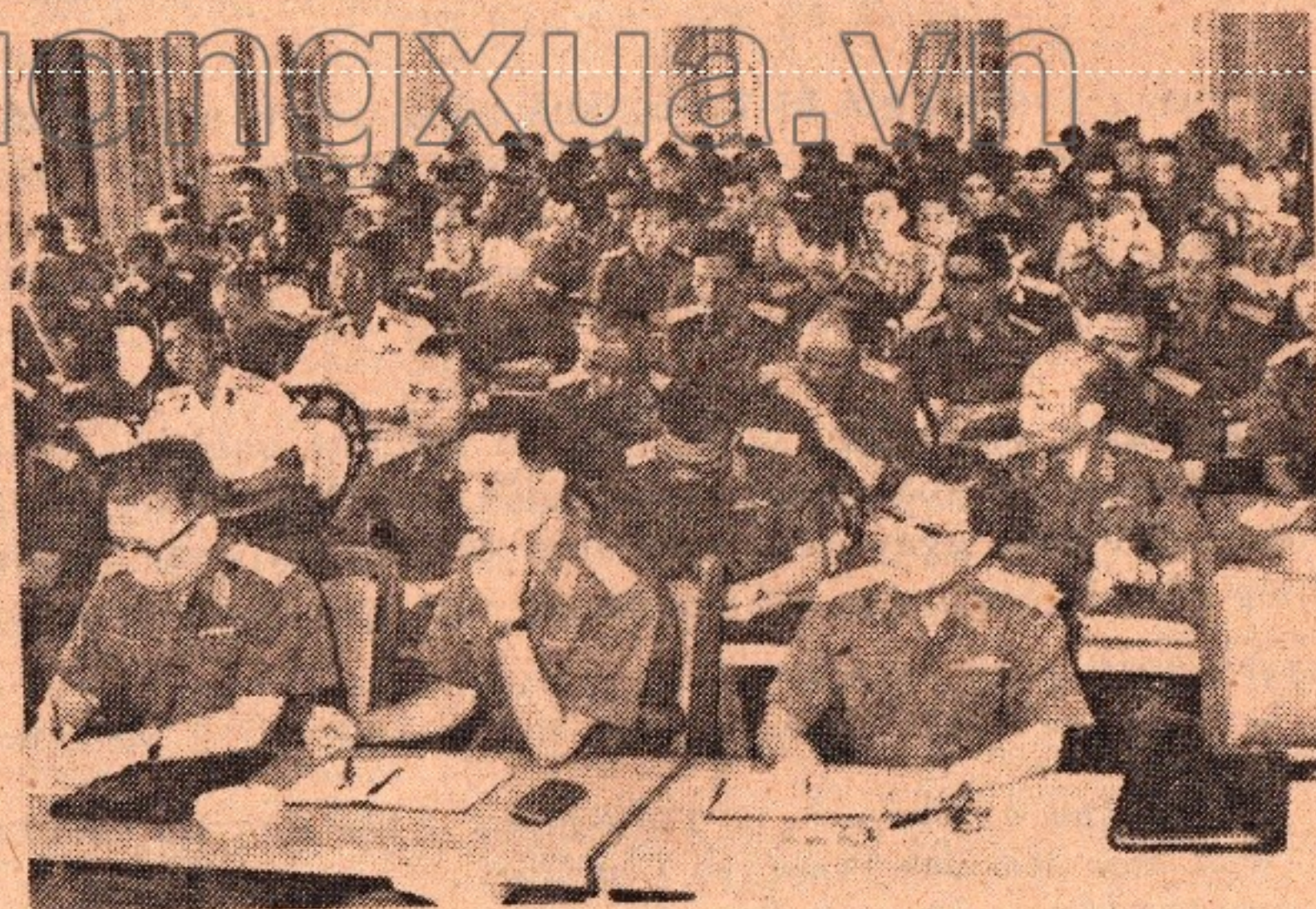
BÀI 31

CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975

I. KẾ HOẠCH HAI NĂM 1975-1976 GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

Căn cứ vào tình hình phát triển mạnh mẽ của cách mạng miền Nam trong năm 1974, sau khi nghe báo cáo tường tận tình hình mọi mặt của từng chiến trường, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã tổ chức một cuộc hội nghị lịch sử kéo dài từ 18-12-1974 đến 8-1-1975 để bàn kế hoạch giải phóng miền Nam.

Hội nghị đã phân tích sự suy yếu của địch, thấy rõ thời cơ mới để tiến công địch; nghiên cứu cách bố trí lực lượng



Đồng chí Lê Duẩn nói chuyện tại Hội nghị quân sự cao cấp mùa xuân năm 1974



Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương chỉ đạo cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mùa Xuân năm 1975

của địch ⁽¹⁾; đánh giá kỹ lưỡng khả năng của ta và nhất trí đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975—1976.

Năm 1975 phải tranh thủ đánh liên tục, có những đòn tiến công lớn làm thay đổi hẳn lực lượng so sánh hai bên, để năm 1976 ta tiến lên tổng công kích giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Hội nghị quyết định động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, thực hiện thắng lợi kế hoạch đã đề ra, ngay cả trường hợp đế quốc Mỹ quay lại can thiệp bằng không quân, hải quân hùng cường nguy cho bọn nguy.

(1) Ở miền Nam địch chia ra làm 4 quân khu:

- Quân khu 1: Từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, có 5 sư đoàn chủ lực.
- Quân khu 2: Gồm toàn bộ Tây Nguyên và các tỉnh ven biển từ Bình Định đến Bình Thuận, có 2 sư đoàn.
- Quân khu 3: Từ miền Đông Nam Bộ, có 3 sư đoàn.
- Quân khu 4: Gồm các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, có 3 sư đoàn.

Cuối cùng Bộ Chính trị còn dự kiến một phương án hành động cực kỳ táo bạo là: nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975. Những năm 1973-1975 bọn phản động Trung Quốc tìm nhiều cách cản trở nhân dân ta giải phóng miền Nam. Ngày 19-1-1974, được sự thỏa thuận của đế quốc Mỹ, Trung Quốc trắng trợn đem quân đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa của chúng ta.⁽¹⁾

Giữa lúc hội nghị Bộ Chính trị đang họp thì một tin vui lớn từ miền Nam đưa tới: Quân giải phóng phối hợp với lực lượng địa phương tiến công giải phóng thị xã Phước Long và toàn tỉnh Phước Long (ngày 6-1-1975). Đây là tỉnh đầu tiên ở miền Nam được hoàn toàn giải phóng.

Chiến thắng Phước Long càng khẳng định cụ thể hơn những kết luận trong hội nghị và chứng tỏ khả năng can thiệp vào miền Nam của đế quốc Mỹ bị hạn chế rõ rệt ⁽²⁾.

II. CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN ĐẠI THẮNG

1. Lựa chọn đúng khu vực và mục tiêu tiến công

Tây Nguyên là một vùng cao nguyên rộng lớn có vị trí rất quan trọng về quân sự, chính trị, kinh tế. Từ Tây Nguyên có thể cơ động vào miền Đông Nam Bộ đến Sài Gòn theo đường 14 và có thể tỏa xuống các tỉnh đồng bằng ven biển miền Trung theo các đường 19, 7, 21 ⁽³⁾.

Lực lượng của địch ở Tây Nguyên có khoảng hơn một sư đoàn chủ lực, 5 liên đoàn biệt động, 2 trung đoàn thiết giáp... tập trung chủ yếu ở Kon Tum, Plây Cu, Cheo Reo, Buôn Ma Thuột. Sở chỉ huy quân đoàn 2 đóng ở Plây Cu, một căn cứ quân sự mạnh nhất ở Tây Nguyên.

Đầu năm 1975, địch phán đoán ta chưa có khả năng đánh lớn, chưa có khả năng đánh chiếm thành phố, thị xã. Chúng có đề phòng ta tiến công Tây Nguyên nhưng chủ yếu là đề phòng phía bắc Tây Nguyên (Kon Tum, Plây Cu) ⁽⁴⁾.

- (1) Xem thêm *Sách Trắng* về quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc trong 30 năm qua.
- (2) Phước Long vừa giải phóng, đế quốc Mỹ hùng hổ huy động hải, lục không quân đe dọa miền Nam và tuyên bố sẽ ném bom trở lại miền Bắc... nhưng cuối cùng chúng phải khoanh tay không dám hành động vì đang gặp những khó khăn chồng chất về đối nội và đối ngoại.
- (3) Bọn Mỹ nguy vẫn thường nói: «kẻ nào chiếm được Tây Nguyên thì kẻ ấy sẽ làm chủ miền Nam Việt Nam».
- (4) Chúng không đề phòng miền Nam Tây Nguyên vì chúng cho nơi đó xa miền Bắc, rất khó hành quân, tiếp tế.

Trong khi đó, từ cuối năm 1974 ta đã quyết định tiến công Tây Nguyên, mở đầu cho toàn bộ đợt tiến công chiến lược. Ta nhận định rằng Tây Nguyên có vị trí quan trọng, có những sơ hở của địch và nhất là Tây nguyên là nơi quân dân ta có truyền thống đấu tranh anh dũng, có nhiều kinh nghiệm đấu tranh với địch, sẽ tạo nhiều thuận lợi khi chiến dịch mở ra.

Mục tiêu tiến công được xác định sau đó. Ta chọn Buôn Ma Thuột để nổ súng tiến công chứ không phải Kon Tum, Plây Cu như địch lầm tưởng. Đánh Buôn Ma Thuột sẽ chắc thắng vì địch không ngờ tới, mặt khác lực lượng của địch ở đó tương đối yếu.

2. Quá trình tiến công giải phóng Tây Nguyên.

Theo kế hoạch đã định, dưới sự chỉ huy thống nhất, từ đầu tháng 3 năm 1975, quân và dân ta, trên tất cả các chiến trường miền Nam, đã mở hàng loạt trận tiến công và nổi dậy, chuẩn bị mọi mặt để bước vào các trận tiến công lớn.

Tại Tây Nguyên ta tiến hành những trận đánh nghi binh vào Plây Cu, Kon Tum, lần lượt cắt đường 19, 21, 14 cắt rời Tây Nguyên với các tỉnh đồng bằng, cắt rời bắc với nam Tây



Đồng bào Tây Nguyên cung bộ đội kéo pháo vào vị trí chiến đấu

Nguyên; hết sức tránh địch khi chúng lung sục để giữ bí mật lực lượng, bao vây Buôn Ma Thuột.

Ngày 9-3 ta chiếm Đức Lập, Đắc Soong mở thông đường Đông Trường Sơn, hoàn toàn cô lập Buôn Ma Thuột.

Đúng 2 giờ sáng ngày 10-3, các loại pháo, hỏa tiễn tới tập giội bão lửa vào các cơ quan đầu não của địch ở Buôn Ma Thuột. Trong khi đó xe tăng, thiết giáp, ô tô chở bộ binh của ta ào ạt tiến vào thị xã.

Địch bị đánh bất ngờ, kháng cự một cách yếu ớt. Ngày 11 tháng 3 năm 1975 (lúc 10 giờ 30 phút) về cơ bản ta đã giải phóng xong Buôn Ma Thuột. Địch vội vã cho máy bay đổ quân, ném bom hồng phản kích chiếm lại thị xã. Quân ta xông vào đội hình địch đánh chúng tan tác và truy kích chúng trên đường rút chạy.



Quân ta đánh chiếm Sở chỉ huy sư đoàn 23 ngụy ở Buôn Ma Thuột

Ngày 13-3-1975 ta hoàn toàn làm chủ thị xã Buôn Ma Thuột và toàn tỉnh Đắc Lắc. (xin xem phụ bản).

Chiến thắng to lớn của ta làm địch choáng váng. Toàn bộ hệ thống phòng thủ của chúng ở Tây Nguyên bị rung chuyển.

Kon Tum, Plây Cu bị uy hiếp nghiêm trọng. Trước tình hình biến chuyển quá nhanh chóng, để tránh nguy cơ bị tiêu diệt lớn, ngày 14-3 địch bắt buộc phải ra lệnh rút lui khỏi Tây Nguyên, hy vọng tập trung lực lượng ở đồng bằng, sau sẽ phản kích chiếm lại Buôn Ma Thuột (1).

Cuộc «rút lui chiến lược» của địch biến thành một cuộc tháo chạy hỗn loạn trước sức tấn công mạnh mẽ của ta.

Trên đường số 7, ta bao vây, tiêu diệt địch ở Cheo Reo, Củng Sơn. Trên đường số 19, ta bao vây, tiêu diệt địch ở An Khê. Trên đường 21, ta bao vây tiêu diệt địch ở Phước An, Khánh Dương v.v...

Trong vòng một tháng tiến công (đầu tháng 3 đến đầu tháng 4-1975) quân và dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 12 vạn quân chủ lực nguy; thu và phá hủy toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh của địch ở quân khu 2; giải phóng Tây nguyên và một số tỉnh ven biển miền Trung (2); giành lại quyền làm chủ cho hơn 60 vạn nhân dân các dân tộc trên Tây Nguyên.

Chiến dịch Tây Nguyên đại thắng đánh dấu một bước suy sụp nghiêm trọng của Mĩ nguy. Quân đoàn 2 nguy bị tiêu diệt. Cuộc chiến tranh cách mạng của ta «từ tiến công có ý nghĩa chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam» (3).

III. CHIẾN DỊCH HUẾ — ĐÀ NẴNG ĐẠI THẮNG

Quân khu 1 nguy, nơi có địa bàn tiếp giáp với miền Bắc, được bọn địch đặc biệt chú ý phòng giữ. Chúng để ở đây 3 sư đoàn chủ lực và 2 sư đoàn tổng dự bị, bao gồm những đơn vị thiện chiến vào loại nhất.

Bộ tư lệnh quân đoàn 1 nguy đặt tại Đà Nẵng. Bộ tư lệnh tiền phương của quân đoàn 1 nguy đặt tại Huế. Đó là hai khu vực phòng ngự mạnh nhất, kiên cố nhất của quân khu 1 nguy.

(1) Xem Đọc thêm số 1

(2) Bình Định (1-4), Phú Yên (1-4), Khánh Hòa (3-4).

(3) Bài của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Văn Tiến Dũng đăng trên tạp chí Quân đội nhân dân tháng 5-1975.

3. Những trận tiến công và nổi dậy của quân dân ta phối hợp với chiến trường Tây Nguyên

Khi Tây Nguyên nổ súng thì những hoạt động phối hợp của quân dân Trị — Thiên, Quảng — Đà bắt đầu diễn ra.

Tại Trị — Thiên (từ 8 đến 17-3) ta tiến công địch ở quận lỵ Mai Lĩnh, cứ điểm Phả Lại, phá kho xăng Tam Hòa. Trên đường 12 ta tiến công địch ở núi Chúc Mao và nhiều căn cứ khác. Cũng thời gian đó, hàng trăm đội công tác vũ trang, thọc sâu xuống đồng bằng, phát động quần chúng nổi dậy, đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, diệt và bức rút 38 chi khu quân sự địch.

Tại Quảng — Đà, ngày 10-3, quân ta đánh chiếm hai chi khu quân sự, giải phóng quận lỵ Tiên Phước và Phước Lâm, uy hiếp địch ở Tam Kỳ. Sau đó, ta liên tục tiến công, đập tan nhiều cuộc phản kích của địch hòng chiếm lại hai quận lỵ trên.

Ngày 18-3 ta đồng loạt nổi dậy tiến công địch ở vùng giáp ranh và đồng bằng tỉnh Quảng Trị, chiếm một số cao điểm quân sự, chiếm trận địa pháo phía tây quận Hải Lăng. Ngày 19-3 ta tiến vào thị xã Quảng Trị, giải phóng toàn tỉnh Quảng Trị.

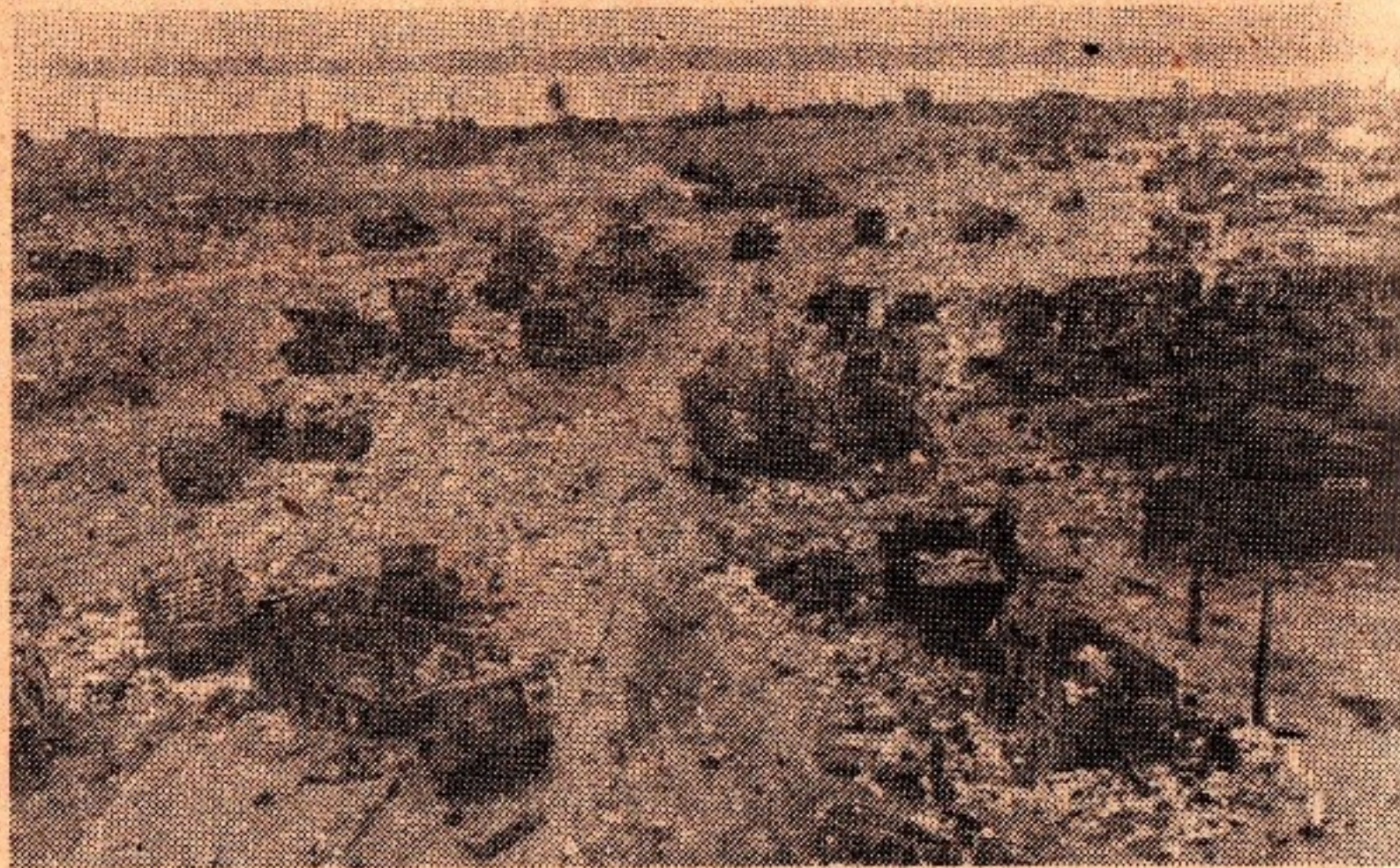
Những thắng lợi trên đây đã tiêu hao một phần quan trọng sinh lực địch ở quân khu 1; tạo thế bao vây chia cắt địch ở đồng bằng Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi; không cho phép chúng được tự do điều quân ứng cứu Tây Nguyên; đẩy quân địch co về phòng thủ tuyến nam sông Mĩ Chánh và các vùng đô thị.

4. Tiến lên giải phóng Huế — Đà Nẵng

Sau khi mất các căn cứ quan trọng ở Tây Nguyên và mất Quảng Trị, địch vô cùng hoảng hốt, vội tập trung lực lượng về Huế—Đà Nẵng, thề quyết «tử thủ» ở đây (1) hòng ngăn chặn bước tiến của quân ta.

Trị — Thiên — Huế cũng như Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi là những nơi có phong trào đấu tranh mạnh mẽ của

(1) Ngô Quang Trưởng, trung tướng, tư lệnh quân khu 1 nguy tuyên bố trên đài phát thanh Huế: «Tôi sẽ chết trên đường phố Huế, Việt Cộng phải bước qua xác tôi mới vô được cố đô này».



Cuộc tháo chạy thảm hại của địch ở cửa Thuận An

quần chúng. Các binh đoàn chủ lực lớn của ta đã có đầy đủ điều kiện để đứng vững chắc và sẵn sàng tiến công Huế—Đà Nẵng trên một thế trận khá thuận lợi.

Ngày 22-3, quân ta bắt đầu tiến công Huế từ nhiều hướng đồng thời bao vây, cắt rời Huế với Đà Nẵng trên đường số 1. Pháo của ta bắn phá dữ dội sân bay Phú Bài. Quân địch chỉ còn một lối thoát là rút chạy ra biển theo cửa Thuận An và cửa Tư Hiền.

Nắm vững ý đồ của chúng, ta thả mìn phong tỏa bờ biển, nã pháo vào các tàu địch ngoài khơi và bắn tập trung vào đội hình dày đặc của địch ở cửa Thuận An, cửa Tư Hiền.

Ngày 25-3, các cánh quân của ta tiến công bao vây khu cảng Thuận An tiêu diệt toàn bộ quân địch đồn về đây. Mặt khác nhiều mũi tiến công của quân chủ lực, cùng với lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với phong trào nổi dậy của quần chúng tiến vào cố đô Huế. Đúng 10 giờ 30 phút ngày 25-3, lá cờ cách mạng được kéo lên đỉnh cột cờ trước Ngọ Môn.

Sau 4 ngày chiến đấu, quân dân ta đã tiêu diệt tập đoàn phòng ngự Thừa Thiên—Huế với hơn 4 vạn quân địch. Chiến thắng to lớn này giáng một đòn rất đau vào kế hoạch co



Quân ta tiến vào giải phóng cố đô Huế

cum, phòng ngự chiến lược của địch ở đồng bằng, thành phố, đẩy chúng vào thảm trạng suy sụp về tinh thần và tổ chức.

Trong khi cuộc chiến ở Huế chưa kết thúc thì quân dân ta đã quả cảm, mau lẹ tiến công giải phóng thị xã Tam Kỳ (24-3) và toàn tỉnh Quảng Ngãi (25-3), làm cho Đà Nẵng hoàn toàn bị cô lập.

Đà Nẵng là một căn cứ hải, lục không quân hiện đại và mạnh vào bậc nhất của bọn nguy. Địch tập trung về Đà Nẵng hơn 10 vạn quân. Sau khi ta chiếm được Huế, đế quốc Mỹ vội vã điều động một số tàu chiến đến vùng ven biển Đà Nẵng đe dọa can thiệp. Chúng cho rằng quân ta muốn tiến công Đà Nẵng thì ít nhất phải chuẩn bị một tháng. (xin xem phụ bản).

Ngày 25-3, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh nhận định: Sau khi mất Huế, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Chu Lai, địch dù có muốn giữ Đà Nẵng cũng không thể được. Ta quyết định mở trận tiến công vào căn cứ quân sự liên hợp Đà Nẵng với tư tưởng chỉ đạo «kịp thời nhất, nhanh chóng nhất, táo bạo nhất, bất ngờ nhất và chắc thắng».

Các lực lượng vũ trang tại chỗ của ta lập tức tiến nhanh áp sát thành phố. Các lực lượng chính trị của quần chúng sôi nổi chuẩn bị, sẵn sàng nổi dậy đấu tranh phối hợp. Các binh



Quân ta tiến vào giải phóng Đà Nẵng

đoàn chủ lực lớn của ta từ Huế, từ Tam ki, từ Thượng Đức được lệnh gấp rút tiến về Đà Nẵng.

Tình hình trong thành phố trở nên hỗn loạn. Địch phải dùng máy bay đi tản bôn cổ vấn Mỹ và một phần lực lượng nguy. Một số đơn vị tàn binh nguy nổi dậy bỏ ngũ.

Sáng ngày 28-3, cuộc tiến công Đà Nẵng bắt đầu với trận đột kích mãnh liệt của pháo binh ta vào quân cảng Đà Nẵng, sân bay Nước Mặn, bán đảo Sơn Trà, triệt hẳn mọi đường rút chạy của địch.

Ngoài tiến vào, trong nổi dậy, sau 32 giờ với khí thế dũng mãnh, ta đã tiêu diệt và làm tan rã hơn 10 vạn quân nguy, thu được toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh. Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng.

Chiến dịch Huế — Đà Nẵng đại thắng đã quét sạch hệ thống phòng thủ chiến lược của địch ở miền Trung, tiêu diệt quân đoàn 1 nguy, xóa bỏ quân khu 1 nguy. Bè lũ Nguyễn Văn Thiệu hết sức kinh hoàng. Đế quốc Mỹ vô cùng sửng sốt. Chúng lâm vào tình trạng gần như tuyệt vọng trước sức mạnh tiến công của quân ta (1).

(1) Trong thời gian này, quân dân Bình Long đánh chiếm An Lộc, Chơn Thành, giải phóng toàn tỉnh Bình Long. Quân dân các tỉnh Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Long An, Long Khánh, Bình Tuy tiến công giải phóng một vùng rộng lớn ở bắc và tây bắc Sài Gòn. Quân dân các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long cũng nổi dậy tiến công mạnh mẽ, mở rộng vùng giải phóng.

IV. CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH ĐẠI THẮNG

5. Thời cơ và quyết tâm chiến lược mới

Trải qua một tháng tiến công và nổi dậy, quân và dân ta đã giành toàn thắng trong chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế — Đà Nẵng.

Ta đã giải phóng một vùng đất đai rộng lớn, bao gồm hầu hết quân khu 1 và 2 nguy cùng nhiều quận lỵ chi khu quân sự thuộc miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy ta có những căn cứ mới, những bàn đạp mới, những kho dự trữ mới, những tuyến đường chiến lược mới để tiếp tục phát triển tiến công địch. (xin xem phụ bản).

Các lực lượng vũ trang của ta lớn lên vượt bậc, trở thành những binh đoàn cơ động, được trang bị đầy đủ, rút được nhiều kinh nghiệm đánh địch, sẵn sàng bước vào những trận chiến đấu quy mô lớn hơn.

Trái lại, lực lượng về mọi mặt của địch bị giảm sút gần một nửa (1), phải lui về phòng thủ trên phần đất còn lại, trong thế trận bị đảo lộn, trong không khí hoang mang, bối rối.

Để hạ hơi tiếp sức cho nguy quân và nguy quyền, đế quốc Mỹ đã cử tướng Uây-en (2), tham mưu trưởng lục quân Mỹ đến Sài Gòn trực tiếp chỉ đạo việc vạch kế hoạch và đốc thúc quân nguy củng cố các tuyến phòng thủ.

Tuyến phòng thủ từ xa ở Phan Rang là một tập đoàn phòng ngự lớn có khoảng 3 sư đoàn.

Tuyến phòng thủ chủ yếu bao quanh Sài Gòn gồm các loại quân thiện chiến nhằm khống chế mọi hướng tiến công của quân ta.

Tại trung tâm Sài Gòn — Gia Định, địch huy động các lực lượng còn lại, quyết «tử thủ» sào huyệt cuối cùng của chúng.

(1) Địch chỉ còn 2/4 quân khu, 7/13 sư đoàn, gần 60% binh khí kỹ thuật hiện đại, gần 60% cơ sở vật chất và hậu cần.

(2) Nguyên tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Mỹ, người đã cuốn lá cờ Mỹ về cùng đơn vị Mỹ cuối cùng rút khỏi miền Nam Việt Nam hai năm về trước.

Chính phủ Mỹ còn lập cầu hàng không, viện trợ khẩn cấp vũ khí và phương tiện chiến tranh cho chính quyền ngụy.

Mọi cố gắng của địch không thể xoay chuyển được tình thế.

Từ ngày 25-3, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã khẳng định: « Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam... Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa » (tức tháng 5-1975). Bộ Chính trị quyết định thành lập « Hội đồng chỉ viện chiến trường » do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm chủ tịch.

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta dốc sức biến quyết tâm chiến lược mới của Bộ Chính trị thành hiện thực.

Từ đầu tháng 4-1975, nhân dân cả nước ta ra quân như chảy hội với khẩu hiệu « thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng ».

Đường số 1 và đường Trường Sơn xe chạy suốt ngày đêm gần như chỉ có một chiều: tiến về Nam.

Ở các bến sông, các hải cảng, hàng hóa chất cao như núi, bốc xếp nhanh chóng, kịp chuyển xuống tàu đưa vào tận Quy Nhơn, Cam Ranh.

Các sân bay với đủ loại máy bay cũng tranh thủ thời gian cấp tốc đưa hàng tới địch.

Dân tộc ta chịu đựng gian khổ, chết chiu hàng bao nhiêu năm, trước trận quyết chiến cuối cùng định đoạt số phận của quân thù, càng quyết tâm sẵn sàng hiến dâng tất cả sức người, sức của cho tiền tuyến.

6. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng

Ngày 8-4, tại Lộc Ninh, Bộ chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn—Gia Định được thành lập, Đại tướng Văn Tiến Dũng làm tư lệnh, đồng chí Phạm Hùng làm chính ủy.

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm có 5 quân đoàn chủ lực tinh nhuệ, chưa kể các lực lượng dự bị, các lực lượng địa phương, với trang bị đầy đủ, hiện đại⁽¹⁾

(1) Trung tướng Đinh Đức Thiện phụ trách hậu cần báo cáo với các đồng chí chỉ huy chiến dịch: « Đạn của ta đủ bắn đổ nó sọ đến ba đời ».



Trong Sở chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh

Với lực lượng áp đảo⁽¹⁾ ngày 9-4 quân ta bắt đầu đánh vào Xuân Lộc.

Trận chiến đấu ngay từ những ngày đầu đã gay go, ác liệt. Có những mục tiêu ta phải đánh đi đánh lại nhiều lần và phải liên tiếp đẩy lùi các trận phản kích của địch. Xuân Lộc là cửa ngõ quan trọng nhất bảo vệ Sài Gòn nên quân ngụy quyết liều chết ở đây.

Ta chuyển hướng, tiến công vào các mục tiêu ngoại vi, cắt lia Xuân Lộc với Sài Gòn. Trước nguy cơ bị bao vây, tiêu diệt, quân ngụy trong thị xã bỏ chạy tán loạn. Ngày 21-4 ta giải phóng Xuân Lộc⁽²⁾.

Ở Phan Rang, nơi có bộ tư lệnh tiền phương quân đoàn 3 ngụy, cuộc chiến cũng diễn ra không kém phần ác liệt. Từ ngày 14 đến ngày 16-4 ta phải tiến công nhiều đợt mới chiếm được Phan Rang. Tiếp đó ta giải phóng các tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy⁽³⁾.

(1) Bọn địch không ngờ ta có thể sử dụng lực lượng to lớn như vậy vào Nam Bộ nhanh như vậy.

(2) Ngày 21-4 Trương Uyển-en than thở: « Tình hình quân sự là tuyệt vọng ». Chiều 21-4 Nguyễn Văn Thiệu sụt sùi tuyên bố từ chức tổng thống.

(3) Trong thời gian này Cách mạng Cam-pu-chia biến chuyển mau lẹ. Ngày 17-4 quân giải phóng Cam-pu-chia tiến vào giải phóng Phnôm Pênh. Bọn ngụy Cam-pu-chia đầu hàng không điều kiện. Cách mạng Lào cũng phát triển rất mạnh mẽ.

Ngày 22-4-1975 Bộ chỉ huy chiến dịch duyệt lại lần cuối cùng kế hoạch chính thức của chiến dịch Hồ Chí Minh (chiến dịch giải phóng Sài Gòn — Gia Định được vinh dự mang tên Bác).

Yêu cầu của kế hoạch là giải phóng Sài Gòn nhanh, chắc thắng; đập tan bộ máy nguy quân nguy quyền từ trên xuống dưới; đè bẹp hẳn ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ; đảm bảo tồn thất ít nhất, tính mạng, tài sản của ba triệu rưỡi đồng bào và các công trình công cộng; nhanh chóng đưa mọi sinh hoạt của thành phố trở lại bình thường.

Năm mục tiêu tiến công của kế hoạch là bộ tổng tham mưu nguy, dinh độc lập, biệt khu thủ đô, tổng nha cảnh sát và sân bay Tân Sơn Nhất. Đánh đúng 5 mục tiêu đó thì toàn bộ nguy quân, nguy quyền sẽ rung chuyển, sụp đổ.

Phương pháp tiến công của kế hoạch được cân nhắc rất kỹ lưỡng nhằm phát huy đầy đủ sức mạnh của tất cả các lực lượng và mang lại hiệu quả cao nhất (1).

Ngày 25-4 các quân đoàn của ta hình thành thế trận bao vây quanh Sài Gòn — Gia Định.

Đúng 17 giờ ngày 26-4, tiếng súng đầu tiên của chiến dịch Hồ Chí Minh đã nổ ở hướng đông. Sáng ngày 27-4 các hướng đồng loạt đánh vào vùng ven Sài Gòn.

Hướng đông, quân đoàn 2 đánh vào căn cứ Nước Trong, chi khu Long Thành, Vũng Tàu, Bà Rịa.

Hướng đông bắc, trên trục đường số 1 quân đoàn 4 tiến công Trảng Bom, bao vây Biên Hòa, chiếm xa lộ Sài Gòn — Biên Hòa (2).

Hướng tây nam Đoàn 232 cắt đứt đường số 4, mở rộng bàn đạp tiến công vào Sài Gòn.

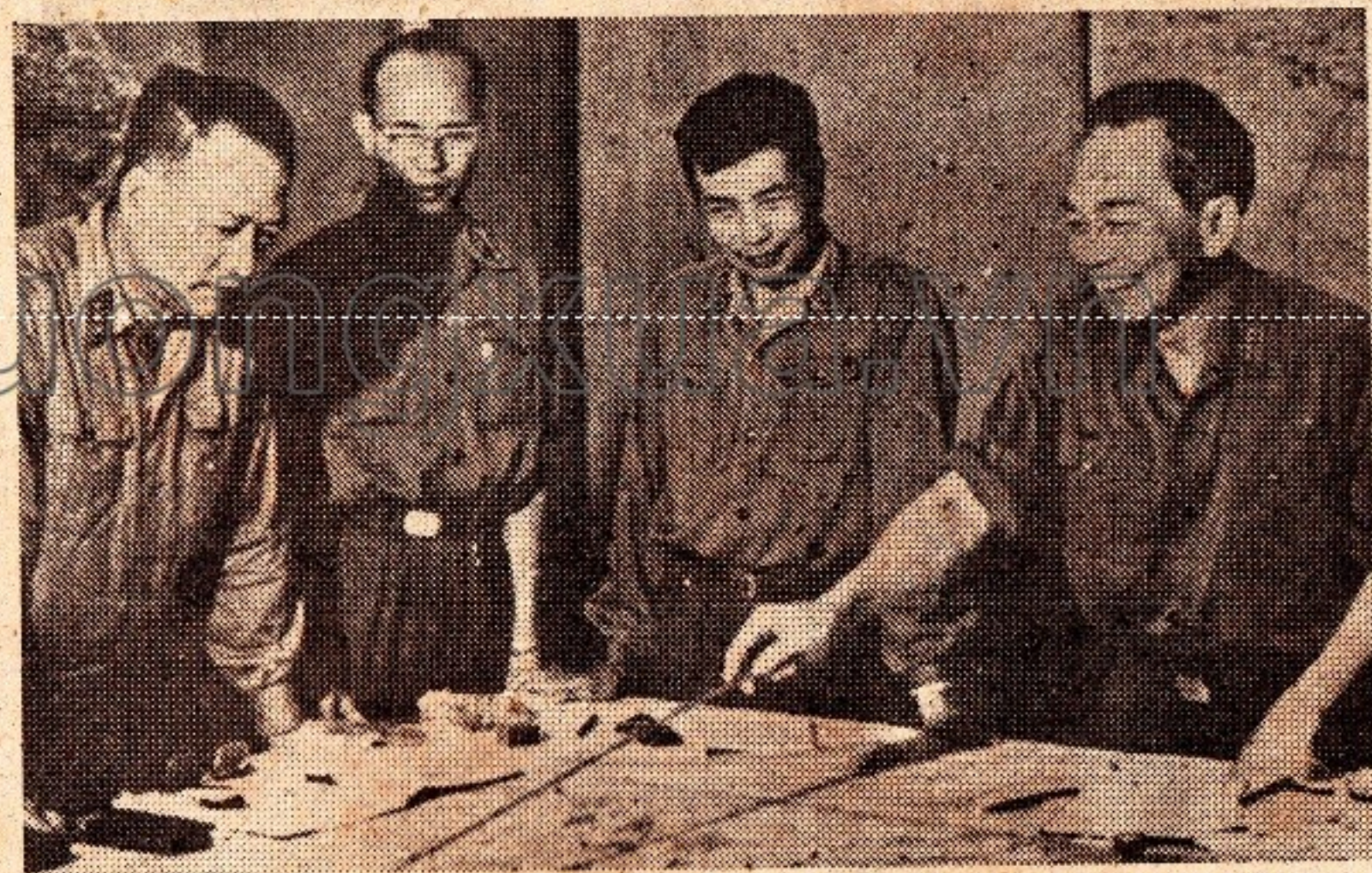
Hướng Bắc có quân đoàn 1 và hướng tây bắc có quân đoàn 3, dùng hỏa lực pháo binh làm tê liệt các trận địa pháo của địch, tiếp tục cắt đứt đường số 22.

(1) Xem Đọc thêm số 2.

(2) Nhiều trận chiến đấu rất ác liệt đã diễn ra ở hai hướng trên nhưng bọn địch vẫn không sao cản được bước tiến của quân ta.

Hơn hai ngày tiến công (26-4 — 28-4) ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch trên tuyến phòng thủ vòng ngoài và siết chặt vòng vây quanh Sài Gòn.

Chiều ngày 28-4, trong cơn hoảng loạn, Mỹ buộc Trần Văn Hương phải từ chức, nhường ghế tổng thống nguy cho Dương Văn Minh, hi vọng có thể thương lượng với ta. Các máy bay lên thẳng Mỹ nhào lượn cuống quýt trên bầu trời Sài Gòn, đề bốt đi đám người Mỹ đứng chen chúc trên các nóc nhà (1). Các tướng lĩnh và các quan chức cao cấp nguy quyền Sài Gòn tranh nhau trốn ra nước ngoài. Cũng chính buổi chiều 28-4 một biên đội 5 chiếc máy bay A. 37 (máy bay của nguy) do các chiến sĩ ta lái đến ném bom sân bay Tân Sơn Nhất làm rung chuyển cả nhà cửa trong thành phố (2).



Quân ủy Trung ương theo dõi diễn biến chiến dịch Hồ Chí Minh

Ngày 29-4, đúng 00 giờ, các quân đoàn của ta được lệnh tổng công kích vào sào huyệt cuối cùng của địch. (xin xem phụ bản).

(1) Ngày 18-4 chính phủ Mỹ ra lệnh di tản người Mỹ ở Sài Gòn. Sau đấy từ 21-4 đến 29-4 «một chiến dịch di tản liên mạng» bằng máy bay diễn ra. Bọn Mỹ tháo chạy đã bắt cóc hàng nghìn trẻ em Việt Nam mang về Mỹ để huấn luyện các em chống lại tổ quốc sau này.

(2) Xem Đọc thêm số 3.



Quân ta đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất



Quân ta đánh chiếm bộ tổng tham mưu ngụy

Cánh quân lớn phía đông đập tan tuyến phòng ngự Long Bình, đánh chiếm quận lỵ Nhơn Trạch, khu kho Thành Tuy Hạ, bắn dồn dập vào sân bay Tân Sơn Nhất, giải phóng Vũng Tàu, tiến nhanh về mục tiêu: phủ tổng thống ngụy.

Cánh quân lớn phía đông bắc tiêu diệt tập đoàn phòng ngự Biên Hòa (sau khi diễn ra nhiều trận quyết liệt với địch) rồi tiến thẳng đến bộ quốc phòng ngụy.

Cánh quân lớn phía tây bắc đánh chiếm Đồng Dù, Củ Chi, vượt qua Hóc Môn, Bà Quẹo tiến vào sân bay Tân Sơn Nhất.

Cánh quân lớn phía bắc đánh địch ở Phú Lợi, Bến Cát, đồng thời tiến công tiêu diệt địch ở Lái Thiêu, thọc sâu vào đánh chiếm bộ tổng tham mưu ngụy.

Cánh quân lớn phía tây và tây nam đánh chiếm Hậu Nghĩa, Đức Hòa, Tân An, Bến Lức rồi tiến đánh biệt khu thủ đô, tổng nha cảnh sát, khu trung tâm truyền tin Phú Lâm.

Kết hợp chặt chẽ với đòn tiến công của các binh đoàn chủ lực, nhân dân Sài



Quân ta đánh chiếm bộ quốc phòng ngụy

Gòn được sự giúp đỡ của các trung đoàn bộ đội tinh nhuệ và các đội quân biệt động, nào nức kiên quyết nổi dậy giành quyền làm chủ.

Sáng ngày 30-4, 5 cánh quân như vành đai sắt chặt lấy cổ họng ngụy quân, ngụy quyền.

9 giờ 25 phút bọn ngụy quyền họp ở dinh độc lập buộc phải ra bản tuyên bố xin ngừng bắn (1)

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chỉ thị: «Tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch, tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của địch» (2).

11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975 quân ta tiến vào dinh độc lập, xông lên gác bắt giữ toàn bộ bọn đầu sỏ ngụy quyền trung ương, kể cả tổng thống ngụy. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc phủ tổng thống ngụy.



Quân ta đánh chiếm dinh độc lập ngụy

(1) Xem Độc thêm số 4.

(2) Dựa theo cuốn Đại thắng Mùa Xuân của Đại tướng Văn Tiến Dũng. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1976, trang 296.



Quân ta đánh chiếm dinh độc lập ngụy



Dương Văn Minh tuyên bố xin đầu hàng không điều kiện



Dương Văn Minh bị bắt



Côn Đảo giải phóng

Thành phố Sài Gòn hoàn toàn giải phóng (1).

Thừa thắng, quân và dân ta đã tiến công và nổi dậy mạnh mẽ buộc toàn bộ lực lượng quân sự của địch ở quân khu 4 phải đầu hàng, đập tan bộ máy kim kẹp của địch, giải phóng hoàn toàn các tỉnh còn lại ở Nam Bộ (2). (xin xem phụ bản).

V. Ý NGHĨA VÀ NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 của quân và dân ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn, sau 55 ngày đêm chiến đấu liên tục, dũng cảm, đầy mưu trí.

Đây là thắng lợi vĩ đại nhất, hiển hách nhất trong lịch sử 4 000 năm của dân tộc ta. Chỉ trong một thời gian ngắn ta đã liên tiếp đánh ba trận tiêu diệt lớn, đập tan bộ máy quân sự khổng lồ, hiện đại do đế quốc Mỹ trang bị và huấn luyện; loại khỏi vòng chiến đấu 110 vạn quân địch; tiêu diệt và làm tan rã 4 quân đoàn chủ lực nguy. Ta đã quét sạch bộ máy quyền tư trung ương đến thôn xã, đập tan mọi đảng phái và tổ chức chính trị phản động; giành lại toàn bộ giang sơn đất nước bao gồm cả vùng đất, vùng trời, vùng biển ở miền Nam.

Đây là thắng lợi có tính chất thời đại, mở ra một kỉ nguyên mới vô cùng thuận lợi cho phong trào cách mạng thế giới. Sau 30 năm chiến đấu kiên cường, nhân dân Việt Nam đã đánh bại đế quốc Pháp tiêu biểu cho chủ nghĩa thực dân cũ và đánh bại đế quốc Mỹ, tiêu biểu cho chủ nghĩa thực dân mới. Trong trận đùng đầu lịch sử, một bên là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, đại diện cho các lực lượng phản động nhất, một bên là nhân dân Việt Nam đội xung kích của các trào lưu cách mạng thế giới, chúng ta đã giảng cho đế quốc Mỹ một

(1) Xem Đọc thêm số 5.

(2) Trong tháng 4-1975 quân ta đã giải phóng các đảo dọc bờ biển Trung Bộ và các đảo thuộc quần đảo Trường Sa (do quân nguy chiếm giữ). Ngày 30-4 giải phóng đảo Côn Sơn. Ngày 2-5 giải phóng đảo Phú Quốc.

đòn chí tử. « Học thuyết Ních-xơn » bị phá sản. Chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ bị đảo lộn nghiêm trọng. Lực lượng so sánh trên thế giới thay đổi có lợi cho cách mạng. Phong trào cách mạng thế giới có điều kiện tiếp tục phát triển và tiến công ngày càng mạnh mẽ vào dinh lũy của chủ nghĩa đế quốc.

Thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 là kết quả tất yếu của các nhân tố đã tạo thành sức mạnh thần kì của dân tộc Việt Nam.

Đó là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo và độc lập, tự chủ của Đảng ta; thắng lợi của sức mạnh đoàn kết chiến đấu của toàn dân Việt Nam, của chân lí « không có gì quý hơn độc lập tự do », của lòng yêu nước nồng nàn, ý chí



Nhân dân Hà Nội đón mừng tin vui giải phóng Sài Gòn



Nhân dân Huế vui mừng được giải phóng



Nhân dân Sài Gòn vui mừng được giải phóng



Mit tinh lớn tại thủ đô Hà Nội chào mừng giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc mạnh mẽ và li tưởng xã hội chủ nghĩa của dân tộc ta; thắng lợi của sức mạnh chiến đấu to lớn, bước trưởng thành vượt bậc của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam anh hùng.

Đó là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu keo sơn giữa nhân dân ba nước anh em Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia; thắng lợi của tình đoàn kết quốc tế, sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ to lớn của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác; của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; của phong trào giải phóng dân tộc; của các lực lượng dân chủ và hòa bình trên toàn thế giới.

Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc lâu dài của nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi vẻ vang. Sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành tốt đẹp trong cả nước. Tổ quốc ta từ đây sạch bóng quân xâm lược. Nhân dân Việt Nam ta thật sự sống trong hòa bình, độc lập, tự do.

CÂU HỎI

1. Vì sao Đảng ta lại đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975—1976?
2. Cách bố trí lực lượng của địch ở miền Nam và riêng ở Tây Nguyên như thế nào?

3. Tại sao ta đánh lớn ở Tây Nguyên trước và chọn mục tiêu nổi sừng là Buôn Ma Thuột? Ý nghĩa và tác dụng của chiến thắng Tây Nguyên?
4. Chiến thắng Đà Nẵng diễn ra như thế nào? Tại sao quân địch lâm vào tình trạng gần như tuyệt vọng khi mất Đà Nẵng?
5. Căn cứ vào đâu Đảng ta lại quyết định giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa 1975? So sánh lực lượng ta và địch khoảng đầu tháng 4 năm 1975?
6. Sức tiến công của quân ta và sức chống đỡ của quân địch từ 9-4 đến 30-4-1975 diễn ra như thế nào?
7. Phân tích vị trí của chiến dịch Hồ Chí Minh trong toàn bộ quá trình tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975.
8. Phân tích rõ sự phối hợp chiến đấu của quân đội và nhân dân ta trong suốt quá trình tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975.
9. Phân tích rõ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta trong quá trình tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975.
10. Ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 của nhân dân ta.

ĐỌC THÊM

I — LỜI KHAI CỦA ĐẠI TÁ PHẠM DUY TẤT, CHỈ HUY TRƯỞNG BIỆT ĐỘNG QUÂN THUỘC QUÂN KHU 2 NGUYỄN

...«Chiều 14-3, lúc tôi đang đến các đơn vị xem lại tình hình phòng thủ Plây Cu thì bộ tư lệnh quân đoàn gọi đi họp tại văn phòng Phạm Văn Phú, tư lệnh quân đoàn. Phú cho biết vừa đi họp tại Cam Ranh với Nguyễn Văn Thiệu, Trần Thiện Khiêm, Cao Văn Viên và Đặng Văn Quang. Phú thuật lại cuộc họp:

— Thiệu hỏi Viên:

— Còn quân trừ bị để tăng cường cho quân đoàn 2 không? Viên trả lời:

— Không còn.

Thiệu quay hỏi Phú:

— Nếu không có quân tăng viện, anh giữ được bao lâu? Phú trả lời:

— Tôi có thể giữ được một tháng với điều kiện không quân yểm trợ tối đa, tiếp tế bằng không vận đầy đủ nhu cầu

về vật liệu, vũ khí, đạn dược, bổ sung quân số đủ bù số thiệt hại nặng vừa qua. Tôi sẽ ở lại Plây Cu chiến đấu và tôi sẽ chết ở đây.

Thiệu nói, các điều kiện đó không thỏa mãn được, mà Quân giải phóng thì đang đánh mạnh cho nên phải rút khỏi Kon Tum, Plây Cu để bảo toàn lực lượng, lấy quân đưa về giữ đồng bằng ven biển tiếp tế thuận lợi hơn»...

(Trích cuốn Đại thắng Mùa xuân của Đại tướng Văn Tiến Dũng, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1976, trang 120, 121).

2— PHƯƠNG PHÁP TIẾN CÔNG CỦA QUÂN TA VÀO SÀI GÒN — GIA ĐỊNH

«Hồi đánh Buôn Ma Thuột, ta nghi binh thu hút chủ lực lớn của địch về phía Kon Tum, Plây Cu, ta cài thế chiến dịch cắt các đường ứng cứu, để cho Buôn Ma Thuột sơ hở, cô lập, rồi ta bỏ qua các lực lượng bố trí ở vòng ngoài của chúng phần lớn là bảo an, dân vệ để bất ngờ đánh thẳng vào hai cơ quan đầu não của chúng ở sâu trong thị xã. Đánh xong bên trong ta mới tỏa ra diệt nốt những vị trí vòng ngoài.

Còn bây giờ đánh vào Sài Gòn, quân chủ lực mạnh của địch lại đứng ở vòng ngoài, chủ yếu là muốn ngăn chặn ta từ xa 30 đến 50 ki-lô-mét cách trung tâm thành phố khi ta tiến công, địch cả bên trong lẫn bên ngoài đều đã có sự chuẩn bị. Nếu ta bỏ qua các lực lượng địch bên ngoài, không đánh mà bất ngờ chọc thẳng ngay vào bên trong bằng binh lực lớn hợp đồng binh chủng của ta thì khó trót lọt, hoặc có vào được thì 5 sư đoàn bộ binh nguy ấy kéo về ứng cứu, thế trận sẽ giằng co. Nhưng nếu ta tập trung lực lượng diệt xong 5 sư đoàn bộ binh của địch ở vòng ngoài rồi mới đánh vào 5 mục tiêu trong thành phố, thì nhất định sẽ kéo dài thời gian. Do đó chắc chắn sẽ tổn xương máu, hao phí vật chất hơn và cũng khó tránh được thiệt hại về tính mạng và nhà cửa của đồng bào. Cho nên nếu để các sư đoàn địch lùi về được trong nội thành, phá các cầu lớn trên sông Đồng Nai, sông Sài Gòn và các cầu khác, chiếm giữ các nhà cao tầng hoặc các khu phố đông dân

mà cầm cự thì sự tàn phá, đổ nát, chết chóc sẽ khó tránh khỏi».

«Trước tình hình về địch, địa hình, nhiệm vụ, dựa vào ưu thế binh lực của ta bao gồm chất lượng, số lượng, tinh thần và chỉ huy, căn cứ vào yêu cầu của trận quyết chiến cuối cùng và về sự chuyển hóa mới về chất của tình hình khách quan, Bộ chỉ huy chiến dịch đã đi tới nhất trí về cách đánh của chiến dịch lịch sử này là: dùng một bộ phận lực lượng thích hợp, trên từng hướng, đủ sức hình thành bao vây, chia cắt, chặn giữ quân địch lại không cho chúng rút chạy về Sài Gòn, tiêu diệt và làm tan rã tại chỗ các sư đoàn bộ binh chủ lực của địch phòng thủ vòng ngoài, đồng thời dùng đại bộ phận lực lượng của ta nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm các địa bàn then chốt ở vùng ven, mở đường cho các binh đoàn đột kích cơ giới hóa mạnh đã được tổ chức chặt chẽ, tiến nhanh theo các trục đường lớn đánh thẳng vào 5 mục tiêu đã được chọn lựa trong nội thành. Để phối hợp với các binh đoàn đột kích đó, tạo điều kiện cho các binh đoàn tiến nhanh và vào đúng các mục tiêu, các lực lượng đặc công, các đội biệt động, các lực lượng an ninh vũ trang và tự vệ thành phố, các lực lượng chính trị của quần chúng ở Sài Gòn — Gia Định sẽ đánh chiếm trước các cầu qua sông, các bàn đạp cho bộ đội chủ lực tiến quân, dẫn đường cho các đơn vị, trừ gian và phát động quần chúng nổi dậy.

Toàn bộ hỏa lực pháo binh của chiến dịch sẽ được sử dụng tập trung đánh vào các mục tiêu quân sự cần đánh chiếm như sân bay Tân Sơn Nhất hoặc khu vực bộ tổng tham mưu nguy. Không quân lúc cần sẽ được sử dụng để ném bom góp phần làm tê liệt nốt sân bay Tân Sơn Nhất. Tên lửa, pháo cao xạ triển khai thành một lưới lửa phòng không quanh Sài Gòn khống chế bầu trời, bảo vệ đội hình của chiến dịch».

(Trích cuốn Đại thắng Mùa Xuân của Đại tướng Văn Tiến Dũng, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976, từ trang 226 đến trang 230)

3 — TRẬN NÉM BOM TÂN SƠN NHẤT

Khi máy bay ta tới vùng trời Tân Sơn Nhất thì đài chỉ huy địch ngơ ngác hỏi : «A.37 của phi đoàn nào ? phi đoàn nào ? phi đoàn nào ?». Các chiến sĩ ta trả lời :

— Máy bay của Mĩ chế tạo đây !

Tiếp theo là một loạt, hai loạt và nhiều loạt bom trút xuống dãy máy bay địch, trong đó có cả máy bay của Mĩ đang làm nhiệm vụ di tản, đẩy địch vào cơn hoảng loạn mới.

(Trích cuốn Đại thắng Mùa Xuân, trang 271)

4 — NHỮNG LỜI TUYÊN BỐ CỦA TỔNG THỐNG PHO TRONG THÁNG 4-1975 TRƯỚC SỨC TIẾN CÔNG NHƯ VŨ BÃO CỦA TA.

3-4 «Tình hình (của bọn Thiệu) là bi đát».

4-4 «Điều chúng ta đang thấy diễn ra ở Nam Việt Nam hiện nay là một tấn bi kịch lớn... «những diễn biến đó ngoài tầm kiểm soát của Mĩ».

18-4 «Tôi đã ra lệnh di tản bớt người Mĩ khỏi Sài Gòn».

23-4 «Chiến tranh Việt Nam đã kết thúc đối với người Mĩ». «Vai trò của Mĩ ở Việt Nam đã chấm dứt và Mĩ không có lợi gì mà tiến hành trở lại một cuộc chiến tranh hao người tốn của đã quá nhiều».

«Sự sụp đổ của tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu ở Sài Gòn là tấn thảm kịch và Mĩ rất lấy làm buồn phiền về những biến cố ở Đông Dương».

30-4 «Tôi yêu cầu người Mĩ hãy siết chặt hàng ngũ, hãy lãng quên cuộc chiến tranh Việt Nam để tránh việc cãi vã về quá khứ, để nhìn vào tương lai, vào mục tiêu mà chúng ta cần chia sẻ và để cộng tác với nhau trong nhiệm vụ lớn lao còn phải thực hiện để hàn gắn vết thương đất nước».

(Trích báo Nhân Dân tháng 4-1975)

5 — THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NGÀY 30-4-1975

Hàng trăm xe tăng rầm rập tiến vào phủ tổng thống nguy, chiếc xe tăng đi đầu húc đổ chiếc cột bằng thép vững chắc rồi vượt qua.

Lính gác nguy quyền lập tức giơ tay xin hàng và tập hợp thành hàng ngũ chờ lệnh mới.

Lá cờ cách mạng được cắm ngay trên nóc dinh độc lập. Các xe tăng của ta gầm lên nổ súng chào mừng.

Nhân dân hồ hởi đứng chật trên các đường phố vỗ tay, nhiệt liệt hoan nghênh khi đoàn xe chở quân giải phóng đi qua.

THỦ ĐÔ HÀ NỘI NGÀY 30-4-1975

Trong lịch sử gần 1000 năm của mình chưa bao giờ Hà Nội vui như hôm nay.

Hàng nghìn người có mặt đã hò reo như sấm dậy khi một cán bộ tay cầm bút run run tô màu đỏ lên vùng Sài Gòn trên bản đồ treo ở Cầu lạc bộ Thống Nhất.

Tiếng pháo cùng một lúc nổi dậy khắp thành phố. Cả Hà Nội xuống đường. Đâu đâu cũng gặp những đoàn tuần hành, những đoàn xe rực rỡ cờ hoa, những đoàn múa lân.

Bản tin toàn thắng vang truyền hòa với tiếng nhạc giải phóng miền Nam, hòa với tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng reo vui không dứt.

Chung niềm vui với nhân dân Việt Nam, các bạn nước ngoài công tác ở Hà Nội cũng xuống đường. «Thắng lợi của Việt Nam là thắng lợi của chúng tôi». Câu nói đầy tinh thần quốc tế, được nói bằng nhiều thứ tiếng nghe hòa lẫn vào âm thanh tiếng Việt.

(Báo Nhân Dân ngày 1-5-1975)

BÀI 32

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1975

Dân tộc Việt Nam, với lịch sử bốn nghìn năm, là một dân tộc vốn có một nền văn hiến và một truyền thống anh hùng chống ngoại xâm từ lâu đời.

Từ khi bị thực dân Pháp thống trị, Tổ quốc ta bị giày xéo, non sông gấm vóc điêu tàn, cả đến cái tên Việt Nam cũng bị xóa trên bản đồ thế giới. Không cam chịu cuộc đời nô lệ, nhân dân ta đã không ngớt vùng lên quyết đấu tranh để tự giải phóng. Song, như Hồ Chủ tịch nói: «*Trong mấy mươi năm chưa có Đảng, tình hình đen tối như không có đường ra*».

Trải bao năm bôn ba chân trời, góc bể để tìm đường cứu nước, cứu dân, Hồ Chủ tịch (tức lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc) đã sớm đến với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chân lí cách mạng vĩ đại của thời đại mới. Và từ người cộng sản Việt Nam đầu tiên ấy, chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã đến với nhân dân ta khác nào như đến với «*người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn*». (Lời Hồ Chủ tịch).

Đảng ta do Hồ Chủ tịch sáng lập chính là con đẻ của sự kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân triệt để cách mạng và với phong trào yêu nước sục sôi của dân tộc ta vào cuối những năm 20 của thế kỉ này.

Được vũ trang bằng khoa học cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, lại được thừa hưởng kinh nghiệm đấu tranh quý báu hơn một trăm năm của giai cấp vô sản thế giới. Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam), ngay từ khi thành lập (3-2-1930), đã đề ra được một đường lối cách mạng đúng đắn. Đó là đường lối kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, với hai khẩu hiệu «*dân tộc độc lập*» và «*người cày có ruộng*», thực hiện triệt để cách mạng dân tộc dân chủ và, sau khi cách mạng dân tộc dân chủ hoàn thành thắng lợi, đưa nước ta tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Nhờ có đường lối đúng đắn đó mà ngay khi mới ra đời, Đảng ta tập hợp được đông đảo nông dân, lực lượng to lớn nhất của cách mạng dân tộc dân chủ, cùng với giai cấp công nhân đứng lên cao trào cách mạng 1930 — 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ — Tĩnh. Thực tiễn phong trào 1930 — 1931 đã

khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân Việt Nam đối với cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta, đã chứng minh sức mạnh to lớn của đạo quân chủ lực của cách mạng bao gồm hai giai cấp công nhân và nông dân, đã đặt cơ sở vững chắc cho khối liên minh công nông, nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất. Cao trào cách mạng 1930 — 1931 tuy thất bại, song nhờ đã bắt rễ sâu trong quần chúng, Đảng đã vượt qua được những cơn khủng bố ác liệt của kẻ thù, đã dần dần khôi phục được tổ chức và đã trở thành một lực lượng chính trị vô địch.

Trong thời kì 1936 — 1939, Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp, Đảng đã vận động thành lập Mặt trận Dân chủ rộng rãi đấu tranh chống bọn thực dân phản động ở thuộc địa, đòi các quyền dân sinh dân chủ đồng thời thực hiện sự phối hợp hành động với các lực lượng dân chủ ở Pháp, với phong trào cách mạng quốc tế chống phát — xít và nguy cơ chiến tranh. Chưa bao giờ ở nước ta trước đó, có một phong trào đấu tranh của quần chúng, dưới các hình thức công khai hợp pháp và nửa hợp pháp rộng lớn, sôi nổi như hồi bấy giờ. Thành công lớn nhất của phong trào Mặt trận Dân chủ là đã lôi cuốn được hàng triệu quần chúng vào đời sống chính trị, truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác — Lê-nin và các sách báo tiến bộ, đánh bật những luồng văn hóa ốm yếu, sa đọa, phản động, qua đó mà nâng cao giác ngộ chính trị cho quần chúng và phát triển các tổ chức cách mạng, tạo ra những tiền đề cho cao trào cứu nước trong thời kì tiếp theo.

Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ rồi phát-xít Nhật kéo vào Đông Dương, Đảng nhận định đây là thời kì mà cách mạng các nước Đông Dương nhất định sẽ bùng nổ thành cao trào và có nhiều điều kiện để thắng lợi. Theo sáng kiến của Hồ Chủ tịch, Đảng đã đề ra chủ trương vận động thành lập Mặt trận Việt Minh (19-5-1941) tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân vào hàng ngũ cứu nước. Dưới ngọn cờ cứu nước của Việt minh, các lực lượng chính trị và vũ trang của quần chúng ngày càng phát triển, phong trào chiến tranh du kích ngày càng mở rộng, các căn cứ địa cách mạng ở Việt Bắc và các nơi khác trong toàn quốc được thành lập. Khi

Nhật hất cảng Pháp (9-3-1945), Đảng và Mặt trận Việt minh đã nắm đúng thời cơ, phát động « Cao trào kháng Nhật cứu nước », đưa quần chúng vào những cuộc tranh đấu quyết liệt với kẻ thù, kết hợp khéo léo những khẩu hiệu đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị, trực tiếp chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết cho tổng khởi nghĩa. Đến khi Liên Xô cùng phe đồng minh đánh bại phát-xít Nhật, Đảng và Mặt trận Việt Minh đã kịp thời phát động toàn dân nổi dậy giành chính quyền trong cả nước (Tháng 8-1945).

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời (2-9-1945), thành lập chính quyền dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Chế độ thuộc địa và chế độ vua quan phong kiến bị xóa bỏ. Dân tộc ta bước vào kỉ nguyên độc lập tự do.

Đó là kết quả rực rỡ của quá trình đấu tranh kiên cường và bền bỉ của dân tộc ta trong gần một thế kỉ. Đó cũng là kết quả rực rỡ của quá trình vận động cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta trong 15 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chủ tịch.

Cách mạng tháng Tám vừa thành công thì nhân dân ta đã phải đương đầu ngay với những thử thách cực kì nghiêm trọng : nạn đói, nạn dốt, thù trong giặc ngoài bốn bề như rươi. Con thuyền cách mạng chống chèo trong sóng gió, nhưng nhờ tay lái rất tài giỏi của Đảng và Hồ Chủ tịch, đã vượt qua được những giờ phút hiểm nghèo.

Nhưng kẻ thù cũng vẫn rất ngoan cố, đã gây ra cuộc chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa. Từ ngày 19-12-1946, đáp lời kêu gọi cứu nước thiêng liêng của Hồ Chủ tịch : « Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ », nhân dân ta từ Bắc chí Nam, đã nhất tề đứng dậy tiến hành cuộc kháng chiến trường kì, toàn dân và toàn diện, chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mĩ, để giữ vững và phát triển những thành quả của cách mạng tháng Tám. Trong 9 năm kháng chiến dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Hồ Chủ tịch, quân và dân ta đã chiến đấu vô cùng anh dũng, đã vượt qua mọi gian khổ hi sinh, vừa đánh giặc vừa xây dựng những cơ sở

đầu tiên của chế độ dân chủ nhân dân. Nhờ đó, lực lượng kháng chiến của ta đã trưởng thành từng bước vững chắc và cuối cùng đã đi đến thắng lợi vĩ đại ở Điện Biên Phủ, buộc kẻ địch phải kí kết các Hiệp nghị Giơ-ne-vơ 1954, lập lại hòa bình ở Đông Dương và công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ba nước Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào.

Pháp vừa bị đánh bại thì Mĩ nhảy vào miền Nam thay Pháp, ra sức biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ, thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, chuẩn bị tấn công ra miền Bắc vừa được hoàn toàn giải phóng và ngăn chặn làn sóng cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ ở Đông Nam Á.

Hồ Chủ tịch nói : « Nước ta là một, dân tộc ta là một. Sóng có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí ấy không bao giờ thay đổi ».

Đồng bào hai miền Nam Bắc, quyết chung lưng đấu cật đấu tranh giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà.

Từ năm 1960, dưới ngọn cờ hiệu triệu và sự lãnh đạo sáng suốt của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đồng bào và chiến sĩ miền Nam, với khí phách anh hùng, trí thông minh và tài thao lược, đã vận dụng và phát triển đến đỉnh cao toàn bộ kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám và của cuộc kháng chiến chống Pháp trước đây : dùng bạo lực cách mạng của quần chúng khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng ở cả nông thôn và thành thị, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, giữ vững và không ngừng phát triển thế chiến lược tiến công, đánh địch bằng quân sự, chính trị và binh vận trên cả ba vùng : rừng núi, đồng bằng và thành thị, v.v... Bằng những phương pháp sáng tạo, linh hoạt đó, cách mạng miền Nam không ngừng tiến lên, lần lượt đập tan các kế hoạch quân sự và chính trị của Mĩ — nguy.

Chế độ Ngô Đình Diệm bị sụp đổ, rồi « chiến tranh đặc biệt » bị phá sản thảm hại, đế quốc Mĩ vội vã đem hàng chục vạn quân Mĩ và quân các nước chư hầu vào miền Nam gây

ra cuộc « chiến tranh cục bộ » vô cùng tàn bạo. Nhân dân miền Nam đã tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân thần kỳ, liên tiếp đánh thắng đội quân xâm lược khổng lồ của Mĩ và chư hầu được trang bị bằng đủ mọi thứ vũ khí hiện đại. Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968 của quân và dân miền Nam, chiến lược « chiến tranh cục bộ » của chính quyền Giôn-xơn bị phá sản, chính quyền Ních-xơn đưa ra thi thố chiến lược « Việt Nam hóa chiến tranh » cực kì thâm độc, nhưng chiến lược « Việt Nam hóa chiến tranh », đến lượt nó, cũng không thoát khỏi thất bại.

Cùng với việc gây ra « chiến tranh cục bộ » ở miền Nam, từ năm 1965, đế quốc Mĩ điên cuồng huy động không quân và hải quân đánh phá miền Bắc hòng ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam và làm giảm sút quyết tâm chống Mĩ, cứu nước của toàn dân ta.

Đáp lời kêu gọi thiêng liêng của Hồ Chủ tịch « Không có gì quý hơn độc lập tự do », quân và dân miền Bắc, phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng tuyệt vời và tinh tru việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, đã chiến thắng hết sức oanh liệt hai cuộc chiến tranh phá hoại 1965 — 1968 và 1972. Đặc biệt, quân và dân miền Bắc đã đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 của Ních-xơn hồi cuối năm 1972, lập nên một « Điện Biên Phủ trên không ». Những chiến thắng oanh liệt của quân và dân hai miền Nam Bắc trong hơn 18 năm đã đưa đến sự thành công của Hội nghị Pa-ri, buộc đế quốc Mĩ phải chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình, rút hơn nửa triệu quân Mĩ và quân chư hầu về nước, công nhận độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước vừa qua là thắng lợi rất vĩ đại của nhân dân Việt Nam, đã đánh bại một cuộc chiến tranh xâm lược quy mô, ác liệt, kéo dài, do tên đế quốc giàu mạnh bậc nhất trên thế giới gây ra; đồng thời đó cũng là thắng lợi to lớn của nhân dân tiến bộ toàn thế giới, trong đó có cả nhân dân tiến bộ Mĩ đã ngăn chặn được âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của đế quốc Mĩ ở Việt Nam và Đông Dương.

Tuy nhiên, sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam chưa hoàn thành. Một phần khá lớn đất đai và nhân dân miền Nam vẫn còn nằm dưới quyền kiểm soát và ách thống trị phát-xít tàn bạo của nguy quyền Nguyễn Văn Thiệu, tay sai của đế quốc Mĩ. Mặc dầu bị thất bại thảm hại, đế quốc Mĩ vẫn rất ngoan cố, chưa chịu từ bỏ âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ. Bè lũ Mĩ — Thiệu vẫn trắng trợn vi phạm những điều khoản trọng yếu của Hiệp định Pa-ri, tiếp tục gây xung đột vũ trang, hành quân lấn chiếm vùng kiểm soát của Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, chà đạp lên các quyền tự do dân chủ của nhân dân miền Nam, v.v...

Trong hoàn cảnh đó, quân và dân miền Nam, dựa vào hậu thuẫn vững chắc là miền Bắc xã hội chủ nghĩa và sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, quyết nêu cao truyền thống kiên cường của « Thành đồng tổ quốc », đấu tranh để bảo vệ và phát triển những thành quả cách mạng đã giành được, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu phá hoại hòa bình, phá hoại hiệp định đã ký kết của bè lũ Mĩ — nguy, tiếp tục hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc. Nhân dân miền Bắc phải phát huy tinh thần cách mạng tiến công, vượt mọi khó khăn gian khổ, lao động cần cù sáng tạo, đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, cải thiện thêm một bước đời sống của nhân dân, đồng thời luôn luôn cảnh giác, ra sức củng cố quốc phòng, hết lòng làm tròn nhiệm vụ đối với miền Nam ruột thịt.

Đầu năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân ta đã tổng tiến công và nổi dậy ở khắp miền Nam. Sau 55 ngày đêm chiến đấu liên tục và vô cùng anh dũng, mà đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh, quân dân ta đã xóa bỏ hoàn toàn bộ máy chiến tranh, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Từ nay nước ta, non sông một dải, hoàn toàn độc lập, hoàn toàn tự do. Gần 50 triệu người Việt Nam từ nay trở thành người chủ mãi mãi đất nước anh hùng và giàu đẹp của mình.

MỤC LỤC

- Trang

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

2

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1975

THỜI KÌ ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC PHÁP XÂM LƯỢC ĐỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NHỮNG THÀNH QUẢ CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1945 — 1954)

- Bài 17.* Năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám 3
- 18. Từ khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ đến chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947 17
 - 19. Tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt, tiến lên giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính (1948 — thu đông 1950) 28
 - 20. Tiếp tục phát huy quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính, tăng cường xây dựng lực lượng kháng chiến về mọi mặt (1951 — 1953) 34
 - 21. Chiến cuộc Đông xuân 1953 — 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 47
 - 22. Hội nghị Giơ-ne-vơ và việc lập lại hòa bình ở Đông Dương 66
 - 23. Tổng kết giai đoạn lịch sử 1945 — 1954 72

THỜI KÌ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở MIỀN NAM (1954 — 1965)

- Bài 24.* Tình hình Việt Nam sau khi hòa bình lập lại và nhiệm vụ cách mạng trong thời kì mới 75
- 25. Miền Bắc bước sang thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội (1954 — 1965) 79
 - 26. Miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1954 — 1965) 91

THỜI KÌ TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC ĐỀ GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, BẢO VỆ MIỀN BẮC

TIẾN TỚI HÒA BÌNH THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ (1965 — 1975)

- Bài 27.* Nhân dân Việt Nam đánh bại « chiến tranh phá hoại » lần thứ nhất của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và đánh bại « chiến tranh cục bộ » của đế quốc Mỹ ở miền Nam (1965 — 1968) 112
- 28. Nhân dân Việt Nam đánh bại « Việt Nam hóa chiến tranh » của đế quốc Mỹ ở miền Nam và đánh bại « chiến tranh phá hoại » lần thứ hai của đế quốc Mỹ ở miền Bắc 134
 - 29. Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, Hiệp định Pa-ri đánh dấu sự thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt Nam 150
 - 30. Tình hình ở hai miền Nam, Bắc Việt Nam từ sau hiệp định Pa-ri. 165
 - 31. Cuộc tổng tấn công và nổi dậy đại thắng mùa xuân 1975 168
 - 32. Tổng kết lịch sử Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1975 197
- Phụ bản